

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIAI ĐOẠN 2011-2016

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
Danh mục các từ viết tắt.....	3
MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2011-2016	
KHOA, BỘ MÔN	
• Khoa Báo chí và Truyền thông.....	5
• Khoa Công tác xã hội.....	7
• Khoa Địa lý.....	28
• Khoa Đô thị học.....	36
• Khoa Đông phương học.....	46
• Khoa Giáo dục.....	55
• Khoa Lịch sử.....	57
• Khoa Ngữ văn Anh.....	71
• Khoa Ngữ văn Nga.....	87
• Khoa Ngữ văn Trung Quốc.....	90
• Khoa Nhân học.....	96
• Khoa Nhật Bản học.....	138
• Khoa Tâm lý.....	146
• Khoa Thư viện – Thông tin học.....	158
• Khoa Văn hóa học.....	165
• Khoa Văn học và Ngôn ngữ.....	171
• Khoa Việt Nam học.....	191
• Khoa Xã hội học.....	203
• Khoa Triết học.....	208
• Bộ môn Du lịch.....	237
• Bộ môn Giáo dục thể chất.....	244
• Bộ môn Lưu trữ học – Quản trị văn phòng.....	250
• Bộ môn Ngữ văn Tây Ban Nha.....	254
• Bộ môn Ngữ văn Ý.....	261
TRUNG TÂM	
• Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia.....	267
• Trung tâm Hàn Quốc học.....	273
• Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo.....	279
• Trung tâm Văn hóa học Lý luận và Ứng dụng.....	283
PHÒNG CHỨC NĂNG	
• Phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng.....	313
• Phòng Hợp tác Quốc tế và Phát triển Dự án Quốc tế.....	320
• Phòng Quản lý Khoa học – Dự án.....	322
PHỤ LỤC	326

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm đào tạo và nghiên cứu lớn nhất khu vực phía Nam trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Trong tầm nhìn và sứ mệnh của mình, Trường sớm xác định nghiên cứu khoa học phải gắn với đào tạo và phục vụ cộng đồng. Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên của Trường đã nỗ lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau để thực hiện nhiệm vụ chính trị – xã hội nêu trên. Thế nhưng có một thực tế là các công trình nghiên cứu và các kết quả của các hoạt động khoa học của Nhà trường chưa được xã hội biết đến nhiều, cũng như tỷ lệ ứng dụng xã hội đạt mức chưa cao. Nguyên nhân thì có nhiều, trong đó quan trọng nhất là xã hội hiện nay vẫn chưa quan tâm nhiều đến vai trò của khoa học xã hội trong đời sống thực tiễn do hiệu quả tác động cần có thời gian để kiểm chứng; đồng thời còn thiếu một cầu nối hữu hiệu giữa nhu cầu xã hội và nhà khoa học. Bên cạnh đó có một thực trạng là định hướng nghiên cứu của đội ngũ làm khoa học của Nhà trường thiên về chú trọng tính chất học thuật và gắn với nhiệm vụ đào tạo. Trước thực tế nêu trên và định hướng phục vụ cộng đồng trong nghiên cứu khoa học, việc biên soạn Hồ sơ một số công trình nghiên cứu khoa học của Nhà trường là một nhu cầu cấp thiết.

Hồ sơ một số công trình nghiên cứu khoa học của Nhà trường giai đoạn 2011-2016 (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) sẽ là cầu nối giữa nhà trường, xã hội và thế giới để các hoạt động nghiên cứu của Nhà trường được giới thiệu trong phạm vi rộng lớn hơn. Trên cơ sở hồ sơ kết quả nghiên cứu, sẽ phát triển các kết nối hợp tác tiếp theo trong nghiên cứu khoa học cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; đồng thời cụ thể hóa chủ trương khoa học phục vụ cộng đồng của Nhà trường và làm cơ sở cho định hướng phát triển trong hiện tại và tương lai.

Hồ sơ một số công trình nghiên cứu khoa học của Nhà trường giai đoạn 2011-2016 này chỉ giới hạn ở những nhiệm vụ khoa học công nghệ: các dự án, đề tài NCKH các cấp (đã nghiệm thu); sách chuyên khảo (sản phẩm của công trình, đề tài NCKH) và các sách kỹ yếu hội thảo (đã xuất bản).

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Chú thích
1.	BĐKH	Biến đổi khí hậu
2.	CB-GV	Cán bộ – Giảng viên
3.	CBOs	Các tổ chức dựa vào cộng đồng
4.	CLB	Câu lạc bộ
5.	CN	Cử nhân
6.	CNH	Công nghiệp hóa
7.	CNXH	Chủ nghĩa xã hội
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo
9.	CTXH	Công tác xã hội
10.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
11.	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
12.	ĐH	Đại học
13.	ĐHQG	Đại học Quốc gia
14.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
15.	GDCD	Giáo dục công dân
16.	GDTC	Giáo dục thể chất
17.	GS	Giáo sư
18.	GS.TSKH	Giáo sư Tiến sĩ khoa học
19.	HĐ	Hợp đồng
20.	HĐH	Hiện đại hóa
21.	HNQT	Hội nhập quốc tế
22.	HTQT-PTDAQT	Hợp tác Quốc tế – Phát triển Dự án Quốc tế
23.	KDL	Khu du lịch
24.	KDTSQ	Khu dự trữ sinh quyển
25.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
26.	KHCN	Khoa học công nghệ
27.	KHXH	Khoa học xã hội
28.	KHXH&NV	Khoa học Xã hội và Nhân văn
29.	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
30.	KY	Kỹ yếu
31.	MS	Mã số
32.	NCĐL	Nhu cầu độc lập

33.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
34.	NCS	Nghiên cứu sinh
35.	NXB	Nhà xuất bản
36.	PGS.TS	Phó Giáo sư Tiến sĩ
37.	QLKH-DA	Quản lý Khoa học – Dự án
38.	QTVP	Quản trị văn phòng
39.	SKHCN	Sở Khoa học Công nghệ
40.	SV	Sinh viên
41.	TDTT	Thể dục thể thao
42.	ThS	Thạc sĩ
43.	THCS	Trung học cơ sở
44.	THPT	Trung học phổ thông
45.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
46.	TNKQ	Trắc nghiệm khách quan
47.	TP	Thành phố
48.	Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
49.	TS	Tiến sĩ
50.	TS. NCVCC	Tiến sĩ Nghiên cứu viên cao cấp
51.	VBDTCT	Văn bản diễn thuyết chính trị
52.	VH-NN	Văn học – Ngôn ngữ
53.	VN	Việt Nam
54.	VNGO	Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam
55.	VNH	Việt Nam học
56.	XB	Xuất bản
57.	XĐTL	Xung đột tâm lý
58.	XHDS	Xã hội dân sự

**MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG GIAI ĐOẠN
2011 - 2016**

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Báo chí và Truyền thông		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2015: Nội dung và phương pháp giảng dạy kỹ năng phân tích thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Báo chí, truyền thông
	3. Từ khóa tìm kiếm	Phân tích tin tức
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 4 bài Tổng số tác giả/diễn giả: 4. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 3 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 1
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Tổng quan về việc giảng dạy phương pháp phân tích thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng tại Mỹ, châu Á và Việt Nam. Diễn giả: TS. Masato Kajimoto, TS. Huỳnh Văn Thông. - Nội dung và kinh nghiệm giảng dạy chi tiết môn học “News Literacy” tại Đại học Stony Brook và Đại học Ohio (Mỹ). Diễn giả: NCS Nguyễn Thị Ngọc Huyền. - Đặc điểm tiếp nhận thông tin báo chí của sinh viên và thực tế giảng dạy kỹ năng phân tích thông tin báo chí tại Việt Nam. Diễn giả: TS. Triệu Thanh Lê
	6. Các chủ đề chính	Nội dung và phương pháp giảng dạy Kỹ năng phân tích tin tức cho sinh viên
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giảng viên Khoa Báo chí và Truyền thông tiếp cận những nội dung, kiến thức, kỹ năng cần thiết để giảng dạy sinh viên phương pháp đọc hiểu, phân tích thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Báo chí và Truyền thông

		<ul style="list-style-type: none"> • Trưởng đơn vị: TS Huỳnh Văn Thông • Email: huynhvanthong@yahoo.com
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2015: 150 năm thành lập Gia Định Báo và sự phát triển của Báo chí Việt Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Báo chí học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Gia Định báo, lịch sử báo chí
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 9 bài Tổng số tác giả/diễn giả: 9. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 5 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 4
	5. Mục lục, NXB, năm XB	150 năm Gia Định Báo và sự phát triển của báo chí Việt Nam (Khoa Báo chí và Truyền thông)
	6. Các chủ đề chính	Lịch sử Gia Định Báo Giá trị và bài học từ Gia Định Báo Tiếng Việt trên Gia Định Báo
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Cung cấp một cái nhìn toàn diện về vị trí, vai trò và nội dung của Gia Định Báo – tờ báo Quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam, từ đó rút ra những kinh nghiệm làm báo quý giá cho báo chí hiện đại.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Báo chí và Truyền thông • Trưởng đơn vị: TS Huỳnh Văn Thông • Email: huynhvanthong@yahoo.com

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Công tác xã hội		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Công tác tái hòa nhập cộng đồng với phụ nữ là nạn nhân của đường dây buôn bán người qua nước ngoài để bóc lột tình dục (Điền cứu tại Trung tâm Afesip, quận 3, TPHCM). (Đề tài cấp Trường năm 2011)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội, Xã hội học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tái hòa nhập cộng đồng, phụ nữ, buôn bán người, bóc lột tình dục
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	1. Nguyên nhân phụ nữ trở thành nạn nhân của đường dây buôn bán người? 2. Những kết quả và hạn chế trong công tác hỗ trợ cho phụ nữ là nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Nghiên cứu định tính với công cụ phỏng vấn sâu
	6. Những phát hiện chính	- Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hiện trạng phụ nữ trở thành nạn nhân của đường dây buôn bán người, trong đó quan trọng nhất là trình độ học vấn thấp kém và đói nghèo. - Công tác hỗ trợ phụ nữ là nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng tuy đã đạt được 1 số kết quả: nạn nhân được trở về đoàn tụ gia đình, có việc làm, xây dựng gia đình mới,... nhưng vẫn còn 1 số hạn chế: + Sự kỳ thị từ cộng đồng + Không thể thích nghi với cuộc sống hiện tại, có xu hướng bỏ cuộc/ muốn trở về nơi bị mua bán + Công tác theo dõi/ hậu hồi gia chưa chặt chẽ, ít thời gian (chỉ 06 tháng)
	7. Các khuyến nghị	- Xây dựng hành lang pháp lý bảo vệ phụ nữ là nạn nhân của đường dây buôn bán người. - Tăng cường mạng lưới nhân viên CTXH hỗ trợ nạn nhân từ cấp cơ sở (ấp/ thôn/ bản/...) - Tăng thời gian theo dõi hậu hồi gia
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Lĩnh vực CTXH dành cho phụ nữ là nạn nhân của đường dây buôn bán người qua biên giới bị bóc lột tình dục.

	9. Công bố khoa học	Báo cáo nghiệm thu cấp cơ sở: Trường ĐHKHXH&NV TPHCM
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phạm Thị Tâm • Học hàm/ học vị: Thạc sỹ • Nơi công tác: Khoa CTXH-ĐHKHXH&NVTPHCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM • Số điện thoại: 0918123078 • Email: lp_tam@yahoo.com.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Xây dựng các giải pháp công tác xã hội hỗ trợ giải quyết những khó khăn của trẻ có HIV/AIDS khi hòa nhập giáo dục tại các trường học ở địa phương</p> <p>(Điền cứu tại trường Tiểu học Xuân Hiệp, trường THCS Xuân Trường, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TPHCM)</p> <p>(Đề tài cấp Trường năm 2015)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội, Xã hội học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giải pháp công tác xã hội, khó khăn, trẻ có HIV/AIDS, hòa nhập giáo dục
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát những khó khăn của trẻ có HIV/AIDS khi hòa nhập giáo dục tại các trường học ở địa phương. - Lập luận những căn cứ, cơ sở khoa học cho sự cần thiết để xây dựng các giải pháp công tác xã hội hỗ trợ giải quyết những khó khăn trên. - Xây dựng các giải pháp theo góc độ chuyên ngành công tác xã hội dành cho nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Nghiên cứu định tính với công cụ phỏng vấn sâu
	6. Những phát hiện chính	Với trẻ cấp 1 thì những khó khăn mang tính khách quan nhiều hơn, xuất phát từ những vấn đề như hoàn thiện giấy tờ pháp lý để nhập học, phương tiện đi lại, sự kỳ thị của bạn bè, cộng đồng, v.v... Với trẻ cấp 2 những khó khăn lại mang tính chủ quan nhiều hơn vấn đề sức khỏe của trẻ, vấn đề tâm sinh lý - tình cảm khác giới, vấn đề học chuyển cấp, học nghề. Chính sự mặc cảm, tự ti của bản thân trẻ có HIV và sự kì thị phân biệt đối xử của một số giáo viên, phụ huynh, học sinh là rào cản lớn nhất khiến cho các em có HIV khó có cơ hội được hòa nhập cùng cộng đồng và xã hội.

	7. Các khuyến nghị	<p>Trước hết là những văn bản pháp qui bảo vệ quyền lợi của trẻ có HIV.</p> <p>Cơ sở khoa học thứ hai chính là sự chuẩn bị đầy đủ về nguồn lực vật chất và nhân lực hỗ trợ cho trẻ có HIV khi hòa nhập giáo dục.</p> <p>Cơ sở khoa học thứ ba có thể nói tới ở đây chính là sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung tâm Linh Xuân và các tổ chức, ban ngành, đoàn thể khác trong việc hỗ trợ giải quyết những khó khăn để trẻ có HIV được đến trường.</p> <p>Nhóm tác giả đưa ra giải pháp cụ thể qua bốn nhóm hoạt động chính: Hoạt động truyền thông, tư vấn, tập huấn; Hoạt động xây dựng phòng Công tác xã hội tại trường học; Hoạt động truyền thông lồng ghép; Hoạt động huy động nguồn lực.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Lĩnh vực CTXH dành cho trẻ có HIV/AIDS hòa nhập giáo dục
	9. Công bố khoa học	Báo cáo nghiệm thu cấp cơ sở 2015: Trường ĐHKHXH&NV TPHCM
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phạm Thị Tâm • Học hàm/ học vị: Thạc sỹ • Nơi công tác: Khoa CTXH-ĐHKHXH&NVTPHCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM • Số điện thoại: 0918123078 • Email: lp_tam@yahoo.com.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Những yếu tố rủi ro và những yếu tố bảo vệ trong việc hình thành khả năng vượt khó của học sinh Trung học phổ thông tại Tp. Hồ Chí Minh</p> <p>(Đề tài cấp ĐHQG 2015)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Yếu tố bảo vệ, yếu tố rủi ro, khả năng vượt khó, học sinh phổ thông trung học
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Tìm hiểu thực trạng những yếu tố rủi ro và những yếu tố bảo vệ đang xảy ra đối với học sinh trung học phổ thông tại TP. HCM và hiện trạng của việc hình thành khả năng vượt khó của học sinh. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phòng ngừa và ngăn chặn những vấn đề đang xảy ra ở học đường tại TP. HCM hiện nay.</p>

<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>	<p>Phương pháp Khảo sát, quan sát, phỏng vấn sâu, chuyên gia.</p> <p>Khảo sát được thực hiện trên 5 trường trung học phổ thông thuộc quận 1, quận 4, quận 6, quận 8 và quận Bình Tân ở TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>- <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> Những yếu tố rủi ro, những yếu tố bảo vệ và hiện trạng của việc hình thành khả năng vượt khó của học sinh.</p> <p>- <i>Khách thể nghiên cứu gồm:</i> 1399 học sinh lớp 10, 11 và 12; 218 giáo viên và cán bộ quản lý; và 35 người được tổ chức phỏng vấn sâu (cán bộ quản lý, học sinh, giáo viên chủ nhiệm, tham vấn viên tại các trường THPT).</p>
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<p>- Kết quả nghiên cứu đã hệ thống hóa được một số vấn đề lý luận về: yếu tố bảo vệ, yếu tố rủi ro, khả năng vượt khó, đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THPT.</p> <p>- Nghiên cứu thực trạng đã tìm ra được rằng các yếu tố bảo vệ trong trường phổ thông như: sự kết nối trong trường học, sự đóng góp của trường học, sự hỗ trợ của giáo viên, sự đối xử công bằng trong trường học; và những yếu tố bảo vệ đến từ cộng đồng như sự hỗ trợ từ bạn bè, sự hỗ trợ từ người lớn trong gia đình, các hoạt động của gia đình và sự quan tâm của cộng đồng đã thực sự nâng đỡ và giúp đỡ học sinh THPT trong học tập và cuộc sống.</p> <p>- Những yếu tố rủi ro đến từ môi trường cộng đồng và trường học cũng như sự bất nạt ở trường học đã ảnh hưởng nhiều đến học sinh. Bên cạnh đó những yếu tố rủi ro của cá nhân như sử dụng chất kích thích, sự chán nản và ý định tự tử, cờ bạc, nghiện trò chơi điện tử cũng ảnh hưởng trầm trọng lên học sinh.</p> <p>- Những yếu tố giúp học sinh hình thành khả năng vượt khó đến từ các kế hoạch tương lai của học sinh, kỹ năng giải quyết vấn đề, sự quản lý của cá nhân, sự cảm thông và sự quyết đoán, sự tự nhận thức và sự thỏa mãn trong cuộc sống ở học sinh THPT ở mức khá cao. Đây là những kỹ năng giúp cho học sinh vượt qua những thách thức do những yếu tố rủi ro đưa đến.</p> <p>- Cuối cùng, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp giúp hình thành những khả năng vượt khó ở học sinh THPT.</p>
<p>7. Các khuyến nghị</p>	<p>- Khuyến nghị về cải thiện môi trường học đường:</p> <p>+ Xây dựng các giải pháp khuyến khích phụ huynh trở thành những đối tác tích cực, phối hợp cùng với nhà trường giáo dục học sinh.</p> <p>+ Tạo điều kiện cho giáo viên/nhân viên tham gia vào quá trình ra các quyết định liên quan đến hoạt động và chính sách của trường.</p>

		<p>+ Có những hỗ trợ cần thiết cho việc dạy học sinh thuộc các nhóm văn hóa và ngôn ngữ khác, cần giáo trình chuẩn quốc gia cho các lớp giáo dục đặc biệt.</p> <p>+ Hỗ trợ đội ngũ phục vụ trong nhà trường, người phụ trách mảng giám thi/ dịch vụ liên quan đến sức khỏe, an toàn, phòng ngừa tệ nạn, xử lý kỷ luật và tham vấn liên quan đến những vấn đề xảy ra trong nhà trường.</p> <p>+ Nhà trường cần có các chương trình và hoạt động chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho học sinh.</p> <p>- Giải pháp cho tình trạng bắt nạt học đường.</p> <p>+ Sự quan tâm cao hơn nữa của các cấp chính quyền và nhà trường trong việc đảm bảo an toàn cho học sinh.</p> <p>+ Những hành vi bắt nạt thường xảy ra là học sinh sử dụng lời nói trực tiếp làm tổn thương lòng tự trọng của học sinh khác và do đó có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho học sinh bị hại. Vì vậy, cần có biện pháp giáo dục thích hợp.</p> <p>+ Tình trạng bắt nạt có đặc điểm khác nhau do sự khác biệt về giới tính, khối lớp và trường học. Vì vậy nhà giáo dục cần có những biện pháp cụ thể khi giáo dục học sinh nam, học sinh nữ, cũng như dành thời gian nhiều hơn cho học sinh ở khối lớp 10 nhằm kịp thời ngăn chặn những hành vi bắt nạt xảy ra.</p> <p>- Về công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông: Cần chú ý đến ảnh hưởng của nhóm, hội tự phát ngoài nhà trường. Cần tổ chức cho học sinh THPT tham gia sinh hoạt trong những nhóm chính thống thật phong phú, sinh động... khiến cho các hoạt động đó phát huy được tính tích cực của thanh niên mới lớn.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>- Kết quả nghiên cứu giúp cho sở Giáo dục Đào tạo TP. Hồ Chí Minh đánh giá lại môi trường học đường và xây dựng chính sách hỗ trợ các trường trung học phổ thông một cách phù hợp với tình hình thực tế.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu giúp giáo viên và phụ huynh học sinh biết được hiện trạng môi trường học đường hiện nay để có phương pháp giáo dục học sinh phù hợp.</p>
9. Công bố khoa học		<p>1. Đỗ Hạnh Nga (2014), "Tổng quan tình hình nghiên cứu về "yếu tố rủi ro", "yếu tố bảo vệ" và "hình thành khả năng vượt khó". Kỷ yếu Hội thảo khoa học: <i>"Những yếu tố rủi ro và những yếu tố bảo vệ trong việc hình thành khả năng vượt khó của học sinh trung học phổ thông"</i>. NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. ISBN 978-</p>

		<p>604-73-2605-1, trang 1-8, 2014</p> <p>2. Đỗ Hạnh Nga (2014), "Thực trạng các yếu tố rủi ro và yếu tố bảo vệ học sinh ở các trường trung học phổ thông tại TP. Hồ Chí Minh". Kỷ yếu Hội thảo khoa học: "<i>Những yếu tố rủi ro và những yếu tố bảo vệ trong việc hình thành khả năng vượt khó của học sinh trung học phổ thông</i>". NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. ISBN 978-604-73-2605-1, trang 21-41, 2014.</p> <p>3. Đỗ Hạnh Nga (2015), "Hiện trạng hành vi bắt nạt ở một số trường trung học phổ thông tại Tp. Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí Tâm lý học</i>, số ISSN 1859-0098, số 11, trang 1 - 17, 2015.</p> <p>4. Đỗ Hạnh Nga (2016), "Bạo lực học đường ở các trường trung học phổ thông tại Tp. Hồ Chí Minh và các giải pháp từ quan điểm công tác xã hội học đường", <i>Hội thảo khoa học quốc tế "Công tác xã hội với gia đình và trẻ em"</i> tại Tp. HCM, ISBN: 978-604-73-4461-1, trang 288-298, NXB ĐHQG.HCM.</p> <p>5. Đỗ Hạnh Nga (2016), "Thực trạng bạo lực học đường ở các trường trung học phổ thông tại Tp. Hồ Chí Minh", <i>Hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 5 Phát triển tâm lý học đường trên thế giới và ở Việt Nam</i>, ISBN 987-604-80-1967-9, trang 609-620, NXB Thông tin và truyền thông.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Đỗ Hạnh Nga • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0908120519 • Email: dohanhnga@gmail.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Nâng cao năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ cho đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre</p> <p>(Đề tài Tỉnh/Thành 2013)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học giáo dục
	3. Từ khóa tìm kiếm	Năng lực, năng lực chăm sóc, năng lực giáo dục/sư phạm, giáo viên mầm non
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung	Để thực hiện đề tài, những câu hỏi nghiên cứu đã được xây dựng như sau:

<p> nghiên cứu</p>	<p>- Đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre hiện nay đang thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ như thế nào? Có đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non mới 2009 hay không?</p> <p>- Những giải pháp nào nhằm nâng cao năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ cần được đề xuất?</p>
<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>	<p>Phương pháp Khảo sát, quan sát, phỏng vấn sâu, chuyên gia, thực nghiệm sư phạm.</p> <p>Đối tượng nghiên cứu: Năng lực chăm sóc, năng lực giáo dục/sư phạm của đội ngũ giáo viên mầm non.</p> <p>Khách thể nghiên cứu: Khảo sát 620 giáo viên mầm non; 60 cán bộ quản lý mầm non tỉnh Bến Tre cùng với 20 giáo viên mầm non và 20 trẻ mầm non được tham gia vào chương trình thực nghiệm tác động.</p>
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<p>- Kết quả nghiên cứu đã hệ thống hóa lý luận về năng lực, năng lực chăm sóc, năng lực giáo dục, giáo viên mầm non, chương trình mầm non mới 2009. Tìm hiểu thực trạng năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non của giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre so với Chương trình giáo dục mầm non mới 2009 đã cho thấy có nhiều thực trạng năng lực của giáo viên mầm non trong chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Phần lớn các trường học của ngành giáo dục mầm non tỉnh Bến Tre đều tuân thủ theo chế độ chăm sóc và dinh dưỡng chung, tuân thủ quy định cũng như sự giám sát từ quản lý cấp trên. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có một tỷ lệ trung bình giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre hiện nay còn chưa nắm vững những yêu cầu quan trọng của Chương trình giáo dục mầm non mới 2009, nhất là yêu cầu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, soạn giáo án tích hợp, lập kế hoạch giáo dục theo chương trình mầm non mới 2009.</p> <p>- Kết quả thực nghiệm sư phạm nhằm nâng cao năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ của giáo viên mầm non đã cho thấy sau khi được tác động, tập huấn các phương pháp chăm sóc trẻ, cách xây dựng kế hoạch giáo dục, cách giáo dục kỹ năng sống, và soạn giáo án tích hợp phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non mới 2009, giáo viên mầm non đã nâng cao được năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non tỉnh Bến Tre.</p>
<p>7. Các khuyến nghị</p>	<p>- Đối với Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Bến Tre:</p> <p>+ Trong công tác tuyển dụng GVMN cần chú ý đến cân đối tỷ lệ độ tuổi GVMN gần tương đương nhau. Nếu thực hiện được việc này thì số lượng GVMN của tỉnh Bến Tre sẽ có tính kế thừa giữa các</p>

		<p>giai đoạn lứa tuổi và kinh nghiệm làm việc.</p> <p>+ Định kỳ khảo sát nhu cầu của GVMN về việc nâng cao năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non cho đội ngũ giáo viên mầm non.</p> <p>+ Sở GD&ĐT tỉnh Bến Tre cần có kế hoạch định kỳ mở các lớp tập huấn cho GVMN những kiến thức cơ bản về: Kiến thức chăm sóc trẻ ở các độ tuổi khác nhau; lý luận chung về giáo dục phát triển; tập huấn cho GVMN các kiến thức về giáo dục kỹ năng sống; các lớp tập huấn lập kế hoạch giáo dục theo Chương trình mầm non mới 2009; mở các lớp tập huấn hướng dẫn giáo viên soạn giáo án tích hợp.</p> <p>- Đối với các trường mầm non tại tỉnh Bến Tre:</p> <p>+ Cần chú ý đề cao công tác giám sát và tạo điều kiện cho GVMN làm quen và tiếp cận với chương trình GDMN mới.</p> <p>+ Trong công tác rèn luyện phẩm chất đạo đức cho GVMN để phù hợp với đòi hỏi của Chương trình GDMN mới thì cần chú ý: Hình thành ở GVMN nếp sống hiện đại (thân thiện, có kỹ năng sống), biết lập kế hoạch công việc và làm việc theo kế hoạch.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Kết quả nghiên cứu của đề tài được trực tiếp ứng dụng trong việc nâng cao năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ của đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre. GVMN sẽ được tham gia các lớp tập huấn do Sở GD&ĐT tỉnh Bến Tre mở.
	9. Công bố khoa học	1. Đỗ Hạnh Nga (2015), “Thực trạng đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp</i> , Số 14, trang 1-7, ISSN 0866-7675
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Đỗ Hạnh Nga • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0908120519 • Email: dohanhnga@gmail.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Vai trò của Công tác Xã hội trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người khuyết tật của các tổ chức vì người khuyết tật tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay</p> <p>(Đề tài cấp Trường năm 2016)</p>

2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội
3. Từ khóa tìm kiếm	Công tác xã hội, người khuyết tật, chất lượng, đào tạo nghề
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Người khuyết tật đã được đảm bảo việc tiếp cận với các cơ sở đào tạo nghề như thế nào?</p> <p>- Những thuận lợi và khó khăn của các cơ sở đào tạo nghề vì người khuyết tật trong việc cung ứng dịch vụ này?</p> <p>- Những mô hình hiệu quả cho hoạt động đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo nghề vì người khuyết tật?</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>- Phương pháp phân tích tư liệu sẵn có</p> <p>- Phương pháp nghiên cứu định lượng</p> <p>- Phương pháp nghiên cứu định tính</p>
6. Những phát hiện chính	<p>Qua khảo sát bốn tổ chức có đào tạo nghề cho người khuyết tật và 120 học viên khuyết tật đã và đang học tại những tổ chức này, đề tài đã trình bày được phần nào tình hình hoạt động của những tổ chức đó qua những tiêu chí như: cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo,... Đề tài cũng đã có sự so sánh, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của từng loại hình tổ chức, những yếu tố tác động đến tình hình hoạt động của những tổ chức được khảo sát như: vấn đề quản lý nhà nước, vấn đề nhận thức xã hội và tác động của bối cảnh kinh tế.</p> <p>Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy phần lớn người khuyết tật đến với các tổ chức dạy nghề với mong muốn chủ yếu là được học nghề (62,2%). Phần lớn các tổ chức cũng chỉ chú trọng đến nhu cầu học nghề của người khuyết tật, chưa quan tâm nhiều đến những nhu cầu khác của học viên như nhu cầu giao lưu hay phục hồi chức năng.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>Đề tài đề xuất những kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề của các tổ chức về vấn đề quản lý nhà nước và chính sách, việc thực thi chính sách; vấn đề tài chính và kinh phí hoạt động của tổ chức; chương trình đào tạo của các tổ chức; và những giải pháp về phát triển nhân lực của các tổ chức. Bên cạnh đó, việc xây dựng những mô hình đào tạo nghề theo định hướng công tác xã hội đã phần nào đáp ứng được những mong đợi của người khuyết tật trong quá trình ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Dùng làm tài liệu tham khảo cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân quan tâm. Dùng làm tài liệu tham khảo cho Khoa Công tác xã hội,

		các tổ chức đào tạo nghề cho người khuyết tật.....
	9. Công bố khoa học	Bài báo tạp chí trong nước Tạp chí phát triển nguồn nhân lực- Học viện cán bộ thành phố
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Tạ Thị Thanh Thủy • Học hàm/ học vị: ThS • Nơi công tác: Khoa Công tác xã hội – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn- ĐHQG HCM • Địa chỉ: 10- 12, Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Tp. HCM • Số điện thoại: 0903 361 380 • Email: thuyta102@yahoo.com
6	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kỷ yếu Hội thảo 2013: Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giải quyết áp lực học đường đối với học sinh trung học phổ thông tại tp. Hồ Chí Minh hiện nay
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Công tác xã hội, áp lực học đường, học sinh, trung học phổ thông
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích thực trạng áp lực học đường hiện nay - Nguồn gốc của những áp lực học đường trong mối quan hệ học sinh – gia đình - nhà trường – xã hội - Công tác giải quyết áp lực học đường: phát triển mô hình trường học thân thiện; tư vấn/ tham vấn học đường; tiến trình can thiệp.... - Xem xét sự cân đối giữa thời gian học tập và thời gian thư giãn để từ đó có lời giải thích hợp cho bài toán “cân bằng học tập và vui chơi” - Mức độ ảnh hưởng của việc giáo dục và dạy dỗ con cái tại gia đình, nhà trường, xã hội nhưng đặc biệt là giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường - Những khuyến nghị để hiện tượng này ngày càng được thay đổi theo hướng tích cực và phù hợp hơn.
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phân tích tư liệu sẵn có - Phương pháp nghiên cứu định lượng - Phương pháp nghiên cứu định tính
	6. Những phát hiện	- Các yếu tố gia đình, nhà trường và xã hội có những ảnh hưởng

	chính	không nhỏ đến hoạt động học tập của học sinh. Những yếu tố này tạo nên áp lực học đường cho học sinh và tác động không nhỏ đến sức khoẻ thể chất cũng như tinh thần của học sinh. - Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giải quyết áp lực học đường được đề cập ở ba khía cạnh: Thay đổi nhận thức – hành vi; Tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo kỹ năng và phát triển mô hình Phòng tư vấn tâm lý học đường. Những vai trò này được nhấn mạnh không ngoài mục đích giảm thiểu những ảnh hưởng của áp lực học đường mang đến cho học sinh. Việc phát triển công tác xã hội trong trường học là một việc làm rất cần thiết.
	7. Các khuyến nghị	- Phát triển dịch vụ công tác xã hội trong trường học - Xây dựng chương trình học hợp lý cho học sinh, có sự cân đối giữa học tập và vui chơi
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Dùng làm tài liệu tham khảo cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân quan tâm, các trường học, Khoa công tác xã hội.....
	9. Công bố khoa học	Hội thảo khoa học quốc tế: Sức khỏe tâm thần hiện nay- Trường Đại học Đồng Nai năm 2013
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Tạ Thị Thanh Thủy • Học hàm/ học vị: ThS • Nơi công tác: Khoa Công tác xã hội – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn- ĐHQG HCM • Địa chỉ: 10- 12, Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Tp. HCM • Số điện thoại: 0903 361 380 • Email: thuyta102@yahoo.com
7	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Xã hội Dân sự tại Việt Nam: Nghiên cứu So sánh về các Tổ chức Xã hội Dân sự tại Hà Nội và TP Hồ chí Minh (Dự án nghiên cứu thuộc Quỹ Châu Á tại Việt Nam, 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Xã hội dân sự
	3. Từ khóa tìm kiếm	Xã hội dân sự (XHDS), Công tác xã hội, Vận động chính sách, Dịch vụ xã hội, Viện trợ quốc tế
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Các thách thức và cơ hội của các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam là gì? - Có sự khác biệt nào giữa các tổ chức XHDS tại Hà Nội và

		<p>TPHCM? Lý do của các khác biệt?</p> <p>- Hướng đi trong tương lai của các tổ chức XHDS trong bối cảnh mới là VN thuộc nhóm nước thu nhập trung bình, bị cắt giảm nhiều nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế?</p>
	<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>	<p>Nghiên cứu so sánh</p> <p>Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống, gồm 50 tổ chức XHDS ở TP Hà Nội và tương ứng 50 tổ chức ở TPHCM, đại diện cho các tổ chức phi chính phủ VN (VNGO) bao gồm các viện, trung tâm nghiên cứu-tư vấn và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs).</p> <p>Phương pháp thu thập dữ liệu kết hợp cả định lượng và định tính, gồm 100 phỏng vấn qua bản câu hỏi và 37 cuộc phỏng vấn sâu người đại diện cho 100 tổ chức XHDS được chọn.</p> <p>Phạm vi của nghiên cứu so sánh tập trung vào các lĩnh vực: (i) cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân sự, (ii) các trọng tâm chương trình và cách tiếp cận, (iii) sự hợp tác với các bên liên quan (chính quyền và doanh nghiệp), (iv) mạng lưới hoạt động, (v) nguồn tài trợ, (vi) các thách thức, hướng đi trong tương lai.</p>
	<p>6. Những phát hiện chính</p>	<p>- Dù có vị thế non trẻ, XHDS ở VN rất phong phú về hình thức tổ chức và hoạt động, các trọng tâm và cách tiếp cận</p> <p>- Có những khác biệt theo vùng miền là kết quả của các xu hướng lịch sử trong các hoạt động hiệp hội và các quan điểm hiện tại, kể cả của chính quyền địa phương.</p> <p>- So với Hà Nội, các tổ chức XHDS tại TPHCM có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các hoạt động cung cấp dịch vụ, xây dựng nền tảng huy động tài trợ đa dạng hơn và chỉ hợp tác, tham gia cùng chính quyền cấp địa phương. Ngược lại, ở Hà Nội có một số tổ chức XHDS hoạt động mạnh hơn về vận động chính sách.</p> <p>- Các tổ chức XHDS tiếp tục đối mặt với một môi trường đầy thách thức. Có mối quan ngại sâu sắc về huy động nguồn tài trợ, nhân sự và quản trị tổ chức.</p> <p>- Dù có nhiều thách thức lớn, các tổ chức XHDS vẫn có cái nhìn tích cực về triển vọng phát triển trong tương lai và đóng góp của họ trong việc giải quyết các vấn đề phát triển. Trong bối cảnh các nguồn viện trợ không hoàn lại từ nước ngoài bị cắt giảm, nảy sinh nhiều sáng kiến nhỏ để tiếp cận đa dạng nguồn tài trợ trong nước. Thành công ở đây mang tính sống còn đối với sức khỏe của khu vực này trong tương lai.</p>

7. Các khuyến nghị	<p>- Cần có sự cải cách đáng kể về thủ tục hành chính và môi trường pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi hơn để các tổ chức XHDS dễ dàng thành lập và hoạt động, hầu chung tay với chính phủ phát triển đất nước</p> <p>- Dù đối mặt với nhiều thách thức, các tổ chức XHDS cần xác định chiến lược, tìm kiếm địa bàn hoạt động và tìm cách thích nghi cơ cấu tổ chức và cách tiếp cận của mình với bối cảnh pháp lý và chính sách ở VN.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Báo cáo này đóng góp vào cơ sở vốn kiến thức về XHDS Việt Nam, giúp người đọc hiểu rõ hơn về các đặc thù của các tổ chức XHDS VN.</p> <p>- Các kết quả thực chứng về động lực sẽ giúp các tổ chức XHDS xem xét lại chiến lược phát triển, trọng tâm hoạt động trong bối cảnh rộng lớn hơn, đồng thời, chúng cũng giúp những người đang tìm cách hỗ trợ các tổ chức XHDS VN có được chiến lược tốt hơn để làm điều đó.</p> <p>- Mặt khác, các thông tin của báo cáo này là dữ liệu cho thấy các tổ chức XHDS VN có thể hỗ trợ đắc lực cho chính phủ VN trong việc giải quyết các thách thức phát triển nghiêm trọng mà đất nước phải đối mặt trong thế kỷ 21.</p>
9. Công bố khoa học	<p>Sách, có tiêu đề:</p> <p><i>Xã hội Dân sự tại Việt Nam: Nghiên cứu So sánh về các Tổ chức Xã hội Dân sự tại Hà Nội và TP Hồ chí Minh</i></p> <p>Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội, 2012</p> <p>(sách công bố hai thứ tiếng là Việt và Anh)</p>
10. Liên lạc	<p><i>Đồng tác giả 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Huỳnh Thị Ngọc Tuyết • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Công tác xã hội- ĐH Khoa học xã hội & Nhân văn TPHCM • Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TPHCM (Địa chỉ nhà riêng: 499/11/37 Quang Trung, P.10, Gò Vấp, TPHCM) • Số điện thoại: 0908 160 458 • Email: tuyethuynh253@gmail.com <p><i>Đồng tác giả 2:</i></p>

		<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thu Hằng • Học hàm/ học vị: thạc sĩ • Nơi công tác: Quỹ Châu Á tại Việt Nam (The Asia Foundation in Vietnam) • Địa chỉ: Tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội • Số điện thoại: 04 3943 3263 • Email: nthang@asiafound.org
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2016: Công tác xã hội trong bệnh viện - Những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội, công tác xã hội trong lĩnh vực y tế
	3. Từ khóa tìm kiếm	Công tác xã hội, bệnh viện, lý luận, thực hành
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 22 Tổng số tác giả/diễn giả: 31. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 10 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 21
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	<p>- Phần I: Những vấn đề chung về công tác xã hội trong bệnh viện - Hệ thống khung pháp lý là cơ sở cho sự phát triển nghề công tác xã hội (CTXH) trong ngành y tế; Lịch sử CTXH trong bệnh viện trên thế giới và Việt Nam; Mô hình CTXH tại Mỹ và hướng ứng dụng tại Việt Nam; Dự án cuộc sống sau khi xuất viện - một nghiên cứu về CTXH bệnh viện (Nghiên cứu trường hợp tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới - TP. Hồ Chí Minh); Những vấn đề gợi mở cho CTXH từ trường học đến bệnh viện qua dự án (Paraff. C1-082) nghiên cứu luật bảo hiểm y tế trong các trường học ở Bến Tre; Nhu cầu của các bệnh viện tại tỉnh Bến Tre; Vai trò nhân viên CTXH trong điều trị nghiện; Nhu cầu chăm sóc y tế cho người cao tuổi bị bệnh Alzheimer; Trẻ em nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS ở Nghệ An.</p> <p>- Phần II: Thực trạng CTXH trong bệnh viện và công tác đào tạo cử nhân ngành CTXH trong bệnh viện - Kết quả hoạt động CTXH tại Bệnh viện Chợ Rẫy; Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên</p>

		<p>CTXH trong lĩnh vực y tế tại TP. HCM hiện nay; Thực trạng triển khai hoạt động CTXH tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa năm 2014-2015; Thực trạng và giải pháp phát triển nghề CTXH Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Bến Tre; Mô hình hoạt động Phòng CTXH trong Bệnh viện Nhi Đồng 2, TP. HCM; CTXH trong bệnh viện - Chương trình đào tạo dưới góc nhìn tuyển dụng; Chương trình đào tạo cử nhân CTXH và định hướng chuyên ngành CTXH trong bệnh viện - Thách thức và cơ hội; Chân dung nhân viên CTXH lâm sàng trong môi trường bệnh viện; Thực hành CTXH trong bệnh viện - Một số khó khăn và đề xuất.</p>
	<p>7. Các khuyến nghị (nếu có)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên CTXH cần liên tục cập nhật hệ thống chính sách, khung pháp lý liên quan đến quá trình hình thành và phát triển nghề CTXH trong ngành y tế. - CTXH trong lĩnh vực y tế có lịch sử hình thành và phát triển cách đây trên 100 năm trên thế giới. Chính vì vậy, việc đưa CTXH vào hệ thống bệnh viện ở Việt Nam là một định hướng đúng đắn của ngành y tế. Tuy nhiên, để triển khai hoạt động này cho hiệu quả thì cần phải có sự nỗ lực rất lớn của các cấp quản lý, trong đó có việc thành lập các phòng CTXH trong bệnh viện, công tác xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH trong bệnh viện và hệ thống các dịch vụ mà phòng CTXH cung cấp. - Nhân viên CTXH cần học hỏi những bài học kinh nghiệm từ phát triển nghề công tác xã hội trên thế giới: Các vấn đề về chăm sóc sức khỏe, nhu cầu của bệnh viện đối với nghề CTXH, thực trạng áp dụng CTXH trong bệnh viện (đánh giá hiệu quả, ưu khuyết điểm, tồn tại và hạn chế,...). - Các trường đại học, cao đẳng đang đào tạo ngành CTXH có thể học hỏi kinh nghiệm tổ chức hoạt động thực tập và đào tạo chuyên môn về CTXH trong bệnh viện: Chương trình đào tạo, công tác thực hành thực tập của sinh viên ngành công tác xã hội và việc nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên.
	<p>8. Khả năng ứng dụng thực tiễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ yếu hội thảo là tài liệu tham khảo cần thiết, cung cấp cho sinh viên cao học và cử nhân đang học các ngành Công tác xã hội, CTXH trong bệnh viện, Xã hội học những kiến thức ứng dụng thực tiễn về CTXH trong bệnh viện. - Kỹ yếu hội thảo cũng là tài liệu tham khảo cần thiết cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý trong các lĩnh vực công tác xã hội, CTXH trong bệnh viện, Xã hội học.
	<p>9. Đơn vị</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Công tác xã hội

		<ul style="list-style-type: none"> • Trường đơn vị: Đỗ Hạnh Nga • Email: dohanhnga@gmail.com
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2011: Công tác xã hội - Kết nối và chia sẻ
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Công tác xã hội, kết nối, chia sẻ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/trình bày: 55</p> <p>Tổng số tác giả/diễn giả: 58. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 16 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 42
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - BM Công tác xã hội, trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2011
	6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 1: Các vấn đề chung trong công tác xã hội và đào tạo nghề công tác xã hội trong nhà trường hiện nay: Đào tạo và nghiên cứu CTXH ở Việt Nam - Nhìn lại và triển vọng; Đào tạo CTXH và phát triển lực lượng lao động: Những nguyên tắc cốt lõi trong đào tạo CTXH; Phát triển nghề CTXH Quá trình phát triển mang tính bản sắc và đích thực; Vai trò của nghề CTXH trong xã hội hiện đại. - Chủ đề 2: Tổ chức thực hành công tác xã hội tại các cơ sở xã hội: Trách nhiệm và một số nguyên tắc đạo đức ngành nghề cần chú ý trong kiểm huấn; Vấn đề thực hành của sinh viên ngành CTXH khi áp dụng hệ thống đào tạo theo phương thức tín chỉ; Nhận diện cơ hội và thách thức trong thực hành nghề CTXH; Mở rộng cơ sở thực tập CTXH đến đối tượng công nhân; Tham vấn học đường - Kỹ năng thực hành cơ bản trong CTXH trường học; Kỹ năng tổ chức giao tiếp nhóm trong thực hành CTXH nhóm; Chức năng, các loại hình và các yếu tố ảnh hưởng đến việc kiểm huấn trong thực hành CTXH; Giải pháp phối hợp hướng dẫn thực tập. - Chủ đề 3: Công tác xã hội trong mối liên hệ, hợp tác với các NGO và các tổ chức quốc tế: Hoạt động của Chi hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Trái tim vàng - Một mô hình của "Công tác xã hội - Kết nối và chia sẻ"; Kinh nghiệm hợp tác với các NGO và các tổ chức quốc tế của trường đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; Hoạt động y tế của Phật giáo tỉnh Bình Dương (dưới góc nhìn dịch vụ xã hội); Chi hội nghề CTXH những bước đi ban đầu và tương lai.

		<p>- Chủ đề 4: Các lĩnh vực công tác xã hội:</p> <p>+ Lĩnh vực CTXH với gia đình và trẻ em: Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với gia đình và trẻ em, người khuyết tật, người già và người nhiễm HIV; Công tác hỗ trợ giáo dục cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn của Tổ chức Sài Gòn Children Charity; CTXH với nạn nhân bị bạo lực gia đình; An sinh xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.</p> <p>+ Lĩnh vực CTXH với người khuyết tật: Mô hình xã hội về khuyết tật và CTXH với người khuyết tật ở Việt Nam; Những khó khăn của gia đình có trẻ khuyết tật phát triển và nhu cầu của họ đối với các dịch vụ xã hội; Bình đẳng xã hội trong giáo dục cho người khuyết tật; Hiểu và làm việc với người khiếm thính; Thực trạng hướng nghiệp - việc làm cho người khuyết tật trí tuệ.</p> <p>+ Lĩnh vực CTXH với người cao tuổi: Hoạt động CTXH với người cao tuổi - Một nhu cầu cần thiết.</p> <p>+ Lĩnh vực CTXH với người nhiễm HIV/AIDS: Tiếp cận nhận thức hành vi trong quản lý sức khỏe tinh thần và hỗ trợ tâm lý cho người có HIV/AIDS; CTXH với người có HIV/AIDS: "Trải nghiệm về việc làm của người có HIV"; CTXH với trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.</p>
	<p>7. Các khuyến nghị (nếu có)</p>	<p>- Những bài báo đề cập đến các vấn đề chung trong công tác xã hội và đào tạo nghề công tác xã hội trong nhà trường hiện nay. Những khuyến nghị tập trung vào việc nhà nước cần có định hướng tổng thể trong việc phát triển lực lượng lao động làm việc chuyên sâu về CTXH, triển khai xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH làm việc ở các cấp xã, phường, thôn xóm. Khuyến nghị nâng cao vai trò của nghề CTXH trong xã hội hiện đại.</p> <p>- Khuyến nghị dành cho khối các trường đại học, cao đẳng và trung cấp nghề đang đào tạo học viên ngành CTXH. Các trường cần tuân thủ các nguyên tắc tổ chức thực hành CTXH tại các cơ sở xã hội, nhận diện cơ hội và thách thức trong thực hành nghề CTXH, mở rộng cơ sở thực tập và các giải pháp phối hợp hướng dẫn thực tập.</p> <p>- Khuyến nghị công tác phối hợp giữa các cơ sở đào tạo với các NGO và các tổ chức quốc tế.</p> <p>- Các khuyến nghị cụ thể cho từng lĩnh vực công tác xã hội: Lĩnh vực CTXH với gia đình và trẻ em, CTXH với người khuyết tật, CTXH với người cao tuổi, và CTXH với người nhiễm HIV/AIDS</p>
	<p>8. Khả năng ứng dụng thực tiễn</p>	<p>- Kỹ yếu hội thảo khoa học là tài liệu tham khảo cần thiết cho sinh viên sau đại học và cử nhân đang học ngành công tác xã hội và các</p>

		<p>ngành khác có liên quan như Tâm lý học, Xã hội học, Giáo dục học.</p> <p>- Kỹ yếu hội thảo khoa học cũng là tài liệu tham khảo cần thiết cho các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội.</p>
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Công tác xã hội • Trưởng đơn vị: Đỗ Hạnh Nga • Email: dohanhnga@gmail.com
3	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Kỹ yếu Hội thảo 2014: Hỗ trợ người khiếm thị học tập và học nghề
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công tác xã hội cho người khuyết tật?
	3. Từ khóa tìm kiếm	Người khiếm thị, hỗ trợ người khiếm thị, , học nghề, dịch vụ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/trình bày: 21</p> <p>Tổng số tác giả/diễn giả: 23. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 16 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 7
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	<p>- Phần I: Hỗ trợ người khiếm thị học tập và học nghề - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: Bất bình đẳng trong giáo dục cho người khiếm thị, trợ giúp người hỏng mắt giao tiếp trong môi trường mới, dịch vụ quản lý trường hợp và mô hình làm việc với người khiếm thị, những rào cản đối với sinh viên khiếm thị khi hòa nhập trong môi trường đại học, việc làm của người khiếm thị, hỗ trợ tâm lý cho người khiếm thị.</p> <p>- Phần II: Hỗ trợ người khiếm thị học tập và học nghề - Thực trạng và giải pháp: Cơ hội hòa nhập của người điếc mù, những khó khăn khi hỗ trợ học sinh khiếm thị học hòa nhập ở trường phổ thông, giải pháp hỗ trợ người khiếm thị học ở trường đại học, tình hình học nghề của người khiếm thị ở TP. Hồ Chí Minh, thực trạng học nghề của người khiếm thị ở tỉnh Quảng Ngãi, tiếp cận thư viện của học sinh khiếm thị.</p>
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	- Mặc dù Nhà nước đã có những chính sách trong hỗ trợ học tập và học nghề cho người khuyết tật trên phương diện pháp lý như Pháp lệnh Người khuyết tật năm 1988 và Luật Người khuyết tật năm

		<p>2010 và tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố cũng đã có chủ trương tổ chức các lớp hướng nghiệp và dạy nghề cho người khuyết tật gắn với quá trình phục hồi chức năng, dạy văn hóa tại các cơ sở giáo dục, nuôi dưỡng, điều dưỡng xã hội. Và hiện nay, nhiều đơn vị bảo trợ người khuyết tật đã ra đời và hoạt động rất hiệu quả như: Trung tâm Bảo trợ - dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật thành phố, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi thành phố, Hội Thanh niên khuyết tật thành phố,... Tuy nhiên, hiện nay đang có thực trạng là việc mở rộng cơ hội việc làm cho người khuyết tật vẫn còn nhiều khó khăn. Trong số đó, trình độ văn hóa thấp, chưa có tay nghề hoặc có nhưng không phù hợp, khó khăn trong di chuyển, giao tiếp... Đây là những khó khăn gay gắt nhất cần có biện pháp tháo gỡ, thay đổi.</p> <p>- Hiện trạng người sử dụng lao động vẫn có tâm lý e ngại sử dụng lao động là người khuyết tật vì phải đáp ứng những điều kiện về cơ sở vật chất, về tâm lý trong quan hệ lao động, về năng suất lao động... Dù chính sách đã có quy định phải ưu tiên tuyển dụng lao động là người khuyết tật nhưng thực tế là hệ thống chính sách về người khuyết tật chưa đi vào cuộc sống một cách đồng bộ và rộng khắp.</p> <p>- Đề xuất những giải pháp cụ thể, thiết thực giúp người khuyết tật nói chung và người khiếm thị nói riêng có thể hòa nhập cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ về học văn hóa và học nghề.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Kỹ yếu là tài liệu tham khảo cần thiết cho sinh viên cao học và cử nhân đang học các ngành công tác xã hội, giáo dục học đặc biệt.</p> <p>- Kỹ yếu cũng là tài liệu tham khảo cần thiết cho các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực công tác xã hội và giáo dục học đặc biệt..</p>
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Công tác xã hội • Trưởng đơn vị: Đỗ Hạnh Nga • Email: dohanhnga@gmail.com
4	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Kỹ yếu hội thảo 2014: Những yếu tố rủi ro và những yếu tố bảo vệ trong việc hình thành khả năng vượt khó của học sinh trung học phổ thông
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học, công tác xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Yếu tố rủi ro, yếu tố bảo vệ, khả năng vượt khó, trung học phổ thông

4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/trình bày: 15</p> <p>Tổng số tác giả/diễn giả: 18. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 05 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 13
5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2014
6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan tình hình nghiên cứu và các khái niệm về "Yếu tố rủi ro", "Yếu tố bảo vệ" và "Hình thành khả năng vượt khó". Thực trạng yếu tố rủi ro và yếu tố bảo vệ học sinh ở các trường trung học phổ thông tại TP. Hồ Chí Minh. - Bạo lực học đường, vấn đề bỏ học của học sinh trung học phổ thông, tư vấn tâm lý học đường, rối loạn lo âu, áp lực học tập, xu hướng chọn nghề của học sinh. - Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học, vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong trường học.
7. Các khuyến nghị (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả nghiên cứu lý luận về khái niệm những “yếu tố rủi ro”, “yếu tố bảo vệ”, và “hình thành khả năng vượt khó” cần được các nhà nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện trên những nghiên cứu khác, ở những khách thể khác để làm giàu thêm cơ sở lý luận cho lĩnh vực nghiên cứu này. Bên cạnh đó, nghiên cứu lý luận và thực tiễn cũng sẽ đưa ra được cơ sở lý luận vững chắc để giải thích nguyên nhân cơ bản của vấn đề để từ đó có thể đề ra được những giải pháp triệt để cho những vấn đề cần giải quyết trong học đường hiện nay. - Nội dung các bài báo là cơ sở để các nhà giáo dục và quản lý giáo dục nhìn nhận lại môi trường học đường hiện nay có thực sự là môi trường giúp cho học sinh thoải mái học tập và phát huy đầy đủ khả năng của học sinh hay chưa? - Kết quả nghiên cứu cũng giúp các nhà hoạch định giáo dục lên kế hoạch cải tiến môi trường học đường cho tốt hơn trong tương lai.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ yếu hội thảo là tài liệu tham khảo cần thiết cho sinh viên cao học và cử nhân đang học các ngành tâm lý học, công tác xã hội và giáo dục học trong việc tìm hiểu những cơ sở lý luận về đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông khi phải đối phó với những vấn đề trong học đường (những yếu tố rủi ro, yếu tố bảo vệ và khả năng vượt khó). - Kỹ yếu cũng là tài liệu tham khảo cần thiết cho các nhà nghiên cứu

		trong các lĩnh vực tâm lý học, công tác xã hội và giáo dục học. Ngoài ra, kỹ yếu cũng cần thiết cho các bậc phụ huynh giáo viên các trường phổ thông là những người đang có nhu cầu hiểu biết thêm về đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Khoa Công tác xã hội• Trưởng đơn vị: Đỗ Hạnh Nga• Email: dohanhnga@gmail.com

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Địa lý		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Khai thác các di tích lịch sử - văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ phát triển du lịch (Đề tài cấp Trường năm 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Địa lí du lịch
	3. Từ khóa tìm kiếm	Di tích lịch sử - văn hóa, hoạt động du lịch, sự hài lòng, khách du lịch
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu này khảo sát sự hài lòng của du khách đối với hoạt động du lịch ở một số điểm di tích lịch sử - văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các câu hỏi nghiên cứu gồm: 1. Loại hình di tích lịch sử - văn hóa nào khách du lịch có nhu cầu tham quan khi đến Thành phố Hồ Chí Minh? 2. Tình hình khai thác các điểm di tích lịch sử - văn hóa để phát triển du lịch như thế nào? 3. Những lực cản nào khiến khách du lịch không hài lòng khi đến các điểm tham quan? Các giải pháp cần ưu tiên để khắc phục?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Để thu thập thông tin, tác giả đã tiến hành khảo sát bảng hỏi 180 khách du lịch trong nước và quốc tế, tại 7 điểm du lịch dựa trên 8 nội dung đánh giá. Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS, phiên bản 10.5
	6. Những phát hiện chính	Kết quả nghiên cứu cho thấy: (i) Di tích lịch sử và di tích kiến trúc nghệ thuật là hai loại tài nguyên có tần suất khách du lịch lựa chọn tham quan nhiều nhất khi đến Thành phố Hồ Chí Minh; (ii) Các nội dung đánh giá về sức chứa khách, tính an toàn và nội dung tham quan chiếm được sự đồng thuận cao trong ý kiến trả lời của du khách, thấp nhất là nội dung đánh giá về sự thân thiện của cộng đồng và tính tiếp cận điểm du lịch. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cơ sở vật chất - kĩ thuật, chính sách phát triển, nguồn nhân lực tại các điểm di tích lịch sử - văn hóa đang thu hút nhiều sự quan tâm của khách du lịch trong các đề xuất, kiến nghị.

7. Các khuyến nghị	<p>Trên cơ sở tìm hiểu (i) xu hướng phát triển du lịch và (ii) kinh nghiệm của một số địa phương trên thế giới, (iii) hiệu quả các chính sách phát triển du lịch của cơ quan chức năng, (iv) thực trạng khai thác các điểm di tích lịch sử - văn hóa,... nhóm tác giả đã đề xuất 6 nhóm giải pháp để khắc phục các trở ngại trong hoạt động khai thác giá trị du lịch của các điểm di tích lịch sử - văn hóa hiện nay tại thành phố Hồ Chí Minh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về quản lí nhà nước: tạo môi trường thuận lợi cho khách du lịch, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương tiếp cận, sử dụng dịch vụ tại điểm du lịch. - Về chính sách du lịch: hoàn thiện chính sách bảo tồn và khai thác tại các điểm du lịch. - Về tài chính (nguồn vốn đầu tư): Đảm bảo và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính phục vụ bảo tồn và khai thác các điểm du lịch. - Về nguồn nhân lực du lịch: Giải quyết tình trạng thiếu hướng dẫn viên và trật tự viên tại điểm du lịch; Nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng giải quyết công việc và thái độ phục vụ của lực lượng lao động trực tiếp tiếp xúc với du khách. - Về cơ sở vật chất - kĩ thuật du lịch: Bổ sung, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất - kĩ thuật du lịch tại các điểm du lịch phục vụ nhu cầu tham quan của du khách. - Về quy hoạch du lịch: Tăng cường sự liên kết không gian dựa theo cụm du lịch, lấy sông Sài Gòn làm trục liên kết.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Kết quả nghiên cứu góp phần bảo tồn và nâng cao khả năng khai thác giá trị du lịch của các điểm di tích lịch sử - văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
9. Công bố khoa học	<p>Bài đăng báo: 01</p> <p>Hoạt động du lịch ở các điểm di tích lịch sử - văn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh nhìn từ sự hài lòng của khách du lịch, <i>Tạp chí Phát triển Khoa học & Công Nghệ</i>, Tập 18, tr.98-106, 2015.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Hoàng Trọng Tuân • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Địa lý, ĐHKHXH&NV TP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 098 411 8255 <p>Email: tuanhoang@hcmussh.edu.vn</p>

2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Điều kiện địa lý tự nhiên, môi trường sinh thái tác động đến tiến trình lịch sử và đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ trong khuôn khổ Đề tài cấp nhà nước “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ”, năm 2011.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Địa lý tự nhiên
	3. Từ khóa tìm kiếm	Địa lý tự nhiên, môi trường sinh thái, tiến trình lịch sử vùng Nam Bộ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> • Vị trí và vị thế của vùng nam bộ trong tương quan với các vùng xung quanh qua các thời kỳ lịch sử • Quá trình hình thành và phát triển của các yếu tố tự nhiên: địa chất, địa mạo, khí hậu – thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật, tài nguyên, và môi trường - sinh thái của vùng Nam Bộ • Những tác động của các yếu tố địa lý tự nhiên và môi trường sinh thái đến tiến trình lịch sử và đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Dựa trên các cách tiếp cận liên ngành của địa chính trị, địa sử học, địa văn hóa, địa kinh tế... Các tác giả đã thu thập, xử lý và giải thích trên cơ sở các dữ liệu thứ cấp có được từ các nghiên cứu khảo cổ học, cổ địa lý, lịch sử, văn hóa học, xã hội học...
	6. Những phát hiện chính	<p>Đề tài đã đưa ra những nhận xét, kết luận về sự tác động của các yếu tố địa lý tự nhiên, môi trường sinh thái đến vị trí, vị thế, cũng như tác động của nó đến tiến trình lịch sử và các đặc trưng văn hóa của vùng Nam Bộ.</p> <p>Các yếu tố địa lý tự nhiên và môi trường sinh thái tác động mạnh đến Nam Bộ ở giai đoạn đầu và giảm dần ở các giai đoạn sau. Theo thời gian, vai trò của con người hay các chính sách ngày càng quan trọng, yếu tố tự nhiên chỉ còn là yếu tố gián tiếp, là điều kiện hơn là nguyên nhân.</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>I. Đối với Chính phủ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng và củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu, công nghệ mới nhằm dự báo, cảnh báo các vấn đề liên quan đến BĐKH 2. Thúc đẩy hợp tác liên ngành, liên vùng và liên quốc gia trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến BĐKH 3. Đầu tư nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực nhằm góp phần giảm nhẹ, ứng phó và thích ứng với BĐKH 4. Đào tạo và huấn luyện đội ngũ ứng phó nhanh với thiên tai.

		<p>5. Sống chung với lũ sẽ tiếp tục là phương châm trong các chính sách liên quan đến lũ ở ĐBSCL</p> <p>6. Đầu tư phát triển và bảo vệ môi trường vùng biển, đảo</p> <p>7. Xây dựng chính sách hỗ trợ cho khu vực được đánh giá dễ bị thương do BĐKH, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất lương thực.</p> <p>II. Đối với các tỉnh/ thành phố</p> <p>1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương cần lồng ghép các tác động của BĐKH</p> <p>2. Các công trình, dự án cần được tính toán tới khả năng thích ứng với BĐKH của vùng</p> <p>3. Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, hướng dẫn cộng đồng thay đổi công việc phù hợp với BĐKH</p> <p>4. Chú trọng an ninh về nguồn nước cho cư dân vùng Nam Bộ</p> <p>Tăng cường sự kết nối với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân, cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề BĐKH</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>- Là nguồn tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu và giảng dạy đại học và sau đại học trong lĩnh vực địa lý tự nhiên, quản lý tài nguyên và môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>Là cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo phục vụ việc ra quyết định và hành động liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường ở Nam Bộ và các tỉnh trực thuộc.</p>
9. Công bố khoa học		<p>- Trương Thị Kim Chuyên, Châu Ngọc Thái, Hồ Kim Thi, "Tác động của điều kiện tự nhiên đến con người tại Nam Bộ: Một số gợi ý đề xuất chính sách", trong <i>Kỷ yếu Hội thảo Lịch sử vùng đất Nam Bộ</i>, tr.67-92, NXB Thế giới, 2011.</p> <p>- Trương Thị Kim Chuyên và nnk, "Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái tác động đến tiến trình lịch sử và đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ: Tổng quan tư liệu", <i>Kỷ yếu Hội thảo Lịch sử vùng đất Nam Bộ</i>, 2008.</p> <p>- Trương Thị Kim Chuyên và nnk, "Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái tác động đến tiến trình lịch sử và đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ: Phương pháp và cách tiếp cận", <i>Kỷ yếu Hội thảo Lịch sử vùng đất Nam Bộ</i>, 2008.</p> <p>Sách Chuyên khảo "<i>Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái tác động đến tiến trình lịch sử và đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ</i>", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội (sắp xuất bản)</p>

	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Thị Kim Chuyên • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Địa lý trường ĐHKHXH và nhân văn • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng Q.1 • Số điện thoại: 0937675208 <p>Email: chuyenttk@hcmussh.edu.vn</p>
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sinh kế và năng lực thích ứng của người nhập cư Khmer ở khu vực ven đô Thành phố Hồ Chí Minh: Trường hợp điển cứu tại quận ven Bình Tân (Đề tài cấp Trường năm 2016)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Sinh kế, dân nhập cư Khmer, vùng ven, thích ứng,
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>1) Năng lực thích ứng sinh kế thông qua thực trạng tài sản sinh kế của người nhập cư Khmer như thế nào?</p> <p>2) Những chính sách nào hỗ trợ sinh kế cho dân nhập cư nói chung và dân nhập cư Khmer tại vùng ven đô quận Bình Tân?</p> <p>3) Các hoạt động sinh kế và kết quả sinh kế của người nhập cư Khmer như thế nào?</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	Dữ liệu phân tích của đề tài được thu thập trong 2 đợt khảo sát tại hai phường của quận Bình Tân (phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc), với số bảng hỏi là 120 và 10 mẫu phỏng vấn sâu cho các đối tượng dân nhập cư Khmer hoạt động những ngành nghề khác nhau
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân nhập cư Khmer dễ dàng tiếp cận với việc làm tại Tp.HCM và có mức thu nhập cao nhờ vào tính tình hiền hòa, chịu thương, chịu khó - Trình độ biết đọc, biết viết thấp - Họ không có mạng lưới xã hội rộng, sống khá co cụm - Từ bỏ thói quen đi chùa thường xuyên do công việc và không có các hoạt động của chùa người Khmer tại Quận Bình Tân <p>Hiện tại vẫn chưa có chính sách cụ thể cho dân nhập cư Khmer</p>
	7. Các khuyến nghị	- Nên có những chủ trương, chính sách cụ thể để góp phần cho dân

		<p>nhập cư Khmer hòa nhập vào đời sống của cộng đồng dân cư khu vực ven đô</p> <p>- Tạo điều kiện để dân nhập cư Khmer có đời sống tinh thần phong phú hơn</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Góp phần giúp dân nhập cư Khmer thích ứng tốt hơn trong cuộc sống ven đô.
	9. Công bố khoa học	Thích ứng sinh kế của người nhập cư Khmer tại quận ven đô: điển cứu tại Phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc, quận Bình Tân TPHCM, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , Đại học Quốc gia TPHCM, tập 19, số X2-2016, trang 89-104.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Thị Thu Trang • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Địa lý trường ĐHKHXH và nhân văn • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng Q.1 • Số điện thoại: • Email: thutrangnt@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	“Ngập nước, nhiệt độ tăng và các bệnh tật liên quan tại thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 2001- 2011” (Đề tài cấp ĐHQG 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội, Khoa học sức khỏe và Khoa học môi trường
	3. Từ khóa tìm kiếm	Ngập nước, nhiệt độ tăng, bệnh tật, nhận thức, hành vi phòng, chống bệnh tật
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>1. Nhận dạng tình hình bệnh tật tại TP.HCM liên quan đến ngập nước và nhiệt độ tăng.</p> <p>2. Tổng quan và đánh giá các chính sách và chương trình y tế và môi trường nhằm giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến ngập nước và nhiệt độ tăng.</p> <p>3. Nhận dạng các ứng phó của người dân thành phố và chánh quyền địa phương nhằm giảm thiểu các bệnh tật do ngập nước và nhiệt độ tăng.</p> <p>4. Đề xuất các kiến nghị cho thiết kế chính sách y tế dự phòng cho các bệnh tật do ngập nước và nhiệt độ tăng.</p>

<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu định lượng. - Tiếp cận liên ngành, tiếp cận hệ thống - Sử dụng dữ liệu thứ cấp của khí tượng, ngập lụt, y tế dự phòng của TP.HCM giai đoạn 2001-2011. - Sử dụng bảng câu hỏi cấu trúc với dung lượng mẫu là 800 hộ gia đình tại 6 quận, huyện TP.HCM. - Phương pháp xử lý dữ liệu bao gồm thống kê mô tả và thống kê suy diễn.
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ngập nước và nhiệt độ tăng tại TP.HCM là hệ quả của ĐTH quá tải và BĐKH. 2. Các loại bệnh tật gây ra do ngập nước và nhiệt độ cao được đánh giá là dễ mắc nhiễm và tác động của nó là nghiêm trọng. 3. Hiểu biết của người dân về các loại bệnh tật này là chưa đầy đủ. 4. Ngập nước có liên quan đến bệnh sốt xuất huyết, bệnh da, bệnh tay chân miệng và bệnh tiêu chảy. 5. Nhiệt độ cao có liên quan đến bệnh tim mạch và bệnh hô hấp 6. Các giải pháp phòng, chống các nguy cơ sức khỏe liên quan đến ngập nước và nhiệt độ tăng được thực hiện bởi các cơ quan chức năng và người dân.
<p>7. Các khuyến nghị</p>	<p>Các khuyến nghị liên quan đến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giảm thiểu sự gia tăng nhiệt độ 2. Giảm thiểu tình trạng ngập nước 3. Tăng cường công tác y tế dự phòng 4. Cải thiện điều kiện sống của các cộng đồng dân cư nghèo
<p>8. Khả năng ứng dụng thực tiễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp kiến thức và minh họa thực nghiệm cho chủ đề nghiên cứu “Sức khỏe môi trường” về mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu, đô thị hóa và bệnh tật tại TP.HCM. - Đối tượng thụ hưởng là các nhà hoạch định chính sách về môi trường và y tế, các nhà nghiên cứu, học viên cao học và nghiên cứu sinh của chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường.
<p>9. Công bố khoa học</p>	<p><i>1- Bài báo quốc tế</i></p> <p>1.1. The increasing urban temperature and the community's adaptation to the health risk in Hochiminh city, <i>International Journal of Environment, Ecology, Family and Urban Studies</i></p>

	<p>(<i>IJEFFUS</i>), Vol. 4, Issue 4, 27-36- Aug 2014. ISSN(P): 2250-0065; ISSN(E): 2321-010.</p> <p>1.2. Les réactions de la communauté citadine de Hồ Chí Minh-Ville aux inondations et à la fièvre hémorragique virale, <i>Les Cahiers d’Outre-Mer</i>, 2015, n° 269, vol 68, p. 33-46. ISBN: 978-2-86781-976-6 - ISSN: 0373-5834.</p> <p>2- Bài báo trong nước</p> <p>2.1. “Nhận thức của cộng đồng dân cư đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về các nguy cơ sức khỏe do tác động của ngập nước”, <i>Tạp chí Phát Triển Khoa Học và Công Nghệ - Đại Học Quốc Gia TP.HCM</i>, tập 17, số X2 2014, trang 96-108 - ISSN 1859-0128.</p> <p>2.2. “Tồn thương sức khỏe liên quan đến ngập nước của cộng đồng dân cư đô thị Thành phố Hồ Chí Minh”, <i>Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>, số tháng 5/2015, trang 30-40 - ISSN 1859-4581.</p> <p>3- Kỹ yếu hội thảo quốc tế</p> <p>3.1. Urbanization, environment and pattern of disease in Hochiminh City – Period 1990-2012, <i>Urban sustainable development opportunities- Challenges</i>, Vietnam National University- University of Social Sciences and Humanities, IACSC, VNU-HCM Publishing House, 5/2015, trang 287-294 - ISBN: 978-604-73-3272-4.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phạm Gia Trân • Học hàm/ học vị: Tiến sỹ - Giảng viên chính • Nơi công tác: Khoa Địa Lý, Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn TP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1 TP.HCM • Số điện thoại: 0903925140 • Email: phamgiatran4@gmail.com

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Đô thị học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Không gian giao tiếp công cộng dành cho người cao tuổi tại Tp.HCM – Thực trạng và giải pháp (Trường hợp điển cứu tại các quận trung tâm) (Đề tài cấp Trường năm 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Đô thị học (Xã hội học đô thị)
	3. Từ khóa tìm kiếm	Không gian công cộng, người cao tuổi, công viên, cộng đồng, khu vực trung tâm
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	(1) Thực trạng không gian giao tiếp công cộng dành cho người cao tuổi hiện nay như thế nào? (2) Người cao tuổi có nhu cầu không gian giao tiếp công cộng hay không? (3) Người cao tuổi muốn có những loại mô hình không gian giao tiếp công cộng nào?
	5. Phương pháp nghiên cứu	1. Cách tiếp cận vấn đề - Nghiên cứu chỉ khảo sát trực tiếp không gian công cộng ngoài trời (công viên lớn nằm trong khu vực trung tâm). Các không gian dành cho người cao tuổi khác như Viện dưỡng lão, câu lạc bộ người cao tuổi, nhà riêng của người cao tuổi... trong thành phố Hồ Chí Minh được khảo sát gián tiếp bằng bảng hỏi và kỹ thuật phỏng vấn sâu. - Nghiên cứu nghiên cứu việc thư giãn và giao tiếp của người cao tuổi ở góc độ NHU CẦU – xem người cao tuổi đang cần, mức độ hài lòng với các không gian hiện nay và có xu hướng thiên về những loại hình không gian thư giãn và giao tiếp như thế nào. - Nghiên cứu thực hiện khảo sát trực tiếp nhu cầu không gian giao tiếp tại các công viên khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả không quan sát trực tiếp thực trạng nhu cầu không gian thư giãn và giao tiếp ở. - Nhu cầu về không gian thư giãn và giao tiếp: Nhu cầu về không gian vật thể; Nhu cầu về tinh thần. 2. Các phương pháp cụ thể 2.1. Phân tích dữ liệu sẵn có

	<p>Bao gồm các cuộc nghiên cứu liên quan, các báo cáo hội thảo, các tạp chí, bài báo.v.v....</p> <p>2.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng</p> <p>Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, cụ thể là sử dụng công cụ điều tra bằng bảng hỏi (50 bảng hỏi). Khảo sát ở 2 công viên: Tao Đàn, Thích Quảng Đức, các không gian còn lại được đánh giá gián tiếp qua phản ánh của khách thể nghiên cứu.</p> <p>2.3. Phương pháp nghiên cứu định tính</p> <p>Nghiên cứu dùng kỹ thuật phỏng vấn (cụ thể là phỏng vấn phi cấu trúc) và quan sát người cao tuổi nằm trong độ tuổi từ 60 trở lên.</p>
6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu không gian giao tiếp công cộng ngoài trời dành cho người cao tuổi. - Chất lượng các công viên hiện tại chưa đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi. - Người cao tuổi có nhu cầu giao tiếp rất cao và không gian công cộng ngoài trời là không gian giao tiếp quan trọng đối với người cao tuổi. - Người cao tuổi cần một không gian giao tiếp riêng nhưng không tách biệt với không gian chung.
7. Các khuyến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp các không gian công cộng trong thành phố - Thiết kế, nâng cấp không gian công cộng đơn vị ở - Thiết kế vườn trồng rau, vườn cộng đồng (community gardens)
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu được ứng dụng trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý đô thị tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh. - Đối tượng thụ hưởng là người dân, đặc biệt là người cao tuổi khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.
9. Công bố khoa học	Chưa được công bố
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thị Ngọc Như • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Đô thị học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0909.962.188 • Email: ngocnhonv2603@gmail.com

2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Mối quan hệ giữa đô thị hóa và sự biến đổi môi trường tự nhiên. Trường hợp Quận Gò Vấp, Giai đoạn 2000 – 2010 (Đề tài cấp Trường 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Môi trường đô thị
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đô thị hóa, Chỉ số chất lượng môi trường đô thị (UEQI)
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu: - Mô tả đặc điểm đô thị hóa tại khu vực Quận Gò Vấp, giai đoạn 2000 – 2010 - Mô tả diễn biến chất lượng môi trường tự nhiên khu vực Quận Gò Vấp, giai đoạn 2000 – 2010 - Phân tích mối liên hệ giữa đô thị hóa và những biến đổi trong môi trường tự nhiên tại khu vực Quận Gò Vấp, giai đoạn 2000 – 2010.
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Quá trình đô thị hóa được xem xét trên sự thay đổi của 05 (năm) yếu tố: không gian, dân số, kinh tế, hành chính và phúc lợi. Những biến đổi này sẽ tạo nên những thay đổi trong môi trường sống của con người bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo. Môi trường nhân tạo (built environment) là những điều kiện vật chất xung quanh con người do con người tạo ra như công trình, cảnh quan, tiện nghi... nhằm cung cấp cho con người những điều kiện sống, làm việc và phát triển tốt nhất. Môi trường nhân tạo sẽ thay đổi cùng với những biến đổi của 05 yếu tố kể trên trong quá trình đô thị hóa, đặc biệt là sự biến đổi về không gian và phúc lợi xã hội. Môi trường tự nhiên bao gồm những yếu tố vô sinh và hữu sinh tồn tại xung quanh con người, cung cấp các điều kiện hỗ trợ cho sự tồn tại của con người một cách tự nhiên. Ngoài ra, môi trường tự nhiên còn có chức năng tiếp nhận tất cả các loại chất thải (khí, lỏng và rắn) từ hoạt động sinh hoạt cùng với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, nếu không có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường một cách hiệu quả, chất lượng môi trường tự nhiên sẽ đi ngược lại với xu hướng phát triển kinh tế xã hội của một khu vực hay nói cách khác quá trình phát triển đô thị sẽ làm cho chất lượng môi trường biến đổi theo thời gian.</p> <p>Hiện nay, có nhiều phương pháp và chỉ số đánh giá chất lượng của từng thành phần môi trường như WQI để đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, AQI (Air quality index) để đánh giá chất lượng môi trường không khí... nhưng trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng chỉ số UEQI để đánh giá tổng hợp chất lượng môi trường</p>

	<p>không khu vực đô thị. UEQI được tính toán dựa trên 06 (sáu) yếu tố thành phần gồm chất lượng không khí, chất lượng nước mặt, tiếng ồn, cây xanh, quản lý chất thải và mức độ phục vụ nước sạch trong khu vực đô thị. Kết quả tính toán UEQI sẽ cho biết chất lượng môi trường khu vực đô thị đang được xếp ở mức nào và có bao nhiêu thành phần đạt yêu cầu về chất lượng.</p> <p>Cuối cùng, để diễn tả mối quan hệ giữa quá trình đô thị hóa với chất lượng môi trường, tác giả sử dụng chức năng vẽ biểu đồ và chức năng phân tích dữ liệu (phân tích hồi quy tương quan) trong phần mềm Microsoft Excel để thể hiện sự thay đổi theo thời gian của 02 (hai) chỉ số: UEQI và tốc độ đô thị hóa. Trong đó, tốc độ đô thị hóa được tính toán dựa trên sự thay đổi quy mô dân số theo từng năm trong giai đoạn 2000 – 2010 tương ứng với thời điểm tính toán UEQI.</p> <p>Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan tài liệu - Thu thập và xử lý số liệu, dữ liệu thứ cấp - Phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) trong tính toán chỉ số chất lượng môi trường đô thị (UEQI) - Phân tích hồi quy tương quan giữa UEQI và tốc độ đô thị hóa.
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình đô thị hóa tại Quận Gò Vấp, giai đoạn 2000 – 2010, có sự chuyển biến mạnh mẽ. Cụ thể, tốc độ tăng dân số trung bình đạt 6.7%/năm, tỷ lệ đất nông nghiệp giảm nhanh với tỷ lệ 28% trong khi diện tích đất phi nông nghiệp tăng 4%, và có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực nông-lâm-thủy sản sang thương mại-dịch vụ. - Đô thị hóa tại Quận Gò Vấp trong giai đoạn nghiên cứu còn tạo ra những thay đổi tiêu cực đối với môi trường tự nhiên trong khu vực, đặc biệt là ô nhiễm ngày càng gia tăng trong môi trường nước mặt và môi trường không khí. - Chỉ số chất lượng môi trường đô thị (Urban Environmental Quality Index – UEQI) được xây dựng dựa trên 6 nhóm tiêu chí chính gồm: chất lượng không khí, chất lượng nước mặt, hiệu quả quản lý chất thải rắn, tiếng ồn đô thị, cây xanh đô thị và mức độ phục vụ nước sạch. Kết quả tính toán cho thấy chỉ số UEQI có xu hướng tăng dần theo thời gian trong giai đoạn 2002 – 2010. Chỉ số UEQI tăng mạnh từ -31.38 trong năm 2002 lên 14.77 trong năm 2005. Giai đoạn tiếp theo, giá trị UEQI có tăng nhưng với tốc độ thấp hơn, trung bình tăng 2.18 điểm/năm. - Qua phân tích hồi quy tương quan theo mô hình hồi quy bậc 2 cho

		<p>thấy UEQI có mối quan hệ rất chặt chẽ ($R^2 = 99.36\%$) với giá trị dân số trung bình năm trong giai đoạn từ 2000 – 2010. UEQI sẽ tăng khi quy mô dân số gia tăng đến một ngưỡng nhất định thì UEQI sẽ giảm trong khi quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng. Khi dân số gia tăng, mặc dù nhiều áp lực được tạo ra cho các dịch vụ công như cấp nước, thoát nước và thu gom xử lý chất thải nhưng chính sự gia tăng dân số cho thấy khu vực này hấp dẫn đối với người lao động, nên chính quyền địa phương cần có những nỗ lực nhằm tạo ra môi trường trong lành và đáng sống hơn. Những nỗ lực này tập trung vào việc tăng tỷ lệ mảng xanh trong khu vực đô thị, tăng hiệu quả của các dịch vụ công, cải thiện chất lượng môi trường sống (môi trường không khí và môi trường nước)...</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>Đánh giá chất lượng môi trường đô thị bằng bộ chỉ số dựa trên hệ thống các chỉ tiêu là một hướng tiếp cận cần phải được tiếp tục nghiên cứu trong tương lai để có thể đánh giá một cách tổng quát hơn so với cách tiếp cận thông thường. Ngoài ra, cũng cần phải mở rộng bộ dữ liệu nghiên cứu về thời gian nhằm làm tăng độ chính xác của bộ chỉ số và phương pháp đánh giá.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Chỉ số UEQI cho phép mô tả được chất lượng môi trường đô thị nói chung và tình trạng của từng lĩnh vực được mô tả trong chỉ số, cụ thể là chất lượng không khí, chất lượng nước mặt, hiệu quả quản lý chất thải rắn, tiếng ồn đô thị, cây xanh đô thị và mức độ phục vụ nước sạch. Ngoài ra, chỉ số UEQI còn cho phép dự đoán được sự biến đổi về chất lượng môi trường đô thị dựa trên giá trị dân số trung bình. Do đó, chỉ số UEQI có thể được sử dụng trong nghiên cứu về đô thị hóa hoặc trong công tác quản lý đô thị.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>Nguyễn Hoàng Mỹ Lan, Trần Ngọc Định, Đánh giá chất lượng môi trường đô thị trong quá trình đô thị hóa tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2000 – 2010, Hội nghị Khoa học và Công nghệ 2016, 7/2016, Thành phố Hồ Chí Minh</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Hoàng Mỹ Lan • Học hàm/ học vị: Thạc sỹ • Nơi công tác: Khoa Đô thị học, Trường ĐH KHXH&NV TPHCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1 • Số điện thoại: 0907 928121 • Email: mylannh@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ	<p>Kỷ yếu Hội thảo 2013: Biến đổi kiến trúc vùng ven TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh đô thị hóa – Trường hợp xã Bà Điểm,</p>

	KHCN	huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Đô thị hóa
	3. Từ khóa tìm kiếm	Kiến trúc vùng ven, đô thị hóa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Kiến trúc vùng ven đô của TP. Hồ Chí Minh thay đổi như thế nào dưới tác động của đô thị hóa?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp phỏng vấn sâu Phương pháp quan sát
	6. Những phát hiện chính	- Biến đổi trong kiến trúc nhà ở: sự thay đổi từ kiến trúc nhà ở truyền thống sang kiến trúc hiện đại - Sự thay đổi trong không gian và tổ chức không gian nhà ở - Sự thay đổi của không gian đình, chùa vùng ngoại thành
	7. Các khuyến nghị	- Quy hoạch kết hợp với việc định hình kiến trúc truyền thống vùng ven. - Quản lý đô thị về công tác xây dựng nhà ở cần được đặt biệt coi trọng
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Trong việc quy hoạch và quản lý nhà ở vùng ven ngoại thành của thành phố
	9. Công bố khoa học	Việt Nam trên đường hội nhập và Phát triển bền vững, <i>Kỷ yếu hội thảo Việt Nam học lần thứ IV</i> , NXB KHXH, Hà Nội, 2013, tr.760-766.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Hoàng Trương • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Đô thị học • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TPHCM • Số điện thoại: • Email: truonghoangtruong@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách 2015: Biến đổi trong hoạt động nông nghiệp của cư dân vùng ven dưới tác động của đô thị hóa
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Đô thị hóa, sinh kế

	cứu	
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đô thị hóa, chuyển đổi kinh tế, vùng ven, nông nghiệp vùng ven
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Đô thị hóa tác động đến sự chuyển đổi kinh tế của cư dân vùng ven như thế nào?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp định lượng Phương pháp phỏng vấn sâu
	6. Những phát hiện chính	- Nông nghiệp vùng ven đô của TPHCM chuyển đổi nhanh chóng theo hướng phi nông nghiệp. - Người dân gặp nhiều khó khăn trong chuyển đổi. - Hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật cao theo hướng công nghệ.
	7. Các khuyến nghị	- Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ nông nghiệp - Cần quy hoạch và định hướng cho phát triển nông nghiệp vùng ven bền vững. - Cần phổ biến và nhân rộng mô hình nông nghiệp kỹ thuật cao
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Quy hoạch và phát triển nông nghiệp đô thị, phát triển nông nghiệp nông thôn của TPHCM
	9. Công bố khoa học	<i>20 năm đô thị hóa Nam Bộ - Lý luận và thực tiễn</i> , NXB ĐHQGTPHCM, 2015, tr.261-271.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Hoàng Trương • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Đô thị học • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TPHCM • Số điện thoại: • Email: truonghoangtruong@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách 2015: Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông ở TP. Hồ Chí Minh nhìn từ khía cạnh đặt và đổi tên đường ở huyện Củ Chi
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Đô thị, giao thông đô thị
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tên đường

	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Thực trạng công tác đặt đổi tên đường của TPHCM hiện nay như thế nào?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu thực địa. Phương pháp quan sát Phương pháp phỏng vấn sâu
	6. Những phát hiện chính	- Tên đường sai, - Tên đường trùng, - Tên đường thiếu tính thẩm mỹ
	7. Các khuyến nghị	- Đề xuất đặt tên thông qua quỹ tên đường của thành phố - Đổi tên những đường có tên sai, thiếu tính thẩm mỹ - Tăng cường quỹ tên đường
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Công tác đặt và đổi tên đường cho TP.HCM nói chung và huyện Củ Chi nói riêng
	9. Công bố khoa học	<i>Hình thành và phát triển giao thông vận tải TP.Hồ Chí Minh</i> , NXB Đại học Quốc gia TPHCM, 2015, tr.356-366
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Hoàng Trương • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Đô thị học • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TPHCM • Số điện thoại: • Email: truonghoangtruong@hcmussh.edu.vn
6	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kỷ yếu Hội thảo 2014: Nhà ở cho người nghèo tại TP.HCM góc độ cộng đồng
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhà ở đô thị
	3. Từ khóa tìm kiếm	Người nghèo, nhà ở người nghèo
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Cộng đồng có vai trò như thế nào trong việc giải quyết vấn đề nhà ở ở TPHCM hiện nay?

	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp phân tích, tổng hợp
	6. Những phát hiện chính	- Khả năng quy động của cộng đồng trong các dự án xây dựng nhà ở cho người nghèo tại TPHCM
	7. Các khuyến nghị	- Cần quan tâm đến vai trò của cộng đồng cư dân, nhất là cư dân nghèo trong các dự án nhà ở cho chính họ.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Chính sách phát triển nhà ở cho người nghèo, nhà ở xã hội tại TPHCM nói riêng và các đô thị khác
	9. Công bố khoa học	Kỷ yếu hội thảo: <i>Nhà ở khu dân cư nghèo ở TPHCM và những giải pháp hướng đến môi trường sống bền vững</i> , Đại học KHXH&NV và Viện Rosa-Luxemburg-Stiftung Southeast Aisa tổ chức, 10, 2014, tr.77-82.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Hoàng Trương • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Đô thị học • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TPHCM • Số điện thoại: • Email: truonghoangtruong@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2013: Những lát cắt đô thị
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tiếp cận đa lĩnh vực về Đô thị học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thành phố và thị trấn, Nghiên cứu đô thị, Phát triển đô thị, Đa lĩnh vực, Đô thị học
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/trình bày: 20</p> <p>Tổng số tác giả/diễn giả: 18. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 15 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 3
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: NXB ĐHQG – TP.HCM - Năm xuất bản: 2013

6. Các chủ đề chính	Quản trị đô thị; Tổ chức môi trường sống đô thị và Tổ chức hoạt động đô thị.
7. Các khuyến nghị (nếu có)	Các khuyến nghị đa dạng và cụ thể cho từng lĩnh vực mà, tựu chung lại, tập trung vào: nâng cao ý thức người dân và cải tiến phương thức nghiên cứu và thực hiện quy hoạch đô thị.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo khoa học cho sinh viên và các cá nhân, tổ chức quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu.
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Khoa Đô thị học• Trưởng đơn vị: TS. Trương Hoàng Trương• Email: truonghoangtruong@hcmusssh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Đông phương học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nghiên cứu từ vựng gốc Hán trong tiếng Indonesia (Đề tài cấp Trường năm 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Từ gốc Hán, tiếng Indonesia
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu tập trung ba nội dung chính: 1) Phân loại từ vựng gốc Hán trong tiếng Indonesia 2) Sự biến đổi ngữ âm của từ vựng gốc Hán trong tiếng Indonesia 3) Sự biến đổi ngữ nghĩa của từ vựng gốc Hán trong tiếng Indonesia
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu lịch sử, Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, Phương pháp thống kê
	6. Những phát hiện chính	Bước đầu nhận diện sự biến đổi ngữ âm và ngữ nghĩa của từ vựng gốc Hán trong tiếng Indonesia
	7. Các khuyến nghị	Tiếp tục nghiên cứu từ vay mượn trong tiếng Indonesia để có một cái nhìn tổng quan về bức tranh ngôn ngữ Indonesia.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	1) Giúp cho việc nghiên cứu và học tập từ vựng tiếng Indonesia được dễ dàng hơn. 2) Cung cấp nguồn dữ liệu cho việc nghiên cứu ngôn ngữ khu vực Đông Nam Á.
	9. Công bố khoa học	
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thanh Tuấn • Học hàm/ học vị: TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0909142546 Email: thanhtuan@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ	Kinh tế-Văn hoá Triều đại Gupta Ấn Độ và ảnh hưởng của nó

KHCN	đền Vương quốc Phù Nam (Đề tài cấp Trường năm 2013)
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hóa Gupta, Phù Nam
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu kinh tế của triều đại Gupta ở Ấn Độ (thế kỷ 4-6 CN) và kinh tế Phù Nam, Việt Nam (thế kỷ 1- 7 CN) - Nghiên cứu văn hóa của triều đại Gupta ở Ấn Độ và vương quốc Phù Nam, Việt Nam - Sự ảnh hưởng của triều đại Gupta đối với Phù Nam
5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Điền dã, thực địa ở các vùng đất được xem là thuộc quốc của Phù Nam như Gò Tháp, An Giang, Kiên Giang, Long An, Tiền Giang - So sánh đối chiếu để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa văn hóa Ấn Độ và Phù Nam, từ đó chứng minh sự ảnh hưởng của Ấn Độ đến Phù Nam <p>Malleret, L.L' Archeologie du Delta du Mekong (Khảo cổ học cùng Châu thổ Cửu Long), EFEO-Paris, 1959-1963</p> <p>Masanari Nishimura (1996), “Điều tra khảo cổ học lần thứ nhất ở lưu vực sông Vàm cỏ (Long An)”, “Những phát hiện mới về khảo cổ học, Hà Nội”, (1996)</p> <p>Witzet, M., Lê Thị Liên (1995), “Thêm một cách đọc chữ viết trên các lá vàng ở khu mộ Đá Nổi, An Giang”, Kỷ yếu <i>Những phát hiện mới về khảo cổ học Hà Nội</i></p> <p>Anna Aleksandra Slaczka (2011), “Brocks Structures of Go Thap – tomes or temples”, <i>Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory Association</i>, Vol.31(2011), p. 109-117</p>
6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Môi liên hệ giữa triều đại Gupta, Ấn Độ và vương quốc Phù Nam, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở khoa học. - Chữ Phạn (Sanskrit) ở Ấn Độ rất phát triển vào triều đại Gupta được tìm thấy ở Phù Nam, trong khi các triều đại trước đó như triều đại của vua Asoka và vua Kanisha không dùng chữ Phạn. Điều này cho thấy Gupta đã ảnh hưởng đến Phù Nam. - Việc truyền bá Phật giáo từ Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Phù Nam cũng được diễn ra vào thời đại Gupta. Vì, lúc bấy giờ kỹ thuật đóng tàu phát triển, việc phát hiện ra gió mùa giúp việc đi biển được thuận lợi. Các thương nhân nhờ đó mà có thể đi

		<p>xa hơn và đi ra biển lớn, từ đó có thể giao thương quốc tế. Nhiều học giả trước đây cho rằng Phật giáo được truyền sang Việt Nam vào thời đại Asoka. Tác giả cho rằng điều này không có cơ sở khoa học vì thời đại Asoka Phật giáo chỉ phát triển trong nước và các nước lân cận nhưng chưa có mặt ở Việt Nam, đặc biệt là Phù Nam</p> <p>- Ở Phù Nam, đặc biệt là văn hóa Óc Eo đặc sắc và nổi bật nhất là Hindu giáo. Nhiều tượng thần Hindu và các di vật thuộc Hindu giáo được tìm thấy rất nhiều trong nền văn hóa này. Thêm vào đó là các kiến trúc đền Hindu như đền thần Mặt trời, đền thần Shiva, đền thần Vishnu, ao thần,... dựa theo kết quả nghiên cứu của nhà khảo cổ học PGS.TS. Đặng Văn Thắng. Điều này càng củng cố thêm nhận định của tác giả về sự ảnh hưởng của Gupta đến Phù Nam vì triều đại Gupta cho thấy sự chuyển đạo Bà la môn thành đạo Hindu và tôn giáo này phát triển cực thịnh vào thời đại Gupta (tk 4-6 CN).</p>
	7. Các khuyến nghị	- Cần nghiên cứu sâu hơn nữa để làm rõ về sự ảnh hưởng của triều đại Gupta đối với vương quốc Phù Nam
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Bổ sung tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Ấn Độ học, Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH-NV TP. HCM
	9. Công bố khoa học	<p>- “Giá trị Ấn Độ trong văn hóa Óc Eo” in trong Kỷ yếu hội thảo quốc gia <i>Giá trị Ấn Độ ở Châu Á</i>, diễn ra tại Trường ĐHKHXH-NV TP.HCM, trang 554, 2016... NXB Đại học Quốc gia tp.HCM</p> <p>- Indian Values in OC EO Culture in trong Tạp chí quốc tế <i>American Scientific Research Journal for Engineering, Technology, and Sciences</i>, ISSN 2313-4410, Volum 25, No. 1 (2016) trang 169-800</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Thị Sinh Hiền • Học hàm/ học vị: Thạc sỹ • Nơi công tác: Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH-NV Tp.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM • Số điện thoại: 0976 901 248 Email: sinhhienussh@gmail.com
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Nghiên cứu so sánh quá trình phát triển của cảng thị Hội An (Việt Nam) và Surat (Ấn Độ)</p> <p>(Đề tài cấp Trường năm 2014)</p>

2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội
3. Từ khóa tìm kiếm	Cảng thị Hội An, cảng thị Surat, nét tương đồng, nét khác biệt
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Đề tài chủ yếu tập trung trả lời 3 câu hỏi nghiên cứu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “Sự hình thành của cảng thị Hội An (Việt Nam) và Surat (Ấn Độ)” diễn ra như thế nào? (Thông qua việc phân tích bối cảnh địa lý, lịch sử cho sự hình thành của hai cảng thị này.) 2. “Quá trình đô thị hóa ở Hội An và Surat” diễn ra như thế nào? (Thông qua việc phân tích về cấu trúc, kinh tế, thương mại, tình hình dân cư, xã hội... của hai cảng thị.) 3. “Sự tương đồng và khác biệt giữa cảng thị Hội An và Surat” thể hiện như thế nào? (Thông qua việc phân tích về sự tương đồng và khác biệt xuyên suốt quá trình phát triển của hai cảng thị Hội An và Surat).
5. Phương pháp nghiên cứu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp luận chủ yếu, bao trùm trong đề tài nghiên cứu này là phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. 2. Đề tài được thực hiện dựa trên hai phương pháp nghiên cứu chính của sử học là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. 3. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp nghiên cứu của quan hệ quốc tế và một số phương pháp chung khác như: <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thu thập tài liệu: dựa trên các nguồn tài liệu mà tác giả thu thập được từ các sách, báo, bài nghiên cứu... trong và ngoài nước. - Phương pháp sử dụng bản đồ: đề tài sử dụng các bản đồ để minh họa, cụ thể hóa cho các nội dung trình bày cũng được tác giả áp dụng xuyên suốt quá trình thực hiện đề tài. - Phương pháp so sánh được tác giả sử dụng như một trong những phương pháp trọng tâm để đánh giá toàn diện hơn quá trình phát triển của hai cảng thị Hội An (Việt Nam) và Surat (Ấn Độ), đúng như phương châm nghiên cứu đề tài: “Cần đặt Hội An trong tương quan thế giới”. - Phương pháp điền dã: đề tài mang tính thực tiễn cao hơn và có các dữ kiện và số liệu chính xác, nhóm tác giả đã thực hiện chuyến đi khảo sát thực tế đến Hội An (Quảng Nam – Việt Nam) trong tháng 4 năm 2013. - Phương pháp phỏng vấn: thực hiện một số cuộc phỏng vấn, lấy ý

	kiến của một số chuyên gia, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã và đang nghiên cứu về hai cảng thị quan trọng này.
6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tầm quan trọng của cảng thị Hội An (Việt Nam) và Surat (Ấn Độ) trong lịch sử cũng như quá trình phát triển của cả Việt Nam và Ấn Độ - Làm rõ vai trò của quan hệ giao thương đường biển giữa các nước trong lịch sử thế giới cũng như vai trò của hai cảng thị này trên trường quốc tế vào những thế kỷ XVI – thế kỷ XVIII. - Bài học kinh nghiệm của Việt Nam và Ấn Độ trong việc trùng tu, bảo tồn và khai thác các giá trị của các đô thị cảng. - Đưa ra những nhận định chung nhất về quá trình phát triển cảng thị trong giai đoạn trung - cận đại ở Việt Nam và Ấn Độ nói riêng và trong khu vực Châu Á nói chung. - Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai cảng thị Hội An và Surat theo tiến trình phát triển của thời gian (từ quá khứ đến hiện tại)
7. Các khuyến nghị	- Tăng cường hơn nữa sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ giữa Việt Nam và Ấn Độ trong việc phát triển các cảng thị thời trung cận đại trong giai đoạn hiện nay.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phục vụ cho công tác đào tạo và Nghiên cứu khoa học 2. Đóng góp cho việc xây dựng và phát triển Bộ môn Ấn Độ học ==> Là tài liệu tham khảo có ích cho những ai quan tâm đến văn hóa, kinh tế xã hội Ấn Độ và mối liên hệ mật thiết giữa Ấn Độ và Đông Nam Á, đặc biệt Việt Nam. Đồng thời, công trình cũng góp phần gợi mở những ý tưởng nghiên cứu sâu hơn về Ấn Độ học. 3. Góp phần tăng cường quan hệ các nước, cụ thể hai nước Việt Nam - Ấn Độ ==> Đề tài góp phần cung cấp thông tin, tư liệu cho các hoạt động giao thương giữa Ấn Độ – Việt Nam nói riêng và Ấn Độ – Đông Nam Á nói chung trong lĩnh vực giao thương đường biển, giao lưu kinh tế - văn hóa, góp phần tăng cường hiểu biết và mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – Ấn Độ, đặc biệt về kinh tế biển, an ninh hàng hải – lĩnh vực đầy tiềm năng của hai quốc gia.
9. Công bố khoa học	<p>Nghiên cứu này đã được công bố dưới những hình thức nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài báo tạp chí trong nước: Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á <ol style="list-style-type: none"> 1. Phan Nữ Quỳnh Thi, Trần Thị Cẩm Tú, “Nét tương đồng trong

		<p>quá trình phát triển cảng thị Hội An (Việt Nam) và Surat (Ấn Độ)”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á</i>, Số 01 (38) Tháng 01/2016, Tòa soạn: P. 711, Số 01, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.</p> <p>2. Phan Nữ Quỳnh Thi, Trần Thị Cẩm Tú, “Sự khác biệt trong quá trình phát triển cảng thị Hội An (Việt Nam) và Surat (Ấn Độ)”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á</i>, Số 02 (39) Tháng 02/2016, Tòa soạn: P. 711, Số 01, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: PHAN NỮ QUỲNH THI • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh • Số điện thoại: 0932659889 • Email: quynhthipilot.dp@gmail.com
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2013: Dấu ấn Ấn Độ trong tiếp biến văn hóa ở Việt Nam và Đông Nam Á
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa Ấn Độ Tôn giáo Ấn Độ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Dấu ấn, Ấn Độ, tiếp biến văn hóa, Đông Nam Á
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 26 Tổng số tác giả/diễn giả: 28. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 17 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 11
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	- Ảnh hưởng Phật giáo và Hindu giáo của Ấn Độ đối với các nước Đông Nam Á - Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với văn hóa Champa - Các di tích khảo cổ mang dấu ấn Ấn Độ
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	

	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Đông phương học • Trưởng đơn vị: TS. Hồ Minh Quang • Email:quangho@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2016: Giá trị Ấn Độ ở Châu Á
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa Ấn Độ Tôn giáo Ấn Độ Kinh tế Ấn Độ Chính trị Ấn Độ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Ấn Độ, giá trị, châu Á
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 30 Tổng số tác giả/diễn giả: 33. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 17 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 16
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	- Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ - Mandala - Giá trị Ấn Độ ở Việt Nam và Đông Nam Á
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Đông phương học • Trưởng đơn vị: TS. Hồ Minh Quang • Email:quangho@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/	Kỷ yếu Hội thảo 2013: Mối quan hệ Ấn Độ và Đông Nam Á:

	toạ đàm	Cam kết chiến lược hay hội nhập khu vực
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Quan hệ quốc tế Văn hóa Lịch sử Tôn giáo Kinh tế Chính trị
	3. Từ khóa tìm kiếm	Ấn Độ, Đông Nam Á
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 29 Tổng số tác giả/diễn giả: 33. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 16 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 17
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	- Quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Ấn Độ - Quan hệ Ấn Độ - ASEAN - Chính sách hướng đông của Ấn Độ
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Đông phương học • Trưởng đơn vị: TS. Hồ Minh Quang • Email: quangho@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/ tọa đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2012: Từ điển Hindi -Việt
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Từ điển, Hindi-Việt

4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/trình bày: 01</p> <p>Tổng số tác giả/diễn giả: 02. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 01 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 01
5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Giáo Dục Việt Nam - Năm xuất bản: 2012
6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn từ điển Hindi - Việt - Biên soạn từ vựng, câu, thành ngữ, ngạn ngữ thông dụng trong đàm thoại hàng ngày - Trú trọng vào những từ vựng có giá trị đặc biệt về văn hóa, xã hội giúp thể hiện nét đẹp của các giá trị Ấn Độ.
7. Các khuyến nghị (nếu có)	<p>Biên soạn từ điển Hindi-Việt về kinh tế và chính trị.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Ấn Độ học, Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH-NV Tp.HCM</p>
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Đông phương học • Trưởng đơn vị: TS. Hồ Minh Quang • Email:quangho@hcmussh.edu.com

KHOA, BỘ MÔN		
Giáo dục học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2015: Đổi mới đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Việt Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Đào tạo giáo viên
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đào tạo giáo viên, năng lực giáo viên, mô hình đào tạo giáo viên
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 22 Tổng số tác giả/diễn giả: 23. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 07 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 16
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: Phần 1: Vai trò, năng lực của giáo viên và đổi mới chương trình đào tạo Phần 2: Chính sách, quản lý và đổi mới mô hình đào tạo giáo viên - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. HCM - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	- Đào tạo giáo viên: vai trò, năng lực giáo viên, đổi mới chương trình; - Chính sách quản lý và đổi mới mô hình đào tạo giáo viên
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	- Ở phần 1, các tác giả trình bày những nghiên cứu về vai trò người thầy, các yêu cầu về năng lực “toàn diện” của người giáo viên; từ đó bàn luận về việc đổi mới chương trình đào tạo giáo viên - Các bài viết ở phần 2 bàn về một sự thay đổi mang tính vĩ mô: mô hình đào tạo giáo viên, các vấn đề chính sách và quản lý đối với giáo viên
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Phát triển chương trình đào tạo giáo viên; - Giảng dạy và nghiên cứu
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Giáo dục • Trưởng đơn vị: TS. Hoàng Mai Khanh • Email: maikhanhhoang@hcmussh.edu.vn

2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách chuyên khảo 2014: Giáo dục và Phát triển
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giáo dục
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giáo dục đại học, Đào tạo nguồn nhân lực, Giảng dạy
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 21 Tổng số tác giả/diễn giả: 21. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 12 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 09
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: Phần 1: Những vấn đề quản lý giáo dục Phần 2: Những vấn đề tâm lý, giáo dục và phát triển con người - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	- Quản lý giáo dục; - Giáo dục học; - Kinh tế học giáo dục; - Tâm lý học giáo dục; - Giáo dục gia đình
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	- Phổ nghiên cứu đa dạng, từ các nghiên cứu khảo sát, đánh giá thực tiễn đến các nghiên cứu tổng luận có tính định hướng cho các nghiên cứu thực tiễn tiếp theo - Nội dung các bài viết phong phú, được phân chia thành hai phần lớn: các vấn đề chính sách và quản lý giáo dục; và các vấn đề về giáo dục, tâm lý và phát triển con người
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Giảng dạy; - Nghiên cứu
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Giáo dục • Trưởng đơn vị: TS. Hoàng Mai Khanh • Email: maikhanhhoang@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Lịch sử		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nam bộ trong tiến trình Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế KX.10 Cấp Nhà nước
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội và Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nam bộ, hội nhập, khu vực, quốc tế
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Tiến trình giao thoa và tiếp biến văn hóa của vùng đất Nam Bộ qua các thời kỳ lịch sử? - Vị thế, vai trò của vùng đất Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của dân tộc Việt Nam?
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic. - Phương pháp nghiên cứu liên ngành.
	6. Những phát hiện chính	- Kết quả nghiên cứu phác họa lại toàn bộ tiến trình giao thoa và tiếp biến văn hóa của vùng đất Nam Bộ qua các thời kỳ lịch sử. Làm rõ vị thế, vai trò của vùng đất Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của dân tộc Việt Nam; - Làm sáng tỏ quá trình và những đặc điểm, đặc thù, những vấn đề có tính quy luật của sự hội nhập quốc tế của Nam Bộ, trong đó hội nhập kinh tế có vai trò hết sức to lớn; - Tính năng động, linh hoạt trong giao lưu văn hoá ở Nam Bộ và mối liên hệ giữa hội nhập, tiếp biến văn hoá và sự phát triển kinh tế-xã hội trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là ở thời cận hiện đại.
	7. Các khuyến nghị	Có chính sách, biện pháp phù hợp góp phần thúc đẩy sự phát triển của vùng đất Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Kết quả nghiên cứu cung cấp những thông tin, luận giải khoa học, dự báo xu hướng phát triển của vùng đất Nam Bộ, làm cơ sở khoa học cho các chính sách, biện pháp mới của Đảng và Nhà nước trong việc xác định vị thế và vai trò của Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của đất nước ta. - Kết quả nghiên cứu được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh thuộc chuyên ngành khoa học xã hội về những vấn đề liên quan đến vùng đất Nam bộ
	9. Công bố khoa học	- “Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề “Nam bộ trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới - Một số vấn đề đặt ra”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học <i>Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ</i> -

		<p><i>Lịch sử nghiên cứu và phương pháp tiếp cận</i>. NXB Thế Giới, HN.</p> <p>- “Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đề tài Nam bộ trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học <i>Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ - Lịch sử nghiên cứu và phương pháp tiếp cận</i>. NXB Thế Giới, HN.</p> <p>- “Đánh giá vai trò của Nam bộ trong tiến trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới từ năm 1975 đến nay”, Kỷ yếu hội thảo khoa học lần thứ ba <i>Mấy vấn đề bản sắc văn hóa – xã hội</i>. NXB Thế giới.</p> <p>- “Nam bộ của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, Tạp chí <i>Phát triển Khoa học & Công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TP.HCM, tập 16, X1, 2013.</p> <p>- Sách chuyên khảo <i>“Vùng đất Nam Bộ, tập X: Tiến trình hội nhập khu vực và thế giới”</i> Chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, HN, 2017.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Võ Văn Sen • Học hàm/học vị: GS.TS • Nơi công tác: Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQGTP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0908168039 • Email: senvv275@yahoo.com
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Nghiên cứu tổng hợp điều kiện tự nhiên, xã hội và giá trị lịch sử-văn hóa phục vụ phát triển bền vững khu vực Thoại Sơn tỉnh An Giang</p> <p>B2012-18b-05TD Trọng điểm 2 ĐHQG HN và TP.HCM</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội và Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thoại Sơn, phát triển bền vững, tự nhiên, xã hội, lịch sử
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Thoại Sơn và cộng đồng dân cư.</p> <p>- Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, chính trị xã hội của vùng đất Thoại Sơn.</p> <p>- Đánh giá thực trạng kinh tế, văn hóa và môi trường huyện Thoại Sơn làm cơ sở cho việc định hướng phát triển bền vững trong tương lai.</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp tiếp cận liên ngành khu vực học và khoa học phát triển
	6. Những phát hiện chính	- Theo định hướng chiến lược phát triển ở Việt Nam (chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam), vấn đề thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện môi trường, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững là một lĩnh vực cần ưu tiên trong phát triển kinh tế bền vững. Căn cứ vào những thực tiễn của huyện Thoại Sơn

		<p>từ việc đánh giá các nguồn lực, phân tích lợi thế so sánh, vận dụng các tiếp cận tích hợp phát triển và bảo tồn (integrated conservation and development approach), từ trên xuống (top down approach) và từ dưới lên (bottom up approach), công trình nghiên cứu đã đưa ra mô hình phát triển bền vững, định hướng không gian kết hợp phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường ở huyện Thoại Sơn.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc tiến hành nghiên cứu một khu vực cụ thể trong chiều sâu lịch sử về tất cả các mặt tự nhiên, lịch sử, văn hóa, dân cư, kinh tế,... cần được sự quan tâm của nhiều ngành khoa học khác nhau, của nhiều chuyên gia thuộc các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Đòi hỏi cần có sự liên kết trong nghiên cứu khu vực học.</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>- Cần phải có chính sách, biện pháp phù hợp góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện vùng đất Thoại Sơn.</p> <p>- Nghiên cứu một không gian văn hóa cụ thể hướng tới phát triển bền vững cần phải được dựa trên cơ sở lý luận khu vực học đầy đủ và hướng tiếp cận tổng hợp, hệ thống liên ngành.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Kết quả nghiên cứu đã phục dựng nên một bức tranh toàn cảnh về vùng đất và con người huyện Thoại Sơn bao quát trên nhiều lĩnh vực từ điều kiện tự nhiên đến kinh tế-xã hội, vấn đề phát triển bền vững và những tác động của biến đổi toàn cầu đối với sự phát triển của huyện Thoại Sơn.</p> <p>- Phục vụ cho các cơ quan chức năng của tỉnh An Giang nói riêng, đồng bằng sông Cửu Long nói chung.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu được sử dụng làm tài liệu tham khảo và giảng dạy cho sinh viên, học viên cao học thuộc chuyên ngành khoa học xã hội về những vấn đề liên quan đến vùng đất An Giang nói riêng, Nam bộ nói chung.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>- “Nguồn lực sinh kế của hộ gia đình huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang”, Tạp chí <i>Phát triển Khoa học & Công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TP.HCM, tập 17, số x4, 2014</p> <p>- Sách chuyên khảo “<i>Thoại Sơn trên đường phát triển và bền vững</i>” Đồng chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, 2016.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Võ Văn Sen • Học hàm/ học vị: GS.TS • Nơi công tác: Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQGTP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0908168039 • Email: senvv275@yahoo.com
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long (1954-1975) , (Sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM,

	2011.
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội và Nhân văn
3. Từ khóa tìm kiếm	Ruộng đất, đồng bằng sông Cửu Long
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Từ góc độ sử học Mác- xít, “Vấn đề ruộng đất” có hai hướng tiếp cận nghiên cứu khác nhau: <i>Một là</i> , nghiên cứu về các hình thức, hình thái sở hữu, chiếm hữu ruộng đất trong một quan hệ sản xuất, một hình thái kinh tế-xã hội hay trong các quan hệ sản xuất, các hình thái kinh tế- xã hội khác nhau trong lịch sử. <i>Hai là</i> , nghiên cứu ruộng đất ở khía cạnh giải quyết yêu cầu về ruộng đất của nông dân trong các cuộc cách mạng trong lịch sử, từ cách mạng tư sản đến cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa. Công trình này không tiếp cận theo hướng thứ nhất mà chủ yếu đặt ra và giải quyết ở mức độ nhất định “vấn đề ruộng đất” ở đồng bằng sông Cửu Long theo khía cạnh thứ hai. Ở phương hướng đó, giới hạn nghiên cứu được xác định là không đi vào nội dung thực chất của chính sách ruộng đất của cách mạng và chính quyền Sài Gòn mà chủ yếu tìm hiểu những tác động của chính sách kinh tế - xã hội, chính sách ruộng đất của cách mạng và chính quyền Sài Gòn được thực hiện trong bối cảnh chiến tranh.
5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic - Phương pháp nghiên cứu định lượng - Phương pháp nghiên cứu định tính
6. Những phát hiện chính	- Kết quả nghiên cứu cho thấy, những tác động từ chính sách kinh tế của cách mạng và chính quyền Sài Gòn thực hiện trong bối cảnh cuộc chiến tranh “bình định” và “chống bình định” đã tác động to lớn đến sự chuyển biến của chế độ sở hữu ruộng đất và kết cấu giai cấp, tầng lớp xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 1954-1975. - Bảng “chiều dài lịch sử” của những diễn biến phức tạp, nghiên cứu đã làm sáng tỏ những đặc điểm kinh tế những chuyển biến cơ bản về chế độ ruộng đất (cả về định tính và định lượng), dưới tác động của cuộc chiến tranh, của các chính sách kinh tế -xã hội trong thời chiến của cách mạng cũng như của chế độ Sài Gòn qua cả ba giai đoạn 1955-1960, 1960-1970 và 1970-1975 (bao gồm cả những thành tựu và hạn chế của lịch sử để lại), khi miền Nam cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Với cách tiếp cận như trên, công trình đã có những đóng góp khoa học mới nhất định so với các công trình đi trước.
7. Các khuyến nghị	Chế độ ruộng đất liên hệ và chi phối mạnh đến nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội khác như: vấn đề nông dân trong cách mạng dân

		tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, vấn đề kết cấu giai cấp, tầng lớp xã hội trong nông thôn, vấn đề dân cư và lao động, vấn đề hình thức và bước đi thích hợp trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, vấn đề sản xuất nông sản hàng hóa. Do vậy, trong bất cứ thời kỳ lịch sử nào cũng cần phải có chính sách pháp phù hợp về vấn đề ruộng đất.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ những đặc điểm kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long khi bước vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, góp thêm tư liệu tham khảo, giúp hiểu rõ hơn những tranh chấp phức tạp và tế nhị về ruộng đất đã bùng nổ ở đồng bằng sông Cửu Long từ cuối năm 1988, cũng như hiểu rõ hơn về một số vấn đề xoay quanh con đường phát triển kinh tế hộ gia đình hiện nay.</p> <p>- Phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy bậc đại học và sau đại học thuộc chuyên ngành khoa học xã hội về những vấn đề liên quan đến ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, toàn miền Nam Việt Nam nói chung.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>- “Việc vận động đồng bào Khmer trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)”, Tạp chí <i>Phát triển Khoa học & Công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TP.HCM, tập 13, số X1, 2010.</p> <p>- “Tìm hiểu về sự chuyển biến của tầng lớp trung nông ở đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1955-1975”, Tạp chí <i>Nghiên cứu lịch sử</i>, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Sử học, số 8 (496), năm 2017.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Võ Văn Sen • Học hàm/ học vị: GS.TS • Nơi công tác: Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQGTP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0908168039 • Email: senvv275@yahoo.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thái độ của sĩ phu Việt Nam thời tiếp xúc Đông – Tây (thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XX) (Đề tài ĐHQG năm 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Sĩ phu, Tiếp xúc Đông - Tây
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Thái độ của sĩ phu Việt Nam thời tiếp xúc Đông – Tây (thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XX) như thế nào?
	5. Phương pháp	Lịch sử, Logic

	nghiên cứu	
	6. Những phát hiện chính	<p>Chính sách của nhà nước và vai trò của sĩ phu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sĩ phu có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, nhất là đối với nền chính trị quốc gia. - Nhà nước đương thời (đặc biệt chúa Nguyễn và triều Nguyễn) rất coi trọng sĩ phu và có chính sách tuyển dụng khá tốt. - Sự phân hóa sâu sắc trong giới sĩ phu trong thời tiếp xúc Đông – Tây. - Hạn chế của sĩ phu khiến họ chậm thích ứng với văn minh phương Tây. - Có sự chuyển giao thể hệ giữa sĩ phu và trí thức tân học.
	7. Các khuyến nghị	Có chính sách thỏa đáng để phát huy vai trò tích cực của trí thức
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Những bài học lịch sử rút ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước cần quan tâm tạo điều kiện cho trí thức phát huy vai trò của mình trong đời sống xã hội. - Trí thức phải luôn thực hiện tốt vai trò của mình trong đời sống xã hội (Tiếp thu và truyền bá tri thức; Sáng tạo các giá trị mới của tri thức; Đề xuất, phản biện một cách độc lập các chủ trương, chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề của xã hội; Dự báo phát triển và định hướng dư luận xã hội; Tham gia gián tiếp và trực tiếp vào quá trình sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội)
	9. Công bố khoa học	Đề tài NCKH cấp ĐHQG, xuất bản thành sách chuyên khảo, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, 2014, chủ biên. Tạp chí Phát triển KH&CN ĐHQG Tp. HCM, Tập 19, X1-2016. ISSN 1859 - 0128
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thuận • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Lịch sử, ĐHKHXH&NV Tp. HCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, Tp. HCM • Số điện thoại: 0918259495 • Email: tranthuanxhvn@gmail.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách chuyên khảo 2014: Tư tưởng Việt Nam thời Trần
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thời Trần, Kháng chiến chống Mông – Nguyên, Thiền phái Trúc

		Lâm Yên Tử, Thân dân, Hôn nhân nội tộc
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Thời Trần có những tư tưởng nào nổi bật?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Lịch sử, Logic
	6. Những phát hiện chính	Tư tưởng thời Trần góp phần đưa dân tộc thăng hoa
	7. Các khuyến nghị	Phát huy tư tưởng thân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (dựng nước và giữ nước). Trong thời đại ngày nay là phát huy cao độ tinh thần dân chủ.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Những bài học lịch sử rút ra từ tưởng Việt Nam thời Trần - Tư tưởng yêu nước thương dân gắn liền với việc thực hành cứu nước, cứu dân – tư tưởng chủ đạo trong hệ tư tưởng Việt Nam - Phát huy tư tưởng thân dân trong trị nước, an dân; tinh thần đại đoàn kết dân tộc. - Sự kế thừa và kết hợp những giá trị truyền thống với văn minh hiện đại trong dựng nước và giữ nước. - Chính sách khéo léo đối với tôn giáo, tín ngưỡng.
	9. Công bố khoa học	Luận án Tiến sĩ. Đã xuất bản thành sách chuyên khảo, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, 2014, tác giả.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thuận • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Lịch sử, ĐHKHXH&NV Tp. HCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, Tp. HCM • Số điện thoại: • Email: tranthuanxhmv@gmail.com
1	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Sách 2012: Sài Gòn - Tp Hồ Chí Minh hành trình 100 năm (1911 - 2011)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, Hành trình 100 năm
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số tác giả: 06. Trong đó,

		- Tác giả là CB - GV trong Trường: 05 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 01
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2011, TB: 2012
	6. Các chủ đề chính	- Bác Hồ đi tìm đường cứu nước - Sài Gòn đi trước về sau
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Phát huy truyền thống cách mạng của Sài Gòn – Tp. HCM trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đơn vị: TS. Hà Minh Hồng • Email: honghaminhvn@yahoo.com.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2012: Côn Đảo – 150 năm đấu tranh, xây dựng và phát triển (1862 - 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Côn Đảo, Chính trị phạm, Vượt Côn Đảo, Nghĩa trang Hàng Dương, Chuồng cọp
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết: 83 Tổng số tác giả: 94. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 28 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 66
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Chính trị quốc gia - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	Phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo góp phần làm nên chiến thắng của cách mạng VN
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Xúc tiến du lịch tâm linh
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Giáo dục truyền thống cách mạng - Du lịch Bà Rịa – Vũng Tàu

	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đơn vị: TS. Hà Minh Hồng Email: honghaminhvn@yahoo.com.vn
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2012: Chủ tịch Hồ Chí Minh – Hành trình tìm đường cứu nước
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nguyễn Ái Quốc, Tìm đường cứu nước, Đường cách mệnh, Bản án chế độ thực dân, Chánh cương sách lược
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/trình bày: 115 Tổng số tác giả: 115. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 10 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 105
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	- Quá trình Bác Hồ đi tìm đường cứu nước - Con đường cách mạng Bác Hồ lựa chọn
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Giáo dục truyền thống cách mạng - Giáo dục lịch sử
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đ/vị: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung Email: dungnguyen@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2012: Nhớ về Chiến thắng Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không năm 1972
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Hà Nội, Chiến tranh phá hoại, Điện Biên Phủ trên không, B.52, Hiệp định Paris
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số tác giả: 36. Trong đó,

		- Tác giả là CB - GV trong Trường: 16 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 20
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	- Chiến tranh phá hoại - Đánh bại chiến tranh phá hoại buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đơn vị: TS. Hà Minh Hồng • Email: honghaminhvn@yahoo.com.vn
5	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2013: Đại tướng trong lòng dân
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đại tướng, Anh cả QĐNDVN, Điện Biên Phủ, Kháng chiến chống Pháp, Đại tướng trong lòng dân
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số tác giả: 74 Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 15 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 59
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	- Anh hùng dân tộc - Quân đội nhân dân Việt Nam
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đ/vị: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung • Email: dungnguyen@hcmussh.edu.vn

6	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2014: Chiến thắng Điện Biên Phủ - Những vấn đề lịch sử
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thực dân Pháp, Chiến dịch Điện Biên, Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp, Hiệp định Genève
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số tác giả: 166. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 20 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 146
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG Tp. HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	- Chiến dịch Điện Biên Phủ - Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi - Hội nghị và Hiệp định Genève
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đ/vị: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung • Email: dungnguyen@hcmussh.edu.vn
7	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2015: Việt Nam – 40 năm hòa bình, thống nhất, xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Hòa bình, thống nhất, xây dựng CNXH, đổi mới, CNH - HĐH
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết: 241 Tổng số tác giả: 278. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 22 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 256
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG Tp. HCM - Năm xuất bản: 2015

	6. Các chủ đề chính	- Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước - Xây dựng CNXH và Đổi mới đất nước - Phát triển và hội nhập
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Nhận thức đúng giá trị của độc lập dân tộc, thống nhất đất nước
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đ/vị: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung • Email: dungnguyen@hcmussh.edu.vn
8	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2016: Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 – 100 năm nhìn lại
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam Quang Phục hội, vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số tác giả: 7. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 7 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 0
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	- Việt Nam Quang Phục hội và phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX - Vua Duy Tân và cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Đánh giá đúng giá trị khoa học của cuộc vận động khởi nghĩa
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam
		9. Đơn vị
9	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2015: Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, độc lập dân tộc, “Mỹ cút, ngụy nhào”.
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết: 46 Tổng số tác giả: 49. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 06 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 43
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	- Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, thống nhất đất nước - Bác Hồ với sự nghiệp giải phóng miền Nam
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Ra sức bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Lịch sử • Trưởng đ/vị: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung Email: dungnguyen@hcmussh.edu.vn
10	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách 2015: Di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Ánh sáng của trí tuệ và niềm tin
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Di chúc, Hồ Chí Minh, niềm tin chiến thắng, nhân văn, đảng cầm quyền
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết: 77 Tổng số tác giả: 86. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 06 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 80
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp Tp. HCM - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	- Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, thống nhất đất nước

		- Bác Hồ viết Di chúc
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo dục truyền thống cách mạng
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Khoa Lịch sử• Trưởng đ/vị: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung• Email: dungnguyen@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Ngữ văn Anh		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Những khó khăn trở ngại cho hoạt động công bố khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (Đề tài cấp Trường năm 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Trở ngại; công bố khoa học; khoa học xã hội và nhân văn
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Thái độ, nhận thức của giảng viên đối với việc nghiên cứu khoa học và công bố khoa học - Những trở ngại cho công bố trong nước và quốc tế
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Khảo sát - Phỏng vấn sâu
	6. Những phát hiện chính	- Có những khác biệt đáng kể về thái độ, nhận thức đối với nghiên cứu và công bố khoa học giữa giảng viên ở các nhóm tuổi, trình độ, có thời gian dành cho giảng dạy hay kinh nghiệm nghiên cứu và công bố khoa học khác nhau. - Các biến khác nhau (như khoa/ ngành, độ tuổi, trình độ, nơi đào tạo, kinh nghiệm,...) có những ảnh hưởng khác nhau đến các trở ngại trong công bố trong nước và quốc tế.
	7. Các khuyến nghị	Đề tài đưa ra một số góp ý cho giảng viên cũng như lãnh đạo các cấp nhằm nâng cao việc công bố khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giảng viên và các nhà quản lý ở các trường đại học ở Việt Nam cũng như ở các nước sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ khác.
	9. Công bố khoa học	Pho, Phuong Dzung & Tran, Thi Minh Phuong (2016), Obstacles to scholarly publishing in the social sciences and humanities: A case study of Vietnamese scholars, <i>Publications</i> , 4, 19; doi: 10.3390/publications4030019. Phó Phương Dung và Trần Thị Minh Phượng (2016), “Giải pháp tăng cường công bố khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn”, <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i> , NXB Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh.

	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phó Phương Dung • Học hàm/ học vị: TS. GVC. • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc Gia TPHCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, TPHCM • Số điện thoại: 38243328 • Email: phophuongdung@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KH-CN	<p>Sách 2013: Authorial Stance in Research Articles: Examples from Applied Linguistics and Educational Technology.</p> <p>(Quan điểm tác giả trong các bài báo khoa học chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng và Công nghệ giáo dục)</p>
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Phân tích diễn ngôn	
3. Từ khóa tìm kiếm	Cấu trúc tu từ; quan điểm tác giả; bài báo khoa học	
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc bài báo khoa học - Quan điểm tác giả trong các bài báo khoa học 	
5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ học khối liệu - Phân tích thể loại - Phân tích thống kê 	
6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Những khác biệt quan trọng về cấu trúc các phần trong bài báo và cách thể hiện quan điểm tác giả trong các bài báo khoa học thuộc 2 chuyên ngành - Những điểm khác biệt có hệ thống về cách thể hiện quan điểm tác giả giữa các hành động tu từ 	
7. Các khuyến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp những người chưa có nhiều kinh nghiệm viết bài báo khoa học có thể viết tốt hơn - Dùng cho các khóa học dạy viết học thuật 	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên sau đại học các ngành ngôn ngữ học ứng dụng và công nghệ giáo dục - Tài liệu cho các giảng viên Tiếng Anh học thuật và Tiếng Anh chuyên ngành 	

	9. Công bố khoa học	- Sách xuất bản quốc tế (Nhà xuất bản Palgrave Macmillan ở Anh) Pho, Phuong Dzung (2013), <i>Authorial Stance in Research Articles: Examples from Applied Linguistics and Educational Technology</i> , London and New York: Palgrave Macmillan.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phó Phương Dung • Học hàm/ học vị: TS. GVC. • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc Gia TP HCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, TP HCM • Số điện thoại: 38243328 • Email: phophuongdung@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Ân dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị Mỹ và việc dịch ân dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học, dịch thuật, ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu
	3. Từ khóa tìm kiếm	Ân dụ, tri nhận, nhận diện ân dụ, dịch ân dụ, văn bản diễn thuyết chính trị
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của ân dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị Mỹ; - Các bước nhận diện các biểu thức ân dụ; - Chiến lược dịch ân dụ trong VBĐTCT Mỹ từ tiếng Anh sang tiếng Việt dựa vào các bản dịch tiếng Việt của các dịch giả Việt Nam.
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp mô tả - Phương pháp đối chiếu - Phương pháp diễn cú - Phương pháp thống kê
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích hơn 1000 biểu thức ân dụ từ 127 văn bản diễn thuyết chính trị Mỹ, phát biểu của các nhà hoạt động chính trị và văn bản báo chí Việt Nam, tìm ra được các đặc điểm tiêu biểu của ân dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị; - Xác lập một quy trình nhận diện và diễn giải ý nghĩa của ân dụ, giúp người học hiểu rõ ân dụ từ cấu trúc bề mặt đến hàm ý bên trong; - Xây dựng một quy trình dịch ân dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt

		<p>với 4 mô hình và 3 nguyên tắc theo tri nhận luận;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng kết quả vào ba điển cứu về ẩn dụ liên quan đến Giác mơ Mỹ, giúp có cái nhìn sâu hơn về ẩn dụ ở khía cạnh ngôn ngữ và tư duy; - Tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm để chứng minh tính khả thi của quy trình dịch ẩn dụ đề xuất.
7. Các khuyến nghị		<p>Quy trình dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt cần được áp dụng với sự kết hợp linh hoạt 4 mô hình và 3 nguyên tắc của nó để việc dịch ẩn dụ mang tính hệ thống, khoa học hơn trong đào tạo dịch thuật.</p> <p>Dữ liệu nghiên cứu có thể sử dụng làm nguồn tài liệu trong giảng dạy, biên soạn và xây dựng ngân hàng đề thi.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho học viên, giảng viên và người nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học và dịch thuật; - Là nguồn dữ liệu phục vụ cho công tác khảo thí trong đào tạo dịch thuật.
9. Công bố khoa học		<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Như Ngọc (2013), “Xác lập quy trình ẩn dụ trong tiếng Anh (Trên cứ liệu văn bản diễn thuyết của Mĩ)”, <i>Từ điển học và Bách khoa thư</i>, 6 (26): 31 – 37. 2. Nguyễn Thị Như Ngọc (2014), “Phân tích ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị của Mĩ”, <i>Ngôn ngữ học & Đời sống</i>, 1 (219): 41 – 47. 3. Nguyễn Thị Như Ngọc (2014), “<i>Một số đặc điểm của ẩn dụ tri nhận trong diễn ngôn chính trị Mỹ</i>”, <i>Khoa học Xã hội</i>, 2 (186): 39 – 48. 4. Nguyễn Thị Như Ngọc (2014), “Xác lập quy trình dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt (trên cứ liệu văn bản diễn thuyết chính trị Mỹ)”, <i>Ngôn Ngữ</i>, 4 – 2014: 59 – 71. 5. Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Thị Kiều Thu (2014), “Activities using computer-based technologies in teaching translation and interpreting” (Sử dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy dịch thuật), <i>Kỷ yếu Hội thảo International Conference on English learning and teaching (ICELT 2012)</i>, Khoa Ngữ văn Anh – Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – ĐHQG TP.HCM, Tập san Khoa học Xã hội & Nhân văn, 61 (6 – 2014): 325 – 334. <p>Nguyễn Thị Kiều Thu, Nguyễn Thị Như Ngọc (2014), “A Survey of the Teaching of Translation at the Faculty of English Linguistics & Literature, USSH, VNU-HCM” (Khảo sát phương pháp giảng dạy dịch thuật tại Khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐHKHXHNV,</p>

		ĐHQG TP.HCM), Proceedings of 2014 <i>International Conference on English Language Teaching</i> (ICELT 2014), Hanoi: Knowledge: 397 – 416.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thị Như Ngọc • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc Gia TP HCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, TP HCM • Số điện thoại: 0989.600.234 • Email: nhungoc@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Khảo sát việc giảng dạy và đánh giá các môn biên-phiên dịch bậc đại học ở Việt Nam (Đề tài cấp ĐHQG năm 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ, dịch thuật
	3. Từ khóa tìm kiếm	Dịch thuật, đào tạo dịch thuật, phương pháp giảng dạy, công nghệ thông tin
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động dạy và học trong thực tế các học phần dịch thuật là như thế nào? - Cách đánh giá bài dịch trong các học phần dịch thuật như thế nào?
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thực địa: thực hiện tại 14 trường đại học ở Việt Nam, bao gồm: Phỏng vấn: 48 giảng viên; Bảng hỏi: 80 giảng viên và 1181 sinh viên; Quan sát lớp: 25 lớp - Phương pháp mô tả - Phương pháp so sánh - Phương pháp thống kê
	6. Những phát hiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dạy dịch thuật có gắn kết các kỹ thuật dạy ngoại ngữ; 2. Quy trình trên lớp dịch thuật giống quy trình lớp kỹ năng ngôn ngữ gồm 3 bước Trước, Trong và Sau; 3. Chương trình đào tạo dịch thuật còn chú trọng nhiều đến dạy ngôn ngữ hơn là cung cấp kỹ năng dịch thuật; 4. Không có sự thống nhất về hình thức đánh giá dịch thuật giữa các trường cũng như trong nội bộ từng trường (dạng thức đề thi, thời

		<p>lượng thi, thang điểm); Tiêu chí đánh giá khác nhau dẫn đến thang điểm khác nhau và mức độ chú quan cao trong đánh giá kết quả học tập.</p>
7. Các khuyến nghị		<ul style="list-style-type: none"> - Cần áp dụng một số hoạt động và kỹ thuật dạy, đánh giá bài dịch để giúp giảng viên đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và giảm thiểu tính chủ quan trong đánh giá dịch thuật; - Cần áp dụng các hoạt động phù hợp liên quan đến đào tạo giảng viên và nội dung, tài liệu học tập; - Cần áp dụng cách thức giảng dạy mới có áp dụng công nghệ thông tin, phương pháp giao tiếp, kết hợp lý thuyết với thực hành; - Cần tiến hành các hoạt động hỗ trợ để nâng cao tính chuyên nghiệp trong đào tạo dịch thuật. - Cần xây dựng một hệ thống các tiêu chí đánh giá bài dịch với các thang điểm phù hợp với nội dung và mục đích đào tạo của từng trường.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên và người nghiên cứu trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ và dịch thuật; - Là nguồn dữ liệu phục vụ cho công tác xây dựng chương trình đào tạo và khảo thí trong đào tạo dịch thuật.
9. Công bố khoa học		<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Thị Kiều Thu (2014), “Activities using computer-based technologies in teaching translation and interpreting” (Sử dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy dịch thuật), Kỷ yếu Hội thảo <i>International Conference on English learning and teaching</i> (ICELT 2012), Khoa Ngữ văn Anh – Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – ĐHQG TP.HCM, Tập san Khoa học Xã hội & Nhân văn, 61 (6 – 2014): 325 – 334. 2. Nguyễn Thị Kiều Thu, Nguyễn Thị Như Ngọc (2014), “A Survey of the Teaching of Translation at the Faculty of English Linguistics & Literature, USSH, VNU-HCM” (Khảo sát phương pháp giảng dạy dịch thuật tại Khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐHKHXHNV, ĐHQG TP.HCM), Kỷ yếu Hội thảo <i>International Conference on English Language Teaching</i> (ICELT 2014), Hanoi: Trí Thức tr. 397 – 416. ISBN: 978-604-908-963-3. 3. Nguyễn Thị Như Ngọc (2015), “<i>Ẩn dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị Mỹ và việc dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt</i>”, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – ĐHQG TP.HCM, tháng 6/2015. 4. Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Thị Kiều Thu, Lê Thị Ngọc Ánh

		<p>(2016), “<i>Khảo sát thực trạng hoạt động đào tạo biên phiên dịch tại một số trường đại học Việt Nam hiện nay</i>”, Kỷ yếu Hội thảo <i>Giảng dạy Biên – Phiên dịch bậc đại học tại Việt Nam 1/ 2016</i>, NXB: ĐHQG-HCM.</p> <p>5. Nguyễn Thị Như Ngọc (2016), “Translating Metaphors from English into Vietnamese in the Cognitive viewpoint” (Dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo tri nhận luận), Kỷ yếu Hội thảo <i>Giảng dạy Biên – Phiên dịch bậc đại học tại Việt Nam 1/ 2016</i>, NXB: ĐHQG-HCM.</p> <p>6. Nguyễn Thị Như Ngọc, Văn Thị Nhã Trúc (2016), “Practicum in Translation and Interpretation Program at the EF, USSH, VNU-HCM” (Thực tập thực tế trong đào tạo biên phiên dịch tại Khoa Ngữ văn Anh – Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM), Kỷ yếu hội thảo Kỷ yếu Hội thảo <i>Giảng dạy Biên – Phiên dịch bậc đại học tại Việt Nam 1/ 2016</i>, NXB: ĐHQG-HCM.</p> <p>7. Nguyễn Thị Như Ngọc (2016), “Dạy và học từ vựng qua các hoạt động dịch thuật theo hướng giao tiếp trong lớp tiếng Anh không chuyên”, Kỷ yếu Hội Thảo <i>Giảng dạy tiếng Anh không chuyên trong Nhà trường</i>, NXB: Kinh Tế, tr. 142 – 163.</p> <p>8. Nguyễn Thị Như Ngọc (2016), “<i>Metaphor Translation from English into Vietnamese</i>”, (Dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt). Kỷ yếu Hội thảo quốc tế <i>Promoting Effective Change in the Language Classroom</i>, Victoria University & Đại học Sư phạm Tp.HCM, 8/2016.</p>
	<p>10. Liên lạc</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thị Kiều Thu • Học hàm/ học vị: TS. • Họ tên: Nguyễn Thị Như Ngọc • Học hàm/ học vị: TS. • Họ tên: Lê Thị Ngọc Ánh • Học hàm/ học vị: ThS. • Nơi công tác: Khoa Tiếng Anh, Trường ĐH Công Nghệ Tp.HCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, TPHCM • Số điện thoại: 02838243428 <p>Email:ngthkieuthu@yahoo.com;nhungoc@hcmussh.edu.vn; anhhai7465@yahoo.com</p>
<p align="center">5</p>	<p>1. Tên nhiệm vụ KH-CN</p>	<p>Mô hình hội nhập khu vực cho Khoa Ngữ văn Anh, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.</p>

	(Đề tài ĐHQG năm 2013)
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giáo dục đại học, Quốc tế hóa giáo dục
3. Từ khóa tìm kiếm	Giáo dục đại học, hội nhập khu vực, quốc tế hóa giáo dục, giảng dạy Tiếng Anh, Đảm bảo chất lượng
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Đề tài nghiên cứu có ba mục tiêu chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm hiểu thực trạng hoạt động HNQT cấp Khoa tại một số Khoa Ngôn ngữ Anh (hoặc các khoa tương tự) của một số trường đại học uy tín trong nước và khu vực Đông Nam Á, 2. So sánh thực trạng hoạt động HNQT trong mô hình quản lý đào tạo cấp Khoa tại một số Khoa Ngôn ngữ Anh (hoặc các khoa tương tự) của một số trường đại học uy tín trong nước và khu vực Đông Nam Á 3. Đề xuất mô hình hội nhập khu vực cấp Khoa cho Khoa Ngữ văn Anh của Trường ĐHKHXH&NV
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>- Đây là một nghiên cứu điển cứu đa tầng (an embedded multiple case-study, chủ yếu theo Robert Yin, 1994 & 1998), áp dụng lý thuyết và mô hình quốc tế hóa giáo dục của các tác giả Jane Knight (2004) và Lê Hoàng Dũng (2008).</p> <p>- Nghiên cứu tập trung tìm hiểu vào các hoạt động, chi tiết, kế hoạch, chiến lược và sáng kiến cụ thể về (hoặc liên quan) đến nỗ lực hội nhập quốc tế tại cấp khoa của một trường đại học. Nghiên cứu này thu thập số liệu từ năm khoa chuyên ngành ngôn ngữ Anh (hoặc tương tự) từ năm trường đại học trong nước và ở bốn khoa chuyên ngành (tương tự) từ bốn trường đại học ở các nước trong khu vực Đông Nam Á (mỗi nước một trường).</p> <p>Đề tài thu được những kết quả thú vị phản chiếu cơ bản những hoạt động hội nhập khu vực và quốc tế tại 9 khoa này thông qua việc phân tích sâu từng trường hợp đồng thời so sánh giữa các khoa trong và ngoài nước.</p>
6. Những phát hiện chính	<p>Quốc tế hóa CTĐT ở cấp khoa có vai trò quan trọng nhất, mang tính chất quyết định ảnh hưởng đến sự thành công của hội nhập khu vực và quốc tế trong giáo dục đại học ở cấp trường.</p> <p>Dựa trên những phân tích so sánh thực tiễn quốc tế hóa CTĐT và những nỗ lực HNQT cấp khoa, đề tài nghiên cứu nhận định được một số nhân tố tích cực ảnh hưởng đến sự thành công của HNQT ở cấp khoa, gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hiểu biết của Lãnh đạo Khoa về bản chất và tầm

		<p>quan trọng của ĐBCL trong tiến trình HNQT của Khoa là cần thiết cho những cam kết trong thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ tích cực của lãnh đạo Khoa và tập thể trong việc triển khai các hoạt động HNQT và ĐBCL sẽ dẫn đến thành công trong công tác này - Việc lồng ghép các yếu tố hội nhập vào triết lý đào tạo, CTĐT và hoạt động giảng dạy & học tập là yếu tố cơ bản giúp CTĐT mang tính hội nhập cao. - Việc sử dụng thành thạo ngoại ngữ (vd. Tiếng Anh) được xem là một lợi thế cho việc kết hợp và hoàn thành tốt hơn công tác ĐBCL theo hướng HNQT.
	<p>7. Các khuyến nghị</p>	<p>Bên cạnh những đề xuất khác, đề tài đề xuất mô hình (5Ps) cho những khoa ngoại ngữ (hoặc khoa tương tự), có thể tham khảo để tiếp tục phát huy năng lực đào tạo của mình, đồng thời thúc đẩy tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế tại Khoa mình, bao gồm.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phổ biến rộng rãi trong giảng viên, SV về vai trò và ý nghĩa của HNQT/Khu vực 2. Phân tích và áp dụng chuẩn mực trong đào tạo (theo một quy chuẩn thống nhất trong khu vực đang hướng đến hội nhập) 3. Phát huy và lồng ghép các yếu tố đa văn hóa/ quốc tế/khu vực trong CTĐT, giảng dạy, hoạt động ngoại khóa/thực tập của người học 4. Phát huy các sáng kiến và chương hợp tác nghiên cứu nhằm kết nối và mở rộng hợp tác với GV/ học giả/ SV trong khu vực 5. Phát huy tính học thuật và đa văn hóa trong môi trường học thuật mang tính hội nhập khu vực và quốc tế.
	<p>8. Khả năng ứng dụng thực tiễn</p>	<p>Được đánh giá xuất sắc bởi Hội đồng nghiệm thu, mô hình đề xuất có thể là một đóng góp khoa học cho các khoa ngoại ngữ ở đại học Việt Nam trong điều kiện thực tế tương tự tham khảo thêm kinh nghiệm trong cải tiến chương trình đào tạo, trong việc đưa ra những sáng kiến quốc tế hóa chương trình đào tạo, hay tạo ra các hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học, v.v. có định hướng hội nhập khu vực và quốc tế tốt hơn.</p>
	<p>9. Công bố khoa học</p>	<p>(1) Lê, Hoàng Dũng (2014), “Outcome-based language assessment from perspective of quality assurance –implications for regional integration at the EF, USSH, VNU-HCM”, Báo cáo trình bày và đăng trong kỷ yếu Hội nghị Quốc tế <i>Proceedings of the 2014 International Conference on English Language Teaching</i>, Hanoi:</p>

	<p>Knowledge Publishing House. ISBN: 978-604-908-963-3.</p> <p>(2) Lê, Hoàng Dũng (2015), “Towards a framework for regional integration of the faculty of English Linguistics & Literature – USSH, Vietnam National University, Ho Chi Minh City”, Báo cáo trình bày và đăng trong kỷ yếu Hội nghị Quốc tế Hội thảo quốc tế lần thứ 15 <i>Internationalization and Inclusivity of Higher Education in South East Asia: Perspectives, Practices and Pragmatics</i> (SEAAIR2015), Hanoi: Labour Publishing House, ISBN: 978-604-59-4639-8.</p> <p>(3) Lê, Hoàng Dũng (2015), “Challenges in development of English language proficiency – a perspective from Vietnam”, In T. W. Bigalke and S. Sharbawi (Eds.), <i>English for ASEAN Integration: Policies and Practices in the Region</i>, Brunei: Universiti Brunei Darussalam. (ISBN: 978-99917-1-282-6) (Bài báo này được trình bày tại diễn đàn cùng tên tổ chức tại Brunei vào tháng 11/2013)</p> <p>(4) Lê, Hoàng Dũng (2015), “Hội nhập quốc tế dưới góc nhìn đảm bảo chất lượng – kinh nghiệm từ Khoa Ngữ văn Anh”, Kỷ yếu <i>Hội nghị chất lượng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn lần 3</i> (ĐHQG-HCM), tháng 10/2015. Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>(5) Lê, Hoàng Dũng (2016), “International integration at faculty level from the perspective of quality assurance: lessons from Vietnam”, <i>International Journal of Innovation and Research in Educational Sciences</i>, 3(2). ISSN (Online): 2349–5219.</p> <p>(6) Lê, Hoàng Dũng & Nguyễn Thái Sơn (2016), “A review of assessment models in higher education and implication for Vietnam’s regional integration efforts”, <i>International Journal of Innovation and Research in Educational Sciences</i>, 3(2). ISSN (Online): 2349–5219</p> <p>(7) Báo cáo tọa đàm khoa học <i>Hội nhập quốc tế và khu vực của các Khoa Tiếng Anh tại các trường Đại học Việt Nam: kinh nghiệm và đề xuất</i> (tổ chức vào tháng 8/2015, tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)</p>
<p>10. Liên lạc</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên chủ nhiệm đề tài: TS. Lê Hoàng Dũng (Chủ nhiệm đề tài) • Thành viên: ThS. Bùi Huỳnh Thủy Thương; TS. Phó Phương Dung; TS. Nguyễn Thị Kiều Thu; TS. Nguyễn Thị Như Ngọc; ThS. Phan Thị Kim Loan; ThS. Nguyễn Thị Thu Ngân; ThS. Văn Thị Nhã Trúc; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Dung; Phan Thị Trà Khúc; Nguyễn Thái Sơn • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐHKHXH&NV,

		ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp. HCM • Số điện thoại: 0903 870 160 • Email: lehoangdung@hcmussh.edu.vn;lehoangdungef@gmail.com
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2016: Biên – Phiên dịch bậc Đại học
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nghiên cứu dịch thuật Phương pháp dạy và học biên phiên dịch
	3. Từ khóa tìm kiếm	Biên dịch, phiên dịch, giảng dạy dịch thuật, phương pháp dịch, kỹ thuật dịch
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 30 Tổng số tác giả/ diễn giả: 32. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 8 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 24
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG-HCM - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	- Biên phiên dịch và giảng dạy - Xử dụng công nghệ trong biên phiên dịch - Biên phiên dịch và ngôn ngữ học - Biên phiên dịch chuyên ngành - Lý thuyết biên phiên dịch - Quản lý đào tạo biên phiên dịch
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Cung cấp các kinh nghiệm thực tiễn trong ứng dụng các lý thuyết dịch thuật, ứng dụng công nghệ và phần mềm hỗ trợ dịch thuật. - Cung cấp kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo biên phiên dịch. - Cung cấp nguồn tài liệu tham khảo về phương pháp giảng dạy và học dịch cho giảng viên và học viên của các khoa ngoại ngữ tại các

		trường cao đẳng, đại học, trung tâm đào tạo biên phiên dịch tại Việt Nam và các nước khác.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Ngữ văn Anh • Trưởng đơn vị: TS. Lê Hoàng Dũng Email: nguvananh@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2012: International Conference on English Language Teaching (ICELT 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giảng dạy tiếng Anh
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giảng dạy ngôn ngữ; phương pháp giảng dạy; kiểm tra ngôn ngữ; động lực người học
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 31 Tổng số tác giả/ diễn giả: 39. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 17 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 22
	5. Mục lục, NXB, năm XB	Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy ngôn ngữ - Công nghệ trong giảng dạy ngôn ngữ - Phương pháp và cách tiếp cận trong giảng dạy - Ngữ học và ngôn ngữ - Kiểm tra và giảng dạy ngôn ngữ - Động lực của người học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo viên và các nhà nghiên cứu ngôn ngữ tại Việt Nam và các nước thuộc khối ASEAN
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Ngữ văn Anh • Trưởng đơn vị: TS. Lê Hoàng Dũng Email: nguvananh@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/	Kỷ yếu Hội thảo 2014: International Conference on English

	toạ đàm	Language Teaching (ICELT 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giảng dạy tiếng Anh
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giảng dạy tiếng Anh; công nghệ; văn hóa; kỹ thuật giảng dạy; quản lý chất lượng
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 39 Tổng số tác giả/ diễn giả: 49. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 18 - Tác giả là CB- GV ngoài Trường: 31
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: NXB Tri thức - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	- Công nghệ trong giảng dạy ngôn ngữ - Văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ - Ngữ học trong giảng dạy ngôn ngữ - Kỹ thuật giảng dạy - Các vấn đề học và dạy - Giảng dạy văn học - Giảng dạy phát âm - Giảng dạy kỹ năng viết - Quản lý chất lượng trong giảng dạy Tiếng Anh.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Tổng số bài viết/trình bày: 45 Tổng số tác giả/diễn giả: 59. Trong đó, - Tác giả là CB-GV trong Trường: 14 - Tác giả là CB-GV ngoài Trường: 45
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Chuyên gia, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu, chuyên gia và sinh viên có hứng thú với mảng giảng dạy Tiếng Anh.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Ngữ văn Anh • Trưởng đơn vị: TS. Lê Hoàng Dũng • Email: nguvananh@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/	Kỷ yếu Hội thảo 2016: International Conference on English

	toạ đàm	Language Teaching (ICELT 2016)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giảng dạy tiếng Anh
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giảng dạy tiếng Anh; động lực người học; những vấn đề khi học ngôn ngữ; giảng dạy tiếng Anh ở các nước châu Á
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 45 Tổng số tác giả/ diễn giả: 59. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 14 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 45
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	- Quản lí việc giảng dạy tiếng Anh - Động lực người học - Giao tiếp trong giảng dạy tiếng Anh - Chương trình dạy và việc dạy viết - Giảng dạy văn học và đối tượng người học cụ thể - Những vấn đề khi học tiếng Anh - Giảng dạy biên – phiên dịch - Giảng dạy tiếng Anh ở các nước châu Á
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giảng viên, học giả, nhà nghiên cứu, sinh viên và học viên sau đại học có hứng thú với mảng giảng dạy tiếng Anh; cộng đồng những người dạy tiếng Anh, cả trong nước lẫn quốc tế.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Ngữ văn Anh • Trưởng đơn vị: TS. Lê Hoàng Dũng • Email: nguvananh@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên sách/ kỷ yếu/ tọa đàm	Hội nhập quốc tế và khu vực của các Khoa Tiếng Anh tại các Trường Đại học Việt Nam: kinh nghiệm và đề xuất
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giảng dạy Tiếng Anh, Giáo dục Đại học

3. Từ khóa tìm kiếm	Hội nhập quốc tế, ngành Tiếng Anh, bậc đại học
4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài trình bày: 08</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 08. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 02 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 06
5. Mục lục, NXB, năm XB	<p>- Mục lục các chủ đề trình bày và tác giả:</p> <p>(1) Kinh nghiệm từ hoạt động HNQT của Khoa Ngữ văn Anh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (TS. Lê Hoàng Dũng)</p> <p>(2) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Nông Lâm, Tp. HCM (TS. Đoàn Huệ Dung)</p> <p>(3) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Khoa Tiếng Anh, Trường ĐH Sư Phạm (TS. Nguyễn Ngọc Vũ)</p> <p>(4) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Thủ Dầu Một (TS. Nguyễn Hoàng Tuấn)</p> <p>(5) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Mở Tp.HCM (TS. Lê Thị Thanh Thu & TS. Nguyễn Thúy Nga)</p> <p>(6) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM (TS. Nguyễn Đình Thu)</p> <p>(7) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Hoa Sen (TS. Nguyễn Thu Hương)</p> <p>(8) Kinh nghiệm về HNQT nhìn từ góc độ ĐBCL (PGS.TS. Tô Minh Thanh)</p>
6. Các chủ đề chính	Bài học kinh nghiệm và đề xuất cho hội nhập quốc tế cấp CTĐT.
7. Các khuyến nghị (nếu có)	<p>Tọa đàm kết luận và đề xuất rằng các khoa Tiếng Anh nói riêng và Khoa ngoại ngữ nói chung nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hơn nữa nhận thức, có thái độ tích cực hơn và chủ động chuẩn bị cho quá trình hội nhập tại đơn vị - Nhấn mạnh vai trò quan trọng của quốc tế hóa chương trình đào tạo như là một nền tảng quan trọng cho hội nhập khu vực và quốc tế - Tăng cường sự hợp tác, giao lưu học thuật giữa các đơn vị cùng ngành trong và ngoài nước
8. Khả năng ứng dụng	Những khuyến nghị có thể giúp các lãnh đạo khoa hoặc người phụ

thực tiễn	trách CTĐT trong việc: - Rà soát và cập nhật CTĐT ở cấp khoa, góp phần tích cực cho việc triển khai công tác Đảm bảo chất lượng cấp CTĐT - Rút ngắn khoảng cách giữa mục tiêu đào tạo của trường và mong đợi của nhà tuyển dụng, giúp người học đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Khoa Ngữ văn Anh• Trưởng đơn vị: TS. Lê Hoàng Dũng• Email: nguvananh@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Ngữ văn Nga		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tìm hiểu tâm hồn Nga qua các bài hát Nga (Đề tài cấp Trường năm 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hoá, văn học (thơ ca)
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hoá, văn hoá Nga, tâm hồn Nga, bài hát Nga
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tìm hiểu tâm hồn, tính cách của dân tộc Nga qua ca từ: - Định nghĩa khái niệm “tâm hồn Nga”; - Đưa ra và lý giải những nét đặc trưng của tâm hồn và tính cách của người Nga, nếp tư duy của dân tộc Nga như một phần quan trọng của văn hoá tinh thần Nga; - Phản ánh lịch sử đất nước và xã hội Nga qua những thời kỳ chủ yếu trong thế kỷ 20.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Kết hợp các phương pháp chính trong xử lí tài liệu: phân loại, phân tích, mô tả, tổng hợp
	6. Những phát hiện chính	Bài hát là bạn đồng hành của người Nga trong suốt cuộc đời họ, là hiện thân của tâm hồn Nga, một phần không thể tách rời của thực thể tinh thần Nga. Các bài hát được phân loại theo các chủ đề dựa trên các nội dung và tương ứng với các nét chính của tâm hồn Nga: - Bài ca yêu nước thể hiện tình yêu đối với Tổ quốc, đất nước, thiên nhiên; - Bài hát về mẹ, hát ru thể hiện lòng yêu thương người thân; - Bài hát về chiến tranh thể hiện lòng dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu bảo vệ gia đình, người thân, quê hương, Tổ quốc; - Bài hát về tình yêu đôi lứa; - Bài hát về tình người, tình bạn, - Bài hát về tình yêu cuộc sống thể hiện lòng nhân hậu và triết lý sống.
	7. Các khuyến nghị	Ngôn ngữ là một bộ phận của văn hoá dân tộc, do đó học ngoại ngữ không chỉ là học tiếng qua các giáo trình, mà nên kết hợp với tìm

		hiểu thơ, ca của dân tộc đó để có hiểu biết sâu rộng hơn về ngôn ngữ và văn hoá dân tộc mà mình học.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Vì các bài hát Nga chủ yếu là những bài thơ do các nhà thơ sáng tạo và được phổ nhạc nên công trình có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho SV và người quan tâm đến nước Nga trong việc học tiếng Nga, nghiên cứu thơ ca Nga và văn hoá Nga.
	9. Công bố khoa học	Công trình tuy đã được nghiệm thu loại tốt nhưng chưa công bố (chỉ ở dạng báo cáo tổng kết đề tài NCKH).
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Bùi Mỹ Hạnh • Học hàm/ học vị: GVC-TS • Nơi công tác: khoa Ngữ văn Nga • Địa chỉ: 43F An Bình, P6, Q5 • Số điện thoại: 0918589959 • Email: hanhcras@yahoo.com / buimyhnh@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2012: Những vấn đề liên quan đến giảng dạy và nghiên cứu tiếng Nga trong giai đoạn hiện nay
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ và văn hoá Nga, giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếng Nga hiện đại, văn hoá Nga, ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ,
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 15 Tổng số tác giả/ diễn giả: 12. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 9 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 3
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2012 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	Những chủ đề chính: lý thuyết tiếng (từ vựng-ngữ nghĩa, từ vựng học, từ pháp học), ngôn ngữ văn hoá (tục ngữ Nga – Việt, thành ngữ học, văn học), phương pháp giảng dạy (hoạt động giao tiếp, cách học câu thụ động), dịch thuật Nga-Việt.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Cập nhật, trao đổi kiến thức về những thay đổi mạnh mẽ trong tiếng Nga hiện đại ở khía cạnh từ vựng, ngữ nghĩa, ngôn ngữ – văn hoá.

	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Khả năng ứng dụng thực tiễn: Áp dụng phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiện đại và cung cấp những kiến thức mới về ngôn ngữ – văn hoá cho đối tượng sinh viên học tiếng Nga.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Ngữ văn Nga • Trưởng đơn vị: Bùi Mỹ Hạnh • Email: khoanguvannga@gmail.com
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2015: Những vấn đề thiết thực về tiếng Nga, văn hoá Nga và việc tiếng Nga như một ngoại ngữ tại Việt Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ và văn hoá Nga, giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếng Nga hiện đại, văn hoá Nga, ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 10/5 Tổng số tác giả/ diễn giả: 9/5. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 9 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 0
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2015 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	Những chủ đề chính: lý thuyết tiếng (đề – thuyết, vai trò ẩn dụ trong câu biểu cảm, kết hợp về nghĩa của động từ), văn học (thể thơ Nga, so sánh hình tượng trong văn học), ngôn ngữ văn hoá (tục ngữ Nga-Việt, thành ngữ Nga, cách thức xung hô trong tiếng Nga và tiếng Việt), phương pháp giảng dạy (các hình thức liên kết văn bản trong dạy đọc, phương pháp dạy chính tả Nga)
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	- Đối chiếu, so sánh ngoại ngữ đang học với tiếng mẹ đẻ - Dạy kỹ năng và lý thuyết tiếng kết hợp với cung cấp kiến thức văn hoá
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giảng viên dạy tiếng Nga nói riêng và dạy ngoại ngữ nói chung; Sinh viên học ngoại ngữ, đặc biệt là sinh viên học tiếng Nga
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Ngữ văn Nga • Trưởng đơn vị: Bùi Mỹ Hạnh • Email: khoanguvannga@gmail.com

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Ngữ văn Trung Quốc		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kỷ yếu Hội thảo 2012: Bàn về việc giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam trong thời đại Internet và mối liên hệ với văn hóa
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ , văn hóa, giảng dạy tiếng Trung
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hóa, giảng dạy tiếng Trung, thời đại Internet, Việt Nam
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Việc giảng dạy tiếng Trung và mối liên hệ với văn hóa.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Tổng hợp và phân tích.
	6. Những phát hiện chính	- Nghiên cứu về từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung - Các vấn đề liên quan việc giảng dạy tiếng Trung và đề xuất các hướng giải quyết - Các vấn đề liên quan đến văn hóa ngôn ngữ Hán
	7. Các khuyến nghị	- Dạy học tiếng Trung không thể chỉ dừng lại ở mô thức truyền thống trước đây, cần suy nghĩ đến yếu tố thay đổi phát triển của nền văn hóa. Phải phù hợp với nhu cầu của thời đại, không ngừng bổ sung và làm mới nội dung phương pháp giảng dạy. - Đối với sự thay đổi của ngôn ngữ xã hội cần kịp thời nắm bắt, và không để mất đi nội hàm văn hóa của bản thân. Phán đoán được những thay đổi nào là có sức sống và có tính thuyết phục, những thay đổi nào chỉ mang tính nhất thời. - Trong thời đại Internet hiện nay, với tư cách là người giảng dạy tiếng Hán, cùng với việc không ngừng phong phú kiến thức của bản thân, chúng ta cần chỉ ra xu hướng cho người mới học, đối với những từ mới xuất hiện cần hình thành một sự nhạy bén, tiếp cận cuộc sống hiện thực.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Khả năng ứng dụng của bài viết trong thực tiễn là trong việc học và giảng dạy tiếng Trung phải cập nhật kiến thức từ vựng cũng như văn hóa , đồng thời kết hợp văn hóa bản địa để kịp thời cung cấp cho sv kiến thức và văn hóa mới, nhất là trong thời đại Internet.

		Đối tượng thụ hưởng kết quả là sinh viên học tiếng Trung và giáo viên giảng dạy tiếng Trung.
	9. Công bố khoa học	Nghiên cứu này đã được công bố dưới hình thức trình bày hội thảo quốc tế và in trong kỉ yếu trang 117 (Hội thảo lần thứ IV Hiệp hội giảng dạy tiếng Hán quốc tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, tháng 10- 2012, ĐH Quốc gia Hà Nội)
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Hàn Hồng Diệp • Học hàm/ học vị: thạc sỹ • Nơi công tác: khoa ngữ văn Trung Quốc • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại 0908294696 • Email: diephanhong@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kỷ yếu Hội thảo 2012: So sánh phương thức trùng điệp trong ngôn ngữ Trung Việt dưới góc độ loại hình học
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ Trung Việt
	3. Từ khóa tìm kiếm	So sánh Phương thức trùng điệp Loại hình học
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	So sánh phương thức trùng điệp tính từ, động từ và lượng từ trong ngôn ngữ Trung Việt dưới góc độ loại hình học.
	5. Phương pháp nghiên cứu	So sánh, thống kê, phân tích, khảo sát dưới góc độ loại hình học
	6. Những phát hiện chính	<p>- Nghiên cứu phân tích điểm giống và khác nhau về hình thức, đặc điểm, ngữ nghĩa của phương thức trùng điệp trong tiếng Hán và tiếng Việt.</p> <p>- Phương thức trùng điệp trong một số ngôn ngữ dưới góc độ loại hình học.</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>- Phương thức trùng điệp là một loại hình phổ biến trong các ngôn ngữ trên thế giới. Trong tiếng Hán và tiếng Việt có thể chia thành hai loại trùng điệp hoàn toàn và không hoàn toàn.</p> <p>- Trong tiếng Hán và tiếng Việt, phương thức trùng điệp có nhiều hình thức khác nhau, thể hiện ngữ nghĩa khác nhau, quy luật trùng điệp khác nhau, chức năng trong câu khác nhau...</p>

		- Nắm vững những điểm giống và khác nhau của các hình thức trùng điệp trong tiếng Hán và tiếng Việt khi học và giảng dạy tiếng Hán.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Khả năng ứng dụng của bài viết trong thực tiễn là trong việc học và giảng dạy tiếng Trung phải nắm vững đặc điểm, hình thức, ngữ nghĩa các hình thức trùng điệp trong tiếng Hán và trong tiếng Việt.
	9. Công bố khoa học	Nghiên cứu này đã được công bố dưới hình thức trình bày hội thảo quốc tế và in trong kỉ yếu <i>Hội thảo lần thứ IV Hiệp hội giảng dạy tiếng Hán quốc tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương</i> , tháng 10-2012, ĐH Quốc gia Hà Nội) tr 61.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Tống Thị Quỳnh Hoa • Học hàm/ học vị: tiến sĩ • Nơi công tác: khoa ngữ văn Trung Quốc • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại 0938180106 • Email: quynhhoatong@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn học người Hoa thành phố Hồ Chí Minh trong mối quan hệ giao lưu với văn học Việt Nam và Trung Quốc (Đề tài cấp Bộ, nghiệm thu 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn học người Hoa thành phố Hồ Chí Minh, người Hoa, người Minh Hương
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khảo sát tư liệu, nghiên cứu diện mạo và quan hệ giao lưu giữa hai dòng văn học Việt Nam và Trung Quốc
	5. Phương pháp nghiên cứu	Điều dã, Văn bản học, lịch sử, thi pháp tác giả - tác phẩm, so sánh
	6. Những phát hiện chính	Khôi phục lịch sử và diện mạo văn học người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu đặc trưng và quan hệ giao lưu với văn học Việt Nam và Trung Quốc.
	7. Các khuyến nghị	Cần có kế hoạch sưu tầm, chỉnh lý xuất bản và thúc đẩy nghiên cứu sâu hơn, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và công tác dân tộc.

	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Phục vụ công tác đào tạo và những vấn đề liên quan đến chính trị, dân tộc,...
	9. Công bố khoa học	<p>- Nguyễn Đình Phúc, “Sự hình thành và phát triển của thơ hiện đại Trung Quốc”, <i>Nghiên cứu văn học số 7</i> (461) tháng 7-2010, trang 111-121. ISSN: 1859-2856</p> <p>- Nguyễn Đình Phúc, “Vấn đề thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam”, <i>Nghiên cứu và phát triển số 4</i> (102). 2013, trang 61-68. ISSN: 1859-0152</p> <p>- Nguyễn Đình Phúc, “Dấu ấn của giáo sư Diệp Truyền Hoa và Đới Ngoại Quân trong dòng văn hóa Việt Hoa”, in trên <i>tạp chí Suối nguồn số 6</i> tháng 8-2012, trang 151-160.</p> <p>- Nguyễn Đình Phúc, “Văn học người Hoa thành phố Hồ Chí Minh trong quan hệ với văn học Việt Nam”, in trên <i>tạp chí Suối nguồn số 12</i> tháng 11-2013, trang 191-208.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Đình Phúc • Học hàm/ học vị: PGS/TS • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Trung Quốc • Địa chỉ: B014, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 0908604894 • Email: dinhphuc74@hotmail.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nghiên cứu Thương Sơn thi thoại và Thi tấu của Tùng Thiện Vương Nguyễn Miên Thẩm (Đề tài cơ sở, nghiệm thu 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thương Sơn thi thoại, Thi tấu, Tùng Thiện Vương Nguyễn Miên Thẩm
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khảo sát văn bản, biên phiên dịch và nghiên cứu giá trị của hai bộ lý luận quan trọng trong thi học cổ trung đại Việt Nam
	5. Phương pháp nghiên cứu	Văn bản học, phiên dịch học, thi học so sánh
	6. Những phát hiện	Khảo sát văn bản trên cơ sở tư liệu gốc; phiên dịch và nghiên cứu

	chính	giá trị thi học của hai tác phẩm.
	7. Các khuyến nghị	Cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn giá trị nhiều mặt của hai bộ sách lý luận thi học của Tùng Thiện Vương.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Phục vụ đào tạo chuyên sâu, đặc biệt mảng đào tạo nghiên cứu sinh các ngành văn học, văn hóa,...
	9. Công bố khoa học	Nguyễn Đình Phúc, “Về giá trị của thi thoại Hàn Quốc”, <i>Nghiên cứu Đông Bắc Á số 7</i> (161) tháng 7-2014, trang 58-68. ISSN: 0868-3646
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Đình Phúc • Học hàm/ học vị: PGS/TS • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Trung Quốc • Địa chỉ: B014, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 0908604894 • Email: dinhphuc74@hotmail.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thuyết Thần vận, Cách điệu, Tính linh ở Trung Quốc và ảnh hưởng của chúng vào lý luận thơ chữ Hán Việt Nam (Đề tài cấp Bộ, nghiệm thu 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thuyết Thần vận, Thuyết Cách điệu, Thuyết Tính linh, thi luận cổ trung đại Việt Nam
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khảo sát quá trình và thực tế tiếp nhận ba lý thuyết quan trọng nhất của thi học cổ Trung Quốc ở Việt Nam giai đoạn cổ trung đại
	5. Phương pháp nghiên cứu	Văn bản học, lý thuyết tiếp nhận, thi pháp học, thi học so sánh
	6. Những phát hiện chính	Làm rõ thời điểm, con đường, nguyên nhân, tâm lý và thực tế tiếp nhận các lý thuyết thi học ngoại lai ở Việt Nam giai đoạn cổ trung đại.
	7. Các khuyến nghị	Cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ và tường tận hơn những vấn đề liên quan và thực tế tiếp nhận các lý thuyết thi học ngoại lai ở Việt Nam.
	8. Khả năng ứng	Phục vụ đào tạo chuyên sâu, đặc biệt mảng đào tạo nghiên cứu sinh

dụng thực tiễn	các ngành văn học, văn hóa,...
9. Công bố khoa học	<p>- Nguyễn Đình Phúc, “Thương Sơn, Mộng Mai, hai đỉnh cao trong từ học Việt Nam” 《仓山、梦梅，越南词的两个不同境界》, in trong <i>Trung Quốc vận văn học khán</i>, Học hội vận văn Trung Quốc và Đại học Tương Đàm xuất bản năm 2013, 27(1), trang 75-79. (tiếng Trung) ISSN : 1006-2491</p> <p>- Nguyễn Đình Phúc, “So sánh quá trình tiếp nhận thuyết tính linh của Viên Mai ở Hàn Quốc và Việt Nam”, <i>Nghiên cứu văn học số 7</i> (503) tháng 1-2014, trang 93-109. ISSN: 1859-2856</p> <p>- Nguyễn Đình Phúc, “Nghiên cứu lời bình của Nguyễn Du trong Hoa Nguyên thi thảo”, <i>Nghiên cứu văn học số 8</i> (522) tháng 8-2015, trang 134-148. ISSN: 0494-6928.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Đình Phúc • Học hàm/ học vị: PGS/TS • Nơi công tác: Khoa Ngữ văn Trung Quốc • Địa chỉ: B014, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 0908604894 • Email: dinhphuc74@hotmail.com

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Nhân học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Chăm (Nxb Tri thức, Hà Nội, 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội – nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếp cận, văn hoá Chăm, ảnh hưởng Mã Lai, ảnh hưởng Ấn Độ,
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Sách bao gồm 610 trang, chia làm 3 phần, 8 chương như sau: - Chương 1: Di tích lịch sử - khảo cổ - Chương 2: Tín ngưỡng – tôn giáo - Chương 3: Phong tục tập quán – nghi lễ hội hè - Chương 4: Văn chương và ca múa nhạc - Chương 5: Nghề thủ công truyền thống - Chương 6: Những dấu ấn văn hóa Champa ở miền Trung - Tây Nguyên - Chương 7: Những mảnh vỡ văn hóa Champa ở châu Á - Chương 8: Văn hóa Chăm những vấn đề đặt ra
	5. Phương pháp nghiên cứu	Cách tiếp cận Những chủ đề văn hóa nêu trên trong cuốn sách này, tôi tiếp cận theo hệ thống - cấu trúc văn hóa của ngành Dân tộc học/ Nhân học. Từ đó phân chia văn hóa ra làm ba lĩnh vực: Văn hóa vật chất (bao gồm nhà cửa, đền tháp, trang phục, nhạc cụ, công cụ sản xuất (nông cụ, ngư cụ, bẫy thú, công cụ nghề thủ công); văn hóa tinh thần (ngôn ngữ, văn chương, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, tập quán, nghi lễ, hội hè, bí quyết nghề thủ công truyền thống, ca múa nhạc; và văn hóa xã hội (những qui tắc ứng xử trong gia đình, xã hội, quốc gia, các qui tắc về hôn nhân – gia đình, tang ma, luật tục...). Tuy nhiên sự phân loại như trên chỉ có ý nghĩa tương đối, nó không rạch ròi. Vì giữa 3 yếu tố đó có quan hệ mật thiết, tác động và bổ sung qua lại với nhau nằm trong một hệ thống toàn vẹn. Toàn bộ ba yếu tố văn hóa trên chính là tổng thể văn hóa một dân tộc. Nếu tách một trong ba yếu tố nêu trên để xem xét riêng lẻ sẽ dễ có cái nhìn phiến diện về một nền văn hóa. Bên cạnh tiếp cận vấn đề theo hệ thống - cấu trúc văn hóa như trên,

	<p>tôi luôn xem văn hóa là một “động thái”, chứ không phải là một phạm trù bất biến. Động thái văn hóa của một dân tộc, cụ thể ở đây là văn hóa Champa được xem là một quá trình phát sinh, phát triển, suy vong trong đó có yếu tố văn hóa truyền thống mang tính bền vững, có yếu tố mất đi, có yếu tố được tái tạo, biến đổi và cách tân.</p> <p>Cùng với “động thái văn hóa”, tôi còn tiếp cận vấn đề theo góc nhìn lịch sử, cụ thể là sử dụng phương pháp so sánh lịch đại và đồng đại. Lịch đại là nhìn vấn đề theo trục thời gian để thấy được giữa truyền thống và biến đổi (Chăm xưa và nay) và so sánh đồng đại để tìm ra những yếu tố tương đồng và dị biệt trong nền văn hóa Chăm giữa các vùng khác nhau như ở Ninh Thuận (Phan Rang), Bình Thuận (Phan Rí), ở miền Trung, Tây Nguyên của Việt Nam và các dấu ấn văn hóa Chăm ở khu vực Đông Nam Á và châu Á.</p> <p>Để giải mã những thành tố trong nền văn hóa Chăm, tôi còn tiếp cận hai lý thuyết chính: Thuyết cấu trúc (Structuralism) của Claude Lévi Strauss và thuyết tương đối luận văn hóa (Cultural relativism). Theo trường phái cấu trúc luận tôi luôn mô tả những thành tố văn hóa theo tư duy lưỡng hợp, cấu trúc nhị nguyên. Sau đó phân tích nó để tìm ra những đặc trưng chung nhất của nền văn hóa Champa, tìm xem những cái gì đã mất, những cái gì còn, và dấu ấn của nó để bảo tồn, phát huy cũng như giới thiệu nền văn hóa Champa với người đọc. Đối với thuyết tương đối luận văn hóa, đây là học thuyết tiến bộ thay cho học thuyết dân tộc trung tâm (ethnocentrism). Thuyết này chỉ ra rằng, các đặc trưng văn hóa chỉ được hiểu biết sâu sắc khi đặt chúng trong bối cảnh của hệ thống văn hóa mà chúng là bộ phận hợp thành. Theo tương đối luận văn hóa, đối với mỗi nền văn hóa người ta phải tôn trọng và học cách tôn trọng, không lấy nền văn hóa của mình (của người ngoài cuộc) để xét đoán và đánh giá nền văn hóa khác.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Phương pháp nghiên cứu trong công trình này, chủ yếu là phương pháp của ngành Dân tộc học/Nhân học như điền dã, quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, sưu tầm tài liệu, mô tả tại thực địa, trong đó chúng tôi rất chú ý đến những yếu tố “tàn dư/dấu vết văn hóa”. Nhờ đó, chúng tôi tìm được nhiều dấu ấn văn hóa Chăm ở miền Trung, Tây Nguyên và cả ở các quốc gia khác ở Châu Á. Từ đó có thể hình dung và so sánh được diện mạo của nền văn hóa Champa trong quá trình hình thành và phát triển, cũng như quá trình giao lưu, tiếp biến giữa văn hóa Chăm với các văn hóa khu vực ở Việt Nam và Châu Á</p>
6. Những phát hiện chính	<p>Sách còn phát hiện một số vấn đề chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện một số dấu ấn văn hoá Chăm ở miền Trung, Tây Nguyên, ở một số quốc gia khác ở châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật

		<p>Bản, Malaysia và Campuchia... Chẳng hạn một vài ví dụ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở Việt Nam, chúng tôi phát hiện nhiều di tích văn hoá Champa trên đất Huế; lễ hội Bà Thu Bồn của người Việt ở Quảng Nam có mối quan hệ với tục thờ Nữ thần Po Nagar của người Chăm; Sử thi Udai-Ujai của người Raglai ở vùng Trường Sơn có mối quan hệ với nguồn gốc hình thành tộc Cau và tộc Dừa của người Chăm và Raglai... - Ở Mã Lai, chúng tôi phát hiện được nhiều tài liệu, dấu tích văn hoá Chăm như: Hệ thống lễ Mak Yong của Mã Lai có mối quan hệ với hệ thống lễ Raja của người Chăm ở Việt Nam; vua Po Rome và tướng lĩnh Chăm vào thế kỉ 17 có nhiều cuộc hành hương, học tôn giáo, quân sự ở Mã Lai. - Ở Nhật Bản, chúng tôi tìm ra được dấu vết nhạc Lâm Ấp, lò gốm Chăm và dấu vết về việc giao lưu buôn bán giữa Champa và Nhật Bản từ thế kỷ 7 - 15. <p>Nói chung, những phát hiện mới trong sách này giúp các nhà khoa học nhìn về Champa một cách cụ thể và rộng mở hơn. Văn hoá Chăm nói riêng và Champa nói chung không chỉ đóng mà luôn luôn mở, không những có ảnh hưởng ở vùng miền Trung Tây Nguyên mà còn có mối quan hệ, ảnh hưởng đến các nền văn hoá của một số quốc gia khác ở Châu Á.</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng địa bàn nghiên cứu văn hoá Chăm - Khi nghiên cứu văn hoá Chăm nên đặt nó trong mối quan hệ khu vực Đông Nam Á và Châu Á, tránh nhìn phiến diện.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Đây là công trình nghiên cứu cơ bản. Kết quả nghiên cứu là nguồn tài liệu tham khảo dùng để nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến văn hoá Chăm và mối quan hệ giữ văn hoá Chăm với các quốc gia ở khu vực châu Á.</p>
	9. Công bố khoa học	<ul style="list-style-type: none"> ▪ The relationship between Champa and Malay World through the Raja Praong and Mak Yong rituals, International conference in “New reseach in historical Champa studies”, Organizing at Paris-Francaince, from June 17-18, 2012 by Ecole Francaince D’Extreme – Orient. ▪ “Những chiếc thuyền gỗ vượt biên trong lễ Raja Praong: Kí ức về mối quan hệ giữa Champa và Mã Lai thông qua văn bản Chăm”, Hội nghị quốc tế về Văn hoá hàng hải – Địa lý chính trị và workshop về múa và nhạc của Bajau ở vùng biển (Internatinal Seminar on Martime Culture and Geopolitics & Workshop on

		<p>Bajau Laut Music and Dance”, Institute of Ocean and Earth Sciences and the Faculty of Arts and Socail Sciences, University of Malaya, từ ngày 23-24/2008.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ “Luật tục Chăm và Luật pháp nhà nước trong vấn đề Hôn nhân và Gia đình hiện nay”, <i>Tạp chí Văn hoá Dân gian, Viện Văn hoá Dân gian, Số 1/2000</i>, tr. 67-76; <i>Tạp chí Văn nghệ Dân tộc và Miền Núi, Hội Nhà văn Việt Nam, Số 10/2000</i>, tr. 18-19 và 27-28 và Trong sách <i>Thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam Truyện cổ dân tộc Chăm (tiếng Nhật)</i>, Nxb Akashi Shoten, Japan- 2000, tr. 213-233. ▪ “Phát hiện mới về Tượng Phật ở Chùa Ninh Thuận”, <i>Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Viện Văn hoá Nghệ thuật, Số 2(164)/1998</i>, tr. 45. ▪ “Xác định lại tượng thờ hoàng hậu tại tháp Po Romé Ninh Thuận”, <i>Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1997</i>, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 646 -650. ▪ “Những di tích, hiện vật Khảo cổ phát hiện ở tỉnh Ninh Thuận”, Trong sách <i>Những phát hiện mới của KCH năm 2000</i>, Nxb KHXH-2001, tr.780-784 . ▪ “Hình tượng Homkar Chăm trên di tích lăng Minh Mạng - Huế”, Trong sách <i>Những phát hiện mới về Khảo cổ học</i>, năm 1999, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 704-707 và trong <i>Tạp chí Huế Xưa & Nay</i>, số 47/2001, tr. 81 – 84. ▪ “Sử thi Udai-Ujac – một di sản văn hoá chung của người Chăm và Raglai”, <i>Tạp chí Văn hoá Dân gian, Số 3, 2003</i>, tr. 75-86; Thông báo VHDG 2002, Nxb KHXH, 2003, tr. 821-844. ▪ “Góp thêm tư liệu Champa về Thánh địa Cát Tiên (Lâm Đồng)”, <i>Tạp chí Khảo cổ học, Viện Khảo cổ học, Số 2/ 2004</i>, tr. 54-73 và Trong sách <i>Những Phát hiện mới của Khảo cổ học năm 2003</i>, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004. ▪ "Nhấn Mata, Hằng số văn hoá của người Churu ở Lâm Đồng", <i>Tạp chí Văn hoá Nghệ Thuật</i>, số 330, tháng 12/2011, tr. 73-75. ▪ “Lễ Mak Yong – Một di sản văn hoá truyền thống được bảo tồn trong quốc gia Hồi giáo”, <i>Tạp chí Dân tộc học</i>, số 2/2011, tr. 62-66.
10. Liên lạc		<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN MÓN (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM

		<ul style="list-style-type: none"> • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn hoá Chăm: Nghiên cứu & Phê bình (Nxb Phụ nữ , Hà Nội, 2010)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hoá Chăm, ảnh hưởng Mã Lai, ảnh hưởng Ấn Độ, nghiên cứu, phê bình
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Sách bao gồm 630 trang, chia làm 8 vấn đề chính như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về di tích - lịch sử: Ai là chủ nhân của Thánh địa Cát Tiên – Lâm Đồng của Sakaya; Truyền thuyết các tháp Chăm của Bồ Xuân Hồ; Sự tác động của làn sóng du lịch đến tháp Po Klaong Garai- Một kiến trúc cổ bị phá vỡ của Sakaya. 2. Về văn hóa – xã hội: Ảnh hưởng các yếu tố tộc người tới phát triển kinh tế – xã hội của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận –Bình Thuận của Ngô Thị Chính và Tạ Long; Vấn đề tên họ người Chăm của Sakaya; Sự lai căng, suy thoái trong hệ thống gia đình - xã hội Chăm hiện nay; Thực trạng tình hình an ninh trật tự ở vùng Chăm hiện nay; Nghiên cứu một trường hợp làng Bầu Trúc –Ninh Thuận của Sakaya. 3. Về tôn giáo: Người Chăm (Những nghiên cứu bước đầu) của Nguyễn Mạnh Cường và Nguyễn Minh Ngọc; Nghi lễ vòng đời người của người Chăm ở Ninh Thuận của Phan Quốc Anh; Tín ngưỡng của cộng đồng người Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận của Hoàng Minh Đô; Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận Ninh Thuận hiện nay của Nguyễn Hồng Dương; Một số vấn đề cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam của Sakaya. 4. Về lễ hội: Lễ hội Katé truyền thống của người Chăm; Lễ hội Bà Thu Bồn - Một tín ngưỡng thờ Mẫu (Po Ina Nagar) của người Việt - Chăm ở Quảng Nam của Sakaya; Góp phần tìm hiểu lễ Rija Nugar của người Chăm ở Ninh Thuận của Thập Liên Trường; Lễ Rija Nugar của người Chăm và Lễ hội chuyển mùa của người Chăm của Ngô Văn Doanh. 5. Về văn chương: Văn học Chăm, Tập I và Ariya Chăm của Inrasara, Tục ngữ Câu đố Chăm của Lưu Văn Đảo; Akhar Thrah (Câu chuyện chữ nghĩa) của Kay Amuh; Truyện cổ Dân gian Chăm của Trương Hiến Mai (chủ biên).

		<p>6. Về ngôn ngữ: Ngữ pháp tiếng Chăm và Từ Điển Chăm - Việt của Bùi Khánh Thế; Giáo trình chữ Chăm của Ban Biên Soạn; Báo chí tiếng Chăm và Bảng tên công làng Bầu Trúc của Thông Tấn Xã Việt Nam của Sakaya; Vấn đề Sử dụng Tiếng nói và Chữ viết Chăm Hiện nay: Thực trạng & Giải pháp của Sakaya.</p> <p>7. Về âm nhạc - múa: Vai trò âm nhạc trong lễ hội dân gian Chăm Ninh Thuận của Hải Liên; Nhạc cụ truyền thống của tộc người Chăm của Đình Hy và Trọng Tôn; Dân ca Chăm – một số vấn đề cần nói rõ của Sakaya; Trờ lại vấn đề nghệ thuật múa Chăm trên sân khấu hiện nay của Sakaya</p> <p>8. Thi phẩm Paoh Catuai Chăm– Những bài học cần suy ngẫm của Sakaya (Thay lời kết luận).</p>
5. Phương pháp nghiên cứu		Hai phương pháp chủ yếu của cuốn sách này là: phương pháp phân tích văn bản và phương pháp điền dã dân tộc học (phỏng vấn, quan sát tham dự ...)
6. Những phát hiện chính		- Sách phát hiện và điều chỉnh những lỗi sai sót, những quan điểm phiến diện, những cách hiểu sai của các tác giả nghiên cứu về văn hoá Chăm giúp độc giả hiểu đúng về người Chăm và văn hoá Chăm.
7. Các khuyến nghị		<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <p>- Những nhà Dân tộc học, Văn hoá học ...khi nghiên cứu về văn hoá Chăm nói riêng và văn hoá các dân tộc thiểu số nói chung cần phải biết tiếng dân tộc, cần nhiều thời gian trải nghiệm sâu trong cộng đồng... để tránh hiểu biết vội vã và sai lầm về đối tượng mình nghiên cứu.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		Đây là công trình nghiên cứu cơ bản. Kết quả nghiên cứu là nguồn tài liệu tham khảo dùng để nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến văn hoá Chăm
9. Công bố khoa học		<p>1. Ngô Văn Doanh, “Một số vấn đề về sách Lễ hội chuyển mùa của người Chăm”, <i>Tạp chí Khoa học</i>, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Số 2(13), 2008, tr. 55 - 65.</p> <p>2. “Một số vấn đề su tầm nghiên cứu Akayet – Sử thi Chăm”, <i>Tạp chí Văn hóa Dân Gian</i>, Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian, Số 06/2009, tr. 19-28.</p> <p>3. “Đôi điều trần trở trong nghệ thuật múa Chăm trên sân khấu hiện nay”, <i>Tạp chí Nguồn Sáng Dân gian</i>, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Số 1/2001, tr. 43-47.</p> <p>4. “Văn hoá dân gian Chăm với việc phát triển đô thị trong cộng</p>

		<p>đồng dân tộc Chăm ở Việt Nam”, <i>Văn hoá dân gian với việc phát triển đô thị</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr. 301-312</p> <p>5. Vấn đề sử dụng tiếng nói và chữ viết của người Chăm hiện nay: <i>Thực trạng & Giải pháp</i>”, Hội thảo về <i>Ngôn ngữ các dân tộc ở Nam Bộ: Lý luận, thực tiễn, chính sách</i>, Viện Phát triển Bền vững Vùng Nam Bộ tổ chức ngày 25/11/2008 tại t/p HCM.</p> <p>6. Giáo trình dạy chữ Chăm và Hậu quả của việc cải biên ngôn ngữ Chăm của BBSSCC Ninh Thuận, Trong CD Kỉ yếu Hội thảo Lịch Sử Ngôn ngữ và Chữ viết Chăm, do EFEO Pháp, Trường Ngoại Ngữ Tokyo Nhật Bản và Bảo tàng Quốc gia Mã Lai xuất bản, 2007.</p> <p>7. Sakaya, “Chính sách của Đảng – Nhà nước đối với người Chăm: Những vấn đề đặt ra”, Kỉ yếu Hội thảo khoa học: <i>Những vấn đề nổi bật – Những đáp ứng của Chính sách và Nghiên cứu</i>, Viện Phát triển Bền vững Vùng Nam Bộ tổ chức ngày 26/11/2009 tại t/p HCM.</p> <p>8. Sakaya (Văn Món), “Mấy suy nghĩ nhân đọc cuốn sách có 500 năm như thế của Hồ Trung Tú”, <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế -Xã hội Đà Nẵng</i>, Số 18, 2011, tr. 70-71.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN MÓN (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lễ hội của người Chăm (Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Lễ hội, lễ Katé, Lễ Ramawan, Chăm, Ninh Thuận,
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Đề tài được chia thành 4 phần, 10 chương, gồm:</p> <p>Phần thứ nhất: Chương I và Chương II: Môi trường tự nhiên và xã hội, lịch sử để hình thành lễ hội Chăm. Chương này nêu khái quát về môi trường tự nhiên như vị trí, địa thế núi, sông, biển, khí hậu, đất đai, thảm thực vật, động vật và hoàn cảnh lịch sử, xã hội của người Chăm, văn hóa Chăm ... Đó chính là môi trường nảy sinh và nuôi dưỡng lễ hội Chăm.</p>

	<p>Phần thứ hai: Từ chương III đến chương VII, chúng tôi sẽ phân loại các hệ thống lễ hội Chăm và trình bày các loại lễ - hội một cách cụ thể thiên về hướng miêu tả dân tộc học là chính. Cụ thể ở chương này, lễ hội Chăm được chia ra 5 hệ thống lễ như sau:</p> <p>Chương III: Hệ thống lễ nghi nông nghiệp Chăm. Chương này bao gồm lễ dựng chòi cày (yang padang padai tuan), lễ lúa đẻ nhánh (ew po bhum), lễ lúa đón đồng (yang padai tok tian), lễ cúng lúa thu hoạch (yang da a padai tagaok lan), lễ cầu đảo (yang paralao basah), lễ chặn nguồn nước (pakap halau kraong) và lễ cúng trâu (ngap kabau yang patao).</p> <p>Chương IV: Hệ thống tế lễ thần linh của tộc họ. Chương này bao gồm lễ tế thần linh tộc họ (Puis, Payak) và lễ tế trâu cho thần linh tộc họ (ngap kabau ka po). Chương V: Hệ thống lễ Raja. Chương này bao gồm lễ Raja Nagar (lễ múa đầu năm), lễ Raja Harei (lễ múa ban ngày), lễ Raja Dayep (lễ múa ban đêm) và lễ Raja Praong (lễ múa lớn).</p> <p>Chương VI: Hệ thống lễ thánh đường. Chương này bao gồm lễ Suk Yeng và lễ Ramawan (Ramadan).</p> <p>Chương VII: Hệ thống lễ ở đền tháp. Chương này bao gồm lễ mở cửa tháp (Peh mbang yang), lễ cầu đảo (Yuer yang), lễ hội Katé và lễ cúng Nữ thần mẹ xứ sở (Ca-mbur).</p> <p>Phần thứ ba: Từ chương VIII đến chương X là dựa vào các hệ thống lễ hội đã được miêu tả trên, chúng tôi rút ra những đặc trưng chung nhất của lễ hội Chăm trên nhiều bình diện theo cách nhìn của cấu trúc luận như: cơ cấu, tổ chức lễ hội Chăm; lễ hội Chăm với di sản văn hóa vật chất như: di tích đền tháp, tượng thờ, trang phục, ẩm thực, nhạc cụ lễ hội Chăm với di sản văn hóa tinh thần như tín ngưỡng, tôn giáo, văn chương, ca múa nhạc; và lễ hội Chăm trong mối quan hệ với văn hoá, tôn giáo Ấn Độ, Ả Rập, Mã Lai.</p> <p>Trên cơ sở nội dung và kết quả khoa học vừa trình bày trên, chúng tôi xác định ý nghĩa và giá trị của lễ hội Chăm như là lời kết luận cho toàn bộ cuốn sách này.</p> <p>Phần thứ tư: chủ yếu là phần phụ lục với các nội dung của các văn bản hành lễ, những điệu trống lễ, bài hát lễ trong lễ hội Chăm; những bảng thống kê các vị thần linh, các lễ tục; bảng so sánh lễ hội đền tháp Chăm với lễ hội Raja; bảng so sánh giữa hệ thống lễ Raja Chăm với lễ nghi của Mã Lai.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Cách tiếp cận</p> <p>Nghiên cứu lễ hội, chúng tôi tiếp cận hướng nghiên cứu liên ngành: Dân tộc học, lịch sử, trong đó hướng tiếp cận dân tộc học là chính.</p>

	<p>Đặt lễ hội Chăm trong bối cảnh chung của nền văn hoá Chăm, trong mối quan hệ giữa lễ hội Chăm bản địa, Chăm Ahiér (Chăm ảnh hưởng Bàlamôn) và Chăm Awal (Chăm ảnh hưởng Hồi giáo). Qua đó, chúng tôi bóc tách từng lớp văn hoá trong lễ hội Chăm. Từ đó chỉ ra quá trình giao lưu, tiếp biến và sự thay đổi của lễ hội Chăm nói riêng và nền văn hoá Chăm nói chung. .</p> <p>Phương pháp nghiên cứu nghiên cứu Dân tộc học/ Nhân học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phỏng vấn sâu: Đây là phương pháp đối thoại có chủ đích của người nghiên cứu đối với đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập những thông tin có chiều sâu liên quan đến lễ hội Chăm. - Phương pháp quan sát tham dự: Đây là phương pháp trực tiếp tham gia vào lễ hội, vào cộng đồng để quan sát các hoạt động của lễ hội, cách thức tổ chức lễ hội, diễn trình lễ hội trong cộng đồng Chăm. Phương pháp này sẽ luôn được chúng tôi thực hiện trong quá trình đi khảo sát. Các thông tin thu thập từ phương pháp này được chúng tôi ghi lại dưới dạng ghi chú (note) và nhật ký điền dã, được thể hiện trong đề tài dưới dạng miêu tả. - Phương pháp chuyên gia: Là phương pháp lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài. Các chuyên gia này bao gồm các nhà khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ địa phương... là những người am hiểu về nội dung nghiên cứu để cùng đóng góp những ý kiến định hướng cho đề tài. Phương pháp này được chúng tôi thực hiện dưới dạng tọa đàm khoa học. <p>Phương pháp nghiên cứu lịch sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và suy vong (biến mất) của một số lễ hội trong nền văn hoá Chăm. -Trong phương pháp nghiên cứu lịch sử, chúng tôi rất chú ý đến phương pháp nghiên cứu lịch đại và đồng đại để xem xét, so sánh quá trình hình thành và phát triển cũng như đặc trưng diện mạo của của lễ hội Chăm theo không gian và thời gian diễn ra như thế nào ở các vùng miền khác nhau ở Việt Nam cũng như các quốc gia khác ở khu vực Đông Nam Á.
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<p>Cho đến nay chưa có một công trình nào lễ hội của người Chăm ở Việt Nam được tập hợp in thành một cuốn sách có hệ thống đầy đủ cho nên sách này vẫn là sách mới về nội dung khoa học.</p> <p>Sách còn phát hiện một số vấn đề chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện và sắp xếp một cách có hệ thống lễ nghi nông nghiệp của người Chăm - Phát hiện và sắp xếp một cách có hệ thống về lễ hội đền tháp

		<p>Chăm</p> <p>- Phát hiện và sắp xếp có hệ thống về lễ nghi thánh đường</p>
7. Các khuyến nghị		<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <p>- Đề nghị nhà nước tạo điều kiện cho người Chăm bảo tồn tốt hệ thống nghi lễ, hội hè của người Chăm hiện nay.</p> <p>- Cán bộ nhà nước ở địa phương không nên đề nghị xoá bỏ hoặc cải biên lễ hội Chăm cho phù hợp với nếp sống mới hiện nay.</p> <p>- Nhà nước, chính quyền địa phương nên khẩn trương nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ trình UNESCO công Lễ hội Katé Chăm là di sản văn hoá thế giới.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>Kết quả của công trình nghiên cứu này sẽ là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc hoạch định chính sách, công tác quản lý tôn giáo - lễ hội của chính quyền các cấp; và cũng là nguồn tư liệu giúp cho các nhà chức trách hiểu rõ hơn về lễ hội của người Chăm ở Việt Nam.</p> <p>Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của công trình này cũng là nguồn tài liệu khoa học quan trọng được dùng để nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến văn hoá Chăm, cụ thể là lễ hội Chăm và lễ hội các dân tộc ở Việt Nam ở các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu thuộc khối ngành khoa học xã hội – nhân văn.</p>
9. Công bố khoa học		<ul style="list-style-type: none"> ▪ “Chăm Temple Festivals”, <i>Tạp chí Vietnamese Studies</i>, Số 3, 2003, tr. 8 - 28. ▪ “Raja Praong Ritual: a Memory of the Sea in Cham - Malay Relations”(Lễ Raja Praong – Một kí ức về biển trong mối quan hệ Cham – Mã Lai), trong <i>Tạp chí Ocean and Earth Sciences, Institute of Ocean and Earth Sciences, University of Malaya, Monograph, Series 3</i>, pp. 97- 111. ▪ “Tiếp cận phương pháp và lý thuyết trong nghiên cứu lễ hội”, trong Kỉ yếu Hội thảo Quốc tế <i>Lễ hội cộng đồng: Truyền thống và Biến đổi</i>, Nxb Đại học Quốc gia Tp HCM, 2014, tr. 3-16. ▪ “Lễ hội Katê - Một di sản văn hóa Chăm độc đáo”, <i>Tạp chí Toàn Cảnh</i> (Sự kiện và Dư luận), Bộ Văn hoá Thông tin, Số 100, 1998, tr. 31-32. ▪ “Lễ hội Katê - Một di sản văn hóa Chăm độc đáo”, <i>Chào Năm 2000</i>, Nxb Đà Nẵng, năm 2000, tr. 297-299. ▪ “Đặc trưng của bài hát lễ trong lễ hội Chăm thông qua tư liệu cổ”, <i>Tạp chí Nguồn Sáng Dân gian</i>, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam,

		<p>Số 2/2002, tr. 28-32.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ “Saman giáo trong tín ngưỡng và lễ hội Chăm”, <i>Tạp chí Văn hoá Dân gian</i>, Viện Văn hoá Dân gian, Số 5/2002, tr. 41-43. ▪ “Lễ hội Po Dam”, <i>Tạp chí Xưa & Nay</i>, Hội Khoa học Lịch sử, Số 144/2003, tr. 33-35. ▪ “Loại hình tôn giáo nguyên thủy trong lễ hội Chăm”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo</i>, Viện nghiên cứu Tôn giáo, Số 1/2003, tr. 55-59. ▪ “Tín ngưỡng dân gian trong lễ hội Chăm”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Tôn Giáo</i>, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Số 5/ 2007, tr. 28-34. ▪ “Lễ Rija Nugar của người Chăm - Một tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo”, <i>Tạp chí Dân tộc học</i>, Viện Dân tộc học, Số 3/1994, tr. 42-50 . ▪ “Một tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo”, <i>Tạp chí Dân tộc học</i>, Viện Dân tộc học, Số 2/1996, tr. 71-80. ▪ “Lễ Rija Pruang - Một tín ngưỡng Hồi giáo của người Chăm Ninh Thuận”, <i>Tạp chí Văn hoá Dân gian</i>, Viện Văn hoá Dân gian, Số 3/1996, tr. 41-45 ▪ “Hệ thống lễ Rija của người Chăm - Một số vấn đề cần minh định và làm sáng rõ”, <i>Tạp chí Văn hoá Dân gian</i>, Viện Văn hoá Dân gian, Số 4/ 1997, tr. 48-53. ▪ “Một số vấn đề về sách Lễ hội chuyển mùa của người Chăm” của Ngô Văn Doanh, <i>Tạp chí Khoa học</i>, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Số 2(13), 2008, tr. 55 - 65.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN MÓN (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch pháp của người Chăm (Nxb Tri thức, Hà Nội, 2016)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn

	3. Từ khóa tìm kiếm	Lịch Chăm Ahier, Lịch Chăm Awal, sự dung hoà lịch Chăm, cách tính nhuận lịch Chăm
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Nội dung của đề tài này, ngoài phần dẫn luận, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, có tất cả khoảng 180 trang chính văn được chia thành năm chương chính như sau:</p> <p>Chương I: Tiếp cận một số vấn đề cơ bản về lịch thế giới và lịch pháp của người Chăm</p> <p>Chương này có 40 trang, trình bày tổng quan về một số loại lịch trên thế giới có ít nhiều liên quan đến lịch Chăm như âm lịch, dương lịch của các nước như lịch Ấn Độ, lịch Hồi giáo, lịch Ai Cập, lịch Babilon, lịch Trung Quốc... Đây cũng là tài liệu quý giá để chúng ta có cơ sở nhận diện nguồn gốc, mối liên hệ cũng như sự ảnh hưởng qua lại giữa lịch Chăm và một số lịch trên thế giới trong quá trình giao lưu, tiếp biến giữa văn hóa Chăm với văn hóa bên ngoài. Chương này còn trình bày tổng quan về những tài liệu cổ thư, văn bản chép tay liên quan lịch Chăm mà chúng tôi đã phát hiện, sưu tầm, chọn lọc. Đây là cơ sở, dữ liệu chính để chúng tôi nghiên cứu lịch Chăm.</p> <p>Chương II: Đặc điểm lịch pháp của người Chăm</p> <p>Chương này có 56 trang. Đây là chương chính của đề tài, trình bày cơ bản hai loại lịch Chăm và mối quan hệ giữa hai loại lịch này. Cụ thể là trình bày rõ lịch Sakawi Awal và lịch Sakawi Ahiér. Mỗi loại lịch đều trình bày cách tính giờ, ngày, tháng, năm. Trình bày kỹ về luật nhuận, tháng nhuận, năm nhuận; các chu kỳ vận động của mặt trăng, các vì sao, cách nhận biết thiên văn, các nhịp điệu sinh học cây trồng - vật nuôi để định ngày tháng năm trong cách tính lịch Chăm. Đặc biệt trong chương này trình bày những điểm chung và riêng cũng như mối quan hệ giữa lịch Sakawi Awal và Sakawi Ahiér; giữa lịch Sakawi Awal, Sakawi Ahiér với Âm lịch và Dương lịch. Từ đó rút ra những đặc điểm chung nhất của lịch Chăm.</p> <p>Chương III: Lịch Chăm với thiên nhiên - con người và vai trò của nó với đời sống xã hội</p> <p>Chương này có 45 trang, trình bày kết quả quan sát của người Chăm về thiên văn, về nhịp điệu của vũ trụ, nhịp điệu sinh học. Từ những kiến thức này người Chăm có thể dự báo thời tiết như mây, mưa, nắng gió, hạn hán và lũ lụt, bão tố cũng như nhật thực và nguyệt thực theo chu kỳ vận động của các vì sao, tương ứng với 12 con giáp. Đặc biệt, họ đã thống kê các ngày giờ xấu tốt, tuổi hạp, tuổi kỵ trong sinh hoạt hàng ngày, cũng như trong sinh hoạt tôn giáo như quang, hôn, tang tế, cho mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng. Từ đó cho thấy vai</p>

		<p>trò của lịch Chăm trong sinh hoạt cộng đồng.</p> <p>Chương IV: Lịch pháp của Chăm hiện nay: Thực trạng và Giải pháp</p> <p>Chương này gồm có 26 trang, trình bày về thực trạng lịch Chăm từ năm 1832 đến nay, qua bốn mốc thời gian như từ 1832 -1990; từ 1910 - 1970; từ 1970 - 1990; từ 1990 - đến nay (2013). Đặc biệt nhấn mạnh sự khác nhau giữa cách tính lịch trong các nhóm Chăm Awal với nhau và sự khác biệt giữa nhóm Chăm Awal và Chăm Ahiér. Cuối cùng chương này đề ra giải pháp để thống nhất lịch Chăm.</p> <p>Đó là toàn bộ nội dung Lịch pháp của người Chăm (Sakawi Cam) trong đề tài này.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Cách tiếp cận</p> <p>Lịch Chăm tiếp cận theo góc nhìn dân tộc học mô tả là chính. Đặt lịch pháp Chăm trong bối cảnh văn hoá Châu Á, tham khảo, so sánh cách tính ngày tháng của người Chăm bản địa, cách tính lịch Saka - Ấn Độ, lịch Jawi của Hồi giáo và âm dương lịch của Trung Quốc để xem xét nghiên cứu cách dùng và cách tính lịch của người Chăm từ xưa đến nay như thế nào. Qua đó tìm ra đặc trưng riêng của lịch Chăm cũng như mối tương đồng và dị biệt giữa lịch Chăm với các dân tộc ở châu Á.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Phương pháp nghiên cứu đề tài này cơ bản là sử dụng phương pháp dân tộc học (Ethnology), chủ yếu là điền dã, sưu tầm, phỏng vấn, tích góp những trong văn hóa dân gian Chăm. Bên cạnh phương pháp phỏng vấn từ các tu sĩ, trí thức nghệ nhân, chúng tôi rất xem trọng phương pháp sưu tầm và phân tích văn bản (cổ thư) có liên quan đến lịch còn lưu giữ ở làng Chăm hiện nay.</p>	
6. Những phát hiện chính		<ul style="list-style-type: none"> - Cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về lịch Chăm hoàn chỉnh ngoài cuốn sách này. - Những phát hiện mới của cuốn sách này là: Lịch Chăm (Sakawi) Chăm hiện nay không phải là lịch ảnh hưởng từ lịch Saka của Ấn Độ mà là quá trình dung hợp giữa lịch Saka của Ấn Độ và lịch Jawi của Hồi giáo. Sakawi (lịch Chăm) = Saka + Jawi.
7. Các khuyến nghị		<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị nhà nước tạo điều kiện cho Hội đồng chức sắc Chăm thống nhất lịch ở vùng Chăm hiện nay. - Hàng năm, nhà nước hỗ trợ kinh phí, cấp giấy phép cho Hội đồng chức sắc Chăm in ấn lịch Chăm phổ biến trong nội bộ vùng Chăm.

		- Từ đó người Chăm mới dễ dàng đi đến thống nhất các lễ nghi như quan, hôn, tang, tế trong lịch Chăm, tránh mỗi vùng, mỗi nơi, có tính lịch khác nhau, gây mất ổn định vùng Chăm.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Kết quả của công trình nghiên cứu này sẽ là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc hoạch định chính sách, công tác quản lý tôn giáo, lễ hội, các hệ thống lễ nghi Chăm diễn ra hàng năm theo lịch Chăm. - Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của công trình này cũng là nguồn tài liệu khoa học quan trọng có thể dùng để nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến văn hoá Chăm ở các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu thuộc khối ngành khoa học xã hội – nhân văn.
	9. Công bố khoa học	- Sakaya, Bài học về tri thức biển của người Chăm để phát triển vùng biển Khánh Hoà và miền Trung, Hội nghị Quốc tế về Biển Đảo Khánh Hoà , tháng 06/2011, tại Thành Phố Nha Trang. - “Nghiên cứu và ứng dụng Luật tục của người Chăm”, Dự án Nghiên cứu và bảo tồn Luật tục các dân tộc thiểu số của Viện Văn hoá Dân gian và Quỹ Ford Foundation tài trợ, 1998-2000, 200 trang.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Văn Món (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nghề dệt cổ truyền của người Chăm Mỹ Nghiệp - Ninh Thuận (Nxb Tri thức, Hà Nội, 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nghề dệt Chăm, hoa văn, khung dệt, trang phục, khiêng ky
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nội dung sách được trình bày thành ba phần chính như sau: - Phần thứ nhất: Làng dệt người Chăm Mỹ Nghiệp. Phần này giới thiệu tên gọi, địa danh; điều kiện tự nhiên – xã hội và lịch sử hình thành của làng dệt Mỹ Nghiệp. - Phần thứ hai: Nghề dệt người Chăm Mỹ Nghiệp. Phần này giới

		<p>thiệu nghề dệt Chằm trong quá khứ và hiện nay; mô tả chi tiết về các loại khung dệt, quy trình dệt vải, từ trồng bông, kéo sợi, nhuộm màu, dệt vải, váy, áo cho đến bố cục, đường nét và màu sắc trong nghệ thuật trang trí hoa văn. Ngoài ra còn trình bày cách thức tổ chức sản xuất và những nghi lễ, kiêng kỵ trong nghề dệt vải Chằm.</p> <p>- Phần thứ ba: Nhận xét, so sánh, kiến nghị và giải pháp. Căn cứ trên những cứ liệu khoa học ở các phần nêu trên, phần này đưa ra nhận xét chung về nghề dệt cổ truyền của người Chằm Mỹ Nghiệp. Đặt vị trí nghề dệt Mỹ Nghiệp trong kho tàng nghệ thuật Champa và qua đó so sánh nghề dệt Chằm với nghề dệt của một số dân tộc khác ở nước ta và khu vực Đông Nam Á. Kết thúc cuốn sách này, chúng tôi tiếp tục đưa ra những giải pháp, kiến nghị cho nghề dệt người Chằm Mỹ Nghiệp trong cơ chế thị trường, cũng như trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc hiện nay.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Cách tiếp cận</p> <p>Sách tiếp cận theo góc nhìn dân tộc học, đặt nghề dệt, hoa văn Chằm trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á, cụ thể trong mối quan hệ giữa các dân tộc cùng ngữ hệ Mã Lai - Đa đảo ở Việt và Đông Nam Á. Qua đó tìm ra đặc trưng riêng của nghề dệt Chằm, hoa văn trong mối tương đồng và dị biệt giữa nghề dệt Chằm với các dân tộc ở Đông Nam Á.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Phương pháp nghiên cứu đề tài này cơ bản là sử dụng phương pháp dân tộc học (Ethnology) chủ yếu là điền dã, sưu tầm, phỏng vấn, tích góp những trong văn hóa dân gian Chằm liên quan đến nghề dệt.</p>	
6. Những phát hiện chính		<ul style="list-style-type: none"> - Cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về nghề dệt và hoa văn Chằm một cách hoàn chỉnh ngoài cuốn sách này. - Sách này thống kê được 40 hoa văn khác nhau trên vải thổ cẩm Chằm. - Mô tả kỹ quy trình dệt vải và hoa văn Chằm - Chỉ ra đặc trưng nghề dệt Chằm và một số hoa văn Chằm có mối quan hệ với nghề dệt, hoa văn của người Mã Lai ở Malaysia.
7. Các khuyến nghị		<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị nhà nước tiếp tục có chính sách bảo tồn và phát huy tốt làng nghề Chằm ở Mỹ Nghiệp. - Quy hoạch đào tạo tay nghề trẻ tuổi ở làng nghề để tiếp nối những nghệ nhân lớn tuổi

		<p>- Có chính sách bảo hộ thổ cẩm Chăm, cẩm dân tộc khác làm giả, làm nhái thổ cẩm Chăm để thu lợi bất chính.</p> <p>- Phát triển du lịch làng nghề - du lịch Homestay ở làng nghề Chăm, giúp người dân tăng thêm thu nhập, có kinh phí để phát huy tay nghề, bảo tồn di sản làng nghề của họ.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Kết quả của công trình nghiên cứu này là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc bảo tồn và phát huy nghề dệt Chăm làng Mỹ Nghiệp.</p> <p>- Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của công trình này cũng là nguồn tài liệu khoa học quan trọng được dùng để đào tạo nghệ nhân dệt của làng dệt Mỹ Nghiệp.</p> <p>- Đây cũng là tư liệu bổ ích giúp sinh viên ở các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc khối ngành khoa học xã hội – nhân văn tham khảo, nghiên cứu về đề tài làng nghề của người Chăm.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>- “Nghề dệt cổ truyền của người Chăm Mỹ Nghiệp”, Dự án Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hoá Phi vật thể của Hội VNDG Việt Nam, năm 2001, 200 trang</p> <p>- <i>Lễ hội người Chăm</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 2012.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Văn Món (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
6	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nghề gốm cổ truyền của người Chăm Bàu Trúc - Ninh Thuận (Nxb Tri thức, Hà Nội, 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nghề gốm Chăm, hoa văn gốm, qui trình chế tác gốm, các kiểu gốm
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nội dung sách được trình bày thành ba phần chính như sau: - Phần thứ nhất: Làng gốm người Chăm Bàu Trúc iệp. Phần này giới thiệu tên gọi, địa danh; điều kiện tự nhiên – xã hội và lịch sử

		<p>hình thành của làng gốm Bầu Trúc.</p> <p>- Phần thứ hai: Nghề gốm người Chăm Bầu Trúc. Phần này giới thiệu nghề gốm Chăm trong quá khứ và hiện nay; mô tả chi tiết về qui trình làm gốm Chăm: từ khâu lấy đất, ngâm đất, nhồi đất, tạo dáng gốm, làm hoa văn, tu sửa gốm, phơi gốm và nung gốm. Ngoài ra phần này còn trình bày cách thức tổ chức làm gốm và những nghi lễ, kiêng kỵ trong nghề làm gốm Chăm.</p> <p>- Phần thứ ba: Nhận xét, so sánh, kiến nghị và giải pháp. Căn cứ trên những cứ liệu khoa học ở các phần nêu trên, phần này đưa ra nhận xét chung về nghề gốm cổ truyền của người Chăm Ninh Thuận với gốm Sa Huỳnh và gốm khu vực Đông Nam Á. Kết thúc cuốn sách này, chúng tôi tiếp tục đưa ra những giải pháp, kiến nghị cho nghề gốm người Chăm Bầu Trúc trong cơ chế thị trường, cũng như trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc hiện nay.</p>
<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>		<p>Cách tiếp cận</p> <p>Sách tiếp cận theo góc nhìn dân tộc học mô tả là chính. Đặt nghề gốm, hoa gốm Chăm trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á, cụ thể trong mối quan hệ giữa gốm Chăm Ninh Thuận với Gốm Sa Huỳnh với một số gốm cổ các dân tộc Mã Lai - Đa Đảo.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Phương pháp nghiên cứu đề tài này cơ bản là sử dụng phương pháp dân tộc học (Ethnology) chủ yếu là điền dã, sưu tầm, phỏng vấn tại thực địa, tích góp những trong văn hóa dân gian Chăm liên quan đến nghề gốm.</p>
<p>6. Những phát hiện chính</p>		<p>- Cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về nghề gốm Chăm Bầu Trúc một cách hoàn chỉnh ngoài cuốn sách này.</p> <p>- Sách mô tả kỹ quy trình làm gốm Chăm</p> <p>- Chỉ ra đặc trưng gốm Chăm và mối quan hệ giữa gốm Chăm Bầu Trúc với gốm Sa Huỳnh cũng như một số gốm dân tộc khác ở Đông Nam Á.</p>
<p>7. Các khuyến nghị</p>		<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <p>- Đề nghị nhà nước tiếp tục có chính sách bảo tồn và phát huy tốt làng nghề gốm của người Chăm Bầu Trúc.</p> <p>- Quy hoạch đào tạo tay nghề trẻ tuổi ở làng nghề để tiếp nối những nghệ nhân lớn tuổi</p> <p>- Có chính sách bảo hộ gốm Chăm, cấm dân tộc khác làm giả, làm nhái gốm Chăm để thu lợi bất chính.</p>

		- Phát triển du lịch làng nghề - du lịch Homestay ở làng nghề Chăm, giúp họ tăng thêm thu nhập, có kinh phí để phát huy tay nghề của họ.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Kết quả của công trình nghiên cứu này là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc bảo tồn và phát huy làng gốm Bầu Trúc. - Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của công trình này cũng là nguồn tài liệu khoa học quan trọng được dùng để đào tạo nghệ nhân làng gốm Bầu Trúc. - Đây cũng là tư liệu bổ ích giúp sinh viên ở các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc khối ngành khoa học xã hội – nhân văn tham khảo, nghiên cứu về đề tài làng nghề của người Chăm.
	9. Công bố khoa học	- “Bảo tồn Nghề gốm cổ truyền của người Chăm Bầu Trúc”, Dự án Nghiên cứu và Bảo tồn Di sản Văn hoá Phi vật thể của Bộ Văn hoá - Thông tin và Sở Văn hoá - Thông tin Ninh Thuận, 2001, 50 trang và film. - "Gốm cổ truyền thống của người Chăm ở Bầu Trúc", <i>Tạp chí Xưa & Nay</i> , Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Số 275 -276, Xuân 2007, tr. 27, 28 và 30.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trương Văn Món (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
7	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách học tiếng Chăm (Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tự học tiếng Chăm, chữ Chăm, âm vần Chăm, dấu âm Chăm, bài đọc Chăm
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Sách kết cấu gồm 3 phần: Học 90 tiết = 18 buổi = 3 tuần Phần 1: Học tiếng Chăm căn bản (1 tuần) Phần này có 8 bài, khoảng 30 tiết (6 buổi), chủ yếu là học hệ thống chữ cái và cách ráp âm vần tiếng Chăm Akhar Tharh, kể cả truyền

		<p>thông và hiện đại. Phần này nêu đối tượng là người Chăm chưa biết chữ Chăm thì học rất dễ dàng. Học xong phần này có thể đọc và viết chữ Chăm thông thường.</p> <p>Phần 2: Bài học đàm thoại (1 tuần)</p> <p>Phần này gồm có 5 bài, 30 tiết (6 buổi) dùng cho đối tượng học là người Việt hoặc người nước ngoài, sau khi học xong phần 1. Học viên học tiếp phần này như là phần nâng cao để học đàm thoại, học từ vựng và ngữ pháp cơ bản của tiếng Chăm.</p> <p>Phần 3: Đọc văn bản Chăm (1 tuần)</p> <p>Phần này học khoảng 30 tiết (6 buổi) nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản Chăm, gồm 2 bài mẫu về truyện cổ và tài liệu hoàng gia Chăm. Mỗi bài học có tập đọc, từ vựng, ngữ pháp, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. Phần này dùng cho những học viên nào có hướng muốn đi chuyên sâu, tìm hiểu văn hóa Chăm.</p> <p>Ngoài những bài chính biên soạn trong sách này, trong quá trình dạy và học, học viên còn có những hoạt động khác trong lớp như học hát dân ca Chăm, xem phim ca nhạc và những phim khác về di sản văn hóa Chăm. Sau đó chia nhóm thảo luận và viết bài thu hoạch bằng tiếng Chăm. Cuối mỗi khóa học, học viên làm kiểm tra và thi để đánh giá kết quả.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu		<p>Cách tiếp cận</p> <p>Tiếp cận theo góc nhìn nhân học ngôn ngữ - văn hoá, biên soạn giáo trình học tiếng bằng những bài đọc, bài tập, đơn giản, dễ đọc, dễ hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Biên soạn sách này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu của nhân học ngôn ngữ, chủ yếu trực tiếp quan sát sinh hoạt ngôn ngữ trong cộng đồng Chăm. Trong quá trình quan sát, chúng tôi chú trọng đến lớp từ vựng, những mẫu câu cũng những bài đàm thoại đơn giản, ngắn gọn thường được người Chăm sử dụng hàng ngày trong cộng đồng của họ để đưa vào giáo trình.</p> <p>Bên cạnh đó, chúng tôi còn sử dụng phương pháp sưu tầm và phân tích văn bản Chăm để tìm ra những ưu điểm và tinh hoa ngôn ngữ Chăm đưa vào giáo trình học.</p>
6. Những phát hiện chính		<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện ra cách học tiếng Chăm truyền thống qua 12 con giáp rất có hiệu quả. Đây là phương pháp dễ học, dễ đọc, dễ thuộc và dễ nhớ. - Chỉ cần học thuộc 42 chữ cái Chăm, sau đó tập ráp vần, đánh vần được tên 12 con giáp theo tiếng Chăm, người học có thể đọc được

	văn bản Chăm phổ thông.
7. Các khuyến nghị	<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị nhà nước có chính sách bảo tồn ngôn ngữ chữ viết Chăm. - Nên dạy tiếng Chăm truyền thống trong trường phổ thông và trong cộng đồng nơi có đông người Chăm sinh sống. - Bộ Giáo dục - Đào tạo không nên chủ trương cải biên ngôn ngữ Chăm nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung. - Nên tổ chức đánh giá, phản biện độc lập một cách khoa học về Bộ sách chữ Chăm cải biên của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy tốt những tinh hoa ngôn ngữ Chăm trong bộ sách giáo trình học chữ Chăm hiện nay. - Đẩy mạnh phát hành báo chí, phát thanh, truyền hình bằng tiếng Chăm truyền thống để người nghe dễ hiểu.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả của công trình nghiên cứu này là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc bảo tồn và phát huy ngôn ngữ chữ viết Chăm. - Giáo trình thích hợp với các đối tượng muốn tự học tiếng Chăm. - Đây cũng là tư liệu bổ ích giúp sinh viên ở các trường đại học, các nhà nghiên cứu, cán bộ địa phương học tốt tiếng Chăm một cách bài bản, chính quy.
9. Công bố khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - "Giáo trình dạy chữ Chăm và Hậu quả của việc cải biên ngôn ngữ Chăm của BBSSCC Ninh Thuận", Trong CD Kì yếu Hội thảo <i>Lịch Sử Ngôn ngữ và Chữ viết Chăm</i>, do EFEO Pháp, Trường Ngoại Ngữ Tokyo Nhật Bản và Bảo tàng Quốc gia Mã Lai xuất bản, 2007. - “Vấn đề sử dụng tiếng nói và chữ viết của người Chăm hiện nay: Thực trạng & Giải pháp”, Hội thảo về <i>Ngôn ngữ các dân tộc ở Nam Bộ: Lý luận, thực tiễn, chính sách</i>, Viện Phát triển Bền vững Vùng Nam Bộ tổ chức ngày 25/11/2008 tại t/p HCM. - Ngôn ngữ Chăm: Thực trạng & Giải pháp, Nxb Phụ nữ, 2011, tr. 159-207.
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN MÓN (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com;

		vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
8	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Từ điển Chăm - Việt - Anh; Việt – Chăm - Anh (Nxb Tri thức, Hà Nội, 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếng Chăm, từ vựng Chăm, các làng Chăm, phương hướng, tên đất , tên vùng, đàm thoại tiếng Chăm.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Từ điển có hơn 16.000 mục từ cơ bản, bao gồm có hai phần chính như sau: - Phần I: Chăm - Việt - Anh (khoảng 7.232 mục từ). - Phần II: Việt - Anh - Chăm (có khoảng 8.442 mục từ). - Ngoài ra, từ điển còn có phần phụ lục khoảng 354 mục từ cơ bản bao gồm các câu đàm thoại ngắn, từ chỉ nơi chốn, ăn ở, đi lại, mua sắm, tên các làng Chăm, lịch pháp, số đếm ... để phục vụ khách du lịch.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Cách tiếp cận Tiếp cận theo góc nhìn ngôn ngữ - văn hoá, chủ yếu biên soạn từ điển phổ thông; từ vựng cơ bản, mẫu câu ví dụ minh hoạ đơn giản giúp cho giới trẻ, sinh viên, học sinh dễ dàng tra cứu Phương pháp nghiên cứu Đề tài này cơ bản sử dụng phương pháp nhân học- ngôn ngữ, quan sát sinh hoạt ngôn ngữ trực tiếp trong cộng đồng, đồng thời sử dụng phương pháp sưu tầm văn bản Chăm để tham khảo, chọn những từ vựng, những mẫu câu hay, gần gũi với đồng bào để đưa vào từ điển.
	6. Những phát hiện chính	- Cho đến nay chưa có từ điển nhỏ bỏ túi nào dễ dàng tra cứu và được nhiều người sử dụng như cuốn từ điển này ở vùng Chăm. - Phát hiện ra nhiều từ vựng Chăm có gốc Mã Lai, Phạn ngữ, Ả Rập.
	7. Các khuyến nghị	Những khuyến nghị cụ thể như: - Đề nghị nhà nước có chính sách bảo tồn ngôn ngữ - chữ viết Chăm. - Nên dạy tiếng Chăm truyền thống trong trường phổ thông và trong cộng đồng nơi có đông người Chăm sinh sống. - Bộ Giáo dục và Đạo tạo không nên chủ trương cải biên ngôn ngữ Chăm nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung.

		<p>- Nên tổ chức đánh giá, phân biện độc lập một cách khoa học về Bộ sách chữ Chăm cải biên của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy tốt những tinh hoa ngôn ngữ Chăm trong bộ sách giáo trình học chữ Chăm hiện nay.</p> <p>- Đẩy mạnh phát hành báo chí, phát thanh, truyền hình bằng tiếng Chăm.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Kết quả của công trình nghiên cứu này là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc bảo tồn và phát huy ngôn ngữ chữ viết Chăm.</p> <p>- Từ điển phục vụ rộng rãi mọi đối tượng để tra cứu ngữ nghĩa tiếng Chăm - Việt - Anh hoặc ngược lại.</p> <p>- Đây cũng là Từ điển bổ ích giúp sinh viên ở các trường đại học, các nhà nghiên cứu, cán bộ địa phương tra cứu, học tốt tiếng Chăm một cách bài bản, chính quy.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>- "Giáo trình dạy chữ Chăm và Hậu quả của việc cải biên ngôn ngữ Chăm của BBSSCC Ninh Thuận", Trong CD Kì yếu Hội thảo <i>Lịch Sử Ngôn ngữ và Chữ viết Chăm</i>, do EFEO Pháp, Trường Ngoại Ngữ Tokyo Nhật Bản và Bảo tàng Quốc gia Mã Lai xuất bản, 2007.</p> <p>- “Vấn đề sử dụng tiếng nói và chữ viết của người Chăm hiện nay: Thực trạng & Giải pháp”, Hội thảo về <i>Ngôn ngữ các dân tộc ở Nam Bộ: Lý luận, thực tiễn, chính sách</i>, Viện Phát triển Bền vững Vùng Nam Bộ tổ chức ngày 25/11/2008 tại t/p HCM.</p> <p>- <i>Ngôn ngữ Chăm: Thực trạng & Giải pháp</i>, Nxb Phụ nữ, 2011, tr. 159-207.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN MÓN (SAKAYA) • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 097. 272. 3303 • Email: vanmonsakaya@yahoo.com; vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn
9	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Hoạt động sinh kế của cư dân huyện Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>(Đề tài cấp Trường năm 2016)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học kinh tế

3. Từ khóa tìm kiếm	Sinh kế, sinh thái ven biển, chính sách, môi trường, thị trường
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Hoạt động sinh kế ở huyện Cần Giờ tuy đa dạng nhưng chứa đựng nhiều bất ổn, rủi ro, người dân chưa an tâm về công việc họ đang làm.</p> <p>Các thực hành sinh kế của cư dân huyện Cần giờ bị chi phối mạnh mẽ bởi yếu tố thị trường, môi trường và chính sách.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Để thu thập thông tin chúng tôi sử dụng phương pháp định tính và các cuộc quan sát tham dự vào hoạt động của người dân tại cộng đồng.</p> <p>Chúng tôi đã khai thác thông tin đa chiều từ các cấp chính quyền liên quan đến việc thực thi các chính sách phát triển ở địa phương. Do vậy, bên cạnh việc tổng hợp các tài liệu báo cáo chúng tôi đã tiến hành các cuộc phỏng vấn chiến lược và phỏng vấn cá nhân để thu thập thông tin cần có.</p>
6. Những phát hiện chính	<p>Phân tích sinh kế của cư dân huyện Cần Giờ của Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay, chúng tôi cho là các dạng thức sinh kế của cư dân vùng đất này là kết quả của sự tương tác giữa yếu tố kinh tế-chính trị và sinh thái. Cụ thể, các hoạt động sinh kế của cư dân tại đây trong bối cảnh quản lý xã hội đương đại chịu tác động của các yếu tố chính sách phát triển kinh tế của nhà nước, nhu cầu thị trường và yếu tố sinh thái vốn được hiểu như là cung cấp các khả năng đặc thù cho sự sinh tồn của con người tại một vùng môi trường cụ thể. Trong sự tương tác này, sự tương tác giữa các yếu tố chính sách, môi trường và thị trường chi phối định hình các dạng thức sinh kế của cư dân. Tùy theo đặc điểm từng nghề nghiệp, mức độ tác động của từng yếu tố sẽ khác nhau.</p> <p>Theo hướng tiếp cận bền vững, nghiên cứu đã làm rõ những yếu tố bất ổn trong hoạt động sinh kế của các cư dân Cần Giờ hiện nay.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>Thực tế thực hành sinh kế của các cư dân Cần Giờ cho thấy, trong sự tương tác giữa các yếu tố với nhau, yếu tố quản lý nhà nước thể hiện qua các chính sách có một vai trò quan trọng. Yếu tố này có thể làm giảm thiểu các rủi ro của yếu tố thị trường và yếu tố môi trường. Tuy nhiên, yếu tố chính sách cũng có thể trở thành yếu tố rủi ro cho sinh kế của các cư dân nếu không được thực thi một cách hiệu quả theo hướng hài hòa lợi ích của các cư dân. Nên việc đưa ra các chính sách và việc thực thi các chính sách đó có đúng với sự kỳ vọng hay không thì cần phải xem xét lại.</p>
8. Khả năng ứng	Kết quả nghiên cứu của đề tài là một cái nhìn toàn diện về sinh kế

	dụng thực tiễn	<p>của cư dân huyện Cần giờ trong bối cảnh phát triển hiện nay từ góc độ tương tác giữa các yếu tố chính sách và yếu tố môi trường.</p> <p>Kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tài liệu quan trọng góp phần cho việc hoạch định chính sách phát triển bền vững ở địa phương.</p> <p>Kết quả nghiên cứu sẽ được sử dụng để giảng dạy về vấn đề sinh kế tộc người tại các trường đại học, học viện nghiên cứu thuộc ngành khoa học xã hội và nhân văn.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>Nghiên cứu này đã được công bố dưới những hình thức nào? (Bài báo tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế, sách, trình bày hội thảo trong nước/ quốc tế,...)</p> <p>Tạp chí trong nước: “Các dạng thức sinh kế của cư dân huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh: sự tương tác của yếu tố chính sách, thị trường và môi trường, <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>. X3/2016, Vol. 19, Tr.95-122</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Thị Phương Lan • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Ban Giám hiệu, ĐHKHXH& NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0913607276 • Email: ngophuonglan@hcmussh.edu.vn
10	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Kinh tế hộ gia đình nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long: nghiên cứu trường hợp nông dân trồng lúa ở huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang</p> <p>(Đề tài cấp Trường năm 2015)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học kinh tế: Tìm hiểu các động thái của hoạt động kinh tế trồng lúa của người nông dân trong bối cảnh tham gia mạnh mẽ vào sản xuất thị trường
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nông dân, nông nghiệp, Kinh tế hộ gia đình
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Kinh tế hộ gia đình nông dân đang diễn ra theo chiều hướng nào? Đây là yếu tố cản trở hay động lực phát triển cho nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?
	5. Phương pháp nghiên cứu	Để thu thập thông tin chúng tôi sử dụng phương pháp định tính, phương pháp định lượng và các cuộc quan sát tham dự vào hoạt động của người dân tại cộng đồng.

	<p>Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp thu thập và xử lý thông tin thu thập bằng các nguồn tư liệu khác nhau như tài liệu thống kê, báo cáo, các công trình nghiên cứu..để phục vụ cho việc viết bài.</p>
6. Những phát hiện chính	<p>- Miêu tả chi tiết có tính phân tích về các động thái mưu sinh của nông dân trong bối cảnh hiện nay.</p> <p>- Các đặc trưng sản xuất của hộ gia đình sản xuất lúa gạo trong bối cảnh sản xuất thị trường là: Trong khi hộ gia đình được đặc trưng bằng lao động của các thành viên hộ gia đình thì hiện nay trong bối cảnh sản xuất định hướng thị trường, do sự chuyên môn hóa trong sản xuất lúa gạo hiện nay ở ĐBSCL sản xuất hộ gia đình không nhất thiết phải có sự tham gia trực tiếp của lao động thành viên trong gia đình. Ngoài ra, chu kỳ quy mô sản xuất và tích lũy của hộ gia đình gắn liền với sự phát triển của nhu cầu hộ gia đình theo thời gian. Theo đó, hộ gia đình sẽ gia tăng sản xuất ở giai đoạn có nhiều sức lao động của gia đình và khi hộ gia đình đó chia tách thành các hộ gia đình hạt nhân khác thì kết quả của quá trình tích tụ sản xuất đó bị phân tán do phong tục chia đất đai và trên cơ sở đó các hộ gia đình mới lại tiếp tục quá trình tích tụ và mở rộng sản xuất.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>Kinh tế hộ gia đình nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang có nhiều bất ổn do yếu tố đất đai, giá cả thị trường, vốn sản xuất chi phối. Vì vậy, Nhà nước cần có những chính sách điều tiết hợp lý để người nông dân an tâm trong sản xuất, góp phần phát triển vững chắc kinh tế nông thôn ở ĐBSCL là vấn đề cấp thiết.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Đề tài nhằm cung cấp nguồn cứ liệu thực tiễn góp phần làm cơ sở cho các nhà hoạch định chính sách quản lý địa phương đưa ra những chính sách hợp lý nhằm giúp người dân có hoạt động sinh kế bền vững.</p> <p>Bên cạnh đó, đề tài cung cấp nguồn dữ liệu tham khảo cho sinh viên và những ai quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu này.</p>
9. Công bố khoa học	<p>Tạp chí trong nước:</p> <p>Ngô Thị Phương Lan 2015, “Vấn đề sản xuất bền vững lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long”, <i>Tạp chí Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh</i>, Số 2(198) 2015. Tr24-31.</p> <p>Ngô Thị Phương Lan 2016, “Đặc điểm sản xuất thị trường của hộ nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ</i>, Tập 19, số X2-2016, Tr. 19-31</p>
10. Liên lạc	<p>• Họ tên: Ngô Thị Phương Lan</p>

		<ul style="list-style-type: none"> • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Ban Giám hiệu, ĐHKHXH& NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0913607276 • Email: ngophuonglan@hcmussh.edu.vn
11	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Từ lúa sang tôm: hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long (Nxb ĐHQG, 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học kinh tế
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nông nghiệp – nông dân, rủi ro – bất ổn, quan hệ xã hội, vốn xã hội.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Bản chất hành vi chấp nhận rủi ro của người nông dân qua việc nông dân thường xuyên thay đổi phương thức mưu sinh của mình theo nhịp điệu biến động của nhu cầu thị trường là gì?</p> <p>- Các mối quan hệ xã hội có vai trò như thế nào trong hoạt động kinh tế của cộng đồng nông dân?</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Để thu thập thông tin chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp để giải quyết các vấn đề đặt ra của nghiên cứu; và để thu thập thông tin, chúng tôi kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính với các cuộc quan sát tham dự hoạt động của người dân tại hai cộng đồng.</p> <p>Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp thu thập và xử lý thông tin thư tịch bằng các nguồn tư liệu khác nhau như tài liệu thống kê, báo cáo, các công trình nghiên cứu..để phục vụ cho đề tài.</p>
	6. Những phát hiện chính	<p>- Ngoài tư duy duy lý thị trường khiến người nông dân trong mọi điều kiện đều sẵn sàng chuyển đổi phương thức sinh kế của mình bất cứ khi nào, trong mọi điều kiện và hoàn cảnh, thì người nông dân ĐBSCL còn thể hiện tư duy phân tán và giảm thiểu rủi ro.</p> <p>- Khi nói về hành vi chấp nhận rủi ro của người nông dân khi chuyển từ cây lúa sang nuôi tôm và vai trò của vốn xã hội trong việc chấp nhận rủi ro. Chúng tôi cho rằng vốn xã hội và xu thế phát triển, quan hệ xã hội trong hoạt động kinh tế có những chuyển biến rõ rệt, đa chiều, nhưng quan hệ gia đình thân tộc và láng giềng trong cộng đồng thôn ấp vẫn là quan hệ nền tảng.</p> <p>Vốn xã hội chỉ hoạt động ở quy mô quan hệ xã hội nhỏ, thân thuộc</p>

		<p>và mức độ phát huy nguồn vốn xã hội này không cao. Tuy nhiên, do quy mô sản xuất của các nông hộ là khác nhau thuộc các mô hình kinh tế khác nhau, nên sự mở rộng vốn xã hội cũng có sự khác biệt theo mối quan hệ cùng lợi ích chi phối trong cùng nhóm và khác nhóm.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu cho thấy do môi trường sản xuất có nhiều bất trắc, nên hành vi lựa chọn sinh kế của người nông dân luôn hướng đến việc giảm thiểu và phân tán rủi ro.</p>
7. Các khuyến nghị		<p>Mặc dù nhà nước có những chính sách hỗ trợ cho người dân trong việc chuyển qua ngành nghề mới, giúp họ có cuộc sống ổn định hơn, song việc thực thi các chính sách còn nhiều vấn đề bất cập, thể hiện trên một số khía cạnh sau:</p> <p>-Về quy hoạch sản xuất còn tự phát, manh mún góp phần tạo nên tính bất ổn trong nuôi tôm và gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>-Tính hệ thống và tính đồng bộ của việc thực thi chính còn có nhiều bất cập gây ra nhiều khó khăn nhất định cho việc chuyển đổi sinh kế. Việc triển khai các chính sách bị gián đoạn, không đồng bộ, tạo ra tâm lý bất an cho người dân trong quá trình chuyển đổi.</p> <p>-Trong bối cảnh kinh tế thị trường có nhiều bất ổn mà chính người dân phải chịu hậu quả nặng nề của quá trình đó, thì vai trò của Nhà nước cần được thể hiện mạnh mẽ hơn nữa để giúp người dân ổn định sản xuất.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>Kết quả nghiên cứu của đề tài là một cái nhìn toàn diện về chuyển đổi sinh kế của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long từ góc độ tương tác giữa các yếu tố chính sách, vốn xã hội, quan hệ xã hội, môi trường và yếu tố thị trường.</p> <p>Kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tài liệu quan trọng góp phần cho việc hoạch định chính sách phát triển bền vững ở địa phương.</p> <p>Kết quả nghiên cứu sẽ được sử dụng để giảng dạy về vấn đề sinh kế tộc người tại các trường đại học, học viện nghiên cứu thuộc ngành khoa học xã hội và nhân văn.</p>
9. Công bố khoa học		<p>1. Ngô Thị Phương Lan, “Sinh tồn, biến đổi sinh thái và sự thích nghi của con người ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm thương mại”. <i>Tạp chí Nghiên cứu Con người</i>, Số 4(66)2011, Tr.25-35, Năm 2011</p> <p>2. Ngô Thị Phương Lan, “Tính duy lý của nông dân đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp”, <i>Tạp chí Dân tộc học</i>, Vol 1(163)-2010, Tr. 25-32, Năm 2010.</p>

		<p>3. “Từ lúa sang tôm: rủi ro, những vấn đề xã hội và sinh thái ở Đồng bằng sông Cửu Long.” <i>Tạp chí Khoa học Xã hội</i>, Số 01(125)-2009, Tr. 24-32, Năm 2009</p> <p>4. “Sản xuất tôm theo định hướng thị trường: thách thức sinh thái và xã hội”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn</i>, Số 1(4) 2014, Tr. 28-37, Năm 2014</p> <p>5. “Việc làm của cư dân nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long và mối quan hệ với đô thị trong quá trình chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ</i>, Số X3-2011, Vol 14, Tr. 55-64, Năm 2012.</p> <p>6. “From Rice to Shrimp: Ecological Change and Human Adaptation in the Mekong Delta of Vietnam”. <i>Environmental Change and Agricultural Sustainability in the Mekong Delta</i>, Stewart, Mart and Coclanis, Peter (eds), pp.271-287, Springer</p> <p>7. Ngo Thi Phuong Lan, “Social and Ecological Challenges of Market-Oriented Shrimp Farming in Vietnam”, Springer Plus 2013, 2: 675. 2193-1801 DOI: 10.1186/2193-1801-2-675</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Thị Phương Lan • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Ban Giám hiệu, ĐHKHXH& NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0913607276 • Email: ngophuonglan@hcmussh.edu.vn
12	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tiếp tục tìm kiếm tương lai: chiến lược của người lao động Việt Nam trở về từ Nhật Bản (Nxb ĐHQG, 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học kinh tế, nhân học đô thị
	3. Từ khóa tìm kiếm	Xuất khẩu lao động, tu học sinh – thực tập sinh, nghiệp đoàn, tìm kiếm tương lai, chiến lược sinh kế.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu này nhằm vào cộng đồng những người lao động Việt Nam từ Nhật Bản trở về để xem họ đã có quá trình tái hòa nhập xã hội ở Việt Nam như thế nào? Những kinh nghiệm và kiến thức mà lao động Việt Nam tích lũy được tại Nhật Bản tác động như thế nào đến

		<p>quá trình hòa nhập xã hội và tìm kiếm sinh kế mới khi trở về?</p> <p>Người lao động trở về từ Nhật Bản đã sử dụng các chiến lược nào để tận dụng các cơ hội và vượt qua những khó khăn trong quá trình tái hòa nhập trong bối cảnh họ đã có những trải nghiệm, những kiến thức mới?</p>
5. Phương pháp nghiên cứu		<p>Để thu thập thông tin chúng tôi sử dụng phương pháp định tính để phỏng vấn những người lao động trở về từ Nhật Bản.</p>
6. Những phát hiện chính		<ul style="list-style-type: none"> - Người Việt xuất khẩu lao động sang Nhật không đồng nhất mà đa phần phân hóa thành những nhóm khác nhau dựa trên những đặc điểm chung về trình độ học vấn và lĩnh vực nghề nghiệp. Trong quá trình ở Nhật, mỗi nhóm có một chiến lược riêng trong việc tích góp các nguồn vốn xã hội, vốn kinh tế để chuẩn bị cho bản thân sau khi kết thúc thời gian làm việc. - Dựa trên những nguồn vốn đã tích lũy, mỗi nhóm có chiến lược sinh kế riêng. - Những người trở về Việt hình thành các nhóm khác nhau trong đó có mạng xã hội. Các mạng xã hội này thường được lập nên trong khi họ đang ở Nhật. Những nhóm này được thành lập trên cơ sở có cùng "cảnh ngộ" hay "nghề nghiệp", đó là những người có tay nghề thấp hay kinh nghiệm ít và những người có tay nghề cao. - Thông qua việc tăng cường xây dựng mối quan hệ nội bộ mỗi nhóm sau khi trở về Việt Nam, các thành viên nâng cao “vốn xã hội”.
7. Các khuyến nghị		<p>Các chính sách xuất khẩu lao động của Việt Nam với một số mức độ mang lại cơ hội cho lao động Việt Nam để cải thiện tình hình tài chính và ngành nghề của họ, giúp họ tạo ra các mạng lưới xã hội mới như một nguồn sinh kế tương lai của họ.</p> <p>Chính sách này đáp ứng các nhu cầu của cả người lao động và các chính phủ trong quá trình hiện đại hóa. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chính sách này, trong nghiên cứu của chúng tôi, chúng tôi thấy rằng Việt Nam đã không có bất kỳ chính sách thích hợp để tận dụng lợi thế của những người trở về đã tích lũy được trong suốt thời gian làm việc của họ trong một đất nước phát triển.</p> <p>Trong trường hợp của những người trở về với tay nghề cao, mặc dù họ cố gắng áp dụng kinh nghiệm của họ và những kiến thức mà họ đã thu được trên đất nước Nhật Bản trên chính quê hương của họ, nhưng trên thực tế, họ không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ hơn nữa từ chính phủ hai nước. Tự tin với những khả năng mới của họ, họ từ chối làm việc cho các công ty Nhật Bản tại Việt Nam hoặc vì lợi ích hoặc không phù hợp và có thể vì ước mơ của họ là trở thành một người</p>

		<p>chủ trong công việc kinh doanh của mình.</p> <p>Đối với chính phủ Nhật Bản, chính sách nhập cư lao động giúp đào tạo người lao động Việt Nam, tuy nhiên, họ đã không có chính sách nào để chuyển giao công nghệ hiện đại cho lao động Việt Nam trong thời gian của họ sống và làm việc tại Nhật Bản để khi họ quay trở lại Việt Nam họ có thể tiếp tục những công trình. Hơn nữa, những người trở về có thể là một nguồn lực hữu ích và có giá trị thực hiện hiệu quả các chính sách của Nhật Bản để phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của nước này tại Việt Nam.</p> <p>Cuối cùng, những người trở về thường đa dạng các chiến lược sinh kế mới của họ và học không sử dụng có hiệu quả nguồn lực mà họ tích lũy được khi làm việc tại Nhật Bản. Họ tiếp tục tìm kiếm cho tương lai của họ một cách hoàn toàn khác với những gì chính phủ Việt hy vọng, “một nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình trở thành một nước công nghiệp”.</p>
	<p>8. Khả năng ứng dụng thực tiễn</p>	<p>Kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tài liệu quan trọng góp phần cho việc hoạch định chính sách nhằm mang lại lợi ích cho người lao động khi tham gia xuất khẩu lao động.</p> <p>Kết quả nghiên cứu sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho những người đã, đang và chuẩn bị tham gia xuất khẩu lao động, nhằm hướng đến một tương lai tốt đẹp hơn</p>
	<p>9. Công bố khoa học</p>	<p>Tác giả sách: <i>Tiếp tục tìm kiếm tương lai: Chiến lược của người lao động Việt Nam trở về từ Nhật Bản</i>, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, năm 2015.</p>
	<p>10. Liên lạc</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Thị Phương Lan • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Ban Giám hiệu, ĐHKHXH& NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0913607276 • Email: ngophuonglan@hcmussh.edu.vn • Họ tên: Phạm Thanh Thôi • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học, ĐHKHXH& NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0908476690

		• Email: thoiphamthanh@gmail.com
13	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đạo Cao Đài ở nam bộ và mối quan hệ với bên ngoài (Đề tài ĐHQG năm 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đạo Cao Đài ở Nam Bộ, Các mối quan hệ của đạo Cao Đài, Cơ cấu tổ chức, Giáo lý, Lễ nghi
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Đề tài được chia thành 4 chương, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Cơ sở lý luận và tổng quan về vùng đất Nam Bộ trước khi đạo Cao Đài ra đời. Nội dung của chương này được trình bày gồm hai phần: Cơ sở lý luận và Tổng quan về vùng đất Nam Bộ. Phần Cơ sở lý luận sẽ được trình bày các vấn đề về khái niệm, quan điểm, lý thuyết nghiên cứu... để làm nền tảng lý luận cho việc trình bày và phân tích vấn đề ở các chương sau của đề tài. Phần Tổng quan về vùng đất Nam Bộ được xem xét trên khía cạnh văn hóa – chính trị và xem đó như một tiền đề quan trọng cho việc hình thành và phát triển đạo Cao Đài sau này; và cũng xem đó như là cơ sở tạo nên tính đặc trưng trong văn hóa Cao Đài. - Chương 2: Đạo Cao Đài ở Nam Bộ. Nội dung của chương trình bày toàn bộ quá trình ra đời và phát triển của đạo Cao Đài ở Nam Bộ. Ngoài ra, còn đề cập đến cơ cấu tổ chức, đức tin, giáo lý, cách thờ tự, lễ nghi,... của đạo Cao Đài, và những đặc trưng của đạo Cao Đài trong văn hóa Nam Bộ. - Chương 3: Đạo Cao Đài ở Nam Bộ với các mối quan hệ trong nước. Chương này sẽ được chú trọng làm rõ các mối quan hệ trong nội bộ của đạo Cao Đài cũng như mối quan hệ bên ngoài đạo Cao Đài như quan hệ với các tôn giáo khác, quan hệ xã hội... Các mối quan hệ này được phân tích kỹ để thấy được đặc trưng của đạo Cao Đài hiện nay như tại sao hiện nay đạo Cao Đài lại có nhiều Hội thánh; hay tại sao tín đồ Cao Đài làm từ thiện nhiều; hoặc đạo Cao Đài thể hiện rõ đặc trưng văn hóa của cư dân Nam Bộ... - Chương 4: Đạo Cao Đài ở Nam Bộ với các mối quan hệ ở nước ngoài và những nhận định. Nội dung của chương này được chú trọng đến các vấn đề như sự xuất hiện đạo Cao Đài ở các nước trên thế giới; trình bày mối quan hệ giữa đạo Cao Đài ở Nam Bộ với đạo Cao Đài ở nước ngoài trên các khía cạnh như quan hệ hành đạo, quan hệ về kinh tế - xã hội. Ngoài ra, nội dung của chương này còn quan tâm đến vấn đề quan hệ giữa đạo Cao Đài với một số tôn giáo ở các nước

	<p>như Nhật Bản, Đài Loan, Singapore... Phần cuối cùng của chương này là nhận định về các mối quan hệ của đạo Cao Đài ở Nam Bộ. Đây được xem là phần đánh giá lại toàn bộ các mối quan hệ trong và ngoài nước của đạo Cao Đài, để từ đó có cái nhìn khách quan và khoa học hơn về vai trò của tôn giáo này ở Nam Bộ hiện nay. Đây cũng chính là cơ sở để tham khảo xây dựng chính sách tôn giáo nói chung và Cao Đài nói riêng của các cấp chính quyền.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Cách tiếp cận</p> <p>Chúng tôi nhận thức, tôn giáo là một thành tố của văn hóa, bởi tôn giáo là sản phẩm của con người, do con người sáng tạo nên. Do đó, khi nghiên cứu về đạo Cao Đài và mối quan hệ bên ngoài, chúng tôi chú trọng đến quan điểm liên ngành, trong đó chú trọng đến bối cảnh văn hóa và tiến trình lịch sử của vấn đề.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Để thực hiện công trình này, chúng tôi dùng các phương pháp nghiên cứu như Phỏng vấn sâu, Quan sát tham dự, Điều tra bảng hỏi</p>
6. Những phát hiện chính	<p>Gần như chưa có một công trình nào ở Việt Nam nghiên cứu về các mối quan hệ của đạo Cao Đài ở Nam Bộ với bên ngoài, nên chủ đề nghiên cứu này được xem là vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học về đạo Cao Đài.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>Những khuyến nghị cụ thể như:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tích cực trong công tác đối ngoại của các Hội thánh Cao Đài cũng như của Chính phủ Việt Nam. 2. Tăng cường đối thoại trong nước trên tinh thần xây dựng và phát triển.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Kết quả của công trình nghiên cứu này sẽ là nguồn tài liệu quan trọng đóng góp cho việc hoạch định chính sách công tác quản lý tôn giáo của chính quyền các cấp; và cũng là nguồn tư liệu giúp cho các nhà chức trách hiểu rõ hơn về đời sống tôn giáo và sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Cao Đài ở Việt Nam nói chung và khu vực Nam Bộ nói riêng.</p> <p>Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của công trình này cũng là nguồn tài liệu khoa học quan trọng được dùng để nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến vấn đề đạo Cao Đài ở Việt Nam trong các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu thuộc khối ngành khoa học xã hội – nhân văn.</p>
9. Công bố khoa học	<ul style="list-style-type: none"> o Quốc tế <ul style="list-style-type: none"> ▪ “Social Functions of Caodaism in the South of Vietnam” in the

		<p><i>Vietnamese Studies Review</i>, vol. 13, Dec. 2015, ISSN 2005-5331</p> <p>o Trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ “Thiên Lý Bửu Tòà và dân ần cá nhân của người sáng lập” trong <i>Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ - Khoa học xã hội & Nhân văn</i>, số 19, năm 2006, ISSN 1859-0128 ▪ “Hỗn dung văn hóa: nhân tố phát triển của đạo Cao Đài ở Đồng bằng sông Cửu Long”, trong sách <i>Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa</i>, NXB Đại học Quốc gia 2016, ISBN 978-604-73-2701-0 ▪ “Đại lễ Đức Chí tôn của đạo Cao Đài: Khẳng định vị thế độc tôn của “ông Trời” và thể hiện văn hóa truyền thống của người Việt ở Nam Bộ” trong sách <i>Lễ hội cộng đồng: truyền thống và biến đổi</i>, NXB Đại học Quốc gia 2014, ISBN 978-604-73-2701-0 ▪ “Nhị nguyên trong đạo Cao Đài ở Nam Bộ” trong sách <i>Nhân học và cuộc sống</i>, số 2, NXB Đại học Quốc gia 2014, ISBN 978-604-73-2807-9
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Huỳnh Ngọc Thu • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0903.843.576 • Email: hnthu76@hcmussh.edu.vn
14	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Hoạt động thương hồ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long: Truyền thống và biến đổi</p> <p>Mã số: IV1.1.2011.9 (04/2012/IV/HĐ-KHXH)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thương hồ, buôn bán trên sông, Chợ nổi, Du lịch, Trao đổi hàng hóa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Đề tài chia làm chương:</p> <p>Chương 1: Những vấn đề lý luận và tổng quan về ĐBSCL. Chương này sẽ làm rõ các khái niệm quan trọng của đề tài và hướng tiếp cận lý thuyết của đề tài cũng như những đặc trưng sinh thái của vùng ĐBSCL làm nền tảng cho hoạt động thương hồ.</p>

		<p>Chương 2: Quá trình hình thành và phát triển hoạt động thương hồ ở ĐBSCL. Chương này sẽ tập trung trình bày các dạng thức hoạt động điểm và tuyến của nghề thương hồ. Trong phần này, hoạt động thương hồ của tộc người Chăm cũng được trình bày như một phương thức thích nghi sinh thái với vùng địa hình sông nước.</p> <p>Chương 3: Đặc trưng kinh tế, văn hóa và xã hội của hoạt động thương hồ. Nội dung của chương sẽ khái quát các đặc trưng về đời sống kinh tế văn hóa và xã hội của cộng đồng thương hồ. Tuy là một cộng đồng di động, khác với các cộng đồng làng xã truyền thống, cộng đồng thương hồ gắn kết với nhau qua đặc điểm nghề nghiệp và chia sẻ những nét sinh hoạt văn hóa, kinh tế và xã hội đặc trưng.</p> <p>Cũng trong chương 3 chúng tôi trình bày về chợ nổi và hoạt động thương hồ trong không gian văn hóa Nam Bộ. Hoạt động thương hồ như một cách thích nghi hữu hiệu với điều kiện sinh thái của vùng sông nước trong điều kiện cơ sở hạ tầng của vùng chưa phát triển và các địa phương bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Do vậy, trong bối cảnh phát triển chung của đất nước hướng đến sự nối kết giữa các vùng miền qua việc phát triển cơ sở hạ tầng và cùng với sự thay đổi nhu cầu thị hiếu, hoạt động thương hồ có những biến đổi quan trọng. Tuy nhiên, do loại hình buôn bán chợ nổi và hoạt động thương hồ đã tồn tại gắn bó với vùng đất qua nhiều giai đoạn, trở thành một nét sinh hoạt quen thuộc, hoạt động thương hồ vẫn có chỗ đứng nhất định trong bức tranh sinh hoạt kinh tế, văn hóa của cư dân vùng ĐBSCL.</p>
	<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>	<p>Phương pháp nghiên cứu và điểm nghiên cứu</p> <p>Để thu thập và xử lý dữ liệu, chúng tôi sử dụng cả phương pháp định lượng và định tính. Phương pháp định lượng với việc sử dụng khảo sát bảng hỏi để lượng hóa các đặc trưng cơ bản của cư dân thương hồ trên các khía cạnh đời sống kinh tế - xã hội. Ngoài ra, các dữ liệu định lượng còn giúp cho đề tài khám phá các nét đặc thù của nghề thương hồ, định hướng cho các nội dung sẽ thu thập trong phương pháp định tính. Phương pháp định tính với việc sử dụng phương pháp phỏng vấn để thu thập các thông tin chiều sâu về các đánh giá, tiến trình, động thái... Đặc biệt phương pháp lịch sử qua lời kể được sử dụng để thu thập các thông tin về lịch sử cá nhân vốn là một thành tố của lịch sử cộng đồng. Phương pháp quan sát tham dự với việc ghi chép điền dã khám phá các thông tin mới không thu nhận được qua phỏng vấn. Song song đó, phương pháp quan sát tham dự củng cố và điều chỉnh các thông tin đã thu thập được.</p>
	<p>6. Những phát hiện</p>	<p>Thực trạng và biến đổi trong hoạt động thương hồ ở ĐBSCL; mạng lưới giao thương của các ngành nghề này; quan hệ xã hội, thân tộc,</p>

	chính	dòng họ và văn hóa của ngành nghề ở ĐBSCL.
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về văn hóa ở ĐBSCL.
	9. Công bố khoa học	<p>1. Ngô Văn Lệ, "Hoạt động thương hồ của người Việt ở Nam Bộ", <i>Tạp chí Khoa học xã hội</i>, số 10 năm 2013</p> <p>2. Ngô Văn Lệ, "Chợ nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nét đặt trung văn hóa của người Việt ở Nam Bộ", <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>, tập 17, số X3-2014</p> <p>3. Ngô Thị Phương Lan, "Nghề đi ghe" ở Cần Đước: Biểu hiện tính mở của cộng đồng cư dân Nam Bộ", <i>Tạp chí Văn hóa Dân Gian</i>, số 4/2014</p> <p>4. Huỳnh Ngọc Thu, "Chợ nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay", <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>, tập 18/2015</p> <p>5. Ngô Văn Lệ, "Hoạt động thương hồ ở Đồng bằng sông Cửu Long : những đặc trưng văn hóa, xã hội của người Việt", <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>, tập 16/2015</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Văn Lệ • Học hàm/ học vị: Giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: • Email: lengovan@gmail.com
15	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ trong tiến trình phát triển xã hội tộc người (Đề tài ĐHQG năm 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tri thức bản địa, tri thức địa phương, tộc người bản địa, tộc người thiểu số, tộc người tại chỗ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	đề tài được chia thành 4 chương: - Chương 1: Cơ sở lý luận về tri thức bản địa và tổng quan cơ sở hình thành nên tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông

		<p>Nam Bộ. Nội dung của chương này được trình bày về các khái niệm liên quan đến đề tài, quan điểm tiếp cận, lý thuyết nghiên cứu, khung phân tích... Ngoài ra còn trình bày về các cơ sở để hình thành nên tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ và những nhân tố có khả năng tác động làm thay đổi vốn tri thức này trong điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.</p> <p>- Chương 2: Tri thức bản địa về hoạt động kinh tế của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ. Chương này được trình bày về tri thức bản địa liên quan đến các hoạt động kinh tế như khai thác tự nhiên, sản xuất, chăn nuôi, trao đổi hàng hóa; và cũng tập trung trình bày các biến đổi của tri thức bản địa liên quan đến vấn đề này do những tác nhân như kinh tế - chính trị, tính đa tộc người trong cộng đồng, chính sách phát triển...</p> <p>- Chương 3: Tri thức bản địa về sinh hoạt văn hóa – xã hội của các tộc người ở Đông Nam Bộ. Nội dung chú trọng vào vấn đề tri thức bản địa liên quan đến sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đời người; cách tổ chức không gian sinh tồn, quản lý gia đình – dòng họ và tri thức về việc điều hành, quản lý xã hội. Chúng tôi cũng đưa ra các nhân tố tác động dẫn đến sự thay đổi của các loại hình tri thức này trong đời sống hiện nay của họ, trong đó chú trọng đến sự tác động của tôn giáo mới.</p> <p>- Chương 4: Vai trò của tri thức bản địa trong đời sống của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ và phương thức bảo tồn – kết hợp với tri thức khoa học. Chúng tôi tập trung phân tích các vai trò cụ thể của tri thức bản địa đóng góp vào các hoạt động kinh tế - xã hội của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ. Ngoài ra, còn đưa ra những đánh giá cụ thể để về vai trò của tri thức bản địa nhằm có định hướng đề xuất kết hợp với tri thức khoa học nhằm phát huy giá trị thực tại của tri thức này trong đời sống hiện nay.</p>
5. Phương pháp nghiên cứu		<p>Một số phương pháp nghiên cứu được sử dụng như:</p> <p>Để thực hiện đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu như Nghiên cứu lịch sử, Phân tích biểu tượng (phương pháp giải thích), So sánh đối chiếu, Quan sát – tham dự, Phỏng vấn sâu, Điều tra bảng hỏi</p>
6. Những phát hiện chính		<p>Đề tài này được thực hiện với có những đóng góp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp nguồn tư liệu khoa học về tri thức bản địa liên quan đến các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ nhằm bổ sung thêm nguồn liệu tri thức bản địa của các tộc người ở Việt Nam. - Phân tích, đánh giá các giá trị đích thực của từng loại tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ và đề ra những giải

		<p>pháp, kiến nghị nhằm bảo tồn và phát huy giá trị đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nguồn tài liệu khoa học cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến văn hóa – xã hội và tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ.
7. Các khuyến nghị		<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch kết hợp với khoa học hiện đại khai thác những khía cạnh tích cực của tri thức bản địa trong việc bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn hay chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống tri thức bản địa (như nghiên cứu luật tục), đánh giá một cách khách quan và khoa học những giá trị của tri thức bản địa trong đời sống xã hội truyền thống và những giá trị có thể kế thừa trong bối cảnh hiện nay (như trong bảo vệ rừng, chăm sóc sức khỏe...). <p>Phối hợp hài hoà giữa tri khoa học công nghệ hiện đại với tri thức bản địa trong hoạt động sản xuất cũng như trong đời sống xã hội (thí dụ như kết hợp giữa luật pháp và luật tục trong quản lý xã hội...).</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chính sách về dân tộc thiểu số - Làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy về văn hóa các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung.
9. Công bố khoa học		<ul style="list-style-type: none"> o Bài viết trên tạp chí <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngô Văn Lệ, “Những đặc điểm văn hóa xã hội đối với sự phát triển bền vững của các tộc người thiểu số vùng Đông Nam bộ”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và Công nghệ</i>, ISSN: 1859-0128, số X2-2012 ▪ Ngô Văn Lệ, “Nghiên cứu tri thức bản của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên và Nam Bộ: Một số vấn đề đặt ra“, <i>Tạp chí Dân tộc học</i>, ISSN: 0866-7632, số 4/2012 ▪ Huỳnh Ngọc Thu, “Các loại uy quyền trong cộng đồng M’Nông ở thôn Đăk Liên, xã Đăk Nhau“, <i>Tạp chí Khoa học xã hội</i>, ISSN: 1859-0136, số 07/2012 ▪ Huỳnh Ngọc Thu, “Cơm lam, canh thụt, canh bồi: tiếp cận dưới góc độ nhân học sinh thái về biến đổi văn hóa của người M’Nông ở thôn Đăk Liên, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng“, <i>Tạp chí Văn hóa Dân gian</i>, số 4/2013 o Bài báo Quốc tế <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngô Văn Lệ, “Research about indigenous knowledge of ehtnic

		<p>minority peoples in the Central Highland and southern Vietnam – some theoretical issues”, <i>Journal of International Culture</i>, - ISSN 2005-3444</p> <p>o Bài viết hội thảo</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nguyễn Thị Thanh Vân, “Tìm hiểu tri thức sử dụng cây cỏ trong chăm sóc sức khỏe của người M’ông ở Bình Phước (Nghiên cứu người M’ông tại xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, Bình Phước)” trong Hội thảo <i>Phát triển bền vững ở khu vực Đông Nam Bộ</i>, do Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ tổ chức vào tháng 7 năm 2012. ▪ Huỳnh Ngọc Thu, “Kiểm soát cộng đồng: sự đấu tranh của các loại uy quyền trong cộng đồng M’ông ở thôn Đăk Liên, xã Đăk Nhau” trong Hội thảo <i>Phát triển bền vững ở khu vực Đông Nam Bộ</i>, do Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ tổ chức vào tháng 7 năm 2012. ▪ Ngô Văn Lê, “Những đặc điểm văn hóa xã hội ảnh hưởng đối với sự phát triển và phá triển bền vững của các tộc người thiểu số vùng Đông Nam Bộ (các tộc người bản địa)” trong Hội thảo <i>Phát triển bền vững ở khu vực Đông Nam Bộ</i>, do Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ tổ chức vào tháng 7 năm 2012.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Văn Lê • Học hàm/ học vị: Giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: • Email: lengovan@gmail.com
16	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Văn hóa các tộc người ở Malaysia & Singapore</p> <p>Mã số: TK.01.XH (V)</p> <p>ĐHQG.HCM -12 886-2012/CXB/13-36/ĐHQGTPHCM</p> <p>XH.TK.508 -12 (T)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội - Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hóa, tộc người, Malaysia, Singapore
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội	<p>Đề tài chia làm 4 chương:</p> <p>Chương 1: Malaysia và Singapore: đất nước và con người. Chương</p>

<p>dung nghiên cứu</p>	<p>này lần lược giới thiệu tổng quan về địa lý cảnh quan – điều kiện tự nhiên; lịch sử hình thành; Thành phần tộc người và các đặc trưng văn hóa – xã hội; Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Malaysia và Cộng hòa Singapore. Nội dung tiếp theo của chương là Cách phân loại tộc người ở Malaysia và Singapore; Tộc danh các tộc người cơ bản ở Malaysia và Singapore</p> <p>Chương 2: Văn hóa người Malay ở Malaysia và Singapore. Chương này giới thiệu các nội dung về hoạt động kinh tế, văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần của người Malay ở Malaysia và Singapore.</p> <p>Chương 3: Văn hóa người Hoa ở Malaysia và Singapore. Giữ kết cấu như chương 2, trong chương này, chúng tôi giới thiệu về hoạt động kinh tế, văn hóa vật chất, xã hội và tinh thần của người Hoa. Ở Singapore, người Hoa chiếm tỷ lệ trên 76% tuy nhiên tiếng phổ thông không phải là ngôn ngữ quốc gia và chính thức duy nhất ở đất nước này. Ở Malaysia, người Hoa là tộc người có số lượng lớn thứ hai đóng góp nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế Liên bang.</p> <p>Chương 4: Văn hóa người Ấn ở Malaysia và Singapore. Như kết cấu của chương 2 và chương 3, chương này chúng tôi cũng lần lược trình bày về hoạt động kinh tế, văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần của người Ấn ở hai quốc gia Malaysia và Singapore.</p>
<p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>	<p>Phương pháp nghiên cứu và điểm nghiên cứu</p> <p>Đề tài sử dụng hướng tiếp cận liên ngành giữa Sử học, Địa lý học, Kinh tế học, Văn hóa học, Dân tộc học. Hướng tiếp cận liên ngành này giúp cho đề tài có một cái nhìn toàn diện, khách quan về đời sống, sinh hoạt của các tộc người chính ở Malaysia và Singapore. Trong hướng tiếp cận liên ngành này, hướng tiếp cận Dân tộc học dựa trên cộng đồng (community – based) giúp cho đề tài có những dữ liệu thực tế, là những cơ sở dữ liệu quan trọng để xây dựng nội dung nghiên cứu của đề tài. Hướng tiếp cận Sử học lịch đại và đồng đại giúp cho đề tài có cái nhìn xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển Liên bang Malaya sau này là Liên bang Malaysia và Singapore. Hướng tiếp cận Văn hóa học và Kinh tế học giúp cho đề tài đi sâu tìm hiểu các hoạt động kinh tế cũng như các sinh hoạt văn hóa đặc thù của các cộng đồng người chính ở hai quốc gia vốn trước đây nằm trong Liên bang Malaya. Hướng tiếp cận Địa lý học giúp cho đề tài làm rõ yếu tố địa – văn hóa của hoạt động kinh tế của các cộng đồng người nơi đây.</p> <p>Để thu thập và xử lý dữ liệu, chúng tôi sử dụng chủ yếu là cá phương pháp nghiên cứu định tính. Phương pháp định tính với việc sử dụng phương pháp phỏng vấn để thu thập các thông tin chiều sâu về các</p>

	đánh giá, tiến trình, động thái văn hóa... Đặc biệt phương pháp lịch sử qua lời kể được sử dụng để thu thập các thông tin về lịch sử cá nhân vốn là một thành tố của lịch sử cộng đồng. Phương pháp quan sát tham dự với việc ghi chép điền dã khám phá các thông tin mới không thu nhận được qua phỏng vấn. Song song đó, phương pháp quan sát tham dự củng cố và điều chỉnh các thông tin đã thu thập được.
6. Những phát hiện chính	<p>- Sự khác biệt trong cách phân loại tộc người ở Malaysia và Singapore. Malaysia chọn cách phân loại lấy người Malay (thuộc nhóm Bumiputera) làm trung tâm; Singapore hướng đến việc thống nhất quốc gia, không phân biệt tộc người Hoa, Malay, Ấn mà tất cả mọi người dân đều là công dân Singapore.</p> <p>- Tuy người Malay, Hoa, Ấn đều là ba tộc người chính ở hai quốc gia Malaysia và Singapore nhưng văn hóa tộc người có sự khác biệt nhất định. Sự khác biệt về đặc trưng văn hóa các tộc người không nằm ngoài quy luật giao lưu, tiếp biến văn hóa; và các nhân tố, điều kiện làm biến đổi văn hóa tộc người,...</p>
7. Các khuyến nghị	Cần tiếp tục nghiên cứu về mối quan hệ giữa các tộc người ở Malaysia, Singapore nói riêng, Đông Nam Á nói chung với Việt Nam trong bối cảnh cộng đồng ASEAN.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về văn hóa, dân tộc ở Đông Nam Á
9. Công bố khoa học	<p>1. Phan Thị Hồng Xuân, 2003, “Vấn đề dân tộc và một số đặc trưng cơ bản trong quan hệ tộc người ở Liên bang Malaysia”, <i>Tạp chí Dân tộc học</i>, Viện Dân tộc học, Trung tâm KHXH và Nhân văn quốc gia [số 2 9122)/2003], tr. 60.</p> <p>2. Phan Thị Hồng Xuân, 2004, “Bản sắc văn hóa của cộng đồng người Ấn ở Malaysia”, <i>Tạp san Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>, Trường ĐHKHXH và NV TP.HCM (số 29 – 2004), tr.42</p> <p>3. Phan Thị Hồng Xuân, 2006, “Vị trí của người Hoa trong xã hội Malaysia (từ 1957 đến nay)”, <i>Tạp san Nghiên cứu Đông Nam Á</i>, Viện KHXH Việt Nam, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội, (số 2(77)), tr.65.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phan Thị Hồng Xuân • Học hàm/ học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhân học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM

		<ul style="list-style-type: none"> • Số điện thoại: 0909727688 • Email: xuan.pth@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Lễ hội cộng đồng: truyền thống và biến đổi
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Lễ hội, Lễ hội cộng đồng, Tộc người, Văn hóa tộc người
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 66/40 Tổng số tác giả/ diễn giả: 66. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 20 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 46
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: (đính kèm mục lục), gồm các chủ đề: + Lễ hội cộng đồng: những vấn đề chung và phương pháp tiếp cận + Lễ hội cộng đồng ở Việt Nam: truyền thống và biến đổi + Lễ hội cộng đồng đương đại và kinh nghiệm quốc tế - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	- Lễ hội cộng đồng: những vấn đề chung và phương pháp tiếp cận - Lễ hội cộng đồng ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi - Lễ hội cộng đồng đương đại và kinh nghiệm quốc tế
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy thuộc lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhân học • Trưởng đơn vị: Huỳnh Ngọc Thu • Email: hnthu76@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa

2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
3. Từ khóa tìm kiếm	Đô Thị, Môi trường, Kinh tế, giáo dục, Văn hóa, Tôn giáo
4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 81/30 Tổng số tác giả/ diễn giả: 81. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 40 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 41
5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: (đính kèm mục lục), gồm các chủ đề + Lịch sử - ngôn ngữ - giáo dục – khu vực học + Đô thị - di dân – môi trường – sức khỏe + Tộc người – văn hóa tộc người – hôn nhân gia đình + Kinh tế - du lịch + Tôn giáo – nghi lễ - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2016
6. Các chủ đề chính	Lịch sử, Ngôn ngữ, Giáo dục, Khu vực học, đô thị, di dân, môi trường, sức khỏe, Tộc người, Văn hóa, Tộc người, Hôn nhân gia đình, kinh tế, Du lịch, Tôn giáo, Nghi lễ
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy thuộc lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhân học • Trưởng đơn vị: Huỳnh Ngọc Thu • Email: hnthu76@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Nhật Bản học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Fukuzawa Yukichi và Nguyễn Trường Tộ: Tư tưởng cải cách giáo dục (Nxb Tổng hợp Tp.HCM, 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tư tưởng giáo dục
	3. Từ khóa tìm kiếm	Cải cách giáo dục, Fukuzawa Yukichi, Nguyễn Trường Tộ, Nhật Bản, Việt Nam
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tư tưởng cải cách giáo dục của Fukuzawa Yukichi. Tư tưởng cải cách giáo dục của Nguyễn Trường Tộ. So sánh tư tưởng cải cách giáo dục.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp lịch sử và phương pháp so sánh
	6. Những phát hiện chính	- Giống nhau: + Quá trình chuyển từ học Nho học sang Tây học. + Phê phán “hư học” (lối học cũ, tầm chương trích cú) và khởi xướng “thực học” (sự học cần thiết, có ích cho cuộc sống). + Cổ vũ học tập các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật. - Khác nhau: + Fukuzawa tiếp thu nền giáo dục Tây học có hệ thống và khoa học hơn. + Tư tưởng cải cách giáo dục của Fukuzawa được thực hiện ở Nhật mang lại thành tựu to lớn, còn tư tưởng cải cách giáo dục của Nguyễn Trường Tộ ở Việt Nam bị lãng quên.
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho nghiên cứu về giáo dục ở Đông Á, đặc biệt là Nhật Bản và Việt Nam
	9. Công bố khoa học	Xuất bản sách <i>Fukuzawa Yukichi và Nguyễn Trường Tộ: cải cách giáo dục</i> , Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2013.
	10. Liên lạc	• Họ tên: Nguyễn Tiến Lực

		<ul style="list-style-type: none"> • Học hàm/ học vị: Phó Giáo Sư-Tiến Sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhật Bản Học, Đại Học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM • Số điện thoại: 84.8.38293828 • Email: ntlhirodai@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nhật Bản - Những bài học lịch sử (Nxb Thông tin Truyền thông, 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử
	3. Từ khóa tìm kiếm	Lịch sử Nhật Bản, Minh Trị, Văn minh hóa, Cận đại hóa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Những vấn đề lịch sử Nhật Bản Những bài học từ lịch sử Nhật Bản
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp lịch sử
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Công trình gồm 12 chương trình bày chi tiết những vấn đề đáng học tập trong những thời kỳ khác nhau của lịch sử Nhật Bản. - Đặc trưng cơ bản của lịch sử Nhật Bản là tích cực tiếp nhận văn minh bên ngoài để phát triển đất nước. - Khác với dân tộc khác Nhật Bản chủ trương tiếp nhận “cái nhất” không tiếp nhận ‘cái hơn”, nhờ đó mà Nhật vươn lên hàng các nước tiên tiến nhất.
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu chính để giảng dạy môn Lịch sử Nhật Bản, tài liệu tham khảo về lịch sử Nhật Bản
	9. Công bố khoa học	Xuất bản thành sách <i>Nhật Bản - Những bài học từ lịch sử</i> , Nxb Thông tin Truyền thông, 2013.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Tiến Lực • Học hàm/ học vị: Phó Giáo Sư-Tiến Sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhật Bản Học, Đại Học Khoa Học Xã Hội &

		<p>Nhân Văn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM • Số điện thoại: 84.8.38293828 • Email: ntlhirodai@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thời cận đại (Nxb Giáo dục, 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thời cận đại
	3. Từ khóa tìm kiếm	Quan hệ Nhật Bản, Việt Nam, quan hệ, cận đại
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thời cận đại
	5. Phương pháp nghiên cứu	Sử dụng phương pháp lịch sử và các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế
	6. Những phát hiện chính	- Phát hiện, khai thác và phân tích các tư liệu mới về quan hệ, liên hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản thời cận đại. - Lý giải khoa học quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản thời cận đại.
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Tài liệu chính để giảng dạy quan hệ Việt – Nhật; - Tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu quan hệ Việt – Nhật.
	9. Công bố khoa học	Xuất bản thành sách <i>Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản thời cận đại</i> , Nxb Giáo dục, 2013
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Tiến Lực • Học hàm/ học vị: Phó Giáo Sư-Tiến Sĩ • Nơi công tác: Khoa Nhật Bản Học, Đại Học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM • Số điện thoại: 84.8.38293828 • Email: ntlhirodai@hcmussh.edu.vn

1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2012: Nhật Bản và Việt Nam: Phong trào văn minh hóa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhật Bản học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn minh hóa
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 27 Tổng số tác giả/ diễn giả: 32. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 14 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 18
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Giáo dục - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	Phong trào văn minh hóa ở Nhật Bản Phong trào văn minh hóa ở Việt Nam
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhvn@yahoo.co.jp
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kinh tế và Đạo đức thời hiện đại (現代における経済と道徳)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Kinh tế và đạo đức
	3. Từ khóa tìm kiếm	Kinh tế, đạo đức, thời hiện đại
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 7 Tổng số tác giả/ diễn giả: 7. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 4

		- Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 3
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Khoa Học Xã Hội - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	Kinh tế Nhật Bản hiện đại Đạo đức trong kinh doanh ở Nhật Bản
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhvn@yahoo.co.jp
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Nhật Bản: giao thoa văn hóa
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhật Bản học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nhật Bản, giao thoa văn hóa
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 10 Tổng số tác giả/ diễn giả: 10. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 3 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 7
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG TPHCM - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	Những vấn đề tôn giáo Những vấn đề đạo đức
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học

	dụng thực tiễn	
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhvn@yahoo.co.jp
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Đào tạo nguồn nhân lực ở Nhật Bản – Bài học cho Việt Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giáo dục
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đào tạo, nguồn nhân lực, Nhật Bản, bài học cho Việt Nam
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 23 Tổng số tác giả/ diễn giả: 24. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 15 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 9
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Khoa Học Xã Hội - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	Các vấn đề đào tạo nguồn nhân lực ở Nhật Bản Các vấn đề về giáo dục hướng nghiệp ở Nhật Bản
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhvn@yahoo.co.jp
5	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	40 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: Thành quả và triển vọng
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhật Bản học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản, 40 năm, thành quả, triển vọng

	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 17 Tổng số tác giả/ diễn giả: 21. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 7 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 14
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp TPHCM - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	Những vấn đề chung về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản Quan hệ chính trị Việt Nam - Nhật Bản Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản Quan hệ văn hóa Việt Nam - Nhật Bản
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhnv@yahoo.co.jp
6	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Quan hệ Việt – Nhật thời cận thế (thế kỷ XVI-XIX)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhật Bản học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Quan hệ Việt - Nhật, thời cận thế
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 37 Tổng số tác giả /diễn giả: 36. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 10
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2016 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	Quan hệ Việt - Nhật về mặt lịch sử Quan hệ Việt - Nhật về mặt văn hóa-xã hội

	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhvn@yahoo.co.jp
7	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Nhật Bản và các nước Tiểu vùng sông Mekong – Những mối liên hệ lịch sử
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhật Bản học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nhật Bản, tiểu vùng sông Mekong, liên hệ lịch sử
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 30</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 36. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 13 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 23
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Khoa Học Xã Hội - Năm xuất bản: 2011
	6. Các chủ đề chính	<p>Quan hệ chính trị giữa Nhật Bản và các nước Tiểu vùng sông Mekong</p> <p>Quan hệ kinh tế giữa Nhật Bản và các nước Tiểu vùng sông Mekong</p> <p>Quan hệ văn hóa giữa Nhật Bản và các nước Tiểu vùng sông Mekong</p>
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tham khảo cho ngành Nhật Bản học
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Nhật Bản học • Trưởng đơn vị: PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực • Email: lucxhvn@yahoo.co.jp

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Tâm lý học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Mức độ thích ứng xã hội của học sinh tiểu học trong nhà trường tại Tp.HCM: thực trạng và giải pháp. (Đề tài Tỉnh/Thành 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Mức độ thích ứng xã hội, học sinh tiểu học, thực trạng, giải pháp
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng mức độ thích ứng xã hội của học sinh tiểu học để đề ra các biện pháp nâng cao khả năng thích ứng xã hội của học sinh tiểu học trong nhà trường hiện nay. Nội dung nghiên cứu dựa trên 07 tiểu thang đo kỹ năng xã hội dành cho học sinh tiểu học để đánh giá mức độ, xử lý các kết quả thu được trên từng tiểu thang đo. Từ đó tìm ra trong 07 tiểu thang đo đó thì học sinh kém ở tiểu thang đo kỹ năng xã hội nào và tác động nhằm nâng cao sự thích ứng.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Sử dụng phương pháp Test, phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm tác động, phương pháp phỏng vấn, phương pháp anket, phương pháp thống kê toán học.
	6. Những phát hiện chính	- Phát hiện thực trạng mức độ thích ứng xã hội của học sinh tiểu học; - Tìm hiểu nguyên nhân của sự kém thích ứng; - Đề ra các biện pháp tác động.
	7. Các khuyến nghị	- Khuyến nghị dạy các môn học gắn với thực tiễn; - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa; - Tăng cường các hoạt động trải nghiệm; - Sự thích ứng xã hội bắt nguồn từ những điều gần gũi, thường ngày. Do đó hãy giúp trẻ làm quen và giáo dục trẻ những gì gần gũi với cuộc sống trẻ.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tiểu học hiện nay; - Giúp trẻ thích ứng được với cuộc sống hiện tại và tránh được

		những khó khăn về mặt tinh thần cho trẻ. Qua đó giúp các bậc phụ huynh có được những kỹ năng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tiểu học.
	9. Công bố khoa học	
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thị Vân • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Tâm lý • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Xây dựng chương trình phối hợp giữa gia đình và trường chuyên biệt trong can thiệp cho trẻ tự kỷ tại Tp.HCM (Đề tài Tỉnh/Thành 2016)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Chương trình phối hợp giữa gia đình và trường chuyên biệt
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chương trình phối hợp giữa gia đình và trường chuyên biệt trong can thiệp cho trẻ tự kỷ; - Thực nghiệm chương trình phối hợp giữa gia đình và trường chuyên biệt trong can thiệp cho trẻ tự kỷ; - Đánh giá hiệu quả chương trình phối hợp giữa gia đình và trường chuyên biệt trong can thiệp cho trẻ tự kỷ.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi Phương pháp phỏng vấn Phương pháp trắc nghiệm Phương pháp thực nghiệm Phương pháp chuyên gia Phương pháp thống kê toán học
	6. Những phát hiện chính	Sau khi chương trình can thiệp được thử nghiệm trên 16 trẻ trong vòng 06 tháng, bằng trắc nghiệm PEP 3 và VINELAND II chúng tôi thấy nhóm trẻ được thử nghiệm can thiệp có tiến bộ hơn so với nhóm trẻ đối chứng.
	7. Các khuyến nghị	Chương trình phối hợp giữa gia đình và trường chuyên biệt trong can thiệp cho trẻ tự kỷ là cách tiếp cận mới trong can thiệp trẻ tự kỷ.

		Gia đình và các trường chuyên biệt nên ứng dụng cách tiếp cận này.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trẻ tự kỷ có khả năng khá trong việc lĩnh hội các kiến thức trực quan, trẻ nhớ nhanh các ký tự, mẫu chữ, con số, hình ảnh, màu sắc, biểu tượng,... nhưng lại quên rất nhanh. Nguyên nhân là trẻ tự kỷ chủ yếu ghi nhớ dựa trên nền tảng “trí nhớ máy móc” và rất kém trong nhận thức khái quát nên thiếu kỹ năng liên kết kiến thức với các sự vật hay tình huống hoạt động khác trong cuộc sống – khó khăn trong “nhớ có ý nghĩa” các đồ vật, hình ảnh, biểu tượng, hoạt động... Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy hầu hết các đồ dùng, giáo cụ dạy học tại các trường học hoặc trung tâm can thiệp nói chung đều là các ký tự, biểu tượng, hình ảnh, mô hình, chữ viết, số,... mang tính mô phỏng, rất hiếm các đồ vật thật, tình huống thật và chính điều này gây ra sự khó khăn cho trẻ tự kỷ. Để khắc phục vấn đề này, chúng tôi nghĩ đến việc làm sao giúp trẻ tự kỷ có khả năng “nhớ ý nghĩa” các nội dung đã được học. Với mục đích này, chúng tôi tiến hành dạy kết hợp bằng cách liên kết các đồ dùng, giáo cụ mô phỏng ở trường với các vật thật trong môi trường sống hằng ngày, liên kết các tình huống hoạt động mô phỏng tại trường với các tình huống thật trong cuộc sống hằng ngày trên cơ sở cùng một nội dung với mức độ khó tương đương nhau. Ở trường giáo viên là người dạy, còn ở nhà cha mẹ là người dạy. Cách thiết kế chương trình này giúp trẻ học tại trường trên cơ sở giáo cụ mô phỏng, tình huống mô phỏng và ôn lại ở nhà với các đồ vật thật, tình huống thật, vì bất cứ giáo cụ nào hay tình huống nào ở trường cũng là đồ dùng được mô phỏng từ chính đồ vật thật hay tình huống thật trong cuộc sống hằng ngày.
	9. Công bố khoa học	- “Đánh giá khả năng phát triển của trẻ tự kỷ ở một số trường chuyên biệt tại Tp.HCM thông qua trắc nghiệm PEP 3”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i> , số 10-2016; - “Tổng quan nghiên cứu về phương pháp điều trị, can thiệp cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ”, <i>Tạp chí Khoa học giáo dục</i> , 11-2016.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Xuân Điệp • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Tâm lý • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0919795574 • Email: diepngo@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ	Nghiên Internet, lý luận và thực tiễn (Sách chuyên khảo)

KHCN	
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm thần học, tâm lý lâm sàng
3. Từ khóa tìm kiếm	Nghiện Internet, nghiện game online, chẩn đoán nghiện internet, điều trị nghiện internet
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Cuốn sách tập trung vào các nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích khái niệm nghiện internet và nghiện các hình thức của internet; + Phân tích nguyên nhân nghiện internet; + Phân tích tỷ lệ và tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện internet; + Phân tích các mô hình hỗ trợ và điều trị nghiện internet.
5. Phương pháp nghiên cứu	Sách chuyên khảo dựa trên nghiên cứu và trích dẫn các nguồn tài liệu (sách, bài báo khoa học), đồng thời dựa trên các kết quả nghiên cứu thực tế của tác giả.
6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất khái niệm nghiện internet, các tiêu chuẩn chẩn đoán; - Đưa ra được các yếu tố nguyên nhân của nghiện internet; - Phân tích tỷ lệ và các mô hình điều trị, phòng ngừa nghiện internet.
7. Các khuyến nghị	Các nhà nghiên cứu có thể tập trung sâu hơn vào các chủ đề: nguyên nhân của nghiện internet, tiêu chuẩn nghiện internet và các mô hình điều trị nghiện internet.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần, tâm lý lâm sàng, tâm lý trường học.
9. Công bố khoa học	Sách được công bố bởi NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2015.
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Minh Công • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Tâm lý học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0918.642296 • Email: congle@hcmussh.edu.vn

4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thử nghiệm mô hình đánh giá và can thiệp sớm cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ tại Tp. Biên Hòa, Đồng Nai. (Đề tài Tỉnh/Thành 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học, sức khỏe tâm thần
	3. Từ khóa tìm kiếm	Mô hình can thiệp sớm, trẻ có rối loạn phổ tự kỷ, Biên Hòa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu một số mô hình đánh giá và can thiệp sớm trẻ có rối loạn phổ tự kỷ đang được áp dụng trên thế giới và Việt Nam, nghiên cứu thực trạng đánh giá và can thiệp sớm tự kỷ tại Biên Hòa. Từ đó lựa chọn mô hình phù hợp ứng dụng thực tế vào địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu tài liệu; - Phương pháp khảo sát bằng phiếu bảng hỏi; - Phương pháp phỏng vấn sau; - Phương pháp thảo luận nhóm; - Phương pháp hội thảo chuyên gia; - Phương pháp thực nghiệm không đối chứng.
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Có sự cải thiện tích cực các chức năng/ lĩnh vực của trẻ sau 6 tháng can thiệp sớm; - Sự phát triển, cải thiện cho thấy nhanh nhất ở lứa tuổi 3 – 4 tuổi; - Trẻ có mức độ tự kỷ nhẹ sẽ cải thiện nhanh hơn so với trẻ được đánh giá có mức độ tự kỷ nặng hơn. Đa phần các trường hợp cải thiện mạnh là những đứa trẻ được đánh giá ở mức độ tự kỷ nhẹ và các lĩnh vực đánh giá ở lần đầu theo thang PEP 3 đều ở trên 50%; - Sự phát triển cải thiện các lĩnh vực chức năng của trẻ ở tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên theo đánh giá của chúng tôi cho thấy trẻ phát triển, cải thiện mạnh mẽ nhất ở các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ và tương tác xã hội.
	7. Các khuyến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Cần xây dựng kế hoạch một cách dài hơn trong việc phát hiện, đánh giá và can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ. Đồng thời có chương trình hòa nhập cho trẻ tự kỷ vào cộng đồng; - Có chính sách hỗ trợ cả về tài chính, học tập và phát triển cho trẻ tự kỷ và gia đình trẻ tự kỷ; - Huấn luyện để nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ

		<p>tại các Trung tâm y tế phường/ xã để có thể phát hiện sớm trẻ tự kỷ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở giáo dục và đào tạo cần xây dựng chương trình hòa nhập cho trẻ tự kỷ có thể hòa nhập vào trường học ngay từ cấp mầm non; - Cần thành lập một trung tâm chuyên về đánh giá và can thiệp sớm cho trẻ có rối loạn phổ tự kỷ trước khi trẻ có thể hòa nhập vào cộng đồng/ trường học.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài là cơ sở thực tiễn cho các nhà thực hành lâm sàng (bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý lâm sàng, nhà tâm lý trường học); - Là cơ sở để xây dựng một trung tâm đánh giá can thiệp sớm trẻ có rối loạn phổ tự kỷ.
	9. Công bố khoa học	<p>1. Lê Minh Công, “Thực trạng công tác đánh giá sớm trẻ có rối loạn phổ tự kỷ tại Biên Hòa, Đồng Nai”, Kỷ yếu hội thảo “<i>Sức khỏe tâm thần trong trường học</i>” (ISBN: 9786047326389), NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 6/2014.</p> <p>2. Lê Minh Công, “Thực trạng công tác can thiệp sớm trẻ có rối loạn phổ tự kỷ tại Biên Hòa, Đồng Nai”, Kỷ yếu hội thảo <i>Sức khỏe tâm thần trong trường học</i> (ISBN: 9786047326389), NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 6/2014.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Minh Công • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Tâm lý học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0918.642296 • Email: congle@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Xây dựng mô hình hỗ trợ thanh thiếu niên nhằm giảm nghiện internet – game online tại tỉnh Đồng Nai.</p> <p>(Đề tài Tỉnh/Thành 2014)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học, sức khỏe tâm thần
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nghiện internet, nghiện game online, phòng ngừa nghiện internet – game online, điều trị nghiện internet – game online, thanh thiếu niên.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung	Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng, xây dựng và thử nghiệm mô hình hỗ trợ thanh thiếu niên nhằm giảm tình trạng nghiện internet –

	nghiên cứu	game online tại tỉnh Đồng Nai, từ đó đề ra các giải pháp tổng thể trong việc dự phòng tình trạng nghiện internet – game online và can thiệp làm giảm trường hợp nghiện internet – game online.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Nghiên cứu đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó có phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp trắc nghiệm tâm lý, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp thực nghiệm, phương pháp chuyên gia, phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.
	6. Những phát hiện chính	<p>- Tỷ lệ nghiện internet của thanh thiếu niên Đồng Nai theo nghiên cứu là 10.09%, trong đó tỉ lệ nghiện internet ở mức độ nhẹ là 71.7%, tỉ lệ nghiện ở mức độ trung bình/ vừa là 26.8%, tỉ lệ nghiện ở mức độ nặng là 1.6%.</p> <p>- Thanh thiếu niên nghiện internet có biểu hiện khó khăn ở tất cả các trạng thái hơn so với bình thường. Các khó khăn tập trung thường là: 1) Mất kiểm soát về thời gian sử dụng internet; 2) Ảnh hưởng đến mối quan hệ xã hội; 3) Vấn đề khó khăn cảm xúc (triệu chứng như hội chứng cai); 4) Sức chịu đựng sử dụng internet ngày càng gia tăng.</p> <p>- Thanh thiếu niên nghiện internet thường sử dụng các ứng dụng: vào các trang mạng xã hội, chơi trò chơi trực tuyến, giải trí, tán gẫu, lướt web để đọc tin tức.</p> <p>- Thanh thiếu niên nghiện internet thường cho rằng, lý do mình mong muốn sử dụng internet là do: 1) Dễ tiếp cận thông tin, không tốn nhiều công sức để tìm kiếm; 2) Sử dụng internet do nhu cầu giao lưu, học hỏi; 3) Internet có chức năng về âm thanh, xem phim, nghe nhạc mà thanh thiếu niên thích; 4) Internet giúp thỏa mãn nhu cầu kết bạn, mở rộng quan hệ; 5) Sử dụng internet là cách giải tỏa nỗi cô đơn, sự “cô lập” và sự thiếu quan tâm của cha mẹ, bạn bè; 6) Internet giúp thoát khỏi những căng thẳng từ cuộc sống gia đình và những áp lực từ cuộc sống, học tập trong nhà trường hoặc áp lực từ gia đình;</p> <p>- Mô hình hỗ trợ thanh thiếu niên nghiện internet một mô hình với một mạng lưới đa dạng từ nhà trường, trung tâm chuyên biệt, các tổ chức xã hội và gia đình, thành tố hỗ trợ chủ yếu là thanh thiếu niên. Tiếp cận mô hình của chúng tôi không chỉ tập trung vào các hoạt động can thiệp đa dạng với các mức độ điều trị từ hóa dược và tâm lý mà còn tập trung vào các hoạt động phòng ngừa đa dạng bằng các hoạt động hỗ trợ tại trường học, nâng cao nhận thức – hành vi dành cho cả phụ huynh và chính các em học sinh. Chúng tôi coi mô hình</p>

		tập trung vào hoạt động phòng ngừa là chủ yếu và quyết định. Một trung tâm chuyên biệt là linh hồn của mô hình, có sự phối hợp điều trị với bệnh viện Tâm thần, sự phối hợp trong các hoạt động đánh giá, sàng lọc và phòng ngừa với trường học, các tổ chức xã hội là định hướng mô hình hỗ trợ làm giảm nghiện internet – game online ở thanh thiếu niên tại Đồng Nai.
	7. Các khuyến nghị	- Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phòng ngừa nghiện internet; - Quản lý chặt chẽ việc sử dụng mạng internet ở học sinh; - Xây dựng trung tâm hỗ trợ thanh thiếu niên nghiện internet – game online.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Đề tài là cơ sở thực tiễn cho các nhà thực hành lâm sàng (bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý lâm sàng, nhà tâm lý trường học); - Là cơ sở để xây dựng một trung tâm hỗ trợ thanh thiếu niên nghiện internet.
	9. Công bố khoa học	1) Nguyễn Văn Thọ, Lê Minh Công (2014), <i>Nghiện internet và lý luận thực tiễn</i> (sách chuyên khảo), NXB đại học Quốc gia Tp.HCM; 2) Lê Minh Công (2013), “Thực trạng nghiện internet ở học sinh THCS tại Tp. Biên Hòa, Đồng Nai”, <i>Tạp chí Y tế cộng đồng</i> , 6.2013 (số 28); 3) Lê Minh Công (2014), “Xác định tỷ lệ và một số biểu hiện tâm lý của thanh thiếu niên nghiện internet theo trắc nghiệm của Young”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i> , số 2 (2/2014); 4) Nguyễn Văn Thọ, Lê Minh Công (2014), “Tổng quan về mô hình can thiệp và điều trị nghiện internet”, <i>Kỷ yếu hội thảo Nghiện internet, những thách thức mới của xã hội hiện đại</i> , NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Minh Công • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Tâm lý học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0918.642296 • Email: congle@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/	Kỷ yếu Hội thảo 2013: Nghiện internet, những thách thức mới

toạ đàm	của xã hội hiện đại
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học, tâm thần học
3. Từ khóa tìm kiếm	Nghiện internet, xã hội hiện đại, thách thức
4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 18</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 28. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 4 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 24
5. Mục lục, NXB, năm XB	<p>- Mục lục:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Internet – Câu chuyện từ các trợ giảng tiếng Anh đến từ Hoa Kỳ và sinh viên Việt Nam; 2) Thực trạng sử dụng internet và những tác động của internet đến sinh viên trường Đại học Nông lâm Tp.HCM; 3) Game online và sinh viên Bến Tre; 4) Internet và hoạt động giao tiếp của sinh viên Việt Nam hiện nay – tác động và những hệ lụy; 5) Tình dục trực tuyến và những tác động của nó đến thanh thiếu niên – một số phát hiện từ tổng quan nghiên cứu; 6) Khó khăn tâm lý trong sử dụng internet của sinh viên năm nhất trường Đại học Trà Vinh; 7) Tác động của internet đến học tập của học sinh – sinh viên 8) Ảnh hưởng của internet – game online đến học tập môn mỹ thuật của học sinh THCS 9) Nghiên cứu tổng quan về tâm lý của người sử dụng Facebook – Một trào lưu của xã hội hiện đại; 10) Lạm dụng internet – một cách tiếp cận; 11) Thực trạng học sinh nghiện internet; 12) Nghiện MMORPGs nguyên nhân từ MMORPGs và từ người sử dụng; 13) Thực trạng nghiên cứu thanh thiếu niên nghiện internet ở Trung Quốc; 14) Xác định tỷ lệ và một số biểu hiện tâm lý của thanh thiếu niên nghiện internet theo trải nghiệm của Young;

		<p>15) Nghiên internet – tính mâu thuẫn trong thực tiễn;</p> <p>16) Sử dụng phương pháp SWOT trong phân tích thực trạng nghiên internet ở học sinh tiểu học và giải pháp khắc phục;</p> <p>17) Tổng quan một số nghiên cứu về mối liên hệ giữa nghiên internet và tự đánh giá bản thân ở thanh thiếu niên;</p> <p>18) Tổng quan về mô hình can thiệp và điều trị nghiên internet</p> <p>- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Tp.HCM</p> <p>- Năm xuất bản: 2014</p>
	6. Các chủ đề chính	<p>Internet: Lợi ích và thách thức</p> <p>Nghiên internet: Thực trạng và giải pháp</p>
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sách là tài liệu hữu ích cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và các nhà thực hành trong lĩnh vực tâm thần học, tâm lý lâm sàng và tâm lý trường học.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Tâm lý học • Trưởng đơn vị: Ngô Xuân Điệp • Email:
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2014: Nhận biết, chẩn đoán và can thiệp các rối loạn học tập ở học sinh.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tâm lý học, tâm thần học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Chẩn đoán, can thiệp, rối loạn học tập, khó khăn học tập, khuyết tật học tập
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 30</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 28. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 4 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 24
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<p>- Mục lục:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Cách thức hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cho trẻ bị rối loạn giao tiếp; 2) Tổng quan về chứng khó đọc ở trẻ em;

	<p>3) Rối loạn tăng động kém chú ý và chứng khó đọc – một nghiên cứu ở trẻ Việt Nam;</p> <p>4) Báo cáo đánh giá tâm lý qua minh họa trường hợp (tiếng Anh) Comprehensive psychological assessment report – template and guidance for psychologists (An example from a Vietnamese – American boy with autism);</p> <p>5) Giới thiệu trắc nghiệm Vineland_II và kinh nghiệm sử dụng tiếng Việt;</p> <p>6) Phân tích kết quả trắc nghiệm WISC-IV phiên bản Việt trên 3 trẻ khó khăn học tập (tiếng Việt);</p> <p>7) Quel rôle attribuer aux troubles du langage et aux troubles du comportement dans les profils conversationnels de jeunes enfants vietnamiens? (tiếng Pháp).</p> <p>Dịch: Yếu tố nào tác động đến rối loạn ngôn ngữ và rối loạn hành vi trong giao tiếp ở trẻ Việt Nam.</p> <p>8) Assessment and intervention for children and adolescents with internalizing disorders: an overview of vietnam practising.</p> <p>9) Hiện trạng và giải pháp điều chỉnh ổn định tâm lý học tập ở học sinh tiểu học có các RLCBHT</p> <p>10) Các yếu tố ảnh hưởng đến hiện tượng chán học của học sinh trung học;</p> <p>11) Dấu hiệu phát hiện các rối loạn chuyên biệt trong học tập;</p> <p>12) Pupils with Learning disorders;</p> <p>13) Nhận biết – Hỗ trợ chẩn đoán các rối loạn chuyên biệt học tập ở học sinh;</p> <p>14) Tác động của chương trình huấn luyện nhận thức âm vị sớm đối với việc học đọc – viết của học sinh lớp một;</p> <p>15) Mô tả và hỗ trợ một trường hợp trẻ gặp khó khăn về toán đếm;</p> <p>16) Biểu hiện rối loạn tăng động giảm chú ý ở học sinh tiểu học qua ba ca lâm sàng;</p> <p>17) Thực trạng và giải pháp khắc phục lỗi phát âm của sinh viên khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2;</p> <p>18) Relation D’objet de connaissances dans les troubles d’apprentissage: Un aperçu theorique psychanalytique.</p> <p>Dịch: Mối quan hệ đối tượng nhận thức trong rối loạn học tập: Nhìn nhận về mặt lý thuyết theo tiếp cận Phân tâm;</p>
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>19) Giới thiệu một số trắc nghiệm đánh giá NN nói – viết;</p> <p>20) Trắc nghiệm đánh giá các năng lực toán học dành cho trẻ em Việt Nam;</p> <p>21) Đánh giá, can thiệp và hỗ trợ trẻ rối loạn chuyên biệt học tập: Kinh nghiệm thực hành theo mạng lưới hỗ trợ chuyên biệt dành cho học sinh có khó khăn tại Pháp (Rased) và thực trạng nghiên cứu, đào tạo, thực hành tại Việt Nam;</p> <p>22) Từ nghiên cứu tác động của giáo dục pháp luật trong nhà trường đi tìm nguyên nhân và giải pháp can thiệp, dự phòng các rối loạn chuyên biệt học tập ở học sinh Bến Tre;</p> <p>23) Kỹ năng đọc, viết của học sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang sau khi hoàn thành chương trình lớp 1;</p> <p>24) Rối loạn tâm lý ở học sinh: Một vài nhận diện và giải pháp khắc phục;</p> <p>25) Các yếu tố nguy cơ, yếu tố tiên lượng đối với rối loạn học tập và cơ sở khoa học thần kinh của rối loạn này;</p> <p>26) Cập nhật về tiêu chí chẩn đoán rối loạn học tập chuyên biệt theo DSM-V (2013)</p> <p>- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Tp.HCM</p> <p>- Năm xuất bản: 2015</p>
6. Các chủ đề chính		<p>Nhận biết và chẩn đoán rối loạn chuyên biệt học tập</p> <p>Can thiệp rối loạn chuyên biệt học tập ở học sinh</p>
7. Các khuyến nghị (nếu có)		
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>Sách là tài liệu hữu ích cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và các nhà thực hành trong lĩnh vực tâm thần học, tâm lý lâm sàng và tâm lý trường học.</p>
9. Đơn vị		<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Tâm lý học • Trưởng đơn vị: Ngô Xuân Điệp • Email:

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Thư viện - Thông tin học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nghiên cứu, so sánh phương pháp và nguyên tắc phân loại tài liệu của khung phân loại thập phân Dewey và công tác phân loại tài liệu của Trung tâm Thông tin – Thư viện trường Đại học KHXH&NV Tp.HCM. (Đề tài cấp Trường năm 2016)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Khung phân loại thập phân Dewey, nguyên tắc, phương pháp, phân loại tài liệu.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Mục tiêu nghiên cứu: Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng phương pháp và nguyên tắc phân loại DDC trong công tác phân loại tài liệu của Trung tâm Thông tin – Thư viện trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Nhiệm vụ nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống hóa cơ sở lý luận về khung phân loại DDC và phương pháp, nguyên tắc DDC; • Phân tích hiện trạng áp dụng các phương pháp và nguyên tắc DDC trong quá trình phân loại tài liệu; • Đánh giá công tác phân loại tài liệu của Trung tâm Thông tin – Thư viện trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM; • Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng DDC trong công tác phân loại tài liệu tại Trung tâm Thông tin – Thư viện trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp nghiên cứu tài liệu; - Phương pháp khảo sát và phân tích; - Phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát; - Phương pháp phỏng vấn sâu; - Phương pháp thống kê, phân tích, đối chiếu và tổng hợp dữ liệu.
	6. Những phát hiện chính	Chương 1. Cơ sở lý luận về phương pháp và nguyên tắc phân loại tài liệu của khung phân loại thập phân Dewey. Chương 2. Hiện trạng áp dụng phương pháp, nguyên tắc phân loại

		DDC tại Trung tâm Thông tin – Thư viện trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng phương pháp và nguyên tắc phân loại DDC tại Trung tâm Thông tin – Thư viện trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.
	7. Các khuyến nghị	- Xây dựng và áp dụng quy trình phân loại tài liệu; - Hiệu chỉnh khung phân loại thiếu chính xác và không đồng nhất với nguyên tắc; - Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ phân loại tài liệu.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Định hướng xây dựng bảng tra khung phân loại dành cho tài liệu lĩnh vực KHXH&NV; - Trang bị kiến thức, kỹ năng sử dụng khung phân loại DDC cho cán bộ thư viện; - Phát triển hợp tác với thư viện trong và ngoài hệ thống ĐHQG.
	9. Công bố khoa học	Nghiên cứu này đã được công bố trên: - 02 bài viết trên tạp chí quốc tế; - 02 bài viết trên tạp chí trong nước; - Báo cáo kết quả nghiên cứu.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Bùi Hà Phương • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Thư viện – Thông tin học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0909008185 • Email: buihaphuong81@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Đào tạo cán bộ ngành Thư viện – Thông tin đáp ứng nhu cầu thực tiễn.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đào tạo, cán bộ thư viện, cán bộ giảng dạy, kỹ năng, kiến thức.
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 15

		Tổng số tác giả/ diễn giả: 15. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 08 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 07
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2012 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	- Đào tạo cán bộ thư viện; - Hoạt động giảng dạy; - Yêu cầu thực tiễn từ nhà tuyển dụng; - Nguồn lực phục vụ đào tạo.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Kỹ yếu hội thảo; - Đối tượng sử dụng: giảng viên, cán bộ thư viện, học viên và sinh viên.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Thư viện – Thông tin học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh • Email: nguyenhongsinh@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Truy cập mở thông tin: động lực phát triển bền vững.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Truy cập mở, thông tin, thư viện, công nghệ.
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 16 Tổng số tác giả/ diễn giả: 16. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 11 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 05
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2016 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	- Truy cập mở thông tin;

		- Kiến thức thông tin; - Thư viện đại học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Kỹ yếu hội thảo; - Đối tượng sử dụng: Giảng viên, cán bộ thư viện, học viên và sinh viên.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Thư viện – Thông tin học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh • Email: nguyenhongsinh@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Hỗ trợ nghiên cứu: Vai trò và hoạt động của thư viện đại học.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thư viện đại học, hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 01 TS. Thomas Tom Denison, Đại học Monash, Úc
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2016 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	- Thư viện đại học; - Công cụ hỗ trợ nghiên cứu; - Chiến lược và chính sách phát triển của thư viện đại học trong hỗ trợ nghiên cứu.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành một số công cụ hỗ trợ nghiên cứu cho giảng viên, cán bộ thư viện, học viên và sinh viên.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Thư viện – Thông tin học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh • Email: nguyenhongsinh@hcmussh.edu.vn

4	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Sách: Phương pháp định tiêu đề chủ đề cho tài liệu thư viện.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiêu đề chủ đề, tài liệu, phương pháp
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Tp.HCM - Năm xuất bản: 2011
	6. Các chủ đề chính	Chương 1. Quy định và phương pháp chung trong việc định tiêu đề chủ đề Chương 2. Phương pháp định tiêu đề chủ đề cho một số nội dung cá biệt Chương 3. Phương pháp định tiêu đề chủ đề cho một số loại hình tài liệu đặc biệt.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành thư viện – thông tin học học tập và thực hành môn học Biên mục chủ đề và Sử dụng bộ tiêu đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (LCSH). - Cán bộ thư viện có thể tham khảo tài liệu này trong quá trình biên mục chủ đề cho thư viện, nhất là các thư viện đang sử dụng LCSH.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Thư viện – Thông tin học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh • Email: nguyenhongsinh@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Sách: Tra cứu thông tin: Giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành Thư viện – Thông tin học.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Hệ thống tìm tin, tìm tin, công cụ tìm tin, tra cứu thông tin

	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	TS. Ngô Thanh Thảo
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Tp.HCM - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	Chương 1. Tổng quan về tra cứu thông tin Chương 2. Quá trình tra cứu thông tin Chương 3. Tra cứu thông tin thủ công Chương 4. Tra cứu thông tin tự động hóa Chương 5. Tìm tin trên Internet
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo trình cung cấp những kiến thức cơ bản về tra cứu thông tin cho sinh viên chuyên ngành Thư viện – Thông tin học.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Thư viện – Thông tin học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh • Email: nguyenhongsinh@hcmussh.edu.vn
6	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Sách: Nguồn tài nguyên thông tin: Giáo trình dành cho sinh viên ngành Thư viện – Thông tin học.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Thư viện – Thông tin học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thông tin, tài liệu, nguồn tài nguyên thông tin, nguồn lực thông tin, vốn tài liệu
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Tp.HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	Chương 1. Tổng quan nguồn tài nguyên thông tin Chương 2. Chính sách phát triển nguồn tài nguyên thông tin Chương 3. Công tác lựa chọn tài liệu Chương 4. Công tác bổ sung tài liệu

	<p>Chương 5. Công tác lựa chọn và bổ sung tài liệu điện tử</p> <p>Chương 6. Công tác đánh giá nguồn tài nguyên thông tin</p> <p>Chương 7. Công tác thanh lọc tài liệu</p> <p>Chương 8. Phối hợp và hợp tác trong phát triển và chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin</p>
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành Thư viện – Thông tin học học tập và công tác xây dựng và phát triển nguồn tài nguyên thông tin trong các cơ quan thông tin – thư viện.
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Khoa Thư viện – Thông tin học• Trưởng đơn vị: PGS. TS. Nguyễn Hồng Sinh• Email: nguyenhongsinh@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Văn hóa học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn hóa đô thị
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	“đô thị”, “văn hóa”, ”văn hóa đô thị”
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Đô thị biểu thị các đặc trưng văn hóa và các giá trị văn minh của xã hội loài người. Quá trình đô thị hóa vừa là quy luật phát triển tất yếu, đồng thời cũng là tương lai nhân loại.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Tham cứu, tập hợp các nguồn tài liệu khác nhau về lịch sử, địa lý, môi trường, quy hoạch đô thị và văn hóa...
	6. Những phát hiện chính	Đô thị không chỉ là hình thái mà còn là thành quả sáng tạo văn hóa, là “môi trường thiên nhiên thứ hai”, làm cho xã hội loài người phát triển ngày càng văn minh, hiện đại
	7. Các khuyến nghị	Đô thị không chỉ thuộc lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, kinh tế hoặc địa lý mà là ngành học thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn như Xã hội học đô thị, Nhân học đô thị, Văn hóa học đô thị
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Nghiên cứu đô thị ở khía cạnh xã hội và nhân văn góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa – xã hội, có định hướng quy hoạch phù hợp xu thế phát triển của thời đại
	9. Công bố khoa học	Sách chuyên khảo, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh năm 2012
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Khánh • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Văn hóa học • Địa chỉ: 12, Đinh Tiên Hoàng, quận 1 • Số điện thoại: 0903702871 • Email: tranngockhanh@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ	Nghiên cứu xây dựng mô hình Nhà văn hóa tại Tp. Hồ Chí

	KHCN	Minh – thực trạng, nhu cầu và tổ chức thực hiện
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	“nhà văn hóa”
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Mô hình Nhà văn hóa là thiết chế mới, có nguồn gốc từ nước ngoài, nhưng đã từng tồn tại trong các thiết chế cổ truyền ở nước ta
	5. Phương pháp nghiên cứu	Khảo sát thực địa Nghiên cứu - ứng dụng (R&A)
	6. Những phát hiện chính	Những kinh nghiệm tổ chức hoạt động “Nhà văn hóa” từ các thiết chế cổ truyền ở nước ta và kinh nghiệm hoạt động Nhà văn hóa tại Pháp
	7. Các khuyến nghị	Phân biệt mô hình Nhà văn hóa trung tâm và cơ sở; vận dụng cơ chế tự quản đối với Nhà văn hóa
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Có thể tiến hành nghiên cứu triển khai (R&D)
	9. Công bố khoa học	Đề tài đã nghiệm thu kết quả đạt, năm 2015 tại Sở Khoa học Công nghệ - UBND Tp. Hồ Chí Minh
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Khánh • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Văn hóa học • Địa chỉ: 12, Đinh Tiên Hoàng, quận 1 • Số điện thoại” 0903702871 • Email: tranngockhanh@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Văn hoá gia đình dòng họ và gia phả Việt Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hoá
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hoá gia đình, dòng họ, gia phả

	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 54 Tổng số tác giả/ diễn giả: 53. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 18 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 35
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG TP.HCM - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	- Nguồn gốc gia đình, dòng họ Việt Nam - Gia đình, dòng họ và bản sắc văn hóa Việt Nam - Văn hóa gia đình, dòng họ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá gia đình, dòng họ và gia phả Việt Nam
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Một số giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn văn hoá gia đình, dòng họ và gia phả ở Việt Nam hiện nay.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Văn hoá học • Trưởng đơn vị: Nguyễn Văn Hiệu • Email: nguyenvanhieu@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Những vấn đề KHXH & NV : Chuyên đề: Văn hóa học (T.1)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa học
	3. Từ khóa tìm kiếm	khoa học xã hội, nhân văn, chuyên đề văn hóa học
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 60 Tổng số tác giả/ diễn giả: 39. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 24 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 15
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	Phần 1: Văn hóa & văn hóa học Phần 2: Biểu tượng và giá trị văn hóa

		<p>Phần 3: Những vấn đề văn hóa Nam Bộ & VN</p> <p>Phần 4: Những vấn đề văn hóa thế giới</p> <p>Phần 5: Những vấn đề giao lưu tiếp biến văn hóa</p> <p>Phần 6: Những vấn đề văn hóa ứng dụng</p>
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng dạy và nghiên cứu
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sách chuyên khảo về văn hóa
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Văn hoá học • Trưởng đơn vị: Nguyễn Văn Hiệu • Email: nguyenvanhieu@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2013: Luân thường Nho giáo dưới góc nhìn xuyên văn hóa
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Luân thường, Nho giáo, xuyên văn hóa
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 80</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 94. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 13 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 81
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Năm xuất bản: 2013 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	<p>Phần 1: Các quan niệm về luân thường Nho giáo nhìn từ Việt Nam.</p> <p>Phần 2: Các quan niệm về luân thường Nho giáo nhìn từ Trung Quốc và các nước khác.</p> <p>Phần 3: Luân thường Nho giáo trong diễn trình tiếp biến văn hóa Việt Nam.</p> <p>Phần 4: Các đặc trưng tiếp biến luân thường Nho giáo ở Nam Bộ.</p> <p>Phần 5: Luân thường Nho giáo trong đời sống văn hóa xã hội Việt Nam.</p>

	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Chọn lọc và xuất bản
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Nho giáo có vị trí khá đặc biệt trong văn hóa nhiều nước Á Đông và có ý nghĩa đối với nghiên cứu học thuật trên phạm vi toàn thế giới. Hội thảo góp phần giúp nhận diện rõ nét hơn nữa bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung, bản sắc văn hóa Nam Bộ Việt Nam nói riêng trong tiếp xúc và tiếp biến Nho giáo.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Văn hoá học • Trưởng đơn vị: Nguyễn Văn Hiệu • Email: nguyenvanhieu@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2012: Văn hóa thời gian rỗi
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thời gian rỗi, văn hóa thời gian rỗi
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 20 Tổng số tác giả/ diễn giả: 19 Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 10 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 09
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Năm xuất bản: 2012 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	- Văn hóa thời gian rỗi – Cơ sở lý thuyết & thực tiễn. - Văn hóa thời gian rỗi – Các ứng dụng trong đời sống xã hội. - Văn hóa thời gian rỗi – Các ứng dụng trong hoạt động học tập.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	- Về lý luận, cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ “văn hóa thời gian rỗi” với tư cách là một khái niệm khoa học - Về thực tiễn, cần có những nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa ứng xử với thời gian rỗi của nhiều tầng lớp cư dân trong bối cảnh hiện nay.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Một trong những hướng làm sáng tỏ đặc trưng, bản chất, quy luật của văn hóa, quan hệ giữa văn hóa & văn minh, văn hóa & phát

		<p>triển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần nhận diện bản sắc văn hóa cộng đồng. - Định hướng các giá trị văn hóa và tổ chức hoạt động thời gian rỗi phù hợp đời sống, tinh thần người dân
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Văn hoá học • Trưởng đơn vị: Nguyễn Văn Hiệu • Email: nguyenvanhieu@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2014: Đào tạo, nghiên cứu văn hóa ứng dụng với thực tiễn, hoạt động văn hóa, khu vực phía Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nghiên cứu văn hóa, ứng dụng thực tiễn văn hóa khu vực phía Nam
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 49</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 56. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 20 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 36
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Năm xuất bản: 2014 - Lưu hành nội bộ
	6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa học ứng dụng: Những vấn đề chung - Văn hóa học từ nhu cầu nhân lực & quản lý hoạt động văn hóa - Văn hóa ứng dụng nhìn từ đào tạo, nghiên cứu văn hóa - Thực tiễn các hoạt động văn hóa xã hội
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Chú trọng xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo phát huy thế mạnh của chuyên ngành cung cấp nhân lực bậc cao cho xã hội.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Khái quát bức tranh toàn cảnh về nhu cầu, về nguồn nhân lực văn hóa nhìn từ góc độ đào tạo để xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo gắn với nhu cầu xã hội.
		9. Đơn vị

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Văn học và Ngôn ngữ		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thanh Hải – Nhà thơ cách mạng miền Nam (Đề tài cấp Trường 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Cách mạng, nhà thơ, kể chuyện, trung kiên
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	1. Đời và thơ Thanh Hải 2. Những nội dung chủ yếu trong Thanh Hải 3. Đóng góp về mặt nghệ thuật của Thanh Hải
	5. Phương pháp nghiên cứu	1. Phương pháp phân tích, tổng hợp 2. Phương pháp tiểu sử 3. Phương pháp loại hình học
	6. Những phát hiện chính	Cuộc đời và tác phẩm Thanh Hải
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Công bố khoa học	Công bố 2 bài trong tập <i>Sông Hương</i> và <i>Tạp chí VH&DL</i>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Tiên Dũng • Học hàm/ học vị: PGSTS • Nơi công tác: Khoa VH & NN • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1 TP. HCM • Số điện thoại: 0918041029 • Email: ltdung2010@yahoo.com.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tiểu thuyết Mario Vargas Llosa dưới góc nhìn phê bình hậu thực dân

	(Đề tài cấp Trường 2014)
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn học nước ngoài Lý luận văn học
3. Từ khóa tìm kiếm	Mario Vargas Llosa, tiểu thuyết, hậu thực dân
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	1. Bối cảnh đất nước Peru thời hậu thực dân và nhà văn Mario Vargas Llosa 2. Những chủ đề hậu thực dân trong sáng tác của Mario Vargas Llosa 3. Ngôn ngữ và cấu trúc tiểu thuyết hậu thực dân
5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp chung: Tổng hợp, Phân tích, So sánh. Phương pháp chuyên ngành: Hậu thực dân, Hậu hiện đại, Thi pháp học
6. Những phát hiện chính	Tiểu thuyết của Mario Vargas Llosa thể hiện những chủ đề liên quan đến vận mệnh dân tộc và thời đại. Ông cho thấy nạn độc tài và sự bạo động lan tràn ở Mỹ Latinh, sự giao thoa văn hóa, sự thách thức của vấn đề chủng tộc, sắc tộc, cùng với những vấn đề cá nhân trong guồng quay xã hội. Cùng với những chủ đề đầy tính thời sự này, Mario Vargas Llosa đã sử dụng bút pháp mới lạ: ngôn ngữ hậu thực dân mang tính lai ghép, cấu trúc tiểu thuyết mê cung - phi trung tâm, các thủ pháp ghép mảnh, đa điểm nhìn, “bình thông nhau”... Qua đó, Mario Vargas Llosa đã thể hiện được hình ảnh dân tộc và thời đại ông với những cách tân nghệ thuật mới lạ.
7. Các khuyến nghị	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Đề tài nghiên cứu được sử dụng làm giáo trình tham khảo cho SV trong trường ĐH. Đề tài gợi mở hướng nghiên cứu so sánh giữa văn học hậu thực dân Mỹ Latinh và Việt Nam, mở rộng các vấn đề văn hóa ở khu vực thế giới thứ ba.
9. Công bố khoa học	Nghiên cứu này đã được công bố qua các bài báo tạp chí và sách: 1. Lê Ngọc Phương (2013), “Hiện thực đa chiều trong tiểu thuyết Trò chuyện trong quán La Catedral của Mario Vargas Llosa”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ</i> , ĐHQG – HCM, tập 16, X2/2013, số hiệu ISSN: 1859-0128, từ trang 106 đến trang 116.

		2. Lê Ngọc Phương (2015), “Tâm thế hậu thực dân và sự lựa chọn nhân dạng văn hóa (trường hợp Mario Vargas Llosa)”, Sách <i>Những vấn đề Ngữ văn</i> , Tuyển tập 40 năm nghiên cứu khoa học của Khoa Văn học và Ngôn ngữ, NXB ĐHQG, TP. HCM, từ trang 244 đến trang 256.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Ngọc Phương • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Địa chỉ: 67/68/2B đường 38, KP8, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức • Số điện thoại: 0903642585 • Email:ngocphuongtm@yahoo.com
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sự du nhập các lý thuyết văn học phương Tây vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Mã số: VIII.2-2012-08, Nafosted.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Liên ngành: Văn học, Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Sự du nhập, lý thuyết văn học phương Tây, miền Nam Việt Nam, giai đoạn 1954-1975
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan (Nguyễn Thị Thanh Xuân) - Chương 1: Bối cảnh xã hội, văn hóa và hoạt động sáng tác, nghiên cứu, phê bình văn học ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Võ Văn Nhơn) - Chương 2: Sự du nhập lý thuyết văn học mác-xít vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Trần Thiện Khanh) - Chương 3: Sự du nhập lý thuyết phân tâm học vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Nguyễn Thị Thanh Xuân) - Chương 4: Sự du nhập lý thuyết hiện sinh và hiện tượng luận vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Huỳnh Như Phương) - Chương 5: Sự du nhập lý thuyết nữ quyền luận vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Hồ Khánh Vân) - Chương 6: Sự du nhập phê bình giáo khoa vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Lê Ngọc Phương) - Chương 7: Sự du nhập lý thuyết cấu trúc và phê bình thi pháp học vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 (Huỳnh Như Phương)

	<p>và Lê Thụy Tường Vi)</p> <p>- Kết luận (Nguyễn Thị Thanh Xuân)</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>- Phương pháp phổ thông (sưu tầm, hệ thống, phân loại)</p> <p>- Phương pháp chuyên ngành (Duy sử, Xã hội học, Hậu thực dân)</p>
6. Những phát hiện chính	<p>- Việc du nhập lý thuyết văn học phương Tây ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 bắt nguồn từ nhu cầu nội tại và tác động ngoại lai.</p> <p>- Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 -1975 du nhập các lý thuyết văn học phương Tây trên tinh thần khoa học, cởi mở, chọn lọc và có phê phán.</p> <p>- Việc du nhập các lý thuyết văn học phương Tây giúp miền Nam Việt Nam tiếp tục con đường hiện đại hóa văn học đã được khởi phát từ năm 1865 ở Việt Nam.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>- Cần khai thác kỹ, đầy đủ các di sản văn học quá khứ đang bị tàn mát và thất thoát.</p> <p>- Cần đánh giá công bằng, khoa học các đóng góp của văn học miền Nam, bổ sung vào lịch sử văn học Việt Nam.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Tài liệu giảng dạy trong chương trình ngành văn học</p>
9. Công bố khoa học	<p>1. Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Phân tâm học trong đời sống văn học miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, <i>Southeast Asia Journal</i>, Vol.26-2-2016. ISSN: 1225-4738. Korea</p> <p>2. Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Từ Phê bình Giáo khoa (Lansonism) nghĩ về việc giảng dạy văn học ở nhà trường Việt Nam”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Văn học</i>, Số 4-2015. ISSN: 1859-2856, Tr. 180-191.</p> <p>3. Huỳnh Như Phương, “Vai trò của đại học , báo chí và xuất bản trong việc du nhập các lý thuyết văn học phương Tây vào miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, <i>Southeast Asia Journal</i>, Vol.26-2-2016, ISSN: 1225-4738, Korea.</p> <p>4. Võ Văn Nhơn, “Bối cảnh xã hội văn hóa và hoạt động nghiên cứu, phê bình, sáng tác văn học ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến</i>, Số 11, 5-2016.</p> <p>5. Trần Thiện Khanh, “Chủ nghĩa Marx- Phân tâm của Herbert Marcuse”, <i>Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học Nghệ thuật</i>, ISSN 0866-7349, Số 47, 7-2016.</p>

	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN THỊ THANH XUÂN • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP. HCM • Số điện thoại: 0936158545 • Email: thanhxuanqn@gmail.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hoạt động Nghiên cứu, Lý luận, Phê bình Văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ trước 1954 (Sưu tầm, tuyển chọn và nghiên cứu). Mã số: VNU-HCM-B2013-18b-05.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, Quốc ngữ, Nam Bộ.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Mở đầu (Nguyễn Thị Thanh Xuân)</p> <p>Chương I. Khái quát về lịch sử, xã hội, văn hóa và văn học ở Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến 1954 (Võ Văn Nhơn)</p> <p>Chương II. Nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ từ 1865 đến 1954: Diễn trình sự kiện (Nguyễn Thị Thanh Xuân)</p> <p>Chương III. Nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ từ 1865 đến 1954: Kế thừa và phát huy truyền thống văn học dân tộc (Nguyễn Thị Thanh Xuân)</p> <p>Chương IV. Nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ từ 1865 đến 1954: Xu hướng, đặc điểm, thành tựu (Nguyễn Thị Thanh Xuân)</p> <p>Kết luận (Nguyễn Thị Thanh Xuân)</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phổ thông (sưu tầm, hệ thống, phân tích, tổng hợp, so sánh, lý giải). - Phương pháp chuyên ngành (xã hội học, hậu thực dân, văn hóa học)
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thể loại phê bình văn học đã được khai sinh ở Nam Bộ từ năm 1923, chứ không phải từ năm 1931, với Thiều Sơn, như lâu nay giới nghiên cứu Việt Nam khẳng định. - So với sáng tác, các trang viết nghiên cứu, lý luận, phê bình văn

		<p>học Quốc ngữ trước 1954 ở Nam Bộ thể hiện rõ tính hiện đại, từ quan niệm, phương pháp đến ngôn ngữ.</p> <p>- Các tác giả nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ trước 1954, dù xuất thân từ Nho học hay Tây học, đều thể hiện tinh thần dân tộc vì sự nghiệp văn hóa văn học dân tộc, họ đã kế thừa chọn lọc các di sản tinh thần của tiền nhân, đồng thời tiếp thu một cách chủ động, sáng tạo các thành quả của nhân loại, để phát triển văn học Việt Nam theo tinh thần hiện đại hóa không lệ thuộc phương Tây.</p>
7. Các khuyến nghị		<p>- Cần có kinh phí để sưu tầm đầy đủ các di sản văn học Nam Bộ.</p> <p>- Cần bổ sung các tác giả, tác phẩm văn học Nam Bộ vào lịch sử văn học.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>- Tài liệu giảng dạy trong chương trình ngành văn học.</p>
9. Công bố khoa học		<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Phan Khôi's approach to literature, <i>Cahiers d'études vietnamiennes</i>, No.23/2014, ISSN: 0224-2958. P.85-124, France. 2. Nguyễn Thị Thanh Xuân, The modernization of Vietnamese literature from 1865 to 1912, <i>Southeast Asia Journal</i>, Vol. 25/2016. ISSN: 1225-4738, P. 353-369, Korea. 3. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Phong cách đọc của công chúng Sài Gòn – Nam Bộ, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến</i>, Số 8-2015, ISSN: 1859-2961, Tr.18-22. 4. Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Nghĩ về việc nghiên cứu văn học ở Sài Gòn – Nam Bộ”, <i>Tạp chí Khoa học Xã hội</i> (Viện KHXH Vùng Nam Bộ, Số 9+10 (205+206) 2015, ISSN: 1859-0136, Tr.97-102. 5. Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Lời giới thiệu Bản dịch tiếng Pháp Kim Vân Kiều tân truyện” (Dịch, Abel des Michels, Kim Vân Kiều tân truyện, Introduction, tomer premier, Édition Ernest Leroux, Paris, 1884, p.1-16), <i>Tạp chí Nghiên cứu Văn học</i>, Số 1-2015, ISSN: 1859-2856, Tr.119-126. 6. Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi” và “Thầy Lazarô Phiền”, đặc điểm văn bản và những đóng góp vào sự phát triển của chữ - văn Quốc ngữ nửa cuối thế kỷ XIX, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ</i>, ĐHQG TP.HCM, Tập 18, X5/2015, 3-2016, ISSN: 1859-0128, Tr. 200-208. 7. Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Nghiên cứu hiện tượng văn học Hồ Biểu Chánh”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn – Bình luận Văn</i>

		<p>học, Niên san 2015. Số 13 (38) 3-2016. ISSN: 1859-3208. Tr.41-45.</p> <p>8. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Trương Vĩnh Ký (1837-1898) và những bước đi đầu tiên của con đường hiện đại hóa văn học ở Việt Nam, Hội thảo <i>Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ</i>, tập 1. ĐHQG TP.HCM 2016. ISBN: 987-604-73-4665-3.</p> <p>9. Võ Văn Nhơn, Quan niệm về tiểu thuyết của các nhà văn Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, <i>Tạp chí Khoa học Xã hội TP. HCM</i>, số 9+10 (205+206) 2015, Tr.158-166.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN THỊ THANH XUÂN • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP. HCM • Số điện thoại: 0936158545 • Email: thanhxuanqn@gmail.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Nghiên cứu và phiên dịch đối sánh Hảo cầu truyện và Hảo cầu tân truyện</p> <p>(Đề tài cấp Trường 2013)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn học so sánh (So sánh tiểu thuyết Hảo cầu truyện của Trung Quốc với truyện thơ Nôm Hảo cầu tân truyện của Việt Nam).
	3. Từ khóa tìm kiếm	Hảo cầu truyện, Hảo cầu tân truyện, chuyển thể, tiểu thuyết tài tử giai nhân, truyện thơ Nôm.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Truyện thơ Nôm Hảo cầu tân truyện được chuyển thể từ tiểu thuyết Hảo cầu truyện của Trung Quốc. Đề tài của chúng tôi bước đầu nghiên cứu mối quan hệ giữa hai tác phẩm, đồng thời trình bày văn bản Truyện Song Tinh và bản dịch Định tình nhân ở hình thức đối sánh. Độc giả có thể dễ dàng nhìn thấy những biến đổi về cách kể chuyện, tình tiết truyện, hay sự dị biệt về mặt thi pháp giữa 2 thể loại. Có thể xem đây là một đóng góp nhỏ về mặt tư liệu góp phần cho học giới nghiên cứu thấu đáo hơn về mảng văn học chuyển thể này. Với tình hình như đã nói ở trên, đề tài nghiên cứu của chúng tôi hướng tới 2 mục tiêu chính yếu sau:</p> <p>a. Giới thiệu 2 tác phẩm và tìm hiểu những thủ pháp và nguyên tắc nghệ thuật chuyển thể của tác giả khi chuyển thể từ một tác phẩm văn xuôi tự sự sang truyện thơ.</p> <p>b. Cung cấp cho học giới một văn bản tiếng Việt Định tình nhân (dịch từ nguyên tác tiếng Hán) có đối sánh với tác phẩm</p>

	chuyển thể là Truyện Song Tinh.
5. Phương pháp nghiên cứu	Để thực hiện đề tài này chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu chính yếu là phương pháp so sánh loại hình. Chúng tôi vận dụng phương pháp này để tìm hiểu những thủ pháp và nguyên tắc nghệ thuật chuyển thể của tác giả khi chuyển thể từ một tác phẩm văn xuôi tự sự sang truyện thơ, rút ra những dị biệt về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện thơ Nôm so với lam bản của chúng là tiểu thuyết chương hồi được viết bằng văn xuôi.
6. Những phát hiện chính	<p>- Khi chuyển thể từ tiểu thuyết văn xuôi sang truyện thơ Nôm, chúng tôi thấy tác giả truyện thơ đã tuân theo hai nguyên tắc căn bản sau: thứ nhất là giản hoá dung lượng của tiểu thuyết; thứ hai là nhã hoá ngôn ngữ kể chuyện.</p> <p>- Để hiện thực hai nguyên tắc đó tác giả chuyển thể đã sử dụng những thủ pháp căn bản sau: tinh lược những hồi, đoạn, tình tiết rời xa mạch chính của truyện, những chỗ kể tả chi tiết, rườm rà; tóm lược nội dung và sắp đặt lại câu chuyện; sử dụng những biện pháp tu từ đặc trưng của thi ca như đối ngẫu, sóng đôi, điển cố bên cạnh ngôn ngữ ước lệ, tượng trưng để nhã hoá tác phẩm.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>- Cần có bản dịch sang tiếng Việt các tiểu thuyết Trung Quốc được văn nhân Việt Nam chuyển thể thành truyện thơ Nôm để công tác nghiên cứu văn học so sánh có đầy đủ tư liệu hơn.</p> <p>- Học giới nên quan tâm nghiên cứu so sánh mảng văn học chuyển thể này nhiều hơn nữa, vì hiện nay số công trình còn quá ít.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên sau đại học và học giới nói chung khi tìm hiểu truyện thơ Nôm trong mối quan hệ với tiểu thuyết Trung Quốc.
9. Công bố khoa học	<p>Những cứ liệu, kết quả từ nghiên cứu này đã giúp chúng tôi hình thành nên các bài viết đã được công bố sau:</p> <p>- Bài báo tạp chí trong nước:</p> <p>Nguyễn Văn Hoài, “Thi pháp truyện thơ Nôm tài tử giai nhân và một số tiểu loại truyện thơ Nôm khác – nhìn từ góc độ nhân vật, cốt truyện”, <i>Tạp chí Nghiên cứu văn học</i>, số 4 - 2015, tr. 100-111.</p> <p>- Tham luận trình bày hội thảo trong nước:</p> <p>Nguyễn Văn Hoài – Nguyễn Phương Uyên, “Những sáng tạo của Bùi Hữu Nghĩa trong Kim Thạch kỳ duyên (so sánh với lam bản Kim Thạch duyên)”, Tham luận Hội thảo khoa học <i>Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam bộ</i>, Trường ĐH Thủ Dầu Một – Trường</p>

		ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM – Viện Văn học - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam – đồng tổ chức, TP Thủ Dầu Một, ngày 28/10/2016, Nxb ĐHQG-HCM, 2016, tr. 365-378.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Văn Hoài • Học hàm/ học vị: ThS • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ, Trường ĐH KHXH&NV. • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP HCM • Số điện thoại: 0908 565 986 • Email: nghoaiivan71@yahoo.com
6	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nghiên cứu và phiên dịch đối sánh Định tình nhân và Truyện Song Tinh (Đề tài cấp Trường 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn học so sánh (So sánh tiểu thuyết Định tình nhân của Trung Quốc với truyện thơ Nôm Truyện Song Tinh của Việt Nam).
	3. Từ khóa tìm kiếm	Định tình nhân, Truyện Song Tinh, chuyển thể, tiểu thuyết tài tử giai nhân, truyện thơ Nôm.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Truyện thơ Nôm Truyện Song Tinh được chuyển thể từ tiểu thuyết Định tình nhân của Trung Quốc. Đề tài của chúng tôi bước đầu nghiên cứu mối quan hệ giữa hai tác phẩm, đồng thời trình bày văn bản Truyện Song Tinh và bản dịch Định tình nhân ở hình thức đối sánh. Độc giả có thể dễ dàng nhìn thấy những biến đổi về cách kể chuyện, tình tiết truyện, hay sự dị biệt về mặt thi pháp giữa 2 thể loại. Có thể xem đây là một đóng góp nhỏ về mặt tư liệu góp phần cho học giới nghiên cứu thấu đáo hơn về mảng văn học chuyển thể này. Với tình hình như đã nói ở trên, đề tài nghiên cứu của chúng tôi hướng tới 2 mục tiêu chính yếu sau:</p> <p>a. Giới thiệu 2 tác phẩm và tìm hiểu những thủ pháp và nguyên tắc nghệ thuật chuyển thể của tác giả khi chuyển thể từ một tác phẩm văn xuôi tự sự sang truyện thơ.</p> <p>b. Cung cấp cho học giới một văn bản tiếng Việt Định tình nhân (dịch từ nguyên tác tiếng Hán) có đối sánh với tác phẩm chuyển thể là Truyện Song Tinh.</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	Để thực hiện đề tài này chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu chính yếu là phương pháp so sánh loại hình. Chúng tôi vận dụng phương pháp này để tìm hiểu những thủ pháp và nguyên tắc nghệ

	<p>thuật chuyển thể của tác giả khi chuyển thể từ một tác phẩm văn xuôi tự sự sang truyện thơ, rút ra những dị biệt về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện thơ Nôm so với lam bản của chúng là tiểu thuyết chương hồi được viết bằng văn xuôi.</p>
6. Những phát hiện chính	<p>- Khi chuyển thể từ tiểu thuyết văn xuôi sang truyện thơ Nôm, chúng tôi thấy tác giả truyện thơ đã tuân theo hai nguyên tắc căn bản sau: thứ nhất là giản hoá dung lượng của tiểu thuyết; thứ hai là nhã hoá ngôn ngữ kể chuyện.</p> <p>- Để hiện thực hai nguyên tắc đó tác giả chuyển thể đã sử dụng những thủ pháp căn bản sau: tinh lược những hồi, đoạn, tình tiết rời xa mạch chính của truyện, những chỗ kể tả chi tiết, rườm rà; tóm lược nội dung và sắp đặt lại câu chuyện; sử dụng những biện pháp tu từ đặc trưng của thi ca như đối ngẫu, sóng đôi, điển cố bên cạnh ngôn ngữ ước lệ, tượng trưng để nhã hoá tác phẩm.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>- Cần có bản dịch sang tiếng Việt các tiểu thuyết Trung Quốc được văn nhân Việt Nam chuyển thể thành truyện thơ Nôm để công tác nghiên cứu văn học so sánh có đầy đủ tư liệu hơn.</p> <p>- Học giới nên quan tâm nghiên cứu so sánh mảng văn học chuyển thể này nhiều hơn nữa, vì hiện nay số công trình còn quá ít.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên sau đại học và học giới nói chung khi tìm hiểu truyện thơ Nôm trong mối quan hệ với tiểu thuyết Trung Quốc.</p>
9. Công bố khoa học	<p>Những cứ liệu, kết quả từ nghiên cứu này đã giúp chúng tôi hình thành nên các bài viết đã được công bố sau:</p> <p>- Bài báo tạp chí trong nước:</p> <p>Nguyễn Văn Hoài, “Thi pháp truyện thơ Nôm tài tử giai nhân và một số tiểu loại truyện thơ Nôm khác – nhìn từ góc độ nhân vật, cốt truyện”, <i>Tạp chí Nghiên cứu văn học</i>, số 4 - 2015, tr. 100-111.</p> <p>- Tham luận trình bày hội thảo trong nước:</p> <p>Nguyễn Văn Hoài – Nguyễn Phương Uyên, “Những sáng tạo của Bùi Hữu Nghĩa trong Kim Thạch kỳ duyên (so sánh với lam bản Kim Thạch duyên)”, Tham luận Hội thảo khoa học <i>Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam bộ</i>, Trường ĐH Thủ Dầu Một – Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM – Viện Văn học-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam – đồng tổ chức, TP Thủ Dầu Một, ngày 28/10/2016, Nxb ĐHQG-HCM, 2016, tr. 365-378.</p> <p>- Bài viết sắp công bố trên Bình luận Văn học - Niên san 2016, <i>Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn</i>: “Những nguyên tắc và thủ pháp</p>

		chuyên thể truyện thơ Nôm: Trường hợp Truyện Song Tinh”.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Văn Hoài • Học hàm/ học vị: ThS • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ, Trường ĐH KHXH&NV. • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP HCM • Số điện thoại: 0908 565 986 • Email: nghoaiivan71@yahoo.com
7	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Ngôn ngữ báo chí tiếng Việt ở Tp.HCM: Hiện trạng và các xu hướng biến đổi trong bối cảnh đa truyền thông hiện nay. (Đề tài ĐHQG 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Ngôn ngữ báo chí, ngôn ngữ, chuẩn mực, đa truyền thông
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Xu hướng sử dụng ngôn ngữ đặc thù của báo chí Tp.HCM
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp: miêu tả, phân tích ngữ nghĩa – ngữ dụng - Các thủ pháp: thống kê, điều tra bảng hỏi, phỏng vấn.
	6. Những phát hiện chính	<p>Thông qua việc khảo sát, mô tả, phân tích hiện trạng tiếng Việt từ năm 2005 đến nay, đề tài hướng đến việc xây dựng những chuẩn mực ngôn ngữ báo chí vừa truyền thông vừa hiện đại, mang lại những tác động tích cực đối với việc hoàn thiện và phát triển tiếng Việt văn hóa trong thiên niên kỷ mới. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu về hiện trạng sử dụng tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông tại Tp.HCM hiện nay (báo in, truyền hình, phát thanh và báo điện tử) - Nghiên cứu sự định hình phong cách ngôn ngữ báo chí tiếng Việt hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hóa cùng với sự gia tăng của các loại hình truyền thông và sự tương tác giữa báo chí trong nước và báo chí nước ngoài... Nhằm xây dựng những chuẩn mực ngôn ngữ báo chí hiện đại theo hướng kết hợp gìn giữ bản sắc tiếng Việt với tiếp nhận những yếu tố mới, đáp ứng nhu cầu thông tin và tác động. - Đề xuất những định hướng xây dựng chuẩn mực ngôn ngữ báo chí

	<p>có tính thực tiễn phù hợp với hiện trạng sử dụng tiếng Việt và xu hướng phát triển của tiếng Việt hiện đại.</p>
7. Các khuyến nghị	<p>Đề tài có những tác động nhất định đến việc hoạch định chính sách phát triển ngôn ngữ và giúp cho các cơ quan quản lý báo chí có thể đưa ra những quy định phù hợp với những định hướng phát triển của tiếng Việt truyền thông hiện nay, đồng thời giúp cho những người viết báo có thể nâng cao ý thức về việc rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn từ vừa chính xác vừa gần gũi với những chuẩn mực của tiếng Việt hiện đại.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp cho các nhà hoạch định chính sách ngôn ngữ, các cơ quan quản lý báo chí đánh giá đúng hiện trạng sử dụng và xu hướng biến đổi của tiếng Việt trên báo chí hiện nay, hướng đến việc đề xuất những định hướng phát triển phù hợp.</p> <p>- Phục vụ cho việc dạy học môn Ngôn ngữ báo chí cho sinh viên 2 ngành (Báo chí – Truyền thông và Ngôn ngữ học) của Trường.</p>
9. Công bố khoa học	<p>Nghiên cứu này đã được công bố dưới những hình thức:</p> <p>- 03 bài báo đã công bố:</p> <p>1/ Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2014), Ngôn ngữ phát thanh trực tiếp nhìn từ góc độ ngữ âm (dựa trên cứ liệu giọng đọc của phát thanh viên trong chương trình “Sài Gòn buổi sáng” của VOH), <i>Tạp chí khoa học của Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM</i>, số 3/2014.</p> <p>2/ Dương Thị My Sa (2014), Trường từ vựng – ngữ nghĩa trong ngôn ngữ phỏng vấn (khảo sát trên báo in: Tuổi trẻ, Sài Gòn giải phóng và Sài Gòn tiếp thị), <i>Tạp san của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>, số ra tháng 06/2014.</p> <p>3/ Đặng Thị Hạnh Vân (2014), Đặc điểm cú pháp của đề dẫn phỏng sự (khảo sát báo: Dân trí, Vietnamnet, Tuổi trẻ, Lao động năm 2012 và 2013), <i>Tạp san của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>, số ra 12/2014.</p> <p>- 01 cuốn sách (do tác giả đề tài làm đồng chủ biên và các cộng tác viên có tham gia viết bài): Huỳnh Thị Hồng Hạnh – Nguyễn Hữu Chương (chủ biên) (2014), <i>Những vấn đề chính tả tiếng Việt hiện nay</i>, NXB Văn hóa – Văn nghệ, Tp.HCM.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Huỳnh Thị Hồng Hạnh • Học hàm/ học vị: TS, GVC • Nơi công tác: Khoa Văn học – Ngôn ngữ

		<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0913 421 607 • Email: honghanhussh@gmail.com
8	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Những vấn đề văn học Nga hiện đại (Đề tài ĐHQG 2011)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn học Nga, thế kỷ XX, chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa hậu hiện đại
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm “văn học Nga hiện đại” - Chủ nghĩa hiện đại trong văn học Nga thế kỷ XX - Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học Nga thế kỷ XX - Chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Nga thế kỷ XX
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Loại hình lịch sử - So sánh lịch sử - Thi pháp học - Văn bản học
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp và trình bày có hệ thống, thông qua đó có thể hình dung về bức tranh lịch sử văn học Nga và Xô Viết - Phân tích những hiện tượng tạo thành trào lưu, gây nên các cuộc tranh luận, có những tác động lớn không chỉ trong phạm vi nước Nga (và Liên Xô), mà còn trên quy mô thế giới, trong đó có Việt Nam.
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp cho việc nghiên cứu lý luận và phê bình văn học, là một công trình giới thiệu về văn học Nga, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và giảng dạy văn học Nga ở bậc đại học và sau đại học; - Đã được sử dụng làm tài liệu học tập cho chuyên đề sau đại học ngành văn học nước ngoài.
	9. Công bố khoa học	- Trần Thị Phương Phương, “Thuyết tạp dụng Chúa và chủ nghĩa hiện thực XHCN (trường hợp Maxim Gorky)”, <i>Tạp chí Nghiên cứu</i>

		<p><i>văn học</i>, số 4/2014;</p> <p>- Trần Thị Phương Phương, “Văn học nữ và chủ nghĩa hậu hiện đại Nga”, <i>Tạp chí ĐHSG – Bình luận văn học</i>, niên san 2013-2014;</p> <p>- Trần Thị Phương Phương, “Chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Nga hiện đại”, <i>Tạp chí Nghiên cứu văn học</i>, số 4-2015;</p> <p>- Trần Thị Phương Phương, “Chủ nghĩa hiện đại trong văn học Nga”, <i>Tuyển tập Những vấn đề ngữ văn</i>, NXB ĐHQG Tp.HCM, 2015;</p> <p>- Trần Thị Phương Phương, “Chủ nghĩa vị lai trong thơ ca Nga”, <i>Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn – Bình luận văn học</i>, niên san 2015.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thị Phương Phương • Học hàm/ học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: • Email: phuongphuongtt@hcmussh.edu.vn
9	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn học nữ hải ngoại Việt Nam tại Hoa Kỳ (Đề tài ĐHQG 2011)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học nhân văn, văn học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn học nữ, hải ngoại, Hoa Kỳ, Việt Nam
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Giới thiệu những thành tựu chính của văn học hải ngoại Việt Nam tại Hoa Kỳ, đặc biệt là văn học nữ
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp lịch sử xã hội Phương pháp phê bình tiểu sử học Phương pháp phê bình nữ quyền
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu văn học di dân Châu Á tại Hoa Kỳ - Giới thiệu văn học di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ - Giới thiệu các nhà văn nữ di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ

	7. Các khuyến nghị	- Cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn về văn học di dân (hải ngoại)
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	-Văn học hải ngoại là một bộ phận của văn học dân tộc, do đó việc tìm hiểu văn học hải ngoại giúp cho việc nghiên cứu văn học dân tộc, đồng thời cũng có thể ứng dụng trong các nghiên cứu về giới, về xã hội học, quan hệ quốc tế,...
	9. Công bố khoa học	<p>Nghiên cứu này đã được công bố dưới những hình thức nào? (Bài báo tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế, sách, trình bày hội thảo trong nước/ quốc tế, ...):</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Đặc điểm “Đồng sáng tác” và chủ đề “Mẹ và con gái” trong một số tác phẩm văn học di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Văn học</i>, số 4-2015 - " Hiện tượng “đi” và “về” của các nhà văn đương đại Việt Nam”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Văn học</i>, số 6-2014 - Các thế hệ nhà văn di dân và những đóng góp của văn học di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ”, <i>Bình luận Văn học</i> 2014 - “Văn học di dân Việt Nam trong bối cảnh văn học di dân các nước Đông Á tại Hoa Kỳ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu văn học</i>, số 2.2012 - “Giới thiệu các nhà văn nữ Việt Nam viết văn “dòng chính” tại Hoa Kỳ”, sách <i>Những lần ranh văn học</i>, NXB ĐH Sư phạm, 2011
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Lê Hoa Tranh • Học hàm/ học vị: PGS, TS • Nơi công tác: Khoa VH-NN, Trường ĐH KHXH và NV, ĐHQG TP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0908290772 • Email:hoatranhtran@yahoo.com
10	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn học Arab – Truyền thống và hiện đại. (Đề tài cấp Trường năm 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn học nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn học Arab, văn học Islam, văn học Trung Cận Đông
	4. Câu hỏi nghiên cứu	Tiến trình lịch sử văn học Arab

	cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Thành tựu văn học Arab qua các thời kỳ Văn học Arab và các mối quan hệ văn học thế giới
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp phê bình văn hóa lịch sử Phương pháp so sánh Phương pháp thi pháp học
	6. Những phát hiện chính	Khái quát tiến trình lịch sử văn học Arab qua các thời kỳ: tiền Islam, trung đại, cận hiện đại, các thành tựu và các đặc trưng. Các mối liên hệ của văn học Arab với văn học Ba Tư, văn học Andalusia, vai trò cầu nối Đông và Tây của văn học Arab.
	7. Các khuyến nghị	Tiếp tục khảo sát các vấn đề liên quan
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Công bố khoa học	Tài liệu tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy văn học, văn hóa Arab, văn học Trung Cận Đông
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Ngọc Bảo Trâm • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0168.4598.728 • Email: thieumai27@gmail.com

1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2014: Những vấn đề chính tả tiếng Việt hiện nay
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Chính tả, chính sách ngôn ngữ, tiếng Việt, chữ quốc ngữ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 42 Tổng số tác giả/ diễn giả: 42. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 15 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 27

	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Văn hóa văn nghệ Sài Gòn - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	Các bài viết tập trung vào các chủ đề sau: 1/ Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc xây dựng chuẩn mực chính tả tiếng Việt thống nhất. 2/ Hiện trạng chính tả tiếng Việt và một số đề xuất. 3/ Kinh nghiệm từ việc xây dựng chuẩn chính tả ở các quốc gia sử dụng tiếng Anh
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	- Trên cơ sở khảo sát thực trạng chính tả tiếng Việt, các bài viết hướng đến những đề xuất liên quan đến việc xây dựng chuẩn chính tả phù hợp với tình hình sử dụng ngôn ngữ hiện tại. - Các bài viết trong cuốn sách hướng mục tiêu đề xuất ban hành Luật ngôn ngữ (trong đó có những quy định về chuẩn chính tả)
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc biên soạn giáo trình dạy tiếng Việt thực hành trong nhà trường. - Là tài liệu tham khảo dành cho các biên tập viên trong các tòa soạn, nhà xuất bản.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Giang • Email: doanlegiangussh@gmail.com
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Giáo sư- nhà ngữ học Lê Ngọc Trụ: cuộc đời và sự nghiệp
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Lê Ngọc Trụ, từ điển, chánh tả,
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 07 Tổng số tác giả/ diễn giả: 07. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 06 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 01
	5. Mục lục, NXB, năm XB	Lưu hành nội bộ

	6. Các chủ đề chính	Các bài viết tập trung vào các chủ đề sau: 1. Cuộc đời và sự nghiệp của GS. Lê Ngọc Trụ; 2. Đánh giá những đóng góp của GS. Lê Ngọc Trụ trong lĩnh vực biên soạn từ điển
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Cung cấp thêm tư liệu về một cựu giảng viên của Đại học Văn Khoa Sài Gòn, hướng đến kỷ niệm 60 năm thành lập Trường. - Các.tham luận cung cấp thêm các thông tin hữu ích cho việc giảng dạy chuyên đề Từ điển học cho sinh viên Ngôn ngữ học.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Giang • Email: doanlegiangussh@gmail.com
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Chữ Quốc ngữ: sự hình thành, phát triển và đóng góp vào văn hóa Việt Nam.
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếng Việt, chữ Quốc ngữ, chính tả, Alexandre Rhodes, văn học quốc ngữ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 76 Tổng số tác giả/ diễn giả: 76. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 16 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 60
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG Tp.HCM - Năm xuất bản: 12/2016
	6. Các chủ đề chính	Các bài viết tập trung vào các chủ đề chính sau: 1/ Tổng kết và bổ sung những nghiên cứu mới về lịch sử hình thành và phát triển của chữ Quốc ngữ trong suốt 400 năm qua; 2/ Hiện trạng chính tả tiếng Việt và một số đề xuất; 3/ Những đóng góp của chữ Quốc ngữ trong các lĩnh vực báo chí, văn học, văn hóa;

		4/ Chữ Quốc ngữ và vấn đề Latin hóa chữ viết ở một số quốc gia châu Á.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	Trên cơ sở những nghiên cứu về lịch sử và tiến trình phát triển của chữ Quốc ngữ, các nhà khoa học đã chỉ ra những cơ sở khoa học và thực tiễn của việc xây dựng chuẩn chính tả tiếng Việt sao cho vừa đảm bảo việc giữ gìn bản sắc và sự trong sáng của tiếng Việt vừa phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Là tư liệu tham khảo hữu ích cho những nhà nghiên cứu lịch sử chữ viết, lịch sử tiếng Việt. - Là tài liệu giảng dạy môn Lịch sử chữ viết cho sinh viên ngành Ngôn ngữ học.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Văn học và Ngôn ngữ • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Giang • Email: doanlegiangussh@gmail.com
4	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Tọa đàm sách “ Logich - ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt ”- mừng sinh nhật lần thứ 80 của GS.TS. Nguyễn Đức Dân
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nguyễn Đức Dân, từ hư, logich, ngữ nghĩa
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 04 Tổng số tác giả/ diễn giả: 04. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 03 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 01
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: 1. TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh: Bài giới thiệu thân thế sự nghiệp của GS.TS. Nguyễn Đức Dân 2. PGS.TS. Dư Ngọc Ngân: Bài giới thiệu về cuốn sách 3. TS. Nguyễn Hoàng Trung: Bài nhận xét về cuốn sách 4. TS. Nguyễn Hữu Chương: Bài phân tích về cuốn sách Sách “ Logich - ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt” (do Bộ môn Ngôn ngữ học tổ chức ấn hành) - Nhà xuất bản: Trẻ

	- Năm xuất bản: 2016
6. Các chủ đề chính	Các tham luận tập trung vào chủ đề giới thiệu về thân thế, sự nghiệp và cuốn sách của GS.TS. Nguyễn Đức Dân
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Cung cấp thêm tư liệu về một cựu giảng viên của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, hướng đến kỷ niệm 60 năm thành lập Trường.</p> <p>- Các tham luận cung cấp thêm các thông tin hữu ích cho việc giảng dạy chuyên đề Logich- ngữ nghĩa tiếng Việt cho sinh viên, học viên cao học ngành Ngôn ngữ học.</p>
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Khoa Văn học và Ngôn ngữ• Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Giang• Email: doanlegiangussh@gmail.com

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Việt Nam học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Ngữ pháp – ngữ nghĩa vị từ nói năng tiếng Việt (Nxb ĐHQG Tp.HCM, 2011)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	ngữ pháp, ngữ nghĩa, vị từ nói năng
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	
	5. Phương pháp nghiên cứu	Miêu tả ngữ pháp theo hướng chức năng.
	6. Những phát hiện chính	Phát hiện được cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa của vị từ nói năng tiếng Việt
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Có thể dùng làm tài liệu cho sinh viên ngành ngữ học
	9. Công bố khoa học	<i>Ngữ pháp – ngữ nghĩa vị từ nói năng tiếng Việt</i> , Nxb ĐHQG Tp.HCM, 2011.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Văn Phở • Học hàm/ học vị: TS • Nơi công tác: Trường ĐHKHXH&NV – Đại học Quốc gia tp.HCM • Địa chỉ: Khoa VNH • Số điện thoại: 0902.420.419 • Email: nguyen_vanpho@yahoo.com
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Phân tích ngữ nghĩa – ngữ pháp một số hiện tượng gần nghĩa tiếng Việt (Nxb ĐHQG Tp.HCM, 2016)

2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học
3. Từ khóa tìm kiếm	ngữ pháp, ngữ nghĩa, gần nghĩa, đồng nghĩa
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Các từ ngữ có sở biểu gần nhau có thể thay thế cho nhau trong những bối cảnh ngữ pháp nào? Có sự khác biệt nào về ngữ nghĩa và ngữ dụng ở trong cùng những bối cảnh như vậy?</p> <p>- Các từ ngữ có sở biểu gần nhau được phân biệt với nhau bằng những dấu hiệu ngữ pháp gì trong phát ngôn? Những dấu hiệu đó có biểu hiện ngữ nghĩa và ngữ dụng gì? Có mang tính ràng buộc và hệ thống không? Liệu có thể phản ánh quy tắc hành chức của ngôn ngữ không?</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	Miêu tả ngữ pháp theo hướng chức năng.
6. Những phát hiện chính	Sự tương tác của vị từ và các danh ngữ chung quanh nó là cơ sở làm nên ngữ nghĩa của câu. Trong đó, cấu trúc tham tổ của vị từ, đặc trưng ngữ pháp của danh ngữ (liên quan đến số, tính xác định), sự có mặt của giới từ, phó từ, v.v. là những vấn đề cốt lõi. Ngoài ra, cũng cần phải tính đến cách tri nhận của người bản ngữ về đối tượng hoặc hiện tượng mà họ tiếp cận.
7. Các khuyến nghị	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Có thể làm tài liệu bồi dưỡng hoặc tham khảo bổ ích cho giáo viên dạy tiếng và sinh viên ngành ngữ học.
9. Công bố khoa học	<p>- “Có...đâu” và “Không...đâu”, <i>Tạp chí Ngôn ngữ</i>, số 4/2013, H.</p> <p>- “Về hai từ: thậm chí và ngay cả”, <i>Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư</i>, số 4(24), 7/2013, H.</p> <p>- “Ngữ pháp, ngữ nghĩa của chú ý, để ý, lưu ý”, <i>Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống</i>, số 12/2013, H.</p> <p>- “Ngữ pháp và ngữ nghĩa của một ít, một chút, một số, một vài”, <i>Tạp chí Ngôn ngữ</i>, số 1/2015, H.</p> <p>- “Ngữ pháp, ngữ nghĩa của thôi, ngừng”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ</i>, số 18, X2/2015</p> <p>- “Ngữ pháp, ngữ nghĩa của thay, thế, đổi”, <i>Giảng dạy, nghiên cứu VNH và tiếng Việt - những vấn đề lý thuyết và thực tiễn</i>, Nxb ĐHQG TpHCM, 2016.</p> <p>- “Hãy...! và ...đi!”, <i>Giảng dạy và nghiên cứu VNH và tiếng Việt</i>,</p>

		Nxb ĐHQG TpHCM, 2016.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Văn Phở • Học hàm/ học vị: TS • Nơi công tác: Trường ĐHKHXH&NV – Đại học Quốc gia tp.HCM • Địa chỉ: Khoa VNH • Số điện thoại: 0902.420.419 • Email: nguyen_vanpho@yahoo.com
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đời sống tín ngưỡng của cư dân Việt ở đảo Lý Sơn - Quảng Ngãi (Đề tài cấp Trường 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tín ngưỡng, Cư dân Việt, đảo Lý Sơn
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa, Tục thờ cúng Âm hồn ở Âm linh tự.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp liên ngành, phân tích, tổng hợp, so sánh.
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng thờ cúng Cá Ông ở Lý Sơn có danh xưng, tên họ mà nơi khác không có. - Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa là cách thể hiện sự tri ân báo ân của người Việt ở Lý Sơn với những bậc tiền nhân đã từng đi cắm mốc chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa. - Tục thờ cúng Âm hồn là sự thể hiện của con người khi sống ở một nơi gặp nhiều bất trắc, rủi ro nên phải tin vào những đấng thần linh, để mong sự độ trì phù hộ.
	7. Các khuyến nghị	- Tiếp tục duy trì và phát huy những giá trị tốt đẹp của những tín ngưỡng này.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Về Lễ hội Khao lễ thể lính Hoàng Sa không chỉ thể hiện tại một khu vực ở huyện đảo Lý Sơn mà còn tái hiện lại ở nhiều nơi trên đất nước ta. - Hiện nay lễ hội này được cả nước biết đến

	9. Công bố khoa học	
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phan Thái Bình • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: ĐHKHXHVNV, ĐHQGTPHCM • Địa chỉ: 12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918879390 • Email: phanthaibinh80@yahoo.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Những vấn đề kinh tế - văn hóa – xã hội của cư dân vùng biển Nam Bộ.</p> <p>(Đề tài ĐHQG 2011)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học biển (maritime anthropology), Văn hóa biển
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nhân học biển, Văn hóa biển, Kinh tế biển, Văn hóa- xã hội cư dân vùng biển, Phát triển bền vững.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Câu hỏi nghiên cứu: Phải chăng Nam Bộ chỉ phát triển mạnh về nông nghiệp còn ngư nghiệp không có vai trò quan trọng bằng nông nghiệp? hay là ngư nghiệp tại 9 tỉnh, thành có biển tại Nam Bộ đóng vai trò quan trọng về mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa?</p> <p>- Nội dung nghiên cứu chính của đề tài: Nhiệm vụ của ngành Nhân học biển là tìm hiểu mối quan hệ giữa môi trường biển và hoạt động sinh tồn của cư dân để có cơ sở đề ra chính sách hướng đến sự phát triển bền vững cho ngư dân và cư dân địa phương, Một yếu tố mang tính nguyên tắc cho sự phát triển bền vững của nghề biển hiện nay là vấn đề nhận thức về môi trường sinh thái. Theo đó cần có những chính sách quản lý và biện pháp thực hiện quản lý tài nguyên biển để đảm bảo sự tái tạo của môi trường và đảm bảo môi trường sinh sống bền vững cho con người.</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp quan sát tham dự. - Phương pháp phỏng vấn sâu. - Nghiên cứu định tính. - Nghiên cứu định lượng.
	6. Những phát hiện chính	- Vấn đề cơ sở lý luận, đặc biệt là hướng tiếp cận sinh thái văn hóa (cultural ecology) và phương pháp nghiên cứu về biển...

		<p>- Vai trò quan trọng của biển và ngư nghiệp thuộc 9 tỉnh, thành tại Nam Bộ về mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa.</p> <p>- Những khía cạnh văn học, nghệ thuật, hội họa về biển Nam Bộ.</p> <p>- Vấn đề di sản văn hóa biển tại vùng biển Nam Bộ,</p>
7. Các khuyến nghị		<p>- Cần quan tâm vấn đề ngư nghiệp và đời sống của các cộng đồng ngư dân và cư dân vùng biển, đảo ở Nam Bộ thay vì chỉ quan tâm đến nông nghiệp ở Nam Bộ như trước đây.</p> <p>- Cần cấp thiết quan tâm đến vấn đề bảo vệ di sản văn hóa biển, thành lập Bảo tàng về biển cấp khu vực.</p> <p>- Dưới góc độ Nhân học biển cần nghiên cứu quyền sở hữu về biển của cư dân vùng biển, đảo, vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên biển, bảo vệ ngư trường và vấn đề tôn trọng luật pháp về biển Việt Nam và luật biển quốc tế.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>- Phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy bậc đại học và sau đại học.</p> <p>- Phục vụ cho các cơ quan chức năng tại 9 tỉnh, thành có biển tại Nam Bộ nói riêng và các tỉnh, thành ở vùng biển ở Việt Nam nói chung.</p>
9. Công bố khoa học		<p>Nghiên cứu này đã được công bố dưới những hình thức như:</p> <p>1. Sách chuyên khảo:</p> <p>Phan Thị Yến Tuyết, <i>Đời sống xã hội - kinh tế - văn hoá của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ</i>, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2014 [ISBN]</p> <p>2. Bài tạp chí:</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Cộng đồng người Hoa Hải Nam ở vùng đất Hà Tiên xưa”, <i>Tạp chí Khoa học Xã hội</i>, Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ, 2011.</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Tâm thức ứng xử với biển của người Khmer Nam Bộ qua lễ hội Phước biển (chrôi rumchek) - Tiếp cận sinh thái văn hoá”, <i>Tạp chí Khoa học xã hội</i>, số 4 (164), 2012.</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Kinh tế - văn hoá - xã hội ở vùng biển Nam Bộ và vấn đề phát triển bền vững”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TP. HCM, Tập 16, X3 - 2013</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Những loại hình kinh tế biển, đảo và tiềm năng kinh tế tại vùng biển Nam Bộ, Việt Nam – tiếp cận sinh thái văn hóa (cultural ecology)”, <i>Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TP. HCM, Tập 16, X3 - 2013</p>

	<p><i>nghệ</i>, Đại học Quốc gia TP. HCM, X2- 2015.</p> <p>3. Bài hội thảo quốc tế và hội thảo trong nước:</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Du lịch biển đảo trong cộng đồng cư dân Nam Bộ”, Hội thảo <i>Du lịch biển, đảo và phát triển bền vững của Khoa Địa lý</i>, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. HCM, tháng 11- 2011.</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Đô thị hóa vùng biển Nam Bộ” (Trường hợp thị trấn Sông Đốc, xã Bình An, Kiên Giang, xã An Thủy, Bến Tre), Hội thảo <i>Tác động của quá trình đô thị hóa đến khu vực nông thôn vùng Nam Bộ</i> do Trường ĐH KHXH& NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, kết hợp với Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ tổ chức vào tháng 9 năm 2011, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2012 [ISBN]</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Kinh tế - văn hoá - xã hội ở vùng biển Nam Bộ và vấn đề phát triển bền vững”, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần 4 tại Hà Nội <i>Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững</i>, 11-2012.[ISBN]</p> <p>-Phan Thị Yến Tuyết, “Những loại hình kinh tế biển, đảo và tiềm năng kinh tế tại vùng biển Nam Bộ, Việt Nam - Tiếp cận sinh thái văn hóa (cultural ecology)”, Hội thảo quốc tế: <i>Hợp tác Biển Đông: Tiềm năng, thực trạng và triển vọng</i>, tổ chức tại Đà Nẵng, 2015.</p> <p>- Phan Thị yến Tuyết, <i>Nghiên cứu văn hóa biển trong ngành Việt Nam học</i>, Hội thảo Quốc tế, Khoa Việt Nam học tại Bình Châu, BRVT, 2016..[ISBN]</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, “Nhân học biển - Tiếp cận phương pháp nghiên cứu lời kể và dòng chảy cuộc đời tại vùng biển Trung và Nam Bộ”. Kỷ yếu Hội thảo <i>Văn hóa dân gian với vấn đề biển đảo</i>, do Hội văn nghệ dân gian Việt Nam tổ chức tại Quảng Ngãi, 2016.</p> <p>- Phan Thị Yến Tuyết, <i>Làng chài Công giáo ở vùng duyên hải thị xã La Gi: nét văn hoá biển độc đáo</i>, Kỷ yếu Hội thảo liên khoa, Khoa Việt Nam học, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. HCM, 2016.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Phan Thị Yến Tuyết • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH&NV TP. HCM • Địa chỉ: 133 Nguyễn Du, Q.1. TP. HCM • Số điện thoại: 0918327451

		• Email: pytuyet@yahoo.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Giới thiệu Văn học Việt Nam cho người nước ngoài (Đề tài cấp Trường 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học Nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn học Việt Nam, người nước ngoài, văn học dân gian, văn học trung đại, lịch sử văn học
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Đề tài tập trung giới thiệu các nội dung sau: Phần 1: Văn học Việt Nam – Những vấn đề chung Phần 2: Văn học dân gian Việt Nam Phần 3: Văn học trung đại Việt Nam (từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX) Phần 4: Niên biểu tác giả và tác phẩm Văn học trung đại
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp nghiên cứu lịch sử - Phương pháp thống kê - Phương pháp so sánh
	6. Những phát hiện chính	Phát hiện và giới thiệu sự tương đồng với văn học của các quốc gia trong khu vực.
	7. Các khuyến nghị	- Xuất bản làm tài liệu tham khảo cho giáo viên và sinh viên. - Lập nhóm nghiên cứu, tiếp tục giới thiệu VHVN cho sinh viên nước ngoài, từ đầu thế kỷ XX đến nay.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Là tài liệu tham khảo rất cần thiết cho GV và SV các khoa Việt Nam học có đào tạo bậc Cử nhân và Sau đại học cho người nước ngoài; các trung tâm giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học cho người nước ngoài ; các cơ quan và cá nhân quan tâm tìm hiểu văn học Việt Nam.
	9. Công bố khoa học	Trần Thị Mai Nhân, “Phát huy hiệu quả của phương pháp thuyết trình - thảo luận nhóm trong giảng dạy Văn học Việt Nam cho sinh viên nước ngoài”, <i>Tạp chí PTKH&CN - ĐHQG TPHCM</i> , tập 16, X3, tháng 11/ 2013.
	10. Liên lạc	• Họ tên: Trần Thị Mai Nhân • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ

		<ul style="list-style-type: none"> • Nơi công tác: Khoa Việt Nam học • Địa chỉ: B2-6-16, Cao ốc Dream Home 1, Đường số 59, P.14, Q.Gò Vấp • Số điện thoại: 0963 463 890 • Email: tranmainhan.vns@gmail.com
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2011: Việt Nam học và tiếng Việt – Các hướng tiếp cận
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 47 Tổng số tác giả/ diễn giả: 55. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 34 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 21
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Khoa học Xã hội - Năm xuất bản: 2011
	6. Các chủ đề chính	- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekha@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài

	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 22 Tổng số tác giả/ diễn giả: 26. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 26 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 0
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekxac@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Những thay đổi và thách thức trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 17 Tổng số tác giả/ diễn giả: 20. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 2 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 15
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG-HCM - Năm xuất bản: 2012
	6. Các chủ đề chính	- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học

	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekha@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 44</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 44. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 18 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 26
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Khoa học Xã hội - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekha@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Tuyển tập Việt Nam học

	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 51 Tổng số tác giả/ diễn giả: 58. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 58 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 0
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG-HCM - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekha@hcmussh.edu.vn
6	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt: những vấn đề lý luận và thực tiễn
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 48 Tổng số tác giả/ diễn giả: 54. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 21 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 33
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG-HCM - Năm xuất bản: 2016

	6. Các chủ đề chính	- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekxac@hcmussh.edu.vn
7	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt: những vấn đề lý thuyết và thực tiễn
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam học, Việt ngữ học, tiếng Việt cho người nước ngoài
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 96 Tổng số tác giả/ diễn giả: 106. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 39 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 57
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: ĐHQG-HCM - Năm xuất bản: 2016
	6. Các chủ đề chính	- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - Việt Nam học và Việt ngữ học
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Trong giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Khoa Việt Nam học • Trưởng đơn vị: PGS. TS. Lê Khắc Cường • Email: cuonglekxac@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Xã hội học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Những vấn đề giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực ở Trà Vinh hiện nay từ góc độ hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông (Đề tài Tỉnh/Thành 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Định hướng nghề nghiệp
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nguồn nhân lực, định hướng nghề nghiệp
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Thứ nhất đề tài tập trung tìm hiểu thực trạng hướng nghiệp tại nhà trường - Thứ hai đề tài phân tích và lý giải các yếu tố tác động đến thực trạng hướng nghiệp Cuối cùng đề tài tập trung đánh giá tác động của chính sách lên hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh để từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể
	5. Phương pháp nghiên cứu	Định lượng và định tính
	6. Những phát hiện chính	- Tỉnh Trà Vinh có khá nhiều tiềm năng, cơ hội như lực lượng lao động dồi dào, sự quan tâm đầu tư của địa phương một cách thỏa đáng về cơ sở đào tạo - Quá trình thực hiện chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tỉnh còn một số thách thức - Công tác hướng nghiệp chưa thực sự hiệu quả và chưa có cơ chế phối hợp tốt
	7. Các khuyến nghị	- Đầu tư cơ sở vật chất cho công tác hướng nghiệp. - Tăng cường cơ chế phối hợp
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Công bố khoa học	Thực trạng hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông trung học ở Trà Vinh, <i>Tạp chí thông tin Khoa học và Công nghệ</i> , số 1 (016/2016)

	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thị Hồng Xoan • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Xã hội học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 01662233800 • Email: xoannguyen@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thực trạng và giải pháp đảm bảo an sinh xã hội hướng đến phát triển bền vững tại tỉnh Cà Mau (Đề tài Tỉnh/Thành 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	An sinh xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	An sinh, chính sách, bảo hiểm xã hội
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích điều kiện, thách thức để phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Cà Mau. - Phân tích, đánh giá thực trạng thực thi chính sách an sinh xã hội ở Cà Mau, dựa trên cơ sở các chính sách của Đảng và Nhà nước, tổ chức hệ thống quản lí, đặc điểm vùng miền, từ đó nhận diện những thuận lợi, khó khăn, ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân. - Phân tích, dự báo xu hướng vận động, các yếu tố thúc đẩy, cản trở đảm bảo an sinh xã hội tại tỉnh. Qua đó xây dựng mô hình và đề xuất hệ thống giải pháp, kiến nghị nhằm đảm bảo an sinh xã hội theo hướng phát triển bền vững tại tỉnh Cà Mau.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Định lượng và định tính
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Về công tác CSSK cho người dân thông qua BHYT nhằm đảm bảo ASXH luôn được tỉnh chú trọng thực hiện và đạt được những kết quả đáng khích lệ. - Mức độ quan tâm quỹ BHYT của người dân là khá cao. - Chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh đối với bệnh nhân cũng được đánh giá khá cao, đáp ứng cũng như thỏa mãn nhu cầu CSSK của người dân địa phương. - Cần khắc phục những hạn chế, tồn tại, khó khăn trong việc thực hiện BHYT

	7. Các khuyến nghị	<p>- Cần giảm dần các chính sách hỗ trợ trực tiếp theo kiểu cho không, tăng các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đào tạo, dạy nghề hướng nghiệp</p> <p>- Tăng cường thu hút sự tham gia của nông dân vào an sinh xã hội theo nguyên tắc đóng - hưởng</p> <p>- Đối với an sinh xã hội không dựa vào đóng góp đối với nông dân</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Công bố khoa học	Di cư - việc làm và gia đình tại hai xã Trí Lực và Trí Hải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, <i>Tập san Khoa học và Kỹ thuật Đại học Bình Dương</i>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thị Hồng Xoan • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Xã hội học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 01662233800 • Email: xoanguyen@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Những vấn đề giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực ở Trà Vinh hiện nay từ góc độ hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông (Đề tài Tỉnh/Thành 2013)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Định hướng nghề nghiệp
	3. Từ khóa tìm kiếm	Nguồn nhân lực, định hướng nghề nghiệp
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Thứ nhất đề tài tập trung tìm hiểu thực trạng hướng nghiệp tại nhà trường</p> <p>- Thứ hai đề tài phân tích và lý giải các yếu tố tác động đến thực trạng hướng nghiệp Cuối cùng đề tài tập trung đánh giá tác động của chính sách lên hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh để từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	Định lượng và định tính

	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh Trà Vinh có khá nhiều tiềm năng, cơ hội như lực lượng lao động dồi dào, sự quan tâm đầu tư của địa phương một cách thỏa đáng về cơ sở đào tạo - Quá trình thực hiện chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tỉnh còn một số thách thức - Công tác hướng nghiệp chưa thực sự hiệu quả và chưa có cơ chế phối hợp tốt
	7. Các khuyến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư cơ sở vật chất cho công tác hướng nghiệp. - Tăng cường cơ chế phối hợp
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Công bố khoa học	“Thực trạng hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông trung học ở Trà Vinh”, <i>Tạp chí thông tin Khoa học và Công nghệ</i> , số 1 (016/2016)
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Thị Hồng Xoan • Học hàm/ học vị: PGS.TS • Nơi công tác: Khoa Xã hội học • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 01662233800 • Email: xoannguyen@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Di dân trẻ tại thành phố Hồ Chí Minh- chuyên khảo
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Di dân và đô thị hóa
	3. Từ khóa tìm kiếm	Di dân, đô thị hóa
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 6 chương</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 1. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 1 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường:
	5. Mục lục, NXB,	- Mục lục: Đã gửi kèm mục lục

	năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học quốc gia - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	Đô thị hóa, động cơ di chuyển, hòa nhập về đời sống Chi tiết: giới, di cư, tái sản xuất và phúc lợi trong quá trình chuyển đổi, điều kiện sống và việc làm của người di cư, khủng hoảng kinh tế toàn cầu
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sách tham khảo
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Xã hội học • Trưởng đơn vị: Nguyễn Thị Hồng Xoan • Email: xoanguyen@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Giới và di dân – tầm nhìn Châu Á
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Xã hội học về giới
	3. Từ khóa tìm kiếm	Di dân, giới
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết /trình bày: 8 Tổng số tác giả/ diễn giả: 10. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 2 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 8
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học quốc gia - Năm xuất bản: 2013
	6. Các chủ đề chính	Giới di cư, di cư và tái sản xuất, điều kiện sống của người di cư.
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Khoa Xã hội học • Trưởng đơn vị: Nguyễn Thị Hồng Xoan • Email: xoanguyen@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Khoa Triết học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại , 212 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày đặc điểm, tiền đề hình thành và sự phát triển những tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOǺN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŪT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đĩnh Tiên Hoàng, Q1
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử triết học Trung Quốc, tập 1 , 558 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày quá trình phát sinh, phát triển của triết học Trung Quốc từ giai đoạn Thương, Chu đến giai đoạn Xuân thu – Chiến quốc
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOǺN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŪT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đĩnh Tiên Hoàng, Q1
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Triết học, tập 1 (Dùng cho NCS, HVCH không chuyên ngành Triết), 343 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày đại cương lịch sử triết học trước Mác
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOǺN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŪT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đĩnh Tiên Hoàng, Q1
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Giải thích các danh từ triết học sử Trung Quốc , 216 trang

	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Giải thích các thuật ngữ triết học Trung Quốc với những quan điểm về nhân sinh, vũ trụ, đạo đức, luân lý, chính trị, xã hội, các triết gia, các trào lưu tư tưởng, các kinh sách triết học chủ yếu từ thời cổ đại đến thời kỳ trung, cận đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kinh Dịch tân giải , 314 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Chú giải một cách khái quát, rõ ràng các phần của kinh Dịch; đưa ra những lý giải mới, nhất là các phần “Giải đề”, “Hệ từ truyện thượng và hạ”
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
6	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tuyển tập triết học Trung Quốc cổ đại , 571 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khái quát về triết học Trung Quốc cổ đại cũng như trình bày các trường phái triết học, các triết gia tiêu biểu thời kỳ này cũng như ý nghĩa lịch sử của nó
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
7	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đại cương lịch sử triết học phương Đông cổ đại , 169 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày sự phát sinh, phát triển của các tư tưởng triết học như: Ai Cập, Babylon cổ đại, Ấn Độ cổ đại và lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS.

		<ul style="list-style-type: none"> Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
8	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới , 140 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị ở Ấn Độ cổ đại và Trung Quốc cổ đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
9	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử triết học, tập 1: Triết học cổ đại , 993 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày: - lịch sử triết học phương Đông cổ đại: Ấn Độ cổ đại, Trung Quốc cổ đại; - lịch sử triết học phương Tây cổ đại: Hy Lạp thời kỳ sơ khai, thời Hy Lạp – La Mã
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
10	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đại cương lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam , 224 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày các tư tưởng triết học Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1858
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
11	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX , 435 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu	Trình bày những tư tưởng tiêu biểu giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua những nhà tư tưởng tiêu biểu, thực chất và ý nghĩa

	cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	lịch sử
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
12	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kinh văn của các trường phát triết học Ấn Độ, 623 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày tư tưởng triết lý tôn giáo Ấn Độ thời kỳ Anh hùng ca và thời kỳ Phật giáo, Bàlamôn giáo
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
13	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Pháp trị của Pháp gia với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, 206 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày cơ sở xã hội, tiền đề hình thành và nội dung tư tưởng Pháp trị của Pháp gia và sự vận dụng tư tưởng pháp trị vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
14	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua các nhân vật tiêu biểu, 326 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày - những tiền đề hình thành quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX - nội dung và đặc điểm tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS.

		<ul style="list-style-type: none"> Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
15	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Triết học Trung cổ Tây Âu , 357 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày: - Điều kiện hình thành, phát triển của triết học Trung cổ Tây Âu và nội dung tư tưởng của triết học các giáo phụ. - Triết học kinh viện Trung cổ từ thời kỳ sơ khai, hưng thịnh đến suy vong
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
16	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Việt Nam thời Lý – Trần , 474 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Phân tích tinh thần độc lập, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết chống giặc ngoại xâm thời kỳ Lý – Trần; đi sâu nghiên cứu tư tưởng của những nhân vật lịch sử nổi bật, tiêu biểu thời kỳ này
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
17	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng giải thoát trong triết học Ấn Độ , 202 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày khái quát quá trình hình thành và phát triển, căn nguyên và nội dung của các tư tưởng giải thoát trong triết học Ấn Độ
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
18	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại , 371 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu	Trình bày tiền đề hình thành, phát triển và quá trình hình thành, phát

	cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	triển của triết học tôn giáo Ấn Độ cổ đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
19	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc , 591 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày nội dung và đặc các tư tưởng triết học Trung Quốc từ thời Thương – Chu đến thời kỳ trung, cận đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
20	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX , 523 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày đặc điểm tư tưởng triết học từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX qua một số nhân vật tiêu biểu thời kỳ này
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
21	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vấn đề Chủ nghĩa xã hội khoa học trong tác phẩm của C.Mác – Ph. Ăngghen – V.I. Lênin , 699 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Phân tích những vấn đề chủ nghĩa xã hội khoa học trong tác của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin: hoàn cảnh lịch sử, quá trình phát triển
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn

		<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
22	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Veda - Upanishad – Những bộ kinh triết lý tôn giáo cổ Ấn Độ , 727 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày khái quát niên đại, nguồn gốc, kết cấu, nội dung cơ bản cũng như toàn bộ nội dung của bộ kinh Veda – Upanishad
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
23	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lối sống và tư duy của cộng đồng người Việt vùng Đông Nam bộ trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế , 735 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày thực trạng tư duy của cộng đồng người Việt vùng Đông Nam bộ; các nhóm giải pháp phát triển tư duy, hoàn thiện lối sống cho người Việt vùng Đông Nam bộ; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam mang đặc trưng Đông Nam bộ
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
24	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Từ điển triết học Trung Quốc , 951 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tập trung giải thích nội dung tư tưởng của các trào lưu triết học, các triết gia, các tác phẩm, các quan điểm tư tưởng qua các hệ thống thuật ngữ, khái niệm, phạm trù triết học Trung Quốc từ cổ đại đến cận, hiện đại qua các văn bản cổ có tính chất kinh điển
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
25	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vấn đề triết học trong tác phẩm của C.Mác – Ph. Ăngghen – V.I. Lênin , 623 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày quá trình ra đời, nội dung chính và ý nghĩa lịch sử của từng tác phẩm thể hiện rõ quan điểm triết học hiện đại của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin – phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
26	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến đầu thế kỷ XX , 1051 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày một cách hệ thống và cơ bản lịch sử tư tưởng Việt Nam qua 5 thời kỳ gắn với điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa dân tộc
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
27	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử triết học phương Đông , 1367 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày tiền đề hình thành, phát triển của tư tưởng triết học Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam; phân tích nội dung tư tưởng của các nhà triết học, các trào lưu triết học trên mặt bản thể luận, nhận thức luận, đạo đức nhân sinh, chính trị - xã hội
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
28	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Nguyễn Trãi , 279 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày, phân tích cơ sở xã hội và tiền đề lý luận hình thành tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi; nội dung, đặc điểm và giá trị lịch sử trong tư tưởng triết học của ông
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
29	1. Tên nhiệm vụ	Tư tưởng Phan Bội Châu về con người , 382 trang

	KHCN	
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày: -Điều kiện, tiền đề hình thành - Quá trình hình thành, phát triển, nội dung chủ yếu, hạn chế và ý nghĩa lịch sử trong tư tưởng của Phan Bội Châu về con người
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRỊNH DOÃN CHÍNH • Học hàm/ học vị: PGS. NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
30	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng triết học của Đặng Huy Trứ , 179 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Đặng Huy Trứ là ngọn cờ đầu trong phong trào duy tân giải phóng dân tộc, là “một trong những người trồng cái mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam”. Nội dung tư tưởng của ông khá phong phú, đặc sắc trên nhiều khía cạnh từ kinh tế, quân sự, giáo dục, đạo đức con người, đến những vấn đề về bản thể, tín ngưỡng tôn giáo... Nhưng có thể thấy rằng nội dung cốt lõi trong toàn bộ các quan điểm của ông là tư tưởng tự cường, tự trị để đánh đuổi kẻ thù giải phóng đất nước, giải phóng con người Việt Nam
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: CAO XUÂN LONG • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
31	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thế chế chính trị một số nước ASEAN , 162 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Cuốn sách trình bày một cách hệ thống thế chế chính trị của sáu nước thành viên khối ASEAN. Đây là cuốn sách tham khảo cần thiết đối với việc giảng dạy và học tập về môn học Các thể chế chính trị.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
32	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thế chế chính trị các nước ASEAN , 374 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu	ASEAN là một tổ chức có vị thế địa chính trị - kinh tế quan trọng,

	cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	có tiềm năng to lớn và các điều kiện thuận lợi để tăng cường hợp tác và ngày càng trở thành nhân tố không thể thiếu đối với hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực. Cuốn sách trình bày những vấn đề cơ bản thể chế chính trị các nước thành viên khối ASEAN.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
33	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nhập môn khoa học chính trị , 245 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trên cơ sở nghiên cứu các trào lưu Chính trị học ở Nga và Cộng hòa Pháp (qua cuốn “Nhập môn Chính trị học” do Ga-đơ-ru-ép chủ biên, Nxb. Giáo dục, Mát-xcơ-va, 1994 và cuốn “Luật Hiến pháp và Chính trị học” của Becna Săngtobu, Paris, 1994), tác giả trình bày những vấn đề cơ bản nhất của Chính trị học hiện đại.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
34	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đường vào Australia
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày những vấn đề chủ yếu của luật pháp và thể chế chính trị của Australia.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
35	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật , 111 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Cuốn sách giới thiệu cơ sở hình thành, nội dung cơ bản và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội, nhất là việc cải cách hệ thống hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp ở nước ta trong thời kỳ mới – thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
36	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, 182 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Cuốn sách khẳng định những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, trên cơ sở đó vận dụng vào việc nghiên cứu hoàn thiện tổ chức và hoạt động của nhà nước ta hiện nay theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
37	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Giáo dục cách mạng Nam Bộ thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975), 199 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tác giả đã trình bày bức tranh toàn diện về giáo dục miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Nội dung chính là : bối cảnh lịch sử , những thành tựu và hạn chế, ý nghĩa và bài học lịch sử
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
38	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nội dung nêu những mô hình tiên tiến nhằm góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TẾ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1

39	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tài liệu giảng dạy Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và đào tạo)
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN XUÂN TÊ • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
40	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đại cương LSTH phương Tây
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khái quát và đánh giá lịch sử triết học phương Tây từ cổ đại đến thế kỷ XX. Cuốn sách được dùng làm giáo trình cho sinh viên không chuyên ngành Triết học
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐINH NGỌC THẠCH • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
41	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Triết học cổ điển Đức
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày, đánh giá nội dung triết học cổ điển Đức với các đại biểu Kant, Fichte, Schelling, Hegel, Feuerbach. Cuốn sách được sử dụng trong quá trình giảng dạy môn Triết học cổ điển Đức dành cho sinh viên Khóa Triết học
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐINH NGỌC THẠCH • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
42	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Các con đường của triết học phương Tây hiện đại
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trên cơ sở cuốn sách của J. Melvil, các tác giả đã biên dịch, đưa thêm một số nội dung, phân tích nội dung, thực chất các khuynh hướng của triết học phương Tây thế kỷ XX, ảnh hưởng của chúng đến đời sống xã hội tại các nước phương Tây, sự hiện diện của một số trào lưu tư tưởng tại Việt Nam

	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐINH NGỌC THẠCH • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
43	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Triết học Hy Lạp cổ đại
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày, đánh giá quá trình hình thành, sự phân kỳ, các chủ đề, các trường phái và triết gia Hy Lạp tiêu biểu, ý nghĩa của triết học Hy Lạp đối với phát triển tư tưởng triết học phương Tây. Cuốn sách được dùng làm sách chuyên khảo cho sinh viên chuyên ngành triết học
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐINH NGỌC THẠCH • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
44	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Giáo trình lịch sử các học thuyết chính trị
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày khái quát, đánh giá quá trình hình thành, phát triển các học thuyết chính trị tại một số nước phương Đông, phương Tây cổ, trung, cận, hiện đại, và Việt Nam (từ thời sơ khai đến cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX).
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐINH NGỌC THẠCH • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
45	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đảng vận động trí thức trong đấu tranh giải phóng dân tộc từ năm 1930 đến năm 1945, 180 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu hệ thống quan điểm, chủ trương của Đảng và Nguyễn Ái Quốc về trí thức và công tác vận động tuyên truyền ở Việt Nam. Quá trình Đảng vận động trí thức thời kỳ 1930 – 1945
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐẶNG MINH PHƯƠNG • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1

46	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Bộ câu hỏi hướng dẫn ôn tập và trả lời môn tư tưởng Hồ Chí Minh : Tự luận, trắc nghiệm và hỏi khuyết, 287 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Hệ thống các câu hỏi dưới dạng hỏi đáp tự luận, trắc nghiệm, câu hỏi khuyết theo từng chương có đáp án kèm theo về nội dung môn học tư tưởng Hồ Chí Minh: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề: Dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam...
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐẶNG MINH PHƯƠNG • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
47	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Trí thức Việt Nam trong tiến trình giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX (1900 - 1945), 306 trang.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày những nét chính về các hoạt động chính trị, văn hoá, xã hội và phong trào đấu tranh tiêu biểu của giới sĩ phu, trí thức yêu nước trong cuộc vận động giải phóng dân tộc từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám thành công (1900 - 1945)
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: ĐẶNG MINH PHƯƠNG • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
48	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nguyên Nho / Cửa Không, 278 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày và phân tích tư tưởng Khổng Nho với những giá trị cơ bản của nó; khẳng định Nho giáo là một nền triết lí nhân bản tâm linh trung thực nhất.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
49	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Chữ Thời, 700 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu	Đây là tác phẩm bàn về siêu hình Kinh Dịch. Tác giả cho rằng siêu hình Tây Phương là hoàn toàn trừu tượng, siêu hình Viễn Đông tuy

	cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	cũng trừu tượng nhưng lại đậm rẽ cụ thể xuống các thể chế như lịch pháp, thiên văn... Đó là phương thức đem triết lý vào cấu trúc của xã hội và cải hóa tâm tính con người
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
50	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vũ Trụ Nhân Linh , 230 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm phân tích nét đặc trưng của nền văn hóa Viễn Đông và hệ quả quan trọng nhất của nó là Nhân chủ tính, tức con người có tức lý ngay nơi nó. Phân tích cơ cấu thời gian với quan niệm về vạn vật, sự vật, thái độ sống, sứ mạng của lịch sử loài người
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
51	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Định Hướng Văn Học , 237 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Từ việc phân tích tình trạng bi đát của giáo dục và sự xuống dốc của văn hóa; sự ảnh hưởng của tư tưởng triết học Đông , Tây, tác phẩm đưa ra những hướng giáo dục cụ thể định hướng cho văn học nhằm giải quyết thực trạng văn hóa, chính trị, kinh tế, nghệ thuật và cả toàn bộ lối sống
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
52	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Những Dị Biệt Triết Lý Đông Tây , 222 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Mục đích của tác phẩm là đánh động tâm thức người đọc để họ nhìn nhận lại giá trị tinh thần của Đông Phương. Phân tích sự khác biệt của hai nền triết lý Đông - Tây, phân biệt rõ ràng giữa minh triết, triết lí, triết học; đề cao sứ mệnh của Triết Đông trước sự đổ vỡ của nền triết học cổ điển Tây Phương
	3. Công bố khoa học	Sách

	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
53	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Việt Lý Tố Nguyên , 430 trang,
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm phác họa những nét căn bản chạy ngầm xuyên qua lịch sử Việt Nam thông qua lăng kính khảo cổ học nhằm đưa ra những kiến giải về nguồn gốc của dân tộc; khẳng định Việt Nam đã có một nền minh triết sâu sắc và một nền văn hóa rực rỡ, khác hẳn với triết lí và văn hóa của Trung Hoa.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
54	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Dịch Kinh Linh Thể , 170 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày và phân tích về Kinh Dịch. Tác phẩm không phân tích tất cả mà chỉ dùng vài câu trong phần Hệ Từ và duy nhất một quẻ Kiên để dẫn dắt người đọc đi thẳng vào phần cốt tủy của Kinh Dịch
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
55	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Triết Lý Cái Đình , 188 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đưa ra định nghĩa huyền sử như là nền minh triết được biểu lộ bằng những mảnh vụn của lịch sử. Phân tích ẩn tích của một nền văn hoá dân tộc trong lúc sơ khai nhằm phác họa nền văn hoá nước nhà
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
56	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lạc Thư Minh Triết , 149 trang

	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm khuyến khích một đời sống tự lập, tự cường về mặt tinh thần, ca ngợi và xung tưng sự cô đơn. Trong sự xa vắng tiếng ồn ào của thế tục và rộn rã của trần gian, con người cô đơn mới dễ dàng tìm lại cội nguồn chân thực của mình, cội nguồn đó chính là Thần - Thần tính Nội tại.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
57	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Cơ cấu Việt Nho , 285 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày và phân tích những tư liệu cổ văn trong cõi huyền sử, truyện tích, truyền kỳ nhằm tìm ra triết lý nằm sâu trong những câu chuyện văn chương, xem chúng là lãnh vực phong phú riêng biệt cho môn triết văn.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
58	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tinh Hoa Ngũ Điển , 192 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm phân tích những nội dung cơ bản Ngũ Kinh của Nho giáo, nêu ý nghĩa của nó.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
59	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Loa Thành Đồ Thuyết , 187 trang,
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khởi hứng từ kiến trúc của thành Cổ Loa, tác phẩm đề cập đến phương pháp tròn ốc, tức là phương pháp tu dưỡng cái đạo làm người, và càng ngày càng tiến lên cao theo hình tròn ốc để trở thành hiền nhân, thánh nhân.
	3. Công bố khoa học	Sách

	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
60	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vấn đề Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam , 139 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đề cập đến nguồn gốc văn hóa Việt Nam, phân tích trường hợp Việt Nho, xem nó như là một trong những nguồn gốc văn hóa bị lãng quên
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
61	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vấn Đề Quốc Học , 157 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm nghiên cứu tình trạng của nền quốc học và giáo dục Việt Nam trước giải phóng. Tìm lời giải đáp cho những câu hỏi: Có dân tộc tính hay chẳng? Và nếu có thì nó ra sao? Làm thế nào để phát triển?
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
62	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Triết Lý Giáo dục , 190 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm bàn về triết lý của nền giáo dục như là nền tảng căn cơ của giáo dục và văn hóa.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
63	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nhân Bản , 306 trang

	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đề cập đến một trong những đặc tính của dân tộc mà chúng ta cần khôi phục lại là nổi kết triết học trường ốc với đời sống thực tiễn để cho sự học trở thành bó đuốc hướng dẫn đời sống. Tác phẩm khơi lại lòng mến mộ cái đạo làm người
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
64	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên , 321 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đề cập đến lịch sử dân tộc Việt, môi trường sinh hoạt tinh thần của dân tộc với lễ gia tiên, từ văn tổ tới văn mẫu, các mối quan hệ làng xã, Trống quân xét như khởi nguyên nghệ thuật sống của Việt nho, vai trò triết lý trong việc dựng nhà giữ nước.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
65	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hùng Việt Sử Ca , 272 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày và phân tích quá trình hình thành văn hóa Việt qua các thời kỳ lịch sử với những đặc trưng của nó, khơi dậy tinh thần văn hóa Việt
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
66	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kinh Hùng Khải Triết , 241 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đề cập đến các giai đoạn phát triển nền văn hóa Việt phù hợp triết lý sống ở các giai đoạn lịch sử. Tác phẩm chia nền văn hóa thành ba giai đoạn: văn hóa Hòa Bình và Bắc Sơn; văn hóa Phùng Nguyên và văn hóa Đông Sơn
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị:

		<ul style="list-style-type: none"> • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
67	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Pho Tượng Đẹp Nhất Của Việt Tộc , 226 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày vị thế của triết Việt trong nền văn hóa toàn cầu cũng như bản chất của triết Việt; khẳng định rằng triết Việt Nho lấy con người làm trung tâm suy tư và có thể tóm vào hai chữ “Vi nhân” làm người. Đó là việc phải tự làm lấy chứ không phải sinh ra đã làm người
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
68	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn Lang Vũ Bộ , 251 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trọng tâm của tác phẩm là phân tích cơ cấu bài vũ tối sơ của chủng tộc. Nét đặc trưng của văn hóa Việt là Đạo hành vi hay vũ điệu. Điều đó được thể hiện rõ trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, thể hiện Văn hóa nhiều ngàn năm của Việt tộc.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
69	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đạo Trường Chung Cho Đông Á , 111 trang,
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đề cập đến việc cần lập một Đạo Trường chung cho Đông Á; về việc trao đổi văn hóa trong bốn triều đại Tống, Minh, Nguyên, Thanh; vai trò Nho giáo có thể đảm nhiệm trong thế giới hôm nay; phân tích Ngũ hành xét như cơ cấu của một nền triết lý hòa giải trung thực.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
70	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hung Việt , 125 trang

	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm bàn về nền triết Việt gắn liền với văn hóa Việt, trong đó Nho giáo và trổng đồng Đông Sơn được xem là cội nguồn của nó. Từ đó khơi dậy tinh thần dân tộc, chấn hưng đất nước
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
71	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Cảm Nang Triết Việt , 80 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm bàn về nguồn cội của đạo lý, huyền sử Việt Nam và minh triết trong trổng đồng Đông Sơn
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
72	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Việt Triết Nhập Môn , 174 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày về tư tưởng Nho giáo, phân biệt Hán Nho và Việt Nho; phân tích trổng đồng như là sự chứa đựng triết lý Việt Nho
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị: • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
73	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Góc Rẽ Triết Việt , 182 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm phân tích nguồn gốc của Nho giáo như là góc rẽ của văn hóa dân tộc Việt, đưa ra cách thức phát triển văn hóa dân tộc Việt
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH • Học hàm/ học vị:

		<ul style="list-style-type: none"> Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
74	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Thái Bình Minh Triết , 225 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Quyển này muốn góp công vào việc lập lại nguyên lý Mẹ bằng cách quang phục nguyên Nho, cũng gọi là Việt nho. Đây là một thứ đạo còn tàng chứa đầy nguyên lý Mẹ, chỉ việc khai quật tận nền thì sẽ gặp được nền nguyên Nho Minh Triết đầy khả năng đáp ứng mọi nhu yếu thâm sâu của con người để điều chỉnh nền văn minh thời mới quá thiếu tình yêu
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
75	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tâm tư
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm đề cập đến cách thức tìm ra một lối suy tư có khả năng nối thơ với khoa học, đề suy tư như thi sĩ nhưng lại rung cảm một cách khoa học. Đó là phương pháp suy tưởng bằng tâm; dùng ý tưởng để nhận biết sự thật, dùng tình thâm để cảm nghiệm được vẻ đẹp và nuôi dưỡng tâm hồn, dùng chí khí để tu luyện hồng thể nghiệm được chiều kích vũ trụ nơi mình và nhận ra được cái Toàn Thể.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
76	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Căn bản triết lý trong văn hóa Việt Nam
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm bàn về khái niệm Hồn nước, dân tộc tính, các vấn đề xã hội chính trị. Chỉ có thể cứu quốc, kiến quốc khi khôi phục lại được hồn quốc, và cần phải làm như thế nào
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: LƯƠNG KIM ĐỊNH Học hàm/ học vị: Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1

77	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Lịch sử tư tưởng triết học pháp quyền Đức từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tác phẩm trình bày và phân tích một cách có hệ thống tư tưởng triết học pháp quyền Đức từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX, từ đó đưa ra những nhận định về những giá trị và hạn chế của chúng trong từng giai đoạn lịch sử
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGÔ THỊ MỸ DUNG • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
78	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua một số chân dung tiêu biểu
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày - những tiền đề hình thành quá trình chuyển biến tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX - nội dung và đặc điểm tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua một số chân dung tiêu biểu
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: VŨ VĂN GÀU • Học hàm/ học vị: PGS.NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
79	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển giáo dục, 210 trang
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Công trình này đã trình bày điều kiện lịch sử xã hội và cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, làm rõ nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục. - Tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới và phát triển giáo dục ở Việt Nam hiện nay.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: VŨ VĂN GÀU • Học hàm/ học vị: PGS.NGŨT.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
80	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung	- Công trình này đã trình bày điều kiện lịch sử xã hội và cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, làm rõ nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

	nghiên cứu	- Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới và phát triển ở Việt Nam hiện nay.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: NGUYỄN ANH QUỐC • Học hàm/ học vị: TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
81	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam (1986 - 2011)
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Công trình giới thiệu những vấn đề cơ bản về chính trị, hệ thống chính trị và quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam. Đây là một tập sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học và sau đại học ở các chuyên ngành lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Khoa học chính trị
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: PHẠM NGỌC TRÂM • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
82	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Con đường cứu nước Hồ Chí Minh
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tập sách giới thiệu quá trình hình thành tư duy và phương pháp, con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. Đây là một tập sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học và sau đại học ở các chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng và Khoa học Chính trị
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: PHẠM NGỌC TRÂM • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
83	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Bảo vệ chủ quyền và quản lý – khai thác biển đảo Việt Nam (1975 - 2014)
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trên cơ sở phân tích những tình hình thế giới, khu vực và những nhân tố tác động đến Biển Đông, tập sách phân tích quá trình bảo vệ chủ quyền và quản lý, khai thác biển đảo Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Đây là một tập sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học và sau đại học ở các chuyên ngành lịch sử Việt Nam, Khoa học chính trị.
	3. Công bố khoa học	Sách

	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: PHẠM NGỌC TRÂM Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
84	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nhận diện và phát huy các giá trị tài nguyên biển đảo phục vụ phát triển bền vững vùng Nam Bộ
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tập sách phân tích những giá trị tài nguyên biển đảo vùng Nam Bộ và đưa ra những giải pháp phục vụ phát triển bền vững.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: PHẠM NGỌC TRÂM Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
85	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vận dụng tin học vào việc quét điểm, nhập điểm tự động trong công tác quản lý học vụ MS: 130/2003/QLKH-ĐT
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày, phân tích, hướng dẫn việc vận dụng tin học vào việc quét điểm, nhập điểm tự động trong công tác quản lý học vụ
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
86	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Xây dựng học chế tín chỉ ở trường đại học KHXH&NV , thực trạng, lộ trình và giải pháp. MS: B2005-18b-11TĐ
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu mô hình học chế tín chỉ ở trường đại học KHXH&NV , thực trạng, lộ trình và giải pháp
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
87	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hiện tượng tôn giáo mới và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tôn giáo và công tác tôn giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh MS: B2012 -18b-01TĐ

	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu những điều kiện, tiền đề, nội dung những vấn đề trong Hiện tượng tôn giáo mới và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tôn giáo và công tác tôn giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
88	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Chuyển đổi tôn giáo ở Nam bộ. Lý luận và thực tiễn MS: B2016 -18b-01TD
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu làm rõ sự chuyển đổi tôn giáo ở Nam bộ. Lý luận và thực tiễn
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
89	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tư tưởng triết học của trường phái Thiên Trúc Lâm đời Trần
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu làm rõ những điều kiện, tiền đề, nội dung tư tưởng triết học của trường phái Thiên Trúc Lâm đời Trần
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
90	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Quan điểm của các học giả Âu – Mỹ về phong trào tôn giáo mới.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tổng hợp, nghiên cứu làm rõ các quan điểm của các học giả Âu – Mỹ về phong trào tôn giáo mới.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS.

		<ul style="list-style-type: none"> Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
91	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu làm rõ những vấn đề trong phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
92	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Phật giáo nguyên thủy từ truyền thống đến hiện đại
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu làm rõ những vấn đề Phật giáo nguyên thủy từ truyền thống đến hiện đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
93	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và trên thế giới
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu các vấn đề của Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và trên thế giới
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG Học hàm/ học vị: PGS.TS. Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
94	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung	Nghiên cứu nội dung các vấn đề Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc

	nghiên cứu	
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
95	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Phật giáo vùng Mekong: Truyền thống và hội nhập
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu làm rõ các vấn đề Phật giáo vùng Mekong. Truyền thống và hội nhập
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
96	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Ni giới Phật giáo: Truyền thống và hiện đại
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu làm rõ các vấn đề Ni giới Phật giáo. Truyền thống và hiện đại
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1
97	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tôn giáo mới: Nhận thức và thực tế.
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề Tôn giáo mới. Nhận thức và thực tế.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN CHUNG • Học hàm/ học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1

98	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hiện tượng học của Edmund Husserl và sự hiện diện của nó ở Việt Nam
	2. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Khảo cứu điều kiện, tiền đề; quá trình hình thành, phát triển; tư tưởng chủ đạo, phương pháp của hiện tượng học của Edmund Husserl và sự hiện diện của nó ở Việt Nam.
	3. Công bố khoa học	Sách
	4. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none">• Họ tên: NGUYỄN TRỌNG NGHĨA• Học hàm/ học vị: TS.• Nơi công tác: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn• Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1

KHOA, BỘ MÔN		
Bộ môn Du lịch		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đánh giá rủi ro cho du lịch sinh thái tại KDTSQ rừng ngập mặn Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh (Đề tài ĐHQG 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Liên ngành Khoa học Xã hội và Khoa học Trái đất & Môi trường
	3. Từ khóa tìm kiếm	Du lịch sinh thái, đánh giá rủi ro, Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tổng quan về rủi ro trong du lịch, du lịch sinh thái và đánh giá rủi ro cho du lịch sinh thái - Tìm hiểu hiện trạng và định hướng phát triển của du lịch sinh thái tại KDTSQ rừng ngập mặn Cần Giờ. - Xác định các rủi ro từ tai biến thiên nhiên và môi trường, đặc biệt do BĐKH, và từ các hoạt động kinh tế-xã hội đến du lịch sinh thái tại KDTSQ rừng ngập mặn Cần Giờ. - Đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro đối với du lịch sinh thái tại KDTSSQ rừng ngập mặn Cần Giờ.
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>1. Phương pháp thu thập dữ liệu:</p> <p>1.1. Nguồn dữ liệu thứ cấp bao gồm các báo cáo nghiên cứu, các tài liệu văn bản và thống kê của thành phố và huyện Cần Giờ; sách và tài liệu tham khảo trong và ngoài nước.</p> <p>1.2. Các dữ liệu sơ cấp được thu thập qua 3 phương pháp chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phỏng vấn chuyên gia: dưới hình thức tọa đàm, hội thảo khoa học và phỏng vấn cá nhân (nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý địa phương) - Phỏng vấn sâu: 6 nhân viên tại các khu du lịch (KDL) và 15 hộ dân địa phương nhận khoán rừng - Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: được thực hiện với 110 du khách tại hai KDL Vàm Sát và Lâm Viên Cần Giờ. <p>1.3. Ngoài ra, khảo sát thực địa là phương pháp không thể thiếu để có thể quan sát những hoạt động thực tế đang diễn ra, gặp gỡ và phỏng vấn các đối tượng khác nhau, thu thập hình ảnh và tư liệu cho</p>

	<p>đề tài.</p> <p>2. Phương pháp phân tích dữ liệu: từ các nguồn dữ liệu thu thập được, việc xử lý để đưa ra các kết quả được thực hiện bằng các nhóm phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu - Phương pháp phân tích đa tiêu chí. - Phương pháp phân tích thống kê - Phương pháp bản đồ <p>Các công cụ sử dụng trong phân tích đánh giá gồm: ma trận đánh giá rủi ro, GIS và SPSS.</p>
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<p>Kết quả cho thấy các rủi ro cho việc phát triển bền vững du lịch sinh thái tại KDTSQ Cần Giờ chính từ chỗ đa số khách du lịch chỉ đến đây nhằm mục đích tham quan, nghỉ dưỡng và vì vậy nhiều hoạt động du lịch được tổ chức nhằm chủ yếu phục vụ nhu cầu này mà chưa lưu ý đến các tác động đến hệ sinh thái. Ngoài ra, BĐKH và các biến động khác của môi trường tự nhiên cũng được đánh giá là những rủi ro ở mức độ cao cho du lịch sinh thái.</p>
<p>7. Các khuyến nghị</p>	<p>Kiến nghị về việc sử dụng các kết quả và các nghiên cứu tiếp theo</p> <p>1. Các nghiên cứu tiếp theo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đo đạc cụ thể để "lượng hóa" các yếu tố rủi ro từ hoạt động du lịch (ví dụ ô nhiễm đất, nước, tiếng ồn...). Tìm hiểu tác động của hoạt động du lịch đối với đa dạng sinh học. - Tính toán sức tải lại cho các KDL trong KDTSQ. - Đề xuất những hoạt động du lịch đảm bảo nguyên tắc sinh thái hơn cho các KDL để giảm thiểu rủi ro, bao gồm cả việc khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia vào hoạt động du lịch. - Khuyến nghị có các chương trình định kỳ để tập huấn, bổ sung thông tin, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý và nhân viên của các KDL sinh thái. - Xây dựng một chương trình tập huấn để giới thiệu với người dân về du lịch sinh thái, các hình thức du lịch có sự tham gia của cộng đồng để tạo ý thức và bước đầu khuyến khích người dân tham gia vào việc (1) bảo tồn tài nguyên du lịch; (2) tham gia vào các hoạt động du lịch như vận chuyển, hướng dẫn cho khách; (3) chủ động đề xuất và tổ chức những hoạt động du lịch gắn với cộng đồng như homestay, bán các đặc sản của địa phương... - Nghiên cứu một mô hình quản lý rủi ro phù hợp cho địa phương.

		<p>- Nghiên cứu các nhóm rủi ro khác liên quan đến khía cạnh kinh tế và văn hóa trong du lịch sinh thái tại KDTSQ Cần Giờ.</p> <p>2. Phổ biến các kết quả nghiên cứu</p> <p>- Kiến nghị thành lập một bộ phận trực thuộc UBND huyện theo dõi các yếu tố rủi ro ở cấp độ cao, cập nhật thông tin và có những đề xuất về việc đánh giá lại theo định kỳ cũng như kêu gọi các giải pháp từ các khoa học, các nhà chuyên môn.</p> <p>- Tổ chức một buổi hội thảo/ tọa đàm để thông báo các kết quả đến BQL rừng phòng hộ Cần Giờ, Trung tâm Giáo dục môi trường và du lịch sinh thái, đại diện của các doanh nghiệp đang khai thác du lịch trong phạm vi KDTSQ. Từ đó, chia sẻ các kinh nghiệm từ thực tế, các khó khăn trong việc tổ chức hoạt động du lịch sinh thái để tạo sự quan tâm đến vấn đề quản lý rủi ro; tạo sự đồng thuận, nhất quán trong công tác giám sát, hạn chế rủi ro.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		
9. Công bố khoa học		<p>1. Ngô Thanh Loan, Trần Duy Minh, Đánh giá rủi ro môi trường cho du lịch biển Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Khoa học</i>, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 27, số 4S, 2011, trang 113-118 (ISSN: 0866-8612)</p> <p>2. Ngo Thanh Loan, Trần Duy Minh, Evaluation des risques environnementaux liés au tourisme littoral: l'exemple de Can Gio (Municipalité de Ho Chi Minh), <i>Les Cahiers d'Outre-Mer</i>, No 269, 2015, pp. 51 – 61 (ISSN : 0373-5834)</p> <p>3. Trần Duy Minh, Những rủi ro môi trường đối với du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn rừng ngập mặn – tiếp cận qua trường hợp KDTSQ Cần Giờ, <i>Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển</i>, số 6-7 (104-105) . 2013, trang 3-10 (ISSN: 1859-0152)</p> <p>4. Nguyễn Hữu Duy Viễn, Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam, <i>Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển</i>, số 6-7 (104-105) . 2013, trang 28-29 (ISSN: 1859-0152)</p>
10. Liên lạc		<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Thanh Loan • Học hàm/ học vị: TS. GVC. • Nơi công tác: Bộ môn Du lịch – Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM • Địa chỉ: 10 -12 Đinh tiên Hoàng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

		<ul style="list-style-type: none"> • Số điện thoại: 08. 3829 3828 – số nội bộ 180 • Email: loanngothanh@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Nhận thức về biến đổi khí hậu và kinh nghiệm ứng phó của cộng đồng cư dân huyện cần giờ - Tp. Hồ chí minh</p> <p>(Đề tài cấp Trường 2013)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhóm ngành Khoa học Xã hội, lĩnh vực Khoa học môi trường – các khía cạnh xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Biến đổi khí hậu, kinh nghiệm ứng phó, cộng đồng, Cần Giờ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>Tìm hiểu nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu và thái độ của họ trước những tác động do việc thay đổi các điều kiện thời tiết khí hậu mang lại.</p> <p>Nhận diện những kinh nghiệm và hành vi ứng phó của người dân với các tác động của BĐKH, các yếu tố tác động đến sự lựa chọn các giải pháp thích ứng của người dân</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Thu thập và tổng hợp tài liệu thứ cấp</p> <p>Khảo sát thực địa</p> <p>Khảo sát bằng bảng hỏi</p> <p>Phân tích thống kê</p>
	6. Những phát hiện chính	<p>Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu</p> <p>Thái độ của người dân với các tác động của việc thay đổi điều kiện thời tiết, khí hậu</p> <p>Những kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân</p> <p>Những trở ngại trong việc thích ứng với BĐKH của người dân</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>Đẩy mạnh rộng rãi công tác truyền thông về biến đổi khí hậu</p> <p>Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức biến đổi khí hậu theo nhóm đối tượng</p> <p>Nghiên cứu các biện pháp giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu cho địa phương</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Cung cấp một số thông tin cơ bản về nhận thức, thái độ và cách thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân tại 3 xã ven biển của huyện Cần Giờ, TP.HCM để các cơ quan hữu quan tại địa phương có cơ sở để xây dựng kế hoạch và chính sách phù hợp nhằm trang bị cho người dân khu vực ven biển kiến thức và phương thức để có thể

		ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả.
	9. Công bố khoa học	Bài báo tham gia Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8, năm 2014, ĐH Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh; “ <i>Nhận thức về biến đổi khí hậu của người dân ven biển Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh</i> ”; NXB ĐH Sư phạm TP.HCM, ISBN 978-604-918-438-3
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Duy Minh • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: ĐH KHXH&NV – ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0907600502 • Email: tdminh@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2014: Cây dừa Việt Nam giá trị và tiềm năng
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Công nghệ sinh học - Kỹ thuật trồng trọt, môi trường Văn hóa, kinh tế, xã hội, du lịch
	3. Từ khóa tìm kiếm	Cây dừa, Cây dừa và môi trường, Cây dừa và đời sống văn hóa, Cây dừa và kinh tế
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 44 bài Tổng số tác giả/ diễn giả: 78. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 11 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 67
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	<p>Phần I: Cây dừa sinh thái và môi trường</p> <p>Các kỹ thuật nhân giống dừa</p> <p>Vai trò của cây dừa trong việc bảo vệ môi trường sinh thái</p> <p>Khả năng thích ứng của cây dừa với biến đổi khí hậu</p> <p>Phần II: Cây dừa trong đời sống văn hóa</p> <p>Giá trị kinh tế - văn hóa, lịch sử, xã hội của cây dừa trong đời sống của cư dân địa phương</p>

		<p>Phần III: Cây dừa trong đời sống kinh tế</p> <p>Đóng góp gia tăng giá trị kinh tế của cây dừa thông qua hoạt động du lịch</p>
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	<p>Nhân rộng mô hình sản xuất giống dừa để đáp ứng nhu cầu trồng mới và cải tạo giống</p> <p>Quy hoạch và xây dựng không gian sinh thái văn hóa xứ dừa</p> <p>Xác định rõ vai trò chiến lược của cây dừa, xây dựng giá trị thương hiệu</p> <p>Tăng cường mối liên kết giữa các bên liên quan trong việc phối hợp thực hiện các vấn đề liên quan</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Bộ môn du lịch • Trưởng đơn vị: TS. Ngô Thanh Loan • Email: loanngothanh@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu Hội thảo 2014: Làng nghề và phát triển du lịch
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hóa, du lịch, kinh tế
	3. Từ khóa tìm kiếm	Làng nghề, du lịch làng nghề
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 75 bài</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 105. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 30 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 75
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Đại học Quốc Gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	<p>A. Báo cáo đề dẫn: Bản chất làng nghề và giải pháp phát triển bền vững văn hóa làng nghề</p> <p>B. Làng nghề và giải pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về làng nghề và vai trò của làng nghề ở Việt Nam - Thực trạng, giải pháp bảo tồn và phát huy làng nghề ở một số địa

		<p>phương tại Việt Nam</p> <p>C. Phát triển du lịch làng nghề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng của du lịch và việc kết hợp với bản chất làng nghề - Phát triển du lịch làng nghề góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống một cách bền vững thông qua các mô hình du lịch: văn hóa, cộng đồng, sinh thái tại các địa phương <p>D. Phát triển du lịch làng nghề - Kinh nghiệm quốc tế</p> <p>Trên cơ sở kinh nghiệm khai thác làng nghề để phát triển du lịch ở các nước trong khu vực (điển hình nhất Thái Lan), các tác giả đề xuất những định hướng phát triển làng nghề phục vụ du lịch ở một số địa phương của Việt Nam</p>
7. Các khuyến nghị (nếu có)		<ul style="list-style-type: none"> - Cần có giải pháp đồng bộ về cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong việc tổ chức quản lý, hoạch định chiến lược và quảng bá ở các địa phương - Giải quyết các vấn đề về vốn, nhân lực, cơ sở vật chất và đảm bảo chất lượng sản phẩm
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		
9. Đơn vị		<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Bộ môn du lịch • Trưởng đơn vị: TS. Ngô Thanh Loan • Email: loanngothanh@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Bộ môn Giáo dục thể chất		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	“Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất của các trường thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh”. (Đề tài ĐHQG 2012)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giáo dục thể chất
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thực trạng, giải pháp, giáo dục thể chất
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu: - Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại các trường thuộc Đại học Quốc gia: + Về cơ sở vật chất + Về đội ngũ giảng viên + Về chương trình giảng dạy nội khóa và ngoại khóa + Giá trị trung bình chỉ số BMI của sinh viên ĐHQG-HCM 19 tuổi + Giá trị trung bình chỉ số công năng tim của sinh viên ĐHQG-HCM + Thực trạng thể chất của sinh viên ĐHQG-HCM + Xếp loại thể lực nam và nữ sinh viên theo qui định của Bộ GD&ĐT - Đề xuất 18 giải pháp để nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho sinh viên các trường thuộc ĐHQG-HCM.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp tham khảo tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp nhân trắc học; Phương pháp kiểm tra y sinh; Phương pháp toán thống kê
	6. Những phát hiện chính	- Về trang thiết bị và dụng cụ giảng dạy thì hầu hết các trường đều đáp ứng yêu cầu chỉ có trường Đại học Kinh tế Luật là không đầy đủ. - Đội ngũ giảng viên có chuyên ngành bóng chuyền cao nhất ở cả 3

	<p>trường; bên cạnh đó chuyên ngành cờ không có giảng viên nào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về chương trình giảng dạy nội khóa trường ĐH KHXH&NV có tổng số tiết cao nhất là 150 tiết và trường Đại học Kinh tế Luật thấp nhất 75 tiết. - Về chương trình giảng dạy ngoại khóa hầu hết các trường đều chọn bóng đá và bóng chuyền. - Lãnh đạo các trường trong khối ĐHQG đều quan tâm đến công tác giáo dục thể chất cho sinh viên; nên chế độ đãi ngộ cho giảng viên rất tốt. - Giá trị trung bình chỉ số BMI của sinh viên ĐHQG-HCM 19 tuổi xếp loại bình thường theo tổ chức Y tế thế giới là (18.5 – 25). - Giá trị trung bình chỉ số công năng tim của sinh viên ĐHQG-HCM theo phân loại của Ruffier thì nam là 10.99 xếp loại trung bình và của nữ là 11.45 xếp loại kém. - Thực trạng thể chất của sinh viên ĐHQG-HCM tốt hơn TBTCVN 19 tuổi ở chiều cao đứng, cân nặng, BMI (nam), công năng tim, sức mạnh nhóm cơ lưng bụng, sức mạnh chân (nữ); tương đương ở chỉ số BMI (nữ), sức mạnh chân (nam), khéo léo (nữ) và sức bền chung; kém hơn ở sức nhanh, khéo léo (nam), sức mạnh tay và độ dẻo. - Thực trạng thể chất sinh viên ĐHQG-HCM tốt hơn sinh viên TP.HCM ở chiều cao đứng, cân nặng, BMI (nam), công năng tim và sức bền chung (nam); tương đương ở chỉ tiêu BMI (nữ) và sức bền chung (nữ); kém hơn ở độ dẻo, sức mạnh chân, sự khéo léo. - Đã đề xuất 18 giải pháp để nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho sinh viên các trường thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Giải pháp 1:</i> Giảm số lượng giờ chuẩn của cán bộ giảng dạy GDTC ngang với cán bộ giảng dạy các môn khác. + <i>Giải pháp 2:</i> Cần thực hiện việc quy đổi thành giờ chuẩn đối với các hoạt động ngoại khóa theo Thông tư số 07/TT-CB, ngày 01/04/1980 của Bộ Đại học – <p>Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề về việc hướng dẫn chế độ làm việc của cán bộ giảng dạy thể dục thể thao các trường đại học.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Giải pháp 3:</i> Bổ sung thêm lực lượng giảng viên giảng dạy GDTC có trình độ từ thạc sỹ trở lên tại các trường thành viên ĐHQG-HCM + <i>Giải pháp 4:</i> Tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>+ <i>Giải pháp 5:</i> Hàng năm cần mở lớp tập huấn về công tác GDTC để bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên nâng cao chất lượng chuyên môn.</p> <p>+ <i>Giải pháp 6:</i> Tiến hành tu sửa nâng cấp, xây dựng thêm sân bãi nhằm đa dạng hóa nội dung môn học, đáp ứng nhu cầu học tập và rèn luyện cho sinh viên</p> <p>+ <i>Giải pháp 7:</i> Đảm bảo tương đối đầy đủ về dụng cụ và trang thiết bị tập luyện các môn thể thao phù hợp cho sinh viên tập luyện</p> <p>+ <i>Giải pháp 8:</i> ĐHQG-HCM cần xây dựng chương trình GDTC thống nhất dành riêng cho các trường thuộc ĐHQG-HCM dựa trên chương trình khung của BGD-ĐT.</p> <p>+ <i>Giải pháp 9:</i> Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình GDTC tại các trường ở các lớp học để kịp thời sửa chữa nếu có sai sót trong quá trình thực hiện.</p> <p>+ <i>Giải pháp 10:</i> Nên tăng số buổi học môn GDTC trong tuần và không quá 3 tiết/buổi học.</p> <p>+ <i>Giải pháp 11:</i> Đa dạng hóa các môn thể thao để sinh viên lựa chọn theo nhu cầu luyện tập của mình</p> <p>+ <i>Giải pháp 12:</i> Thành lập nhiều câu lạc bộ TDTT trong trường học có giảng viên hướng dẫn</p> <p>+ <i>Giải pháp 13:</i> Cần đưa phần lý luận chung vào giảng dạy chính khóa.</p> <p>+ <i>Giải pháp 14:</i> Cải tiến phương pháp giảng dạy GDTC theo hướng tích cực, nâng cao sự hứng thú cho sinh viên khi tập luyện.</p> <p>+ <i>Giải pháp 15:</i> Tổ chức kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo QĐ 53 của BGD-ĐT mỗi năm 1 lần</p> <p>+ <i>Giải pháp 16:</i> Một số trường thuộc ĐHQG-HCM hiện nay chưa có đơn vị chuyên môn phụ trách công tác GDTC vì thế, cần sớm thành lập bộ môn GDTC cho những đơn vị này.</p> <p>+ <i>Giải pháp 17:</i> ĐHQG-HCM cần triển khai việc thành lập Trung tâm GDTC để tập trung toàn bộ lực lượng cán bộ giảng viên chuyên ngành GDTC thực thi nhiệm vụ GDTC cho khối ĐHQG-HCM.</p> <p>+ <i>Giải pháp 18:</i> Tận dụng toàn bộ điều kiện cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM phục vụ cho công tác GDTC.</p>
	7. Các khuyến nghị	<p>- Cần tu sửa nâng cấp và xây dựng thêm sân bãi nhằm đa dạng hóa nội dung môn học, đáp ứng nhu cầu học tập và rèn luyện cho sinh viên.</p>

		<p>- Cần bổ sung thêm lực lượng giảng viên giảng dạy GDTC tại các trường thành viên ĐHQG-HCM, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học.</p> <p>- Các trường thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cần thống nhất về thời lượng của chương trình GDTC theo quy định của Bộ GD&ĐT.</p> <p>- Cần giảm số lượng giờ chuẩn của cán bộ giảng dạy GDTC ngang với cán bộ giảng dạy các môn khác.</p> <p>- ĐHQG-HCM cần triển khai việc thành lập Trung tâm GDTC nhằm tập trung toàn bộ lực lượng cán bộ giảng viên chuyên ngành GDTC, cũng như tận dụng được điều kiện cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM phục vụ cho công tác GDTC.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC ở các trường thành viên thuộc ĐHQG-HCM và có thể làm cơ sở khoa học cho việc cải tiến chương trình GDTC của ngành.
	9. Công bố khoa học	<p>1/ ThS. Hoàng Hà; ThS. Trần Thu Lệ; PGS.TS. Huỳnh Trọng Khải (2016), Thực trạng thể chất nam sinh viên năm thứ nhất Đại học Quốc gia TP. HCM, <i>Tạp chí Khoa học Thể thao</i>, số 1, năm 2016, ISSN: 1859 – 4662.</p> <p>2/ ThS. Hoàng Hà; PGS.TS. Huỳnh Trọng Khải (2016), Thực trạng thể chất nữ sinh viên năm thứ nhất Đại học Quốc gia TP. HCM, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp</i>, số 18, 02 – 2016, ISSN: 0866 – 7675.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Hoàng Hà • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP. HCM • Số điện thoại: 0903727227 • Email: luongkiet20042003@yahoo.com
1	1. Tên sách/ kỹ yếu/ tọa đàm	“Công tác giáo dục thể chất: giá trị, thực trạng và giải pháp”
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Giáo dục thể chất; văn hóa và văn hóa thể chất; võ thuật, khoa học vận động và cuộc sống.

3. Từ khóa tìm kiếm	Giáo dục thể chất, giá trị, thực trạng, giải pháp
4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 26 bài</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 26 người, Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 11 người - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 15 người.
5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Năm xuất bản: 2013 - Lưu hành nội bộ
6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác giáo dục thể chất: thực trạng về việc thực hiện chương trình giáo dục thể chất tại các trường Đại học và Cao đẳng; tình hình chung về sự cảm nhận của người học đối với môn giáo dục thể chất; thực trạng thể chất của sinh viên tham gia học chương trình giáo dục thể chất tại các trường. - Các yếu tố đảm bảo việc thực hiện công tác giáo dục thể chất tại các trường Đại học và Cao đẳng. - Tình hình tổ chức thực hiện chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ. - Các giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất. - Khoa học vận động và văn hóa Việt: nhu cầu học tập môn giáo dục thể chất của sinh viên; thể chất, văn hóa và văn hóa thể chất; võ thuật, khoa học vận động và cuộc sống.
7. Các khuyến nghị (nếu có)	<p>* <i>Về phía giáo viên:</i> cần chú ý giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa và tác dụng của môn TDTT để có thêm hứng thú trong học tập. Giáo viên biên soạn tài liệu và giáo trình giảng dạy phong phú, có phương pháp phù hợp và linh hoạt theo từng nhóm sinh viên (theo trình độ). Đặc biệt là cần chú ý đến tổ chức thi đấu theo nhóm nhằm tạo động lực cho sinh viên học tập, tránh nhàm chán. Bổ sung các kỹ năng giao tiếp, chuyên môn, dự đoán, truyền thụ, giảng dạy, tổ chức cho giáo viên để sinh viên dễ dàng nắm bắt được các ý đồ giảng dạy của giáo viên.</p> <p>Ngoài ra, giúp sinh viên nhận thức tác dụng của TDTT đối với sức khỏe và hỗ trợ tốt cho việc học tập các môn khác, tăng thời gian luyện tập tại ký túc xá hoặc địa phương. Thông tin rõ cho sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng trong việc học GDTC để nâng cao sức khỏe, hỗ trợ cho các việc học tại trường được đảm bảo và phát triển đầy đủ thể chất và tinh thần.</p>

		<p>* Về phía nhà trường: cần bố trí giờ học hợp lý (sau giờ học TDTT sinh viên phải được nghỉ ngơi). Khen thưởng, động viên kịp thời các sinh viên có thành tích tốt trong các hoạt động thể thao ngoại khóa. Nhà trường cần có chính sách cụ thể đối với sinh viên nằm trong đội tuyển thể thao của trường; đặc biệt trường nên quan tâm đến việc tính điểm môn GDTC vào điểm trung bình chung học tập. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục thể chất. Mở các lớp ngoại khóa cho sinh viên, xây dựng các CLB thể thao cho sinh viên, tổ chức các giải thi đấu cho sinh viên, tạo động lực và ý thức cho sinh viên trong việc tham gia tập luyện và học tập của sinh viên.</p> <p>Cần phải đảm bảo về cơ sở vật chất phù hợp và đạt chuẩn với từng môn học, hoặc có thể gửi sinh viên vào học tập và rèn luyện tại các trung tâm TDTT là nơi đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ để nâng cao thành tích thi đấu cho sinh viên.</p>
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Qua hội thảo, chúng ta có dịp nhìn lại công tác giáo dục thể chất và tìm ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất, nâng cao tầm quan trọng của bộ môn giáo dục thể chất trong nhà trường.</p>
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: , Bộ môn Giáo dục thể chất phối hợp cùng Khoa Văn Hóa học • Trưởng đơn vị: ThS. Dương Văn Hiền • Số điện thoại: 0903953735 • Email: vanhienvff@gmail.com

KHOA, BỘ MÔN		
Bộ môn Lưu trữ học - Quản trị văn phòng		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức và quản lý hồ sơ tài liệu trong các bộ thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa (Đề tài cấp Trường 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nghiên cứu về lĩnh vực tổ chức và hoạt động lưu trữ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Lưu trữ cấp bộ, lưu trữ Việt Nam cộng hòa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Khái quát tổ chức và hoạt động của các bộ thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa - Tổ chức quản lý tài liệu trong các bộ thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa - Nhận xét, đánh giá quá trình tổ chức lưu trữ cấp bộ Việt Nam Cộng hòa
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp nghiên cứu lịch sử - Phương pháp nghiên cứu logic - Phương pháp nghiên cứu liên ngành
	6. Những phát hiện chính	- Các bộ thuộc chính phủ được thành lập từ 1955 nhưng tổ chức lưu trữ chỉ thực sự được bắt đầu từ 1961. - Tổ chức lưu trữ của các bộ theo nhiều mô hình + Tổ chức lưu trữ và thư viện theo mô hình Sở Lưu trữ Công văn và thư viện + Thành lập một phòng tổ chức lưu trữ được đặt trong khối văn phòng, phòng hành chính.
	7. Các khuyến nghị	- Xây dựng, tổ chức lưu trữ cấp bộ cần đồng bộ từ pháp luật, xây dựng hệ thống tổ chức đến thực hiện các hoạt động chuyên môn. - Muốn quản lý tốt hồ sơ tài liệu cần được bắt đầu từ quản lý hồ sơ công việc.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Kết quả nghiên đã phục dựng lại bức tranh về tổ chức quản lý tài liệu trong các bộ thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Từ đó có những nhận xét đánh giá về quá trình tổ chức lưu trữ cấp bộ của

		VNCH. Nghiên cứu góp phần bổ sung và làm sáng tỏ những vấn đề lịch sử lưu trữ. Kết quả nghiên cứu có giá trị đối với các nhà nghiên cứu về lưu trữ.
	9. Công bố khoa học	
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Văn Báu • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Trường ĐHKHXH&NV • Địa chỉ: 10-12, Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 • Số điện thoại: 0988333089 • Email: bauussh@gmail.com
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Lưu trữ Việt Nam Cộng hòa (1955 – 1975) từ góc nhìn lịch sử và lưu trữ học
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lịch sử Việt Nam, Lưu trữ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Việt Nam Cộng hòa, lưu trữ, giá trị tài liệu
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 55</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 65. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 21 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 44
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình xây dựng phát triển công tác lưu trữ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1955 – 1975); - Những vấn đề bảo quản và khai thác sử dụng khối tài liệu lưu trữ Việt Nam Cộng hòa; - Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ Việt Nam Cộng hòa trong nghiên cứu khoa học.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng	Kỷ yếu góp phần khái quát tổ chức và hoạt động lưu trữ dưới thời

	dụng thực tiễn	chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1955 – 1975); là cơ sở cho các nhà khoa học và nhà quản lý nghiên cứu về những vấn đề về công tác lưu trữ cũng như giá trị của tài liệu lưu trữ Việt Nam Cộng hòa đối với Việt Nam trong giai đoạn này.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Bộ môn Lưu trữ học – Quản trị văn phòng • Trưởng đơn vị: TS. Đỗ Văn Học • Email: hocdovan@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Văn bản và tài liệu văn thư - nguồn bổ sung cho Phong Lưu trữ quốc gia Việt Nam
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lưu trữ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn bản, văn thư
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 02 Tổng số tác giả/ diễn giả: 02. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 02 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 0
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: - Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	- Văn bản - đối tượng xử lý, lưu trữ, bảo quản và tổ chức sử dụng; - Tài liệu văn thư - nguồn bổ sung cho lưu trữ cơ quan và lưu trữ lịch sử
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Lưu trữ học - Quản trị văn phòng; - Tài liệu tham khảo cho cán bộ, công chức, viên chức
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Bộ môn Lưu trữ học - Quản trị văn phòng • Trưởng đơn vị: TS. Đỗ Văn Học • Email: hocdovan@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên sách/ kỷ yếu/	Governor abundant materials South America - Potential

toạ đàm	documentary heritage
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Lưu trữ
3. Từ khóa tìm kiếm	Phủ Thống đốc Nam Kỳ; di sản tư liệu
4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 35 Tổng số tác giả/ diễn giả: 38. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 09 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 29
5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2014
6. Các chủ đề chính	- Giới thiệu tài liệu phong Phủ Thống đốc Nam Kỳ; - Giá trị của tài liệu phong Phủ Thống đốc Nam Kỳ;
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Kỷ yếu góp phần khẳng định giá trị to lớn của khối tài liệu Phong Phủ Thống đốc Nam Kỳ trong nghiên cứu lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao, v.v... của vùng đất Nam Bộ từ năm 1859 đến năm 1945. Đối tượng thụ hưởng chính của khối tài liệu này là các nhà khoa học, các nhà quản lý nghiên cứu về các vấn đề chung của các địa phương thuộc vùng đất Nam Bộ xưa.
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Bộ môn Lưu trữ học – Quản trị văn phòng • Trưởng đơn vị: TS. Đỗ Văn Học • Email: hocdovan@hcmussh.edu.vn

KHOA, BỘ MÔN		
Bộ môn Ngữ văn Tây Ban Nha		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Phân loại và chia động từ trong tiếng Tây Ban Nha
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Cách sử dụng ngôn ngữ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Động từ, tiếng Tây Ban Nha, phân loại
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Cách phân loại động từ theo hình thái. Cách chia động từ quy tắc và bất quy tắc trong tiếng Tây Ban Nha
	5. Phương pháp nghiên cứu	Dựa trên phương pháp giảng dạy Task based learning approach
	6. Những phát hiện chính	Đề xuất những hoạt động cải thiện khả năng phân loại và chia động từ
	7. Các khuyến nghị	Dùng tham khảo trong thực hành chia động từ
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Hỗ trợ công tác giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên Bộ môn Ngữ văn Tây Ban Nha, Trường ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia TP.HCM.
	9. Công bố khoa học	Sách tham khảo - ISBN: 978 604 73 2968 7
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Đỗ Huyền Thanh • Học hàm/ học vị: Thạc sỹ/ Giảng viên • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia TP.HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1 • Số điện thoại: 0934161012 • Email: huyenthanh@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Kỷ yếu Hội thảo 2016: Một số hoạt động hỗ trợ người học về chuyên môn nhằm đạt chuẩn đầu ra theo Khung tham chiếu châu Âu tại Bộ môn Ngữ văn Tây Ban Nha, Trường Đại học

	Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG – HCM
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Hỗ trợ người học
3. Từ khóa tìm kiếm	Hỗ trợ người học, khung tham chiếu chung châu Âu, chuẩn đầu ra
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Làm thế nào để hỗ trợ người học về chuyên môn nhằm đạt chuẩn đầu ra?
5. Phương pháp nghiên cứu	- Thu thập và tổng hợp thông tin trên cơ sở dữ liệu đã có (phiếu khảo sát, trò chuyện trực tiếp...) - Quan sát kết quả thực nghiệm và rút ra kết luận.
6. Những phát hiện chính	- Phương pháp hình thành thói quen và phản xạ ngôn ngữ - Hoạt động tăng cường kỹ năng nghe, nói, đọc, viết - Hoạt động tạo hứng thú trong học tập cho sinh viên
7. Các khuyến nghị	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Bài viết mô tả và giải thích một số hoạt động được dùng trong việc dạy và học ngoại ngữ giúp sinh viên hệ chính quy đạt được trình độ yêu cầu theo chuẩn đầu ra. Ứng dụng trong lĩnh vực dạy học các ngành về ngôn ngữ cho đối tượng SV hệ chính quy của trường.
9. Công bố khoa học	Nghiên cứu đã được đăng trong Kỷ yếu Hội thảo Đảm bảo chất lượng năm 2016 của Trường
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Đỗ Huyền Thanh • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: BM. NV Tây Ban Nha • Địa chỉ: Phòng A110 • Số điện thoại: 0934 161 012 • Email: huyenthanh@hcmussh.edu.vn • Họ tên: Trần Thị Hồng Phúc • Học hàm/ học vị: Cử nhân • Nơi công tác: BM NV Tây Ban Nha • Địa chỉ: Phòng A110

		<ul style="list-style-type: none"> • Số điện thoại: 0905393909 • Email: hongphuc@hcmussh.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Giáo trình Thực hành ngôn ngữ A1-Manual Práctica de la lengua A1
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Cách thực hành và sử dụng ngôn ngữ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Thực hành ngôn ngữ, A1, tiếng Tây Ban Nha
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Xây dựng các nhiệm vụ, công trình, hoạt động nhóm, phương pháp tự đánh giá để phát triển kỹ năng trong học ngoại ngữ
	5. Phương pháp nghiên cứu	Dựa trên phương pháp giảng dạy Task based learning approach
	6. Những phát hiện chính	Phát triển kỹ năng học tập thông qua các nhiệm vụ.
	7. Các khuyến nghị	Sử dụng như giáo trình chính của môn học
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sử dụng trong công tác giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên Bộ môn Ngữ văn Tây Ban Nha, Trường ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia TP.HCM.
	9. Công bố khoa học	Giáo trình do NXB Đại học Quốc gia HCM xuất bản ISBN: 978 604 73 4192 4
	10. Liên lạc	<p>1)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Lê Thị Cẩm Thúy • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: BM NV Tây Ban Nha • Địa chỉ: Phòng A110 • Số điện thoại • Email: camthuy@hcmussh.edu.vn <p>2)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Đỗ Huyền Thanh • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: BM. NV Tây Ban Nha

		<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Phòng A110 • Số điện thoại: 0934 161 012 • Email: huyenthanh@hcmussh.edu.vn <p>3)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Họ tên:Trần Thị Hồng Phúc • Học hàm/ học vị:Cử nhân • Nơi công tác:BM NV Tây Ban Nha • Địa chỉ:Phòng A110 • Số điện thoại: 0905393909 • Email:hongphuc@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách chuyên khảo: Chính sách đa văn hóa Australia – vấn đề bảo tồn và phát triển văn hóa cư dân bản địa
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học văn hóa
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đa văn hóa, Australia, cư dân bản địa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>1. Australia và cộng đồng cư dân bản địa (sinh kế, tập quán sinh sống, tín ngưỡng và lễ hội, ngôn ngữ và nghệ thuật, tổ chức xã hội)</p> <p>2. Cộng đồng cư dân bản địa trong bối cảnh chính sách đa văn hóa</p> <p>3. Bảo tồn và phát triển văn hóa cư dân bản địa nhìn từ chính sách đa văn hóa Australia</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	Nghiên cứu văn hóa của các cộng đồng cư dân bản địa Australia đều mang nội dung liên quan đến nhân học, dân tộc học, khảo cổ học, địa lý, môi trường, tôn giáo tín ngưỡng, nghệ thuật,... vì vậy tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, trong đó sử dụng các phương pháp nghiên cứu của nhân học.
	6. Những phát hiện chính	Cuốn sách chỉ giới hạn giới thiệu bức tranh tổng quát nhất về cộng đồng cư dân bản địa, về diện mạo và bản sắc văn hóa truyền thống của họ cũng như sự biến đổi dưới tác động của chính sách thực dân Anh qua các thời kỳ, đặc biệt là tác động của chính sách đa văn hóa của Chính phủ Australia đối với việc bảo tồn và phát triển văn hóa cư dân bản địa.
	7. Các khuyến nghị	Từ những phát hiện trên, tác giả rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu

		số ở Việt Nam.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Nhận diện văn hóa cộng đồng cư dân bản địa Australia trong bối cảnh thực hiện chính sách đa văn hóa, ghi nhận những thành tựu đạt được cũng như những khó khăn thách thức để bảo tồn và phát triển văn hóa cộng đồng cư dân bản địa □ rút ra bài học kinh nghiệm trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay.</p> <p>Cung cấp những thông tin tư liệu một cách toàn diện, chi tiết có hệ thống về vấn đề nghiên cứu cho đông đảo bạn đọc nhất là sinh viên ngành Australia học về môn học Nhân học-Văn hóa-Xã hội Australia thuộc Khoa Đông phương học.</p> <p>Là tài liệu tham khảo hữu ích cho những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu muốn tìm hiểu về những vấn đề liên quan đến Australia, nhất là trên lãnh vực chính sách đa văn hoá và cộng đồng cư dân bản địa Australia.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>Sách chuyên khảo</p> <p>ISBN 978-604-73-4114-6</p> <p>NXB Đại học quốc gia TP.HCM</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Cao Bội Ngọc • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 01223377111 • Email: boingoc@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Một số vấn đề về nhân học, văn hóa, xã hội Australian
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Nhân học, văn hóa
	3. Từ khóa tìm kiếm	Bản sắc, đa văn hóa, cấu trúc xã hội
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> • Australia và cộng đồng cư dân bản địa • Vấn đề hình thành bản sắc quốc gia qua cái nhìn của các nhà nhân học.

	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng cư dân bản địa Australian trong thế giới toàn cầu hóa, đa văn hóa • Việc bảo tồn và phát triển văn hóa cư dân bản địa
5. Phương pháp nghiên cứu	Nghiên cứu văn hóa của các cộng đồng cư dân bản địa Australia đều mang nội dung liên quan đến nhân học, dân tộc học, khảo cổ học, địa lý, môi trường, tôn giáo tín ngưỡng, nghệ thuật,... vì vậy tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, trong đó sử dụng các phương pháp nghiên cứu của nhân học.
6. Những phát hiện chính	Phân tích một số vấn đề liên quan hệ thống xã hội, đa văn hóa của Australia và của các cộng đồng cư dân bản địa Australia; tìm hiểu toàn cầu hóa đã tác động đến nền văn hóa Australia như thế nào
7. Các khuyến nghị	Gợi ý một số cách bảo tồn văn hóa cư dân bản địa, đồng thời quảng bá hình ảnh của nền văn hóa độc đáo này ra thế giới
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Cung cấp những thông tin tư liệu một cách toàn diện, chi tiết có hệ thống về vấn đề nghiên cứu cho đông đảo bạn đọc nhất là sinh viên ngành Australia học về môn học Nhân học-Văn hóa-Xã hội Australia thuộc Khoa Đông phương học.</p> <p>Là tài liệu tham khảo hữu ích cho những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu muốn tìm hiểu về những vấn đề liên quan đến Australia, nhất là trên lãnh vực nhân học, văn hóa, xã hội Australia.</p>
9. Công bố khoa học	Sách tham khảo NXB ĐHQG-HCM, 2006
10. Liên lạc	<p>1)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Họ và tên: Nguyễn Văn Tiệp • Học hàm/học vị: PGS.TS. • Nơi công tác: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM • ĐT: 0913130708 • Email: tiephao53@gmail.com <p>2)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Họ và tên: Trần Cao Bội Ngọc • Học hàm/học vị: TS.

	<ul style="list-style-type: none">• Nơi công tác: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM• Địa chỉ: 10-12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC• ĐT: 01223377111• Email: boingoc@hcmussh.edu.vn <p>3)</p> <ul style="list-style-type: none">• Họ và tên: Philip Martin• Học hàm/học vị: ThS. (2006)• Nơi công tác: Trường Đại học Melbourne (Australia), là giảng viên thiện nguyện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM vào 2006.• Địa chỉ: 10-12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

KHOA, BỘ MÔN		
Bộ môn Ngữ văn Ý		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách: “Ngữ pháp tiếng Anh – Các thì đơn giản dễ hiểu”
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học Ngôn ngữ học ứng dụng
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếng Anh, ngữ pháp, các thì (tenses), so sánh-đối chiếu, thực hành
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày một cách đơn giản và dễ hiểu nhất cách dùng các thì trong tiếng Anh và ứng dụng chúng trong tiếng Anh thực hành.
	5. Phương pháp nghiên cứu	
	6. Những phát hiện chính	
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Sử dụng trong việc giảng dạy và học tập tiếng Anh cơ bản. - Ứng dụng thiết thực trong thực hành tiếng Anh, đặc biệt là trong tiếng Anh giao tiếp.
	9. Công bố khoa học	Xuất bản thành sách, in năm 2014 tại NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-58-2413-9
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN VỸ • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH-NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.I. Tp. Hồ Chí Minh • Số điện thoại: 0913 118 193 • Email: truong_vy@yahoo.com
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách: “Cú pháp tiếng Nga – Cụm từ” .

	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học Ngôn ngữ học ứng dụng
	3. Từ khóa tìm kiếm	tiếng Nga, ngữ pháp, cú pháp, cụm từ, đơn vị cú pháp
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Trình bày rõ ràng bản chất của cụm từ như một đơn vị cú pháp cơ bản, chỉ ra các mối liên hệ phụ thuộc trong cụm từ, nêu các đặc điểm ý nghĩa của cụm từ và sự phân loại các cụm từ trong tiếng Nga hiện nay.
	5. Phương pháp nghiên cứu	
	6. Những phát hiện chính	
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sử dụng trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập tiếng Nga trình độ Đại học và Sau Đại học.
	9. Công bố khoa học	Xuất bản thành sách, in năm 2015 tại NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-73-3273-1
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN VỸ • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH-NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.I. Tp. Hồ Chí Minh • Số điện thoại: 0913 118 193 • Email: truong_vy@yahoo.com
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Sách: “Cú pháp tiếng Nga – Câu đơn
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học Ngôn ngữ học ứng dụng
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tiếng Nga, ngữ pháp, cú pháp, câu đơn, đơn vị cú pháp
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung	Trình bày rõ ràng bản chất và đặc điểm cú pháp của câu nói chung và câu đơn nói riêng. Tiến hành phân loại câu và chỉ ra các thành phần cơ bản của câu đơn như một đơn vị cú pháp quan trọng và

	nghiên cứu	phức tạp.
	5. Phương pháp nghiên cứu	
	6. Những phát hiện chính	
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sử dụng trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập tiếng Nga trình độ Đại học và Sau Đại học.
	9. Công bố khoa học	Xuất bản thành sách, in năm 2016 tại NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-73-3792-7
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN VỸ • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH-NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.I. Tp. Hồ Chí Minh • Số điện thoại: 0913 118 193 • Email: truong_vy@yahoo.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Sách: Sai lệch xã hội trong xã hội học của Emile Durkheim - Qua nghiên cứu 2 tác phẩm “Tự tử” và “Phân công lao động xã hội”</p> <p>Mã số: 2K – 111 ĐH2014</p> <p>Xuất bản năm 2015</p> <p>Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Xã hội học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Xã hội học, sai lệch xã hội, Emile Durkheim, tự tử, phân công lao động xã hội
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>1. Bản chất quan điểm sai lệch xã hội của E. Durkheim là gì?</p> <p>2. Quan điểm của E. Durkheim có ý nghĩa như thế nào đối với thế giới và Việt Nam?</p>
	5. Phương pháp	Phân tích tài liệu là phương pháp cơ bản, cùng kết hợp với nhiều

	nghiên cứu	phương pháp khác liên quan như phương pháp lịch sử, các phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, chứng minh, so sánh - đối chiếu, loại suy, logic...
	6. Những phát hiện chính	
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Nghiên cứu ứng dụng quan điểm sai lệch xã hội của E. Durkheim trong nhiều vấn đề liên quan thực tiễn xã hội Việt Nam.
	9. Công bố khoa học	Công trình là Luận án Tiến sĩ xã hội học đã bảo vệ thành công. Được xuất bản thành sách với cùng tên gọi vào năm 2015 của Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN VỸ • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH-NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.I. Tp. Hồ Chí Minh • Số điện thoại: 0913 118 193 • Email: truong_vy@yahoo.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Đề tài nghiên cứu khoa học (cấp Trường)</p> <p>“Dạy kỹ năng đọc tiếng Nga trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Khoa Ngữ văn Nga (Trường Đại học KHXH-NV – ĐHQG-HCM)”</p> <p>Mã số: 136T/2010 (136/HĐ-QLKH-DA)</p> <p>(Đề tài cấp Trường ĐH)</p> <p>Thời gian nghiệm thu: năm 2011 tại Trường Đại học KHXH-NV (ĐHQG-HCM)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học ứng dụng
	3. Từ khóa tìm kiếm	Kỹ năng ngôn ngữ, đọc hiểu, tiếng Nga, giảng dạy ngoại ngữ, hệ thống tín chỉ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy môn đọc hiểu tiếng Nga như một kỹ năng ngôn ngữ trong đào tạo theo Hệ thống tín chỉ ở Khoa Ngữ văn Nga, Trường Đại học KHXH-NV (ĐHQG-HCM)

	5. Phương pháp nghiên cứu	
	6. Những phát hiện chính	
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Ứng dụng vào giảng dạy môn Đọc tiếng Nga ở các trường Đại học có đào tạo chuyên ngữ Nga.
	9. Công bố khoa học	Công trình đã được nghiệm thu tại Trường Đại học KHXH-NV (ĐHQG-HCM) và ứng dụng vào giảng dạy tại Khoa Ngữ văn Nga của Trường.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: TRƯƠNG VĂN VỸ • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trường ĐH KHXH-NV • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.I. Tp. Hồ Chí Minh • Số điện thoại: 0913 118 193 • Email: truong_vy@yahoo.com
6	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Đề tài nghiên cứu khoa học (cấp ĐHQG)</p> <p>“Xây dựng sách hướng dẫn dạy và học kỹ năng đọc hiểu tiếng Nga theo Bộ giáo trình “Đọc tiếng Nga” (5 tập)”</p> <p>Mã số: B2012-18b-08</p> <p>(Đề tài cấp Đại học Quốc gia)</p> <p>Thời gian nghiệm thu: năm 2013 tại Trường Đại học KHXH-NV (ĐHQG-HCM)</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Ngôn ngữ học ứng dụng
	3. Từ khóa tìm kiếm	Sách hướng dẫn, kỹ năng ngôn ngữ, đọc hiểu, tiếng Nga, dạy và học ngoại ngữ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Xây dựng sách hướng dẫn dạy và học kỹ năng đọc hiểu tiếng Nga theo Bộ giáo trình “Đọc tiếng Nga” (5 tập) đang được sử dụng ở Trường Đại học KHXH-NV (ĐHQG-HCM)
	5. Phương pháp	

nghiên cứu	
6. Những phát hiện chính	
7. Các khuyến nghị	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Sử dụng trong việc dạy và học kỹ năng Đọc tiếng Nga ở các Trường Đại học đang đào tạo chuyên ngành tiếng Nga.
9. Công bố khoa học	Công trình đã được nghiệm thu tại Trường Đại học KHXH-NV (ĐHQG-HCM) và ứng dụng vào giảng dạy tại Khoa Ngữ văn Nga của Trường.
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none">• Họ tên: TRƯƠNG VĂN VỸ• Học hàm/ học vị: PGS. TS• Nơi công tác: Trường ĐH KHXH-NV• Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.I. Tp. Hồ Chí Minh• Số điện thoại: 0913 118 193• Email: truong_vy@yahoo.com

TRUNG TÂM		
Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu hội thảo 2015: Phát triển bền vững giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở Đồng bằng sông Cửu Long
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Phát triển bền vững; phát triển nguồn nhân lực; giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 78 Tổng số tác giả/ diễn giả: 78. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 5 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 73
	5. Mục lục, NXB, năm XB	Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	- Một là, những vấn đề lý luận về giáo dục – đào tạo và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. - Hai là, những kinh nghiệm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở một số nước trên thế giới. - Ba là, thực trạng và giải pháp phát triển bền vững giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở Đồng bằng sông Cửu Long.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Kỷ yếu hội thảo là tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu của các nhà khoa học tại các Viện, trung tâm nghiên cứu và học viên, sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững và phát triển bền vững giáo dục – đào tạo ở Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo để các nhà lãnh đạo các tỉnh có được một số gợi ý cho chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng và từng địa phương.
	9. Đơn vị	• Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia

		<ul style="list-style-type: none"> • Trường đơn vị: GS.TS Võ Văn Sen • Email: css@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Kỷ yếu hội thảo 2014: Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long – Những vấn đề lý luận và thực tiễn
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Phát triển bền vững; Đồng bằng sông Cửu Long
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 75 Tổng số tác giả/ diễn giả: 75. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 42 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 33
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	- Một là, Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long - Hai là, Thực trạng phát triển bền vững ĐBSCL – những nguyên nhân của nó - Ba là. Các giải pháp thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững ĐBSCL
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Cuốn sách kỷ yếu hội thảo là tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu của các nhà khoa học tại các Viện, trung tâm nghiên cứu và học viên, sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long và là nguồn tài liệu tham khảo để các nhà lãnh đạo các tỉnh có được một số gợi ý cho mục tiêu phát triển bền vững của vùng và từng địa phương.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia • Trường đơn vị: GS.TS Võ Văn Sen • Email: css@hcmussh.edu.vn

3	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Toạ đàm khoa học: “Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu quản lý phát triển xã hội ở Tp.HCM trong điều kiện đổi mới chính quyền đô thị”
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Quản lý phát triển xã hội, chính quyền đô thị, thành phố Hồ Chí Minh
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 6 Tổng số tác giả/ diễn giả: 6. Trong đó: - Tác giả là CB - GV trong Trường: 2 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 4
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: 1. PGS.TS. Nguyễn Thế Nghĩa, “Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội - một số vấn đề lý luận”; 2. TS. Nguyễn Hữu Nguyên, Xác định cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu "Quản lý phát triển xã hội ở TP.HCM. Trong điều kiện đổi mới chính quyền đô thị"; 3. TS.NCVCC. Hồ Bá Thâm, “Về xác định mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam - Thực trạng và những vấn đề đặt ra (Nghiên cứu so sánh)”; 4. TS. Trần Nhu, “Chính quyền đô thị TP.HCM”; 5. TS.NCVCC. Hồ Bá Thâm, “Cơ sở phương pháp luận khoa học của việc nghiên cứu sự phát triển xã hội và quản lý phát triển ở nước ta hiện nay”; 6. TS. Nguyễn Chí Trung, “Các vấn đề Maxcova với tư cách là chính quyền đô thị”.
	6. Các chủ đề chính	- Một là, cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu quản lý phát triển xã hội - Hai là, các vấn đề về chính quyền đô thị, quản lý phát triển xã hội - Ba là, những gợi ý về đổi mới mô hình tổ chức chính quyền đô thị ở TP HCM.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	

	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Các bài viết của tham gia tọa đàm là những tài liệu bổ ích, cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà khoa học và những người quan tâm về các vấn đề chính quyền đô thị. Là cơ sở khoa học cho các nhà lãnh đạo tham khảo trong định hướng xây dựng mô hình chính quyền đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia • Trưởng đơn vị: GS.TS Võ Văn Sen • Email: css@hcmussh.edu.vn
4	1. Tên sách/ kỷ yếu/ tọa đàm	Tọa đàm khoa học: “Đối sách của Việt Nam ở biển Đông – Những vấn đề pháp lý và hành động”
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Biển Đông, đối sách, Việt Nam
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết/ trình bày: 6</p> <p>Tổng số tác giả/ diễn giả: 6. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 1 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường:
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<p>- Mục lục:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. TS. NCVCC Hồ Bá Thâm, “Cần có quan điểm, giải pháp đúng về mối quan hệ giữa bảo vệ chủ quyền với hoà bình, hữu nghị và phát triển đất nước trong đối sách với Trung Quốc hiện nay (Thông tin và bình luận)”; 2. TS. Trần Nhu, “Đối sách của nước ta ở Biển Đông trước hành động thực dân của chủ nghĩa bành trướng Đại Hán”; 3. TS. Nguyễn Hữu Nguyên, “Đối sách lâu dài ở Biển Đông Việt Nam cần tạo lập sức mạnh”; 4. Ngô Lực Tải, “Biển Đông tuyến đường biển an toàn và hoà bình của thế giới”; 5. GS. Trần Đình Bút, “Chúng ta bằng bất cứ giá nào cũng không được phép sợ Trung Quốc”; 6. Hãn Nguyễn Nguyễn Nhã, “Những bằng chứng lịch sử và pháp lý quốc tế về sự xác lập và thực thi chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa”.

	6. Các chủ đề chính	Một là, những vấn đề pháp lý trong đấu tranh giành chủ quyền trên biển Đông Hai là, những giải pháp cụ thể đối phó với Trung Quốc ở khu vực giàn khoan Hải Dương – 981 hiện nay.
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Các bài viết của tham gia tại tọa đàm là những tài liệu bổ ích, cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà khoa học và những người quan tâm về các vấn đề biển Đông. Tài liệu cho các nhà lãnh đạo tham khảo xác định những phương hướng và giải pháp trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền đất nước trên biển Đông.
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia • Trưởng đơn vị: GS.TS Võ Văn Sen • Email: css@hcmussh.edu.vn
5	1. Tên sách/ kỷ yếu/ tọa đàm	Tọa đàm khoa học: “Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển”
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đổi mới, ổn định, phát triển, mối quan hệ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 8 Tổng số tác giả/ diễn giả: 8. Trong đó: - Tác giả là CB - GV trong Trường: 3 - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 5
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Mục lục: 1. GS. Trần Đình Bút, “Đổi mới và phát triển”; 2. GS. Nguyễn Ngọc Giao, “Một số ý kiến về đổi mới ổn định và phát triển” 3. PGS,TS Đinh Ngọc Thạch, “Vấn đề động lực của đổi mới trong mối quan hệ đổi mới, ổn định và phát triển”; 4. PGS.TS Phương Ngọc Thạch, “Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn

	<p>đình và phát triển”;</p> <p>5. PGS.TS Nguyễn Minh Hòa, “Bàn về phát triển, đổi mới trong quan điểm hệ thống”;</p> <p>6. TS. Nguyễn Hữu Nguyên, “30 năm đổi mới nhìn lại: khoảng cách giữa thành tựu và các mục tiêu về con người”;</p> <p>7. TS. Hồ Bá Thâm, “Một số vấn đề gay cấn về việc xử lý mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới, ổn định và phát triển bền vững trong nhận thức và thực tiễn hiện nay”;</p> <p>8. TS. Trần Nhu, “Đổi mới cần đồng bộ mới có thể tạo điều kiện cần thiết cho sự phát triển ổn định”.</p>
6. Các chủ đề chính	<p>- Một là, quan hệ biện chứng giữa đổi mới, ổn định và phát triển.</p> <p>- Hai là, những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện “mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển”</p> <p>- Ba là, những giải pháp khắc phục những hạn chế và thúc đẩy thực hiện mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển.</p> <p>- Bốn là, những bài học kinh nghiệm trong thực hiện mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển ở TP. Hồ Chí Minh.</p>
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Tài liệu tọa đàm là nguồn tài liệu tham khảo cho các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có nhận thức về lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển.
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia • Trưởng đơn vị: GS.TS Võ Văn Sen • Email: css@hcmussh.edu.vn

TRUNG TÂM		
Trung tâm Hàn Quốc học		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia: “Sự tương đồng và khác biệt về đặc trưng văn hoá giữa Việt Nam – Hàn Quốc” . Mã số B2012-18b-02TĐ
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Hàn Quốc học
	3. Từ khóa tìm kiếm	So sánh đặc trưng văn hoá, văn hoá Việt Nam, văn hoá Hàn Quốc, tương đồng, khác biệt
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	So sánh đặc trưng văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc. Cụ thể bao gồm: - Tổng kết xác định đặc trưng nổi bật của văn hóa Việt Nam và văn hóa Hàn Quốc. - So sánh sự tương đồng và khác biệt về đặc trưng văn hóa của hai quốc gia và phân tích cơ sở hình thành những tương đồng và khác biệt này. - Tổng hợp các hệ quả trên thực tế để phân tích những tác động của xung đột văn hóa do thiếu sự hiểu biết văn hóa của nhau trong các hoạt động hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa xã hội
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết, định tính - Phương pháp thực nghiệm điều tra định lượng bằng bảng hỏi
	6. Những phát hiện chính	So sánh đặc trưng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc một cách hệ thống, khoa học và có tính thực tiễn
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Đề tài tập trung phân tích các tác động của sự tương đồng và khác biệt về đặc trưng văn hóa đến thực tiễn hợp tác giao lưu Hàn-Việt trong trường hợp các đối tượng đang trực tiếp hợp tác kinh tế (các công ty Hàn Quốc ở Việt Nam) và giao lưu xã hội (các gia đình đa văn hóa Việt - Hàn ở Hàn Quốc). Đề tài góp phần đáp ứng nhu cầu tăng cường hiểu biết văn hóa lẫn nhau trong bối cảnh quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc đang phát triển

		<p>manh mẽ.</p>
	9. Công bố khoa học	<p>- <i>Tạp chí Phát triển KH&CN</i>, ĐHQG-HCM, tập 15, số X2-2012: “Một số vấn đề xã hội và văn hóa trong việc xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long nhìn từ hiện tượng phụ nữ nông thôn lấy chồng nước ngoài”.</p> <p>- <i>Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TPHCM Số X2, Chuyên san Khoa học xã hội nhân văn, 2015: “Những đặc trưng trong lĩnh vực văn hóa mặc của văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam”.</p> <p>- <i>Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TPHCM, Tập 16, Số X4, Chuyên san Khoa học xã hội nhân văn, 2015: “Những đặc trưng tương đồng và khác biệt trong lĩnh vực nhà ở truyền thống của văn hóa Hàn Quốc và văn hóa Việt Nam”.</p> <p>- <i>Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ</i>, Đại học Quốc gia TPHCM, Tập 17, Số X5, Chuyên san Khoa học xã hội nhân văn, 2015: “Những đặc trưng tương đồng và khác biệt trong lĩnh vực ăn uống của văn hóa Hàn Quốc và văn hóa Việt Nam”.</p> <p>- <i>Tạp chí Hàn Quốc</i>, năm 2014: “Nhu cầu và định hướng thúc đẩy Hàn Quốc học tại Việt Nam”.</p> <p>- <i>Tạp chí Hàn Quốc</i>, số 11 (1), 2015: “Trào lưu kết hôn Hàn Việt của phụ nữ nông thôn đồng bằng sông Cửu Long từ 2005 đến nay dưới góc nhìn hệ giá trị văn hóa Việt Nam”.</p> <p>- Công bố dưới dạng sách với tiêu đề: “<i>Đặc trưng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc. Tương đồng và khác biệt</i>”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, tháng 2/2016.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thị Thu Lương • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trung tâm Hàn Quốc học, ĐHKHXH&NV, ĐHQG TPHCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Quận 1, TPHCM. • Số điện thoại: 0908300257 • Email: ttluong@vnuhcm.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Sách: “Đặc trưng văn hoá Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại”.</p> <p>Sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “<i>Những đặc trưng văn hoá Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại</i>”.</p>

2. Lĩnh vực nghiên cứu	Hàn Quốc học
3. Từ khóa tìm kiếm	Đặc trưng văn hoá Hàn Quốc, truyền thống, hiện đại
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tổng kết các đặc trưng văn hoá truyền thống của Hàn Quốc. Phân tích những biến đổi ở một số lĩnh vực của văn hoá Hàn Quốc. Giới thiệu tổng quan các đặc trưng văn hoá Hàn Quốc hiện đại
5. Phương pháp nghiên cứu	Tiếp cận văn hoá Hàn Quốc theo phương pháp nghiên cứu cấu trúc động trong đó cấu trúc đồng đại (đặc trưng văn hoá xã hội Hàn Quốc ở Đại Hàn Dân Quốc hiện đại) sẽ được phân tích từ cái nhìn lịch đại (văn hoá Hàn Quốc truyền thống).
6. Những phát hiện chính	Đặc trưng văn hoá Hàn truyền thống: <ol style="list-style-type: none"> 1. Một nền văn hoá nông nghiệp giàu tính nhân văn 2. Văn hoá tôn ty, trọng lễ nghi trọng danh 3. Ý thức cộng đồng và long tự tôn dân tộc cao 4. Văn hoá thâm đắm yếu tố tâm linh Đặc trưng văn hoá Hàn hiện đại <ol style="list-style-type: none"> 1. Các đặc trưng văn hoá truyền thống đều có sự kế thừa và phát triển ở văn hoá hiện đại 2. Tăng tính hiện đại, tính mở và hội nhập
7. Các khuyến nghị	Là nghiên cứu bước đầu có tính tổng quan.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Là tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích cho sinh viên khoa học xã hội nhân văn nói chung, sinh viên ngành Hàn Quốc học nói riêng, đồng thời đáp ứng nhu cầu tìm hiểu văn hoá Hàn Quốc trong bối cảnh quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc
9. Công bố khoa học	Công bố dưới dạng sách với tiêu đề: <i>Đặt trưng văn hoá Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại</i> , NXB Tổng hợp TPHCM, năm 2011.
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thị Thu Lương • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trung tâm Hàn Quốc học, ĐHKHXH&NV, ĐHQG TPHCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Quận 1, TPHCM.

		<ul style="list-style-type: none"> • Số điện thoại: 0908300257 • Email: ttluong@vnuhcm.edu.vn
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Sách: “Đặc trưng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc. Tương đồng và khác biệt”.</p> <p>Sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học quốc gia: <i>“Sự tương đồng và khác biệt về đặc trưng văn hóa của Việt Nam và Hàn Quốc”</i>. Mã số: B2012-18b-02TĐ</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Hàn Quốc học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Đặc trưng văn hóa, Việt Nam, Hàn Quốc, tương đồng, khác biệt
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Tổng kết và so sánh các đặc trưng văn hóa Hàn Quốc - Việt Nam. Cung cấp những kiến thức cơ bản, thiết yếu về sự tương đồng và khác biệt của hai nền văn hóa Hàn Quốc và Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Phương pháp hệ thống</p> <p>Phương pháp loại hình</p> <p>Phương pháp so sánh</p> <p>Phương pháp điều tra định lượng</p> <p>Cách tiếp cận trong so sánh văn hóa: loại trừ mục đích so sánh có tính chất đánh giá thứ bậc hơn – kém, tốt – xấu. Các so sánh trong công trình nhằm hướng tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh để thấy những đặc điểm đặc sắc, độc đáo riêng biệt của các sáng tạo văn hóa được điều khiển bởi hệ giá trị của văn hóa Hàn Quốc và Việt Nam. - So sánh để thấy những đặc điểm tương đồng trong đặc trưng của văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc.
	6. Những phát hiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. So sánh đặc trưng văn hoá nhận thức 2. So sánh đặc trưng văn hoá tổ chức xã hội 3. So sánh đặc trưng văn hoá trong một số lĩnh vực tổ chức đời sống vật chất (ăn, mặc, ở) 4. So sánh đặc trưng văn hoá trong đời sống tâm linh của văn hoá truyền thống Việt Nam và Hàn Quốc
	7. Các khuyến nghị	Kế thừa kết quả Đề tài nghiên cứu cấp trọng điểm Đại học Quốc gia

		TPHCM 2012-2014.
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Cuốn sách tập trung phân tích các tác động của sự tương đồng và khác biệt về đặc trưng văn hóa đến thực tiễn hợp tác giao lưu Hàn-Việt trong trường hợp các đối tượng đang trực tiếp hợp tác kinh tế (các công ty Hàn Quốc ở Việt Nam) và giao lưu xã hội (các gia đình đa văn hóa Việt-Hàn ở Hàn Quốc).</p> <p>Cuốn sách góp phần đáp ứng nhu cầu tăng cường hiểu biết văn hóa lẫn nhau trong bối cảnh quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đang phát triển mạnh mẽ.</p> <p>Cuốn sách là tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích cho sinh viên ngành Hàn Quốc học trong các trường đại học cũng như cho các nhà nghiên cứu và bạn đọc quan tâm đến văn hóa Việt-Hàn.</p>
	9. Công bố khoa học	- Công bố dưới dạng sách với tiêu đề: <i>Đặc trưng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc. Tương đồng và khác biệt</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, tháng 2/2016.
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Thị Thu Lương • Học hàm/ học vị: PGS. TS • Nơi công tác: Trung tâm Hàn Quốc học, ĐHKHXH&NV, ĐHQG TPHCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Quận 1, TPHCM. • Số điện thoại: 0908300257 • Email: ttluong@vnuhcm.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	<p>Giao tiếp Hàn – Việt, những va chạm văn hoá và hướng dẫn ứng xử giảm mâu thuẫn tăng hoà hợp.</p> <p>한-베간 발생하는 문화갈등 감소, 화합 증진 및 바람직한 의사소통 방안에 대한 국제 학술대회</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Văn hoá Hàn Quốc và văn hoá Việt Nam.
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giao tiếp Hàn – Việt, va chạm văn hoá, hướng dẫn ứng xử
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết: 30</p> <p>Tổng số tác giả: 29 Trong đó,</p> <p>- Tác giả là CB - GV trong Trường: 12</p>

	- Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 17
5. Mục lục, NXB, năm XB	
6. Các chủ đề chính	<p>1. Thực trạng và những giải pháp giảm thiểu va chạm văn hoá tại các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam.</p> <p>2. Thực trạng và những giải pháp giảm thiểu va chạm văn hoá tại các gia đình đa văn hoá Hàn – Việt.</p>
7. Các khuyến nghị (nếu có)	Kỹ yếu song ngữ Hàn – Việt
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Góp phần xác định cơ sở khoa học cho việc biên soạn cẩm nang ứng xử Hàn – Việt trong 2 không gian nói trên để giảm mâu thuẫn, tăng hoà hợp.</p> <p>- Các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam và các đối tượng trong gia đình đa văn hoá Hàn – Việt có thể tham khảo để hiểu rõ hơn các va chạm văn hoá thường gặp và định hướng ứng xử giảm mâu thuẫn, tăng hoà hợp.</p>
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Hàn Quốc học • Trưởng đơn vị: PGS.TS Trần Thị Thu Lương • Email: ttluong@vnuhcm.edu.vn

TRUNG TÂM		
Trung tâm Nghiên cứu Biển & Đảo		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Mô hình phát triển kinh tế - sinh thái - đảo Hòn Tre - Kiên Giang (Đề tài cấp Trường 2014)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tài nguyên biển đảo
	3. Từ khóa tìm kiếm	1. Kinh tế - Mô hình - Kiên Giang. 2. Phát triển kinh tế. 3. Mô hình kinh tế sinh thái. 4. Đảo Hòn Tre.
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	- Có thể xây dựng mô hình kinh tế sinh thái trên đảo hay không? - Những vấn đề còn tồn tại trong phát triển kinh tế hải đảo Hòn Tre là gì? - Giải pháp nào để phát triển bền vững cho Hòn Tre?
	5. Phương pháp nghiên cứu	- Phương pháp thu thập tổng hợp dữ liệu - Phương pháp khảo sát thực tế - Phương pháp phân tích bản đồ - bản biểu - Phương pháp bảng hỏi, phỏng vấn sâu
	6. Những phát hiện chính	Việc phát triển các mô hình nông-lâm-ngư kết hợp thực chất đó là mô hình phát triển kinh tế sinh thái của xã đảo Hòn Tre, nhìn tổng thể đây là một mô hình hay và rất cần thiết giúp người dân thay đổi và hoàn thiện tập quán canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi với đất đai trên đảo nhằm tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi, đưa kinh tế nông nghiệp của xã đảo chuyển sang một bước phát triển mới đáp ứng yêu cầu trong chiến lược phát triển biển của nước ta, từ nay đến năm 2020.
	7. Các khuyến nghị	Nhóm nghiên cứu rất mong các cấp chính quyền địa phương, Đảng và Nhà nước, nên có sự quan tâm hơn nữa tới đời sống kinh tế của người dân tại các vùng đảo và hải đảo xa xôi của đất nước để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển, các mô hình hình nông-lâm-ngư kết hợp điển hình cần được nhân rộng, phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng tự nhiên và văn hoá, con người nơi xứ đảo.

	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	Chính sách quản lý
	9. Công bố khoa học	<p>Nghiên cứu này đã được công bố dưới những hình thức nào? (Bài báo tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế, sách, trình bày hội thảo trong nước/ quốc tế, ...)</p> <p>- Ngô Hoàng Đại Long, “Đánh giá tính hiệu quả của các mô hình nông lâm ngư kết hợp trên xã đảo Hòn Tre, Kiên Giang dưới góc độ kinh tế sinh thái”, Hội nghị Khoa học <i>Địa lý - Quản lý Tài nguyên</i> vào sáng ngày 8 tháng 10 năm 2014 tại phòng Hội thảo 418 nhà T1 trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG HN, Hà Nội.</p> <p>- Ngô Hoàng Đại Long, Lê Thị Kim Thoa, “Khảo sát, đánh giá tính hiệu quả của một số mô hình nông lâm ngư kết hợp trên xã đảo Hòn Tre, Kiên Giang”, Hội nghị <i>Khoa học và Công nghệ lần 2</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM với chủ đề "Tài nguyên, Năng lượng và Môi trường vì sự Phát triển bền vững", 11/2014.</p> <p>- Ngô Hoàng Đại Long, Lê Thị Kim Thoa, “Mô hình nông lâm ngư kết hợp trên xã đảo Hòn Tre, Kiên Giang”, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia <i>Địa lý lần thứ VIII, Phục vụ chiến lược phát triển KT-XH các vùng lãnh thổ và biển đảo Việt Nam</i>, ĐH Sư phạm TP. HCM, 11/2014.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Ngô Hoàng Đại Long • Học hàm/ học vị: ThS • Nơi công tác: TTNC Biển & Đảo • Địa chỉ: Tòa nhà Điều hành ĐH KHXH&NV – CS2 • Số điện thoại: 098.498.1640 • Email: ngohoangdailong@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	Nhận diện và phát huy các giá trị tài nguyên Biển Đảo phục vụ phát triển bền vững vùng Nam Bộ
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Tài nguyên Biển Đảo
	3. Từ khóa tìm kiếm	Tài nguyên Biển Đảo
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 26

		Tổng số tác giả/ diễn giả: 30. Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 12 tác giả - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 18 tác giả
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2014
	6. Các chủ đề chính	Phần I: Những vấn đề chung Phần II: Những vấn đề lịch sử Phần III: Những vấn đề kinh tế
	7. Các khuyến nghị (nếu có)	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
	9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo • Trưởng đơn vị: TS.Lê Thanh Hòa • Email: hcmcois@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên sách/ kỹ yếu/ toạ đàm	Quản lý tổng hợp đới bờ vùng Nam Bộ trước tác động của biến đổi khí hậu
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Quản lý đới bờ
	3. Từ khóa tìm kiếm	Quản lý tổng hợp đới bờ
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	Tổng số bài viết/ trình bày: 41 Tổng số tác giả/ diễn giả: 52 Trong đó, - Tác giả là CB - GV trong Trường: 25 tác giả - Tác giả là CB - GV ngoài Trường: 27 tác giả
	5. Mục lục, NXB, năm XB	- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP.HCM - Năm xuất bản: 2015
	6. Các chủ đề chính	Phần I: Những vấn đề chung Phần II: Các vấn đề tự nhiên – môi trường trong phát triển đới bờ Nam Bộ Phần III: Các vấn đề KT-XH-VH trong phát triển quản lý đới bờ

	Nam Bộ
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo• Trưởng đơn vị: TS.Lê Thanh Hòa• Email: hcmcois@hcmussh.edu.vn

TRUNG TÂM		
Trung tâm Văn hóa học Lý luận & Ứng dụng		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế Mã số KX.04.15/11-15
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn: Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.04/11-15
	3. Từ khóa tìm kiếm	Hệ giá trị Việt Nam truyền thống, tính cách người Việt, biến động giá trị, hệ giá trị định hướng
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất một bộ khung lý luận về giá trị và hệ giá trị thỏa đáng và phù hợp cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ mới (bao gồm các khái niệm, phạm trù; các quy luật, đặc tính; phương pháp luận và các phương pháp, thủ pháp cụ thể...). - Xác định cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ mới (bối cảnh không gian, thời gian, chủ thể; bối cảnh trong nước – trên thế giới...). - Đánh giá thực trạng của hệ giá trị Việt Nam truyền thống, phân tích và lý giải nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển của từng giá trị trong đó và mối quan hệ giữa chúng. - Đánh giá thực trạng của hệ giá trị Việt Nam trong thời điểm hiện nay và những nhân tố đang tác động đến quá trình biến đổi và hình thành hệ giá trị Việt Nam mới. - Xác định hệ quan điểm và hệ tiêu chí xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. - Phác thảo hệ giá trị Việt Nam mới xuất phát từ thực trạng, theo những lý luận, quan điểm và tiêu chí đã xác định. - Đề xuất hệ giải pháp và điều kiện để hiện thực hóa hệ giá trị Việt Nam mới đã phác thảo.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Cách tiếp cận: a) Theo chiều ngang, đề tài sử dụng cách tiếp cận liên ngành, nhìn nhận các giá trị và hệ giá trị trong quan hệ tương tác với đời sống

	<p>con người và xã hội, trong đó lấy góc độ văn hóa học làm chủ đạo, bổ sung thêm các góc nhìn triết học, nhân học, tâm lý học, xã hội học...</p> <p>b) Theo chiều dọc, đề tài sử dụng cách tiếp cận hệ thống, xem xét các giá trị không theo cách biệt lập mà đặt chúng trong mối liên hệ với nhau và quy định lẫn nhau như một tổng hệ thống.</p> <p>Đến lượt mình, tổng hệ thống giá trị này theo chiều ngang bao gồm một số hệ thống con tương tác với nhau và với môi trường xã hội và tự nhiên. Theo chiều dọc, tổng hệ thống giá trị này có cấu trúc tầng bậc với tiểu hệ giá trị bản sắc ở tầng trên, tiểu hệ giá trị cốt lõi ở tầng giữa và các tiểu hệ giá trị phái sinh (thứ cấp) cũng như các hậu quả ở tầng dưới.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:</p> <p>a) Phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác, các quan điểm về văn hoá và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh được vận dụng trong việc phân tích giá trị và đề xuất các biện pháp và điều kiện để xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong điều kiện mới.</p> <p>b) Phương pháp hệ thống - loại hình (với các kỹ thuật phân tích và tổng hợp, kỹ thuật so sánh đối chiếu) là phương pháp định tính, được áp dụng như phương pháp chủ đạo để phối hợp tiếp cận liên ngành nhằm tìm ra những nét chung và riêng, đặc thù cho từng cấp độ, để nhận diện các giá trị và xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong điều kiện mới.</p> <p>c) Các phương pháp thực nghiệm và định lượng như quan sát tham dự trong sinh hoạt cộng đồng, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi, điều tra thực địa bằng phỏng vấn được sử dụng để cung cấp dữ liệu cho phân tích định tính; kiểm định uốn nắn các kết luận thu được bằng phương pháp định tính hệ thống - loại hình.</p>
<p>6. Những phát hiện chính</p>	<p>- Tổng hợp và trình bày tóm lược theo chiều lịch đại lịch sử nhận thức và nghiên cứu về giá trị và giá trị học, đồng thời xem xét và phân loại, phân tích các quan niệm về giá trị cũng như các xu hướng định nghĩa khái niệm “giá trị” theo chiều đồng đại;</p> <p>- Xây dựng định nghĩa về khái niệm “giá trị” với bốn tiêu chí cho phép nhận diện: (1) Là tính chất của khách thể (sự vật, hiện tượng, trạng thái, hoạt động, v.v.); (2) Được chủ thể (con người) đánh giá là tích cực; (3) Xét trong quan hệ so sánh với các khách thể khác cùng loại; (4) Được định vị trong một bối cảnh không gian - thời gian cụ thể. Từ đây, xác định và nhận diện một loạt các khái niệm quan trọng có liên quan là: chuẩn và lệch chuẩn, phi giá trị, thang</p>

	<p>đo giá trị, trị giá, và hệ giá trị.</p> <p>- Góp phần xây dựng lý luận về giá trị văn hóa và hệ giá trị văn hóa: Trong quan hệ giữa giá trị văn hóa và giá trị con người thì giá trị con người không phải là một thành tố độc lập ngang hàng với giá trị văn hóa mà chỉ là một bộ phận của giá trị văn hóa, nằm trong giá trị văn hóa; Giá trị văn hóa có ba ý nghĩa: thể hiện quá trình nhận thức những điều mong muốn của con người; thể hiện cảm xúc theo hướng ủng hộ hoặc chống đối giá trị đó; kích thích hành động của con người để nâng cao chất lượng cuộc sống; Từ các cách phân loại giá trị văn hóa, rút ra 7 kiểu cấu trúc của hệ giá trị văn hóa và các loại hình giá trị văn hóa; Hai quy luật cơ bản của giá trị gồm: Quy luật tương tác và đối lập giá trị và quy luật biến động giá trị.</p> <p>- Hệ giá trị Việt Nam truyền thống được giới thiệu tổng quan qua con mắt người nước ngoài, qua con mắt người Việt Nam đến giữa thế kỷ XX và qua con mắt người Việt Nam nửa sau thế kỷ XX. Từ cái nhìn hệ thống - loại hình, hệ giá trị Việt Nam truyền thống được xây dựng với 23 giá trị tập hợp theo năm đặc trưng cơ bản: Tính cộng đồng làng xã, tính trọng âm, tính ưa hài hòa, tính chủ toàn, tính linh hoạt, và hai giá trị tổng hợp là: (1) Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; (2) Lòng nhân ái, thương người.</p> <p>- Những biến động của hệ giá trị Việt Nam truyền thống trong giai đoạn hiện đại được tìm hiểu nguồn gốc và giới thiệu bức tranh khái quát về những nghiên cứu điều tra biến động giá trị ở Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy: Trong nhóm các giá trị phổ biến có sáu giá trị được bảo tồn và phát triển là: Hạnh phúc, Việc làm, Công bằng, Giàu có, Tình nghĩa và Trung thực. Các tệ nạn phát triển mạnh, trong đó nghiêm trọng nhất là nạn tham nhũng; Các tệ nạn tiếp theo là: quan liêu, cửa quyền; hối lộ; bạo hành, cướp giết; cờ bạc, số đề; ma túy; mại dâm. Niềm tin của dân chúng suy giảm nghiêm trọng. Sự biến động giá trị khiến cho những mặt trái của các giá trị truyền thống được dịp bùng phát, tạo nên một hệ thống 30 thói hư tật xấu trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại. Để loại trừ và thay thế các tật xấu này, những người tham gia điều tra đã chọn ra 15 giá trị tinh hoa cần bổ sung và phát triển, kết hợp với các giá trị truyền thống có xu hướng tạo nên bốn đặc trưng mới là: Tính cộng đồng xã hội, Tính hài hòa thiên về dương tính, Tính chủ toàn hiện đại và Tính năng động.</p> <p>- Con đường đi đến hệ giá trị Việt Nam mới phải đem lại hạnh phúc cho con người, hướng đất nước đến phát triển bền vững. Mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi toàn diện của Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế gồm:</p>
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>Nhóm các giá trị phổ biến đang được bảo tồn và phát triển; Nhóm các giá trị truyền thống đang được bảo tồn; và Nhóm các giá trị tinh hoa cần bổ sung và phát huy với tổng số là 35 giá trị. Trong đó chọn ra mười giá trị cấp bách để lập thành hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm chia thành năm nhóm là: (1) Dân chủ và Pháp quyền; (2) Nhân ái và Yêu nước; (3) Trung thực và Bản lĩnh; (4) Trách nhiệm và Hợp tác; (5) Tính khoa học và Sáng tạo. Và đề ra năm nhóm giải pháp chủ yếu cần thực hiện là: nhóm giải pháp về thể chế, nhóm giải pháp tổ chức, nhóm giải pháp giáo dục - tuyên truyền, nhóm giải pháp pháp lý - hành động, và nhóm giải pháp phát triển.</p>
7. Các khuyến nghị		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tới các cấp có trách nhiệm đề xuất của đề tài về hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm. - Bước đầu triển khai những đề xuất của đề tài về việc thực hiện năm nhóm giải pháp. - Triển khai đề tài nghiên cứu tiếp theo để cụ thể hóa, chi tiết hóa các nhóm giải pháp, cũng như xây dựng những mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm cho những giai đoạn tiếp theo.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng lý luận Trung ương tổng hợp, đúc kết đưa vào các văn kiện của Đảng và Nhà nước. - Các bộ, ngành vận dụng xây dựng hệ giá trị cho ngành mình.
9. Công bố khoa học		<p>Sách:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, 527 tr. 2. Trần Ngọc Thêm 2016, <i>Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống tới hiện đại và con đường đến tương lai</i>. Tp.HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 589 tr. <p>Bài báo trên sách, tạp chí trong nước:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Ngọc Thêm 2013, “Khái luận về văn hóa”, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 9-24. 2. Trần Ngọc Thêm 2013, “Nhận diện văn hóa và văn hóa học”, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 29-42. 3. Trần Ngọc Thêm 2013, “Đề cương về văn hóa Việt Nam - nhìn từ khía cạnh văn hóa học và văn bản học”, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb

		<p>ĐHQG Tp. HCM, tr. 300-308.</p> <p>4. Trần Ngọc Thêm 2013, “Văn hóa và an ninh con người”, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 525-534.</p> <p>5. Trần Ngọc Thêm 2013, “Giao lưu văn hóa ở Nam Bộ và vai trò của nó trong sự phát triển văn hóa Việt Nam”, <i>T/c Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM</i>, tập 16, số X1</p> <p>6. Trần Ngọc Thêm 2013, “Người Việt Nam ở nước ngoài với việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc”, <i>T/c Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM</i>, tập 15, số X2, tr. 19-30. (ISSN 1859-0128)</p> <p>7. Trần Ngọc Thêm 2013: “Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương”, <i>T/c Triết học</i>, số 1 (260), tr. 32-40.</p> <p>8. Trần Ngọc Thêm 2014, “Tổng quan những bài học lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa từ đổi mới đến nay”. In trong sách: Phùng Hữu Phú và Đinh Xuân Dũng (đồng cb) 2014: <i>Văn hóa – sức mạnh nội sinh phát triển</i>. – H.: NXB CTQG-ST, tr. 26-55. Cũng in trong: <i>Tạp chí Lý luận và thực tiễn</i>, số 4-2013 (138), tr. 18-28; số 5-2014 (139), tr. 45-52; t/c “Báo cáo viên” (ISSN 1859-4468), 2014, số 2, tr. 60-64 + số 3, tr. 61-64</p> <p>9. Trần Ngọc Thêm 2014, “Ngôi” và “Đi” hay “Ổn định” và “Biến động” trong hệ giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam qua cứ liệu ngôn ngữ, In trong: <i>Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư</i>, số 6, tr. 4-9</p> <p>10. Trần Ngọc Thêm 2014, “Những biến động trong quan niệm về giá trị của các khu vực văn hoá trên thế giới”, <i>T/c Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM</i>, tập 17, số X5, tr. 54- 61.</p> <p>11. Trần Ngọc Thêm 2015, “Cơ sở lý luận về giá trị, giá trị văn hóa cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam mới”. In trong: <i>Tạp chí Triết học</i>, số 2, tr. 38-45.</p> <p>12. Trần Ngọc Thêm 2015, “Đề xuất hệ giá trị Việt Nam”, - In trong: <i>T/c Lý luận và thực tiễn</i>, số 19 (153), tr. 31-37.</p> <p>13. Trần Ngọc Thêm 2015, “Góp bàn về xây dựng mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi”- In trong: <i>T/c Tuyên giáo</i>, số 5-2015, tr. 56-60.</p> <p>14. Trần Ngọc Thêm 2015, “Hệ giá trị Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014: thực trạng và đề xuất”,– In trong: <i>T/c Khoa học công nghệ Việt Nam</i> (của Bộ KH-CN), tập 1, số 5, tr. 47-54.</p>
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>15. Ngô Đức Thịnh 2013, “Một số quan niệm về Hệ giá trị văn hoá Việt Nam” - In trong: Hội thảo khoa học: <i>Hệ giá trị văn hoá Việt Nam trong đổi mới, hội nhập</i>, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hà Nội 2013”. H – Nxb Văn hoá Thông tin, tr 15 - 35</p> <p>16. Hồ Sĩ Quý 2015, “Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam”, – In trong: <i>T/c Khoa học công nghệ Việt Nam</i> (của Bộ KH-CN), tập 1, số 5, tr. 40-46.</p> <p>17. Trần Ngọc Thêm 2015, “Những cơ sở lý luận về giá trị và việc xây dựng hệ giá trị định hướng cốt lõi”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015: <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 13-32.</p> <p>18. Trần Ngọc Thêm 2015, “Hệ giá trị định hướng cốt lõi Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 157-189.</p> <p>19. Ngô Văn Lê 2015, “Về hệ giá trị truyền thống Việt Nam”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015: <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 206-218</p> <p>20. Phan Thị Thu Hiền 2015, “Tiếp cận văn hóa so sánh và văn hóa đại chúng trong nghiên cứu hệ giá trị (trường hợp văn hóa Hàn Quốc)”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015: <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 57-79</p> <p>21. Phan An 2015, “Tính cộng đồng làng xã như một giá trị Việt Nam và những hệ quả của nó (trường hợp làng xã Nam Bộ)”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 480-493.</p> <p>22. Phan An 2015, “Tìm hiểu giá trị văn hóa của người Việt ở Nam Bộ: Trường hợp người con gái út”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 503-508.</p> <p>23. Nguyễn Thị Tuyết Ngân 2015, “Hiện tượng giả dối trong đời sống người Việt từ góc nhìn giá trị học (qua kết quả cuộc khảo sát năm 2014)”, - In trong sách: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 412-424</p> <p>24. Nguyễn Thị Tuyết Ngân 2015, “Chữ hiếu – giá trị gia đình trong truyền thống văn hóa Việt Nam”, – In trong: <i>Việt Nam học</i>:</p>
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p><i>những phương diện văn hóa truyền thống</i>, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hà Nội 2015, – H.: NXB KHXH, tr. 650-657.</p> <p>25. Trần Ngọc Thêm 2015, “Từ “ngôi” đến “đi” hay từ “ôn định” đến “biến động” trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại” – In trong: <i>Việt Nam học: những phương diện văn hóa truyền thống</i>. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hà Nội 2015, – H.: NXB KHXH, tr. 1183-1190.</p> <p>26. Nguyễn Thị Thuý Vy 2015, “Tính trọng nghĩa – một giá trị đặc trưng của văn hoá người Việt Tây Nam bộ (qua ca dao – dân ca)” - In trong: <i>Việt Nam học: Những phương diện văn hoá truyền thống</i>, NXB Khoa học xã hội. tr. 1278-1283.</p> <p>Bài báo trên sách, tạp chí nước ngoài</p> <p>1. 陈玉添: 越南阴阳哲理的起源及其对越南人性格之影响, (Trần Ngọc Thêm - Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương và ảnh hưởng của nó đối với tính cách người Việt. 大易集思/刘大钧主编. 上海: 上海科学技术文献出版社, 2013, 466-473 页. – In trong: <i>Đại Dịch tập tư</i>, Lưu Đại Quân chủ biên, - Thượng Hải: NXB Khoa học Kỹ thuật Văn hiến Thượng Hải, tr. 466-473) (ISBN 978-7-5439-5853-1)</p> <p>2. Ngô Văn Lệ 2013: Research about indigenous knowledge of ethnic minority peoples in the Central Highland and southern Vietnam - some theoretical issues. <i>Journal of International Culture</i>, Vol. 6-1, p. 53-73.</p> <p>3. Nguyễn Ngọc Thơ 2013, “Khía cạnh tiêu cực của Nho giáo Việt Nam và xã hội đương đại, - In trong: <i>Tuyển tập Nho giáo thế giới 5</i>, Nxb văn hóa nghệ thuật, Trung Quốc.</p> <p>4. Nguyễn Ngọc Thơ 2013, Hallyu and Contemporary Vietnamese culture, <i>Tạp chí Geonji Inmunhak</i>, Đại học Chonbuk, Hàn Quốc.</p> <p>5. Nguyễn Ngọc Thơ 2013: “Nho học và tính cách văn hoá Việt Nam”, In trong: sách <i>China and the World</i>, Vol. 3, NXB KHXH, Trung Quốc.</p> <p>6. Nguyễn Ngọc Thơ 2013, “Triết lý âm dương trong văn hoá Việt Nam”. In trong: <i>Đại Dịch tập tư</i>, Lưu Đại Quân chủ biên, - Thượng Hải: NXB Khoa học Kỹ thuật Văn hiến Thượng Hải, tr. 474-485) (ISBN 978-7-5439-5853-1)</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Thêm • Học hàm/ học vị: GS.TSKH.

		<ul style="list-style-type: none"> • Nơi công tác: Trung tâm Văn hoá học Lý luận và Ứng dụng • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918256422 • Email: ngocthem@gmail.com
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Văn hoá người Việt miền Tây Nam Bộ Mã số B2009-18b-01TD
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn: Những vấn đề xã hội - nhân văn khu vực Nam Bộ giai đoạn 2005-2010
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hoá Tây Nam Bộ, văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử, tính cách người Việt
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>1. Xây dựng một bức tranh tổng quan tương đối đầy đủ và toàn diện về các thành tố của văn hoá người Việt miền Tây Nam Bộ (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử).</p> <p>2. Tìm hiểu các đặc trưng tính cách của văn hoá miền Tây Nam Bộ cùng các hệ quả và hậu quả, các điểm mạnh và điểm yếu của nó trong quá trình đi vào toàn cầu hoá và hội nhập.</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Đề tài nghiên cứu văn hoá Tây Nam Bộ với cách tiếp cận liên ngành, trong đó đóng vai trò chủ đạo là cách tiếp cận văn hoá học.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng: 1. Phương pháp sưu tầm, thu thập thông tin: điều tra định tính và định lượng; 2. Phương pháp cấu trúc - chức năng: các hiện tượng, sự kiện văn hoá miền Tây Nam Bộ được đặt trong các chức năng mà chúng thực hiện để đi tìm các mối liên hệ tạo nên mạng lưới quan hệ nối kết chúng thành một cấu trúc chặt chẽ; 3. Phương pháp hệ thống - loại hình: sử dụng các kỹ thuật so sánh, phân loại, lập bảng, mô hình hoá, lập thuật giải, v.v. đặt đối tượng nghiên cứu trong một hệ thống rộng hơn với loại hình xác định cùng các đặc trưng điển hình để tìm ra những đặc điểm chung và riêng đặc thù của văn hoá Tây Nam Bộ.</p>
	6. Những phát hiện chính	<p>- Xây dựng lý thuyết phân vùng văn hóa; đề xuất quy trình phân vùng văn hóa và các thao tác xử lý vùng giáp ranh. Áp dụng vào thực tiễn, Tây Nam Bộ đã được xác định như một vùng văn hóa riêng biệt với những lập luận và chứng cứ khoa học rõ ràng thông qua việc định vị Tây Nam Bộ trong hệ tọa độ không gian - chủ thể</p> <p>- thời gian, đồng thời cũng là lần đầu tiên xác định được một hệ thống năm tiểu vùng trong vùng văn hóa Tây Nam Bộ.</p> <p>- Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn riêng về tính cách văn hóa</p>

	<p>được trình bày một cách hệ thống, cụ thể và tường minh.</p> <p>- Về bức tranh tổng quan về các thành tố của văn hoá người Việt miền Tây Nam Bộ, trong thành tố văn hóa nhận thức với những chứng cứ thuyết phục từ nhiều lĩnh vực khác nhau, công trình chỉ ra rằng văn hóa của người Việt vùng Tây Nam Bộ đã thể hiện nhận thức dân gian về tính âm dương khá rõ rệt (một cách vô thức).</p> <p>Trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể thì việc tính cộng đồng thôn ấp ở Tây Nam Bộ thấp hơn hẳn so với tính cộng đồng làng xã ở Trung Bộ và Bắc Bộ đã dẫn đến tổ chức gia đình gia tộc ở Tây Nam Bộ có vai trò cao hơn; độ độc lập của con người cá nhân ở Tây Nam Bộ cao hơn ở Trung Bộ và Bắc Bộ.</p> <p>Trong văn hóa tổ chức đời sống cá nhân thì nhận định cho rằng bản sắc của hiện tượng nói lái ở Nam Bộ nằm ở những nét đặc thù về ngữ âm chứ không phải ở các phương thức lái như lâu nay nhiều người nhận xét; lý giải có tính hệ thống về quá trình hình thành cải lương trong mối quan hệ với đờn ca tài tử, ca ra bộ, hát bội và kịch nói; kết luận về việc Tây Nam Bộ âm tính hơn nên thiên về nghệ thuật âm thanh, Đông Nam Bộ dương tính hơn nên thiên về nghệ thuật hình khối v.v. là những đóng góp mới.</p> <p>Đặc biệt, lĩnh vực ứng xử với môi trường tự nhiên đã được trình bày theo một cách thức hoàn toàn mới, nhờ vậy đã góp phần làm sáng tỏ một nội dung quan trọng bậc nhất trong văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ là cách thức con người tận dụng và đối phó với môi trường tự nhiên nơi đây: Văn hóa ứng xử với đất và nước; văn hóa ứng xử với khí hậu, thời tiết; và văn hóa ứng xử với động thực vật.</p> <p>Trong lĩnh vực ứng xử với môi trường xã hội, điều khá rõ là Tây Nam Bộ có phong trào Phật giáo rất mạnh, trong khi Nho giáo thì rất yếu. Nho giáo ở Tây Nam Bộ yếu hơn Nho giáo ở Đông Nam Bộ; đến lượt mình, Nho giáo ở cả miền Nam Bộ yếu hơn so với Trung Bộ và Bắc Bộ.</p> <p>- Tính cách văn hóa của người Việt vùng Tây Nam Bộ được trình bày như một hệ thống gồm sáu đặc trưng cùng các biểu hiện và các hệ quả gồm: Tính sông nước, tính trọng nghĩa, tính bộc trực, tính bao dung, tính thiết thực, tính mở thoáng. Hệ thống tính cách văn hóa người Việt ở Tây Nam Bộ được trình bày trong mối tương quan và liên hệ qua lại với hệ thống ba thành tố văn hoá, cho thấy hai góc nhìn về văn hóa bổ sung cho nhau và giúp cho nhau trở nên rõ ràng và sáng tỏ hơn. Hệ thống sáu đặc trưng tính cách văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ được trình bày trong sự so sánh thường trực với văn hóa Đông Nam Bộ và văn hóa truyền thống ở</p>
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	đồng bằng Bắc Bộ.
7. Các khuyến nghị	<p>- Cái được (giá trị) của Tây Nam Bộ chủ yếu nằm ở dạng tiềm năng. Cơ sở hạ tầng yếu kém, thiếu thốn. Nhiều hoạt động còn mang tính phong trào.</p> <p>- Sự phát triển bền vững của vùng Tây Nam Bộ không chỉ đòi hỏi một tầm nhìn và một sự phối hợp ở quy mô vùng, mà còn đòi hỏi việc tận dụng và khai thác tối đa sức mạnh văn hóa nằm tiềm ẩn trong con người Tây Nam Bộ, cũng như khắc phục và hạn chế những mặt trái trong tính cách người Tây Nam Bộ có thể gây cản trở cho sự phát triển.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	- Hệ thống các thành tố và tính cách văn hóa Tây Nam Bộ trình bày ở đây giúp ta nhìn rõ hơn bản sắc một vùng văn hóa rất quan trọng của đất nước. Nó không chỉ cho phép người Tây Nam Bộ tự hiểu mình mà còn giúp người Tây Nam Bộ và người các vùng miền hiểu rõ nhau, thông cảm với nhau hơn, học hỏi nhau và giúp nhau khắc phục các hạn chế, nhược điểm. Nó có thể giúp cho việc xây dựng chiến lược phát triển và khai thác vùng đất giàu tiềm năng này.
9. Công bố khoa học	<p>Sách chuyên khảo:</p> <p>Trần Ngọc Thêm (cb) và 15 đồng tác giả: <i>Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ</i>, - Tp. HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 2013, 887 tr. Tái bản có bổ sung và sửa chữa 2014, 887 tr.</p> <p>Bài viết:</p> <p>A. In trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học <i>Văn hoá phi vật thể người Việt miền Tây Nam Bộ</i> do Khoa Văn hoá học Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM và Văn phòng Đại diện Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật tại Tp. HCM phối hợp tổ chức, Tp. HCM, ngày 4-12-2010:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Ngọc Thêm 2010, <i>Tính cách văn hóa vùng Tây Nam Bộ trong quan hệ với các hệ thống tính cách văn hóa vùng/ miền Việt Nam</i>, tr. 14-21. 2. ThS. Nguyễn Ngọc Thơ - Nguyễn Phúc Ánh, <i>Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Tây Nam Bộ</i>, tr. 219-235 3. TS. Đinh Thị Dung, <i>Tây Nam Bộ với tư cách là một vùng văn hoá và các tiểu vùng của nó</i>, tr. 7-13. 4. ThS. Trương Thị Lam Hà, <i>Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của người Việt Tây Nam Bộ thông qua không gian cư trú</i>, Tr. 53-58.

		<p>5. ThS. Nguyễn Thị Phương Duyên, <i>Văn hoá tận dụng thời gian của người Việt miền Tây Nam Bộ</i>, tr. 59-66.</p> <p>6. ThS. Trần Phú Huệ Quang, <i>Tính bao dung của người Việt miền Tây Nam Bộ</i>, tr. 67-76.</p> <p>7. ThS. Nguyễn Thị Thúy Vy, <i>Tính trọng nghĩa của người Việt Tây Nam Bộ (qua ca dao, dân ca)</i>, tr. 77-84.</p> <p>7. TS. Trần Long, <i>Hướng nhà Nam Bộ</i>, tr. 98-102.</p> <p>8. TS. Nguyễn Văn Hiệu, <i>Nhân vật Tây Nam Bộ: Trường hợp Trương Vĩnh Ký trong so sánh với Nguyễn Khuyến từ hướng tiếp cận văn minh và so sánh nội văn hoá</i>, Tr. 103-107.</p> <p>9. ThS. Trần Duy Khương, <i>Đại từ xưng hô trong văn hoá giao tiếp của người Việt miền Tây Nam Bộ</i>, tr. 135-141.</p> <p>10. PGS.TS. Phan Thu Hiền, <i>Một số đặc trưng Phật giáo người Việt miền Tây Nam Bộ qua cuộc đời các vị danh tăng</i>, Tr. 191-200.</p> <p>B. Bài đăng tạp chí, sách</p> <p>1. Trần Ngọc Thêm 2006, “Tính cách văn hoá Nam Bộ” – In trong: <i>Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010</i>. – Tp.HCM: NXB ĐHQG Tp.HCM, 2006, tr. 141-148.</p> <p>2. Trần Ngọc Thêm 2009, “Tính cách văn hoá Nam Bộ như một hệ thống” – Trong cuốn <i>Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ thời kỳ cận đại</i>, H.: NXB Thế Giới, 2009, tr. 205-218.</p> <p>3. Nguyễn Thị Thúy Vy 2015, “Tính trọng nghĩa - một giá trị đặc trưng của văn hóa người Việt Tây Nam bộ (qua ca dao, dân ca)”. – In trong: <i>Việt Nam học: Những phương diện văn hóa truyền thống</i>, NXB Khoa học xã hội. tr. 1278-1283.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Thêm • Học hàm/ học vị: GS.TSKH. • Nơi công tác: Trung tâm Văn hoá học Lý luận và Ứng dụng Trường ĐH KHXH và NV - ĐHQG Tp. HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918256422 • Email: ngocthem@gmail.com
3	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống tới hiện đại và con đường đến tương lai

	(Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 2016, 589 tr.) ISBN: 978-604-68-2669-9
2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn: văn hóa học, giá trị học
3. Từ khóa tìm kiếm	Hệ giá trị Việt Nam truyền thống, tính cách người Việt, biến động giá trị, hệ giá trị định hướng
4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất một bộ khung lý luận về giá trị và hệ giá trị thỏa đáng và phù hợp cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ mới (bao gồm các khái niệm, phạm trù; các quy luật, đặc tính; phương pháp luận và các phương pháp, thủ pháp cụ thể...). - Xác định cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ mới (bối cảnh không gian, thời gian, chủ thể; bối cảnh trong nước – trên thế giới...). - Đánh giá thực trạng của hệ giá trị Việt Nam truyền thống, phân tích và lý giải nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển của từng giá trị trong đó và mối quan hệ giữa chúng. - Đánh giá thực trạng của hệ giá trị Việt Nam trong thời điểm hiện nay và những nhân tố đang tác động đến quá trình biến đổi và hình thành hệ giá trị Việt Nam mới. - Xác định hệ quan điểm và hệ tiêu chí xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. - Phác thảo hệ giá trị Việt Nam mới xuất phát từ thực trạng, theo những lý luận, quan điểm và tiêu chí đã xác định. - Đề xuất hệ giải pháp và điều kiện để hiện thực hóa hệ giá trị Việt Nam mới đã phác thảo.
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Cách tiếp cận:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Theo chiều ngang, đề tài sử dụng cách tiếp cận liên ngành, nhìn nhận các giá trị và hệ giá trị trong quan hệ tương tác với đời sống con người và xã hội, trong đó lấy góc độ văn hóa học làm chủ đạo, bổ sung thêm các góc nhìn triết học, nhân học, tâm lý học, xã hội học... b) Theo chiều dọc, đề tài sử dụng cách tiếp cận hệ thống, xem xét các giá trị không theo cách biệt lập mà đặt chúng trong mối liên hệ với nhau và quy định lẫn nhau như một tổng hệ thống. <p>Đến lượt mình, tổng hệ thống giá trị này theo chiều ngang bao gồm một số hệ thống con tương tác với nhau và với môi trường xã hội</p>

		<p>và tự nhiên. Theo chiều dọc, tổng hệ thống giá trị này có cấu trúc tầng bậc với tiểu hệ giá trị bản sắc ở tầng trên, tiểu hệ giá trị cốt lõi ở tầng giữa và các tiểu hệ giá trị phái sinh (thứ cấp) cũng như các hậu quả ở tầng dưới.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:</p> <p>a) Phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác, các quan điểm về văn hoá và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh được vận dụng trong việc phân tích giá trị và đề xuất các biện pháp và điều kiện để xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong điều kiện mới.</p> <p>b) Phương pháp hệ thống - loại hình (với các kỹ thuật phân tích và tổng hợp, kỹ thuật so sánh đối chiếu) là phương pháp định tính, được áp dụng như phương pháp chủ đạo để phối hợp tiếp cận liên ngành nhằm tìm ra những nét chung và riêng, đặc thù cho từng cấp độ, để nhận diện các giá trị và xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong điều kiện mới.</p> <p>c) Các phương pháp thực nghiệm và định lượng như quan sát tham dự trong sinh hoạt cộng đồng, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi, điều tra thực địa bằng phỏng vấn được sử dụng để cung cấp dữ liệu cho phân tích định tính; kiểm định uốn nắn các kết luận thu được bằng phương pháp định tính hệ thống - loại hình.</p>
	<p>6. Những phát hiện chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp và trình bày tóm lược theo chiều lịch đại lịch sử nhận thức và nghiên cứu về giá trị và giá trị học, đồng thời xem xét và phân loại, phân tích các quan niệm về giá trị cũng như các xu hướng định nghĩa khái niệm “giá trị” theo chiều đồng đại; - Xây dựng định nghĩa về khái niệm “giá trị” với bốn tiêu chí cho phép nhận diện: (1) Là tính chất của khách thể (sự vật, hiện tượng, trạng thái, hoạt động, v.v.); (2) Được chủ thể (con người) đánh giá là tích cực; (3) Xét trong quan hệ so sánh với các khách thể khác cùng loại; (4) Được định vị trong một bối cảnh không gian - thời gian cụ thể. Từ đây, xác định và nhận diện một loạt các khái niệm quan trọng có liên quan là: chuẩn và lệch chuẩn, phi giá trị, thang đo giá trị, trị giá, và hệ giá trị. - Góp phần xây dựng lý luận về giá trị văn hóa và hệ giá trị văn hóa: Trong quan hệ giữa giá trị văn hóa và giá trị con người thì giá trị con người không phải là một thành tố độc lập ngang hàng với giá trị văn hóa mà chỉ là một bộ phận của giá trị văn hóa, nằm trong giá trị văn hóa; Giá trị văn hóa có ba ý nghĩa: thể hiện quá trình nhận thức những điều mong muốn của con người; thể hiện cảm xúc theo hướng ủng hộ hoặc chống đối giá trị đó; kích thích

	<p>hành động của con người để nâng cao chất lượng cuộc sống; Từ các cách phân loại giá trị văn hóa, rút ra 7 kiểu cấu trúc của hệ giá trị văn hóa và các loại hình giá trị văn hóa; Hai quy luật cơ bản của giá trị gồm: Quy luật tương tác và đối lập giá trị và quy luật biến động giá trị.</p> <p>- Hệ giá trị Việt Nam truyền thống được giới thiệu tổng quan qua con mắt người nước ngoài, qua con mắt người Việt Nam đến giữa thế kỷ XX và qua con mắt người Việt Nam nửa sau thế kỷ XX. Từ cái nhìn hệ thống - loại hình, hệ giá trị Việt Nam truyền thống được xây dựng với 23 giá trị tập hợp theo năm đặc trưng cơ bản: Tính cộng đồng làng xã, tính trọng âm, tính ưa hài hòa, tính chủ toàn, tính linh hoạt, và hai giá trị tổng hợp là: (1) Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; (2) Lòng nhân ái, thương người.</p> <p>- Những biến động của hệ giá trị Việt Nam truyền thống trong giai đoạn hiện đại được tìm hiểu nguồn gốc và giới thiệu bức tranh khái quát về những nghiên cứu điều tra biến động giá trị ở Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy: Trong nhóm các giá trị phổ biến có sáu giá trị được bảo tồn và phát triển là: Hạnh phúc, Việc làm, Công bằng, Giàu có, Tình nghĩa và Trung thực. Các tệ nạn phát triển mạnh, trong đó nghiêm trọng nhất là nạn tham nhũng; Các tệ nạn tiếp theo là: quan liêu, cửa quyền; hối lộ; bạo hành, cướp giết; cờ bạc, số đề; ma túy; mại dâm. Niềm tin của dân chúng suy giảm nghiêm trọng. Sự biến động giá trị khiến cho những mặt trái của các giá trị truyền thống được dịp bùng phát, tạo nên một hệ thống 30 thói hư tật xấu trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại. Để loại trừ và thay thế các tật xấu này, những người tham gia điều tra đã chọn ra 15 giá trị tinh hoa cần bổ sung và phát triển, kết hợp với các giá trị truyền thống có xu hướng tạo nên bốn đặc trưng mới là: Tính cộng đồng xã hội, Tính hài hòa thiên về dương tính, Tính chủ toàn hiện đại và Tính năng động.</p> <p>- Con đường đi đến hệ giá trị Việt Nam mới phải đem lại hạnh phúc cho con người, hướng đất nước đến phát triển bền vững. Mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi toàn diện của Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế gồm: Nhóm các giá trị phổ biến đang được bảo tồn và phát triển; Nhóm các giá trị truyền thống đang được bảo tồn; và Nhóm các giá trị tinh hoa cần bổ sung và phát huy với tổng số là 35 giá trị. Trong đó chọn ra mười giá trị cấp bách để lập thành hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm chia thành năm nhóm là: (1) Dân chủ và Pháp quyền; (2) Nhân ái và Yêu nước; (3) Trung thực và Bản lĩnh; (4) Trách nhiệm và Hợp tác; (5) Tính khoa học và Sáng tạo. Và đề ra năm nhóm giải pháp chủ yếu cần thực hiện là: nhóm giải pháp về</p>
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	thể chế, nhóm giải pháp tổ chức, nhóm giải pháp giáo dục - tuyên truyền, nhóm giải pháp pháp lý - hành động, và nhóm giải pháp phát triển.
7. Các khuyến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tới các cấp có trách nhiệm đề xuất của đề tài về hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm. - Bước đầu triển khai những đề xuất của đề tài về việc thực hiện năm nhóm giải pháp. - Triển khai đề tài nghiên cứu tiếp theo để cụ thể hóa, chi tiết hóa các nhóm giải pháp, cũng như xây dựng những mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm cho những giai đoạn tiếp theo.
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng lý luận Trung ương tổng hợp, đúc kết đưa vào các văn kiện của Đảng và Nhà nước. - Các bộ, ngành vận dụng xây dựng hệ giá trị cho ngành mình
9. Công bố khoa học	<p>Bài báo trên sách, tạp chí trong nước:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Ngọc Thêm 2013, “Khái luận về văn hóa” – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 9-24. 2. Trần Ngọc Thêm 2013, “Nhận diện văn hóa và văn hóa học”, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 29-42. 3. Trần Ngọc Thêm 2013, “Đề cương về văn hóa Việt Nam” nhìn từ khía cạnh văn hóa học và văn bản học, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 300-308. 4. Trần Ngọc Thêm 2013, “Văn hóa và an ninh con người”, – In trong: <i>Những vấn đề khoa học xã hội & nhân văn: chuyên đề văn hóa học</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM, tr. 525-534. 5. Trần Ngọc Thêm 2013, “Giao lưu văn hóa ở Nam Bộ và vai trò của nó trong sự phát triển văn hóa Việt Nam”, <i>T/c Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM</i>, tập 16, số X1. 6. Trần Ngọc Thêm 2013, “Người Việt Nam ở nước ngoài với việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc”, <i>Tạp chí “Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM”</i>, tập 15, số X2, tr. 19-30. (ISSN 1859-0128) 7. Trần Ngọc Thêm 2013, “Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương”, <i>Tạp chí Triết học</i>, số 1 (260), tr. 32-40. 8. Trần Ngọc Thêm 2014, “Tổng quan những bài học lý luận và

		<p>thực tiễn trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa từ đổi mới đến nay”, In trong: Phùng Hữu Phú và Đinh Xuân Dũng (đồng cb) 2014, <i>Văn hóa – sức mạnh nội sinh phát triển</i>, – H.: NXB CTQG-ST, tr. 26-55. Cũng in trong: Tạp chí “Lý luận và thực tiễn”, số 4-2013 (138), tr. 18-28; số 5-2014 (139), tr. 45-52; Tạp chí “Báo cáo viên” (ISSN 1859-4468), 2014, số 2, tr. 60-64 + số 3, tr. 61-64</p> <p>9. Trần Ngọc Thêm 2014, “Ngôi” và “Đi” hay “Ổn định” và “Biến động” trong hệ giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam qua cứ liệu ngôn ngữ”, <i>Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư</i>, số 6, tr. 4-9</p> <p>10. Trần Ngọc Thêm 2014, “Những biến động trong quan niệm về giá trị của các khu vực văn hoá trên thế giới”, <i>Tạp chí “Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM”</i>, tập 17, số X5, tr. 54- 61.</p> <p>11. Trần Ngọc Thêm 2015, “Cơ sở lý luận về giá trị, giá trị văn hóa cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam mới”, <i>Tạp chí Triết học</i>, số 2, tr. 38-45.</p> <p>12. Trần Ngọc Thêm 2015, “Đề xuất hệ giá trị Việt Nam”, <i>Tạp chí Lý luận và thực tiễn</i>, số 19 (153), tr. 31-37.</p> <p>13. Trần Ngọc Thêm 2015, “Góp bàn về xây dựng mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi”, <i>“Tạp chí Tuyên giáo”</i>, số 5-2015, tr. 56-60.</p> <p>14. Trần Ngọc Thêm 2015, “Hệ giá trị Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014: thực trạng và đề xuất”, <i>Tạp chí “Khoa học công nghệ Việt Nam</i>, tập 1, số 5, tr. 47-54.</p> <p>15. Trần Ngọc Thêm 2015, “Những cơ sở lý luận về giá trị và việc xây dựng hệ giá trị định hướng cốt lõi”, In trong: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 13-32.</p> <p>16. Trần Ngọc Thêm 2015, “Hệ giá trị định hướng cốt lõi Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 201”, In trong: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015: <i>“Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại”</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 157-189.</p> <p>17. Trần Ngọc Thêm 2015, “Từ “ngôi” đến “đi” hay từ “ổn định” đến “biến động” trong hệ giá trị văn hóa việt nam từ truyền thống đến hiện đại”, In trong: <i>Việt Nam học: những phương diện văn hóa truyền thống</i>, – H.: NXB KHXH, tr. 1183-1190.</p> <p>18. Nguyễn Thị Tuyết Ngân 2015, “Hiện tượng giả dối trong đời sống người Việt từ góc nhìn giá trị học” (qua kết quả cuộc khảo sát năm 2014), - In trong: Trần Ngọc Thêm (cb) 2015, <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại</i>, Nxb ĐHQG Tp.HCM, tr. 412-424</p>
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>Bài báo trên sách, tạp chí nước ngoài</p> <p>1. 陈玉添: 越南阴阳哲理的起源及其对越南人性格之影响, (Trần Ngọc Thêm - Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương và ảnh hưởng của nó đối với tính cách người Việt. 大易集思/刘大钧主编. 上海: 上海科学技术文献出版社, 2013, 466-473页. – In trong: <i>Đại Dịch tập tư</i>/ Lưu Đại Quân chủ biên. - Thượng Hải: NXB Khoa học Kỹ thuật Văn hiến Thượng Hải, tr. 466-473) (ISBN 978-7-5439-5853-1)</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Thêm • Học hàm/ học vị: GS.TSKH. • Nơi công tác: Trung tâm Văn hoá học Lý luận và Ứng dụng Trường ĐH KHXH và NV - ĐHQG Tp. HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918256422 • Email: ngocthem@gmail.com
4	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Văn hoá người Việt vùng Tây Nam Bộ (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 15 đồng tác giả. Tp. HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 2013, 2014, 887 tr.)</p> <p>ISBN 978-604-68-0964-7</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn: văn hóa học, Nam Bộ học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hoá Tây Nam Bộ, văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử, tính cách người Việt
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>1. Xây dựng một bức tranh tổng quan tương đối đầy đủ và toàn diện về các thành tố của văn hoá người Việt miền Tây Nam Bộ (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử).</p> <p>2. Tìm hiểu các đặc trưng tính cách của văn hoá miền Tây Nam Bộ cùng các hệ quả và hậu quả, các điểm mạnh và điểm yếu của nó trong quá trình đi vào toàn cầu hoá và hội nhập.</p>
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Văn hoá Tây Nam Bộ được nghiên cứu với cách tiếp cận liên ngành, trong đó đóng vai trò chủ đạo là cách tiếp cận văn hoá học.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng: 1. Phương pháp sưu tầm, thu thập thông tin: điều tra định tính và định lượng; 2. Phương pháp cấu trúc - chức năng: các hiện tượng, sự kiện văn hoá miền Tây Nam Bộ được đặt trong các chức năng mà chúng thực hiện để</p>

		<p>đi tìm các mối liên hệ tạo nên mạng lưới quan hệ nối kết chúng thành một cấu trúc chặt chẽ; 3. Phương pháp hệ thống - loại hình: sử dụng các kỹ thuật so sánh, phân loại, lập bảng, mô hình hoá, lập thuật giải, v.v. đặt đối tượng nghiên cứu trong một hệ thống rộng hơn với loại hình xác định cùng các đặc trưng điển hình để tìm ra những đặc điểm chung và riêng đặc thù của văn hoá Tây Nam Bộ.</p>
	<p>6. Những phát hiện chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lý thuyết phân vùng văn hóa; đề xuất quy trình phân vùng văn hóa và các thao tác xử lý vùng giáp ranh. Áp dụng vào thực tiễn, Tây Nam Bộ đã được xác định như một vùng văn hóa riêng biệt với những lập luận và chứng cứ khoa học rõ ràng thông qua việc định vị Tây Nam Bộ trong hệ tọa độ không gian - chủ thể - thời gian, đồng thời cũng là lần đầu tiên xác định được một hệ thống năm tiểu vùng trong vùng văn hóa Tây Nam Bộ. - Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn riêng về tính cách văn hóa được trình bày một cách hệ thống, cụ thể và tường minh. - Về bức tranh tổng quan về các thành tố của văn hoá người Việt miền Tây Nam Bộ, trong thành tố văn hóa nhận thức với những chứng cứ thuyết phục từ nhiều lĩnh vực khác nhau, công trình chỉ ra rằng văn hóa của người Việt vùng Tây Nam Bộ đã thể hiện nhận thức dân gian về tính âm dương khá rõ rệt (một cách vô thức). <p>Trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể thì việc tính cộng đồng thôn ấp ở Tây Nam Bộ thấp hơn hẳn so với tính cộng đồng làng xã ở Trung Bộ và Bắc Bộ đã dẫn đến tổ chức gia đình gia tộc ở Tây Nam Bộ có vai trò cao hơn; độ độc lập của con người cá nhân ở Tây Nam Bộ cao hơn ở Trung Bộ và Bắc Bộ.</p> <p>Trong văn hóa tổ chức đời sống cá nhân thì nhận định cho rằng bản sắc của hiện tượng nói lái ở Nam Bộ nằm ở những nét đặc thù về ngữ âm chứ không phải ở các phương thức lái như lâu nay nhiều người nhận xét; lý giải có tính hệ thống về quá trình hình thành cải lương trong mối quan hệ với đờn ca tài tử, ca ra bộ, hát bội và kịch nói; kết luận về việc Tây Nam Bộ âm tính hơn nên thiên về nghệ thuật âm thanh, Đông Nam Bộ dương tính hơn nên thiên về nghệ thuật hình khối v.v. là những đóng góp mới.</p> <p>Đặc biệt, lĩnh vực ứng xử với môi trường tự nhiên đã được trình bày theo một cách thức hoàn toàn mới, nhờ vậy đã góp phần làm sáng tỏ một nội dung quan trọng bậc nhất trong văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ là cách thức con người tận dụng và đối phó với môi trường tự nhiên nơi đây: Văn hóa ứng xử với đất và nước; văn hóa ứng xử với khí hậu, thời tiết; và văn hóa ứng xử với động thực vật.</p>

		<p>Trong lĩnh vực ứng xử với môi trường xã hội, điều khá rõ là Tây Nam Bộ có phong trào Phật giáo rất mạnh, trong khi Nho giáo thì rất yếu. Nho giáo ở Tây Nam Bộ yếu hơn Nho giáo ở Đông Nam Bộ; đến lượt mình, Nho giáo ở cả miền Nam Bộ yếu hơn so với Trung Bộ và Bắc Bộ.</p> <p>- Tính cách văn hóa của người Việt vùng Tây Nam Bộ được trình bày như một hệ thống gồm sáu đặc trưng cùng các biểu hiện và các hệ quả gồm: Tính sông nước, tính trọng nghĩa, tính bộc trực, tính bao dung, tính thiết thực, tính mở thoáng. Hệ thống tính cách văn hóa người Việt ở Tây Nam Bộ được trình bày trong mối tương quan và liên hệ qua lại với hệ thống ba thành tố văn hoá, cho thấy hai góc nhìn về văn hóa bổ sung cho nhau và giúp cho nhau trở nên rõ ràng và sáng tỏ hơn. Hệ thống sáu đặc trưng tính cách văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ được trình bày trong sự so sánh thường trực với văn hóa Đông Nam Bộ và văn hóa truyền thống ở đồng bằng Bắc Bộ.</p>
7. Các khuyến nghị		<p>- Cái được (giá trị) của Tây Nam Bộ chủ yếu nằm ở dạng tiềm năng. Cơ sở hạ tầng yếu kém, thiếu thốn. Nhiều hoạt động còn mang tính phong trào.</p> <p>- Sự phát triển bền vững của vùng Tây Nam Bộ không chỉ đòi hỏi một tầm nhìn và một sự phối hợp ở quy mô vùng, mà còn đòi hỏi việc tận dụng và khai thác tối đa sức mạnh văn hóa nằm tiềm ẩn trong con người Tây Nam Bộ, cũng như khắc phục và hạn chế những mặt trái trong tính cách người Tây Nam Bộ có thể gây cản trở cho sự phát triển.</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn		<p>- Hệ thống các thành tố và tính cách văn hóa Tây Nam Bộ trình bày ở đây giúp ta nhìn rõ hơn bản sắc một vùng văn hóa rất quan trọng của đất nước. Nó không chỉ cho phép người Tây Nam Bộ tự hiểu mình mà còn giúp người Tây Nam Bộ và người các vùng miền hiểu rõ nhau, thông cảm với nhau hơn, học hỏi nhau và giúp nhau khắc phục các hạn chế, nhược điểm. Nó có thể giúp cho việc xây dựng chiến lược phát triển và khai thác vùng đất giàu tiềm năng này.</p>
9. Công bố khoa học		<p>Bài viết:</p> <p>A. In trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học “<i>Văn hoá phi vật thể người Việt miền Tây Nam Bộ</i>” do Khoa Văn hoá học Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM và Văn phòng Đại diện Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật tại Tp. HCM phối hợp tổ chức, Tp. HCM, ngày 4-12-2010:</p>

	<p>1. Trần Ngọc Thêm 2010, “Tính cách văn hóa vùng Tây Nam Bộ trong quan hệ với các hệ thống tính cách văn hóa vùng/ miền Việt Nam”, tr. 14-21.</p> <p>2. ThS. Nguyễn Ngọc Thơ - Nguyễn Phúc Ánh, “Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Tây Nam Bộ”, tr. 219-235</p> <p>3. TS. Đinh Thị Dung, “Tây Nam Bộ với tư cách là một vùng văn hoá và các tiểu vùng của nó”, tr. 7-13.</p> <p>4. ThS. Trương Thị Lam Hà, “Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên của người Việt Tây Nam Bộ thông qua không gian cư trú”, Tr. 53-58.</p> <p>5. ThS. Nguyễn Thị Phương Duyên, “Văn hoá tận dụng thời gian của người Việt miền Tây Nam Bộ”, tr. 59-66.</p> <p>6. ThS. Trần Phú Huệ Quang, “Tính bao dung của người Việt miền Tây Nam Bộ”, tr. 67-76.</p> <p>7. ThS. Nguyễn Thị Thúy Vy, “Tính trọng nghĩa của người Việt Tây Nam Bộ” (qua ca dao, dân ca), tr. 77-84.</p> <p>7. TS. Trần Long, “Hương nhà Nam Bộ”, tr. 98-102.</p> <p>8. TS. Nguyễn Văn Hiệu. “Nhân vật Tây Nam Bộ: Trường hợp Trương Vĩnh Ký trong so sánh với Nguyễn Khuyến từ hướng tiếp cận văn minh và so sánh nội văn hoá”, Tr. 103-107.</p> <p>9. ThS. Trần Duy Khương, “Đại từ xưng hô trong văn hoá giao tiếp của người Việt miền Tây Nam Bộ”, tr. 135-141.</p> <p>10. PGS.TS. Phan Thu Hiền, “Một số đặc trưng Phật giáo người Việt miền Tây Nam Bộ qua cuộc đời các vị danh tăng”, Tr. 191-200.</p> <p>B. Bài đăng tạp chí, sách</p> <p>1. Trần Ngọc Thêm 2006, “Tính cách văn hoá Nam Bộ”, – In trong: <i>Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010</i>, – Tp.HCM: NXB ĐHQG Tp.HCM, 2006, tr. 141-148.</p> <p>2. Trần Ngọc Thêm 2009, “Tính cách văn hoá Nam Bộ như một hệ thống”, Trong cuốn <i>Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ thời kỳ cận đại</i>, H.: NXB Thế Giới, 2009, tr. 205-218.</p> <p>3. Nguyễn Thị Thúy Vy 2015. Tính trọng nghĩa - một giá trị đặc trưng của văn hóa người Việt Tây Nam bộ (qua ca dao, dân ca). – In trong <i>Việt Nam học: Những phương diện văn hóa truyền thống</i>, NXB Khoa học xã hội. tr. 1278-1283.</p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Thêm • Học hàm/ học vị: GS.TSKH. • Nơi công tác: Trung tâm Văn hoá học Lý luận và Ứng dụng Trường ĐH KHXH và NV - ĐHQG Tp. HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918256422 • Email: ngocthem@gmail.com
5	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng (Tp. HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 2013, 675 tr.; Tái bản có bổ sung và sửa chữa 2014, 675 tr.)</p> <p>ISBN: 978-604-68-0965-4</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn: Văn hóa học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Văn hóa học lý luận, văn hóa học ứng dụng, văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới, loại hình văn hóa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Những vấn đề lý luận văn hóa học nhìn từ Việt Nam? Phạm vi và đối tượng của văn hóa học ứng dụng? Những vấn đề tiêu biểu của văn hóa Việt Nam và văn hóa Đông Bắc Á?
	5. Phương pháp nghiên cứu	<p>Cách tiếp cận liên ngành, nhìn nhận các hiện tượng văn hóa trong quan hệ tương tác với đời sống con người và xã hội.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu hệ thống - loại hình (với các kỹ thuật phân tích và tổng hợp, kỹ thuật so sánh đối chiếu)phối hợp tiếp cận liên ngành nhằm tìm ra những nét chung và riêng, đặc thù cho từng cấp độ, để nhận diện các giá trị văn hóa).</p>
	6. Những phát hiện chính	<p>I. Những vấn đề văn hóa học lý luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất định nghĩa về văn hóa, danh sách các đặc trưng, chức năng và cấu trúc của văn hóa - Đề xuất cách hiểu về ngôn ngữ của văn hóa và đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ - Xây dựng phương pháp hệ thống - loại hình trong nghiên cứu văn hóa với ba loại hình văn hóa trọng tĩnh, văn hóa trọng động và văn hóa trung gian - Giới thuyết về khái niệm giá trị,tính cách văn hóa và phương pháp nghiên cứu hệ giá trị văn hóa

		<ul style="list-style-type: none"> - Bàn về văn hóa biểu tượng qua trường hợp chữ vạn và bánh xe - Đề xuất, lập luận và chứng minh về nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương - Bàn về văn hóa biển đảo và phương pháp luận nghiên cứu văn hóa biển đảo - Bàn về mối quan hệ giữa nước, văn hóa và hội nhập - Bàn về những vấn đề của khoa học xã hội trong thế giới đương đại từ góc nhìn văn hóa học <p>II. Những vấn đề văn hóa Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam và hệ giá trị văn hóa truyền thống - Tính cách người Hà Nội: quá khứ và hiện tại - Tính cách văn hóa Tây Nam Bộ như một hệ thống - Văn hóa thực vật ở Việt Nam và Đông Nam Á - Âm thực và ẩm thực Việt Nam từ góc nhìn triết lý âm dương - Văn hóa biển đảo ở Việt Nam - Quá trình hòa nhập văn hóa ở Việt Nam trước và sau thống nhất đất nước 1975 người Việt Nam ở nước ngoài với việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc <p>III. Những vấn đề văn hóa thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển của Đông Á từ góc nhìn hệ thống - loại hình văn hóa (so sánh với Việt Nam) - Văn hóa Việt Nam và Korea từ góc nhìn hệ thống - loại hình trong phối cảnh Đông Á - Vai trò của tính cách dân tộc trong tiến trình phát triển ở Hàn Quốc (so sánh với Việt Nam) - Vai trò của chủ nghĩa gia đình ở Korea: từ truyền thống đến hội nhập - huyền thoại lập quốc của Korea và Việt Nam nhìn từ phương pháp hệ thống - loại hình - Quốc hiệu và tên gọi Korea qua các thời đại - Ảnh hưởng Korea và lục địa trong cội nguồn văn hóa Nhật Bản - Cuộc chiến Nhật-Hàn 1592-1598 với hai gương mặt Yi Sun-Sin và Hideyoshi qua lăng kính so sánh văn hóa - Trung Hoa lục địa trong cái nhìn địa văn hóa và quan hệ của nó với Việt Nam và Đài Loan
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>- Vấn đề dân tộc và quốc tế trong văn hóa Trung Hoa nhìn từ chủ nghĩa tam dân và loại hình văn hóa</p> <p>IV. Những vấn đề văn hóa học ứng dụng:</p> <p>- Văn hóa và an ninh con người</p> <p>- Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ cùng văn hóa trong kỷ nguyên toàn cầu hóa</p> <p>- Văn hóa kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân</p> <p>- Văn hóa ứng xử trong các doanh nghiệp Hàn Quốc ở Việt Nam hiện nay</p> <p>- Văn hóa tôn giáo: nhận diện các khái niệm</p> <p>- Văn hóa tiết kiệm (trường hợp Việt Nam)</p> <p>- Văn hóa tình dục và vấn đề “tình dục thoáng” ở Việt Nam</p> <p>- Quan hệ hôn nhân Việt - Hàn từ góc nhìn văn hóa học</p> <p>- Chè và văn hóa trà.</p>
	7. Các khuyến nghị	
	8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>- Tài liệu học tập cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành văn hóa học và các ngành giáp ranh</p> <p>- Tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu các chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn</p>
	9. Công bố khoa học	<p>1. Trần Ngọc Thêm 1993, “Đi tìm ngôn ngữ của văn hóa và đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ”, <i>T/c Khoa học xã hội</i>, số 18, IV-1993, tr. 45-54</p> <p>2. Trần Ngọc Thêm 1995, “Triết lý âm dương và vai trò của nó trong truyền thống văn hóa Việt Nam”, <i>Tạp chí văn hóa – nghệ thuật</i>, số 12, 1995, tr. 18-21.</p> <p>3. Trần Ngọc Thêm 1997, “Một số vấn đề phương pháp luận trong việc đi tìm bản sắc của văn hóa Việt Nam”, - In trong: “TRIẾT” – <i>tập san triết học và tư tưởng</i> (San Jose, USA), số 3&4, 9-1997, tr. 155-162.</p> <p>4. Trần Ngọc Thêm 1998, “Vai trò của nước trong truyền thống văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á”, <i>Tạp chí văn hóa – nghệ thuật</i>, số 8, 1998, tr. 66-72.</p> <p>5. Trần Ngọc Thêm 1998, “Bàn về việc nhận diện tôn giáo, tín ngưỡng, mê tín dị đoan dưới góc độ văn hóa học”, Sách: <i>Tín</i></p>

	<p><i>ngưỡng - mê tín</i>, NXB Thanh niên, 1998, tr. 159-169.</p> <p>6. Trần Ngọc Thêm 1999, “Vai trò của thực vật trong đời sống văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á”, <i>T/c Văn hóa dân gian</i>, số 4 - 1999, tr. 17-28.</p> <p>7. Trần Ngọc Thêm 1999, “Vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam”, <i>Tạp chí khoa học xã hội</i>, số 42, 1999, tr. 24-32.</p> <p>8. Trần Ngọc Thêm 1999, “Nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam”, <i>T/c Khoa học và cộng đồng</i> (Hội KHKT VN tại Nga), số 99, 1999, tr. 14-18.</p> <p>9. Trần Ngọc Thêm 2000, “Khái luận về văn hóa”, Sách: <i>Phác thảo chân dung văn hóa Việt Nam</i>, HN, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 17-36</p> <p>10. Trần Ngọc Thêm 2000, “Văn hóa Việt Nam – từ truyền thống đến hiện đại”, – Trong sách: <i>Văn hóa Việt Nam – truyền thống và hiện đại</i>, NXB Văn hóa, 2000, tr. 14-39.</p> <p>11. Trần Ngọc Thêm 2000, “Quan niệm về ăn và dẫu ấn nông nghiệp trong bữa ăn”, - Trong sách: <i>Văn hóa ẩm thực và các món ăn Việt Nam</i>, NXB Trẻ, 2000, tr. 32-38.</p> <p>12. Tran Ngoc Them 2002: The role of water in forming Vietnamese cultural identity, <i>Modern Vietnam: transitional identities</i>, International Bi-Annual Conference EUROVIET V. ST. Peterburg, 2002. pp. 34-35.</p> <p>13. Trần Ngọc Thêm 2002: “Văn hóa và an ninh con người”, – In trong: Kỷ yếu Hội thảo khoa học <i>Về an ninh con người</i>. – H.: Học viện Quan hệ Quốc tế, 2002. tr. 39-52.</p> <p>14. Trần Ngọc Thêm 2003, “Khoa học và kỹ thuật trong truyền thống văn hóa Korea”, – Trong sách: <i>Mười năm đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc tại Việt Nam</i>, – H.: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 225-240.</p> <p>15. Trần Ngọc Thêm 2003, “Phương thức hành động châu Á và Việt Nam”, – Trong sách: <i>Phương Đông hợp tác và phát triển</i>, – H.: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 114-125.</p> <p>16. Trần Ngọc Thêm 2003, “Ba vật để biểu và thành tố văn hoá lục địa trong giai đoạn hình thành bản sắc văn hoá Nhật Bản”, – Trong sách: <i>Nhật Bản trong thế giới Đông Á và Đông Nam Á</i>, NXB Tp. HCM, 2003, tr. 158-174.</p> <p>17. Trần Ngọc Thêm 2003, “Nước, văn hóa và hội nhập” – Trong sách <i>Khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh hội nhập quốc tế</i>, – Tp. HCM: Trường ĐH KHXH và NV& NXB Tp. Hồ Chí</p>
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>Minh, 2003. Tr. 243-254.</p> <p>18. Trần Ngọc Thêm 2003, “Ảnh hưởng Korea trong buổi đầu nghệ thuật Phật giáo ở Nhật Bản”, – Trong sách <i>Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản</i> (những vấn đề lịch sử và hiện đại), – H.: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 272-285.</p> <p>19. Trần Ngọc Thêm 2003, “Cuộc chiến Nhật - Hàn 1592-1598 với hai gương mặt Hideyoshi và Yi Sun-sin” (một thử nghiệm so sánh văn hoá), Hội thảo quốc tế <i>Kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản</i> tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12-2003.</p> <p>20. Trần Ngọc Thêm 2004, “Vai trò của tính cách dân tộc trong tiến trình phát triển ở Hàn Quốc” (có so sánh với Việt Nam), – In trong <i>T/c Nghiên cứu con người</i>, số 6 (15), 2004, tr. 53-60.</p> <p>21. Trần Ngọc Thêm 2005: Quá trình hoà nhập văn hoá ở Việt Nam trước và sau 1975. – T/c Văn hoá nghệ thuật, số 4 (250), 2005, tr. 11-16.</p> <p>22. Trần Ngọc Thêm 2005, “Trung Hoa từ góc nhìn địa văn hoá”, Hội thảo KH <i>Trung Quốc với vùng văn hoá chữ Hán</i>. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 4-2005, tr. 24-32.</p> <p>23. Trần Ngọc Thêm 2006, “Văn hoá doanh nhân và văn hoá doanh nhân Việt Nam” (so sánh với truyền thống Trung Hoa và phương Tây), In trong <i>tạp chí Văn hoá doanh nhân Việt Nam</i>, số 8 năm 2006, tr. 8-13.</p> <p>24. Trần Ngọc Thêm 2006, “Trung Hoa lục địa trong quan hệ với Việt Nam và Đài Loan từ góc nhìn địa văn hoá”, – In: <i>The promoting of development of Vietnamese - Taiwanese relations</i>. – <i>Chinan University, Taiwan</i>, pp. 11-19.</p> <p>25. Trần Ngọc Thêm 2006, “Vai trò của chủ nghĩa gia đình ở Korea: truyền thống và hội nhập”, – Trong: <i>Văn hoá phương Đông - truyền thống và hội nhập</i>, – H.: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, tr. 335-349.</p> <p>26. Trần Ngọc Thêm 2006: “Tính cách văn hoá Nam Bộ”, – In trong: <i>Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010</i>, – Tp.HCM: NXB ĐHQG Tp.HCM, 2006, tr. 141-148.</p> <p>27. Trần Ngọc Thêm 2007, “Ẩm thực và ẩm thực Việt Nam từ góc nhìn triết lý âm dương”, <i>Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm</i>, tập 3+4, tháng 12-2007, tr. 13-22.</p> <p>28. Trần Ngọc Thêm 2007, “Quốc hiệu Korea qua các thời đại”, –</p>
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>In trong <i>T/c Nghiên cứu Đông Bắc Á</i>, 2010, số 12, tr. 43-50.</p> <p>29. Trần Ngọc Thêm 2009, “Tính cách văn hoá Nam Bộ như một hệ thống”, – Trong cuốn <i>Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ thời kỳ cận đại</i>, H.: NXB Thế Giới, 2009, tr. 205-218.</p> <p>30. Trần Ngọc Thêm 2008, “Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu văn hoá và con người”, – In trong: <i>Thông tin văn hoá và phát triển</i>, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, số 16, 6-2008, tr. 11-18.</p> <p>31. Trần Ngọc Thêm 2008, “Văn hoá doanh nhân và văn hoá doanh nhân Việt Nam”, – In trong: Trung tâm VHDNVN, Lê Lựu (cb). <i>Văn hoá doanh nhân: lý luận và thực tiễn</i>, – H.: NXB Hội nhà văn, 2008, tr. 317-323.</p> <p>32. Tran Ngoc Them 2009, Culture and Security of Human beings. – In: <i>Journal of International Culture</i>, The International Institute, Chosun University, Gwangju, Korea (ISSN 2005-3444), vol.2.1, 2009, pp. 229-248.</p> <p>33. Trần Ngọc Thêm 2009, “Sự phát triển của Đông Á từ góc nhìn hệ thống loại hình văn hoá” (so sánh với Việt Nam), – In trong: <i>Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc</i>, số 3, tr. 10-23.</p> <p>34. 陳玉添 2010: 從系統-類型學方法上看東北亞文化特徵。 – 「東亞的思想與文化- 以越南為核心」國際學術研討會回執。 – 國立成功大學, 台灣, 台灣, 139-146. (Trần Ngọc Thêm 2010: “Đặc trưng văn hoá Đông Bắc Á nhìn từ phương pháp hệ thống - loại hình”, <i>Tư tưởng và văn hóa Khu vực Đông Á - điểm nhìn từ Việt Nam</i>, Đại học Quốc gia Thành Công, Đài Nam, Đài Loan, tr. 139-146).</p> <p>35. Trần Ngọc Thêm 2011, “Văn hóa biển đảo ở Khánh Hòa – cái nhìn Nha Trang 2011” (báo cáo đề dẫn), – In trong: <i>Văn hóa biển đảo ở Khánh Hòa</i>, Nha Trang, UBND Tỉnh Khánh Hòa, 2012, tr. 15-46.</p> <p>36. 陈玉添 2011: 「关于阴阳哲理的起源及其对越南人性格之影响」, 早期易学的形成与嬗变国际学术研讨会论文集》, 中国易学会与山东大学古代哲学研究中心于2011年在山东大学合作举办, 第, 650-658 页。(Tran Ngoc Them 2011: The origin of Vietnamese Yin Yang Philosophy. – In: International Conference on the Early Formation and Evolution of Yi-ology. – Shantung University, 10-13/10/2011, pp. 650-658).</p> <p>37. Trần Ngọc Thêm 2012, “Những vấn đề của khoa học xã hội</p>
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>trong thế giới đương đại”, – In trong: <i>Khoa học xã hội thời hội nhập</i> (Social Sciences in the Era of Intergration). - NXB ĐHQG Tp. HCM, tr. 3-15.</p> <p>38. Trần Ngọc Thêm 2012, “Huyền thoại lập quốc của Korea nhìn từ phương pháp hệ thống - loại hình”, <i>Tạp chí Hàn Quốc</i>, số 1, tr. 7-14.</p> <p>39. Trần Ngọc Thêm 2013, “Người Việt Nam ở nước ngoài với việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc”, <i>T/c Phát triển Khoa học & Công nghệ</i> - ĐHQG-HCM, tập 15, số X2, tr. 19-30.</p> <p>40. Trần Ngọc Thêm 2013, “Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương”, <i>T/c Triết học</i>, số 1 (260), tr. 32-40.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Trần Ngọc Thêm • Học hàm/ học vị: GS.TSKH. • Nơi công tác: Trung tâm Văn hoá học Lý luận và Ứng dụng Trường ĐH KHXH và NV - ĐHQG Tp. HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918256422 • Email: ngocthem@gmail.com
1	1. Tên sách/ kỷ yếu/ toạ đàm	<p>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại (Trần Ngọc Thêm chủ biên 2015: Kỷ yếu hội thảo về đề tài hệ giá trị. – Tp.HCM: NXB ĐHQG Tp.HCM, 527 tr.)</p> <p>ISBN 978-604-73-3049-2</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Khoa học xã hội và nhân văn
	3. Từ khóa tìm kiếm	Giá trị Việt Nam, văn hóa truyền thống, hiện đại, tính cách con người, biến động giá trị
	4. Số lượng bài viết và tác giả/ diễn giả	<p>Tổng số bài viết: 35</p> <p>Tổng số tác giả: 35. Trong đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là CB - GV trong Trường: 10 - Tác giả là CB- GV ngoài Trường: 25
	5. Mục lục, NXB, năm XB	<p>- Mục lục:</p> <p>Lời tựa 5</p> <p>PHẦN I: GIÁ TRỊ HỌC VÀ HỆ GIÁ TRỊ TRONG CÁC NỀN</p>

	<p>VĂN HÓA</p> <p>Trần Ngọc Thêm. Những cơ sở lý luận về giá trị và việc xây dựng hệ giá trị định hướng cốt lõi 11</p> <p>Trần Quốc Toàn. Các trụ cột chủ yếu để xây dựng hệ giá trị và phát triển văn hóa trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế 33</p> <p>PhanThị Thu Hiền. Tiếp cận văn hóa so sánh và văn hóa đại chúng trong nghiên cứu hệ giá trị (trường hợp văn hóa Hàn Quốc) 57</p> <p>Trần Duy Khương. Giá trị và phân giá trị trong quan hệ với các chiều kích văn hóa 80</p> <p>Đỗ Thu Hà. Giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình chuyển đổi hệ giá trị ở Ấn Độ trong thời đại toàn cầu hóa và những gợi ý cho Việt Nam 95</p> <p>Trần Phú Huệ Quang. Ứng xử với giá trị truyền thống trong thời cận hiện đại ở Trung Quốc: trường hợp Nho gia 133</p> <p>Nguyễn Thị Bích Phượng. Bước đầu tìm hiểu những biến động trong hệ giá trị Đức 144</p> <p>PHẦN II: HỆ GIÁ TRỊ VIỆT NAM TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI</p> <p>Trần Ngọc Thêm. Hệ giá trị định hướng cốt lõi Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014 155</p> <p>Hồ Sĩ Quý. Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam 190</p> <p>Ngô Văn Lê. Về hệ giá trị truyền thống Việt Nam 206</p> <p>Dương Phú Hiệp. Quan niệm về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại 219</p> <p>Lương Đình Hải. Xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế: Góp thêm vài ý kiến nhỏ 230</p> <p>Nguyễn Duy Bắc. Kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc trong giai đoạn hiện nay 246</p> <p>Mai Hải Oanh. Nghĩ về hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ mở cửa và hội nhập 263</p> <p>Phạm Quang Long. Vấn đề con người Việt Nam hiện nay nhìn từ các văn kiện quan trọng của Đảng 280</p> <p>Nguyễn Thanh Tú. Xây dựng lý tưởng, niềm tin trong hệ giá trị con người Việt Nam hôm nay 297</p>
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>Nguyễn Hữu Nguyên. Phác thảo hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại 313</p> <p>Hà Thị Thuỳ Dương. Bàn thêm về các giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của Việt Nam 320</p> <p>Phan Thị Hà. Một số suy nghĩ về hệ giá trị của người Việt Nam 333</p> <p>Huỳnh Quốc Thắng - Huỳnh Tuấn Kiệt. Giá trị Việt Nam nhìn từ nội lực của bản lĩnh dân tộc (qua một số tác phẩm của GS. Trần Văn Giàu) 345</p> <p>Nguyễn Văn Hiệu. Tiếp cận hệ giá trị văn hóa Việt Nam: Trường hợp Trần Văn Giàu với công trình “Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam” 355</p> <p>Bùi Thị Phương Thuỳ. Những nhân tố tác động đến quá trình biến đổi và hình thành hệ giá trị Việt Nam mới 364</p> <p>Cao Thị Sính. Sự biến đổi của lối sống tiểu nông ở Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 374</p> <p>Đình Ngọc Thạch. Hiện tượng “lệch chuẩn” và ứng xử văn hóa của người Việt trong điều kiện hiện nay 400</p> <p>Nguyễn Thị Tuyết Ngân. Hiện tượng giả dối trong đời sống người Việt từ góc nhìn giá trị học (qua kết quả cuộc khảo sát năm 2014) 412</p> <p>Lê Thị Hồng Quyên. Khủng hoảng thị hiếu thẩm mỹ – một biểu hiện của khủng hoảng hệ giá trị dân tộc 425</p> <p>PHẦN III: HỆ GIÁ TRỊ VIỆT NAM TRÊN CÁC BÌNH DIỆN VÀ Ở CÁC VÙNG MIỀN</p> <p>Lê Thị Hồng Hải. Hệ giá trị gia đình Việt Nam hiện nay: sự tiếp nối và biến đổi (qua một cuộc khảo sát) 436</p> <p>Nguyễn Thị Thuý Hằng - Nguyễn Đức Dũng. Giáo dục giá trị đạo đức Phật giáo trong gia đình ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay 451</p> <p>Dương Thị Thu Hà. Văn hóa Thiên tông trong hệ giá trị Việt Nam hiện nay 464</p> <p>Phan An. Tính cộng đồng làng xã như một giá trị Việt Nam và những hệ quả của nó (trường hợp làng xã Nam Bộ) 480</p> <p>Đình Thị Dung. Hệ giá trị văn hóa Nam Bộ từ góc nhìn lịch sử 494</p> <p>Phan An. Tìm hiểu giá trị văn hóa của người Việt ở Nam Bộ:</p>
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>Trường hợp người con gái út 503</p> <p>Phú Văn Hãn. Giá trị văn hóa Chăm khu vực Nam Bộ 509</p> <p>Trần Văn Thận. Sự biến đổi của giá trị văn hóa trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 517</p> <p>- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia TP. HCM</p> <p>- Năm xuất bản: 2015</p>
6. Các chủ đề chính	<p>- Giá trị học và hệ giá trị trong các nền văn hóa</p> <p>- Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại</p> <p>- Hệ giá trị Việt Nam trên các bình diện và ở các vùng miền</p>
7. Các khuyến nghị (nếu có)	
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Kỷ yếu hội thảo phục vụ đề tài cấp nhà nước “Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” Mã số KX.04.15/11-15</p>
9. Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Trung tâm Văn hóa học Lý luận và ứng dụng Trường ĐH KHXH và NV - ĐHQG Tp. HCM • Trưởng đơn vị: GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm • Email: ngocthem@gmail.com

PHÒNG CHỨC NĂNG		
Phòng Khảo thí & Đảm bảo Chất lượng		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đánh giá chất lượng ngân hàng đề thi trắc nghiệm khách quan môn Nhân học đại cương bằng lý thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại Mã số nhiệm vụ: T2015-04
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	kiểm tra đánh giá kết quả học tập
	3. Từ khóa tìm kiếm	trắc nghiệm khách quan, ngân hàng câu hỏi, kiểm tra đánh giá, kết quả học tập
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	Nghiên cứu này (1) mô tả các cơ sở lý thuyết về khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại cho việc đánh giá chất lượng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và trình bày cái nhìn tổng quan về phương pháp trắc nghiệm bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử hình thành, ưu và nhược điểm, các bước xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, công thức đánh giá chất lượng câu hỏi thi..., (2) vận dụng lý thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại vào việc phân tích, đánh giá chất lượng ngân hàng đề thi trắc nghiệm môn Nhân học đại cương dựa trên mô hình RASCH và phần mềm QUEST và (3) đề xuất một số giải pháp, hướng đến việc áp dụng tối ưu phương pháp đánh giá này tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.
	5. Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp chính được sử dụng trong đề tài là phương pháp nghiên cứu định lượng, phân tích thống kê số liệu bằng mô hình RASCH và phần mềm MS EXCEL, SPSS, QUEST, kết hợp giữa lý thuyết khảo thí cổ điển và lý thuyết khảo thí hiện đại.
	6. Những phát hiện chính	Do đây là đề thi đánh giá kết thúc môn học nên việc lựa chọn và sử dụng nhiều câu hỏi dễ, phù hợp với mục tiêu môn học là hoàn toàn có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, nếu đây là kỳ thi có mục đích phân hạng cao thấp về năng lực của thí sinh thì đây là đề thi trung bình do khó phân biệt được các nhóm thí sinh khá, giỏi. Ưu điểm: - Chất lượng đề thi tương đối tốt; - Đa số câu hỏi phù hợp với năng lực của thí sinh; - Đề thi có độ tin cậy cao;

	<p>- Độ phân biệt của đề thi chấp nhận được;</p> <p>- Các câu hỏi trong đề thi có độ phù hợp cao, phù hợp với mô hình RASCH.</p> <p>Hạn chế:</p> <p>- Có 3 câu hỏi thi có hiện tượng nhằm đáp án, trường hợp này cần đặc biệt lưu ý để rút kinh nghiệm cho công tác soạn câu hỏi thi;</p> <p>- Đề thi có nhiều câu hỏi dễ so với năng lực trung bình của SV và thiếu những câu hỏi khó để đánh giá SV có năng lực cao (là những SV có mức năng lực từ 2.31 trở lên theo thang Logistic);</p> <p>- Câu C29 cần được loại bỏ do ngoại lai (100% SV trả lời đúng câu này);</p> <p>- Một số câu có phương án, mỗi nhữ không cao và có những phương án thiên về đánh lừa thí sinh.</p> <p>Trong quá trình soạn câu hỏi trắc nghiệm và tổ hợp lại thành đề thi, hay xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, cần lưu ý đến chất lượng phương án mỗi nhữ: nếu chất lượng mỗi nhữ không đảm bảo sẽ tăng khả năng thí sinh đoán mò hoặc dùng phương pháp loại trừ; do đó, chất lượng câu hỏi thi không đảm bảo sẽ không đánh giá chính xác được năng lực người học.</p>
<p>7. Các khuyến nghị</p>	<p>- Thứ nhất, nâng cao nhận thức về việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho GV và cả SV: chỉ đạo cho GV các bộ môn tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hơn nữa bằng việc kết hợp linh hoạt các phương pháp trong từng học phần, căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình để thúc đẩy việc tự học và nghiên cứu của SV nhằm nâng cao năng lực của SV;</p> <p>- Thứ hai, tạo điều kiện cho GV học tập và nghiên cứu sâu lý thuyết đo lường và đánh giá nói chung, lý thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại nói riêng, và phương pháp biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan (TNKQ), xây dựng ma trận đề thi, giúp cho đội ngũ GV có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để đảm nhận lĩnh vực khoa học mới này; ngoài ra, cũng cần bồi dưỡng cho GV về tin học, ngoại ngữ và việc sử dụng trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc xử lý và phân tích kết quả thi, để kết quả đánh giá có tác dụng với việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chung của Nhà trường;</p> <p>- Thứ ba, Nhà trường nên đầu tư hơn nữa cho GV xây dựng ngân hàng câu hỏi TNKQ, thử nghiệm các đề thi TNKQ một cách nghiêm túc và khoa học; công khai hóa quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập cùng với việc nâng cao chất lượng các phương pháp</p>

	<p>thi truyền thông để hạn chế, tiến tới chấm dứt việc gian lận trong thi cử;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ tư, bên cạnh việc tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn về kiểm tra đánh giá kết quả học tập giúp cho GV nhận biết và hiểu rõ những kiến thức, công thức cơ bản nhất để có thể tự phân tích, đánh giá chất lượng bài thi qua lý thuyết khảo thí cổ điển, Nhà trường cần đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, phần mềm chuyên dụng có bản quyền cho việc thiết kế ma trận đề thi, phân tích, đánh giá chất lượng ngân hàng đề thi TNKQ dựa trên lý thuyết khảo thí hiện đại cho đơn vị chuyên trách là Phòng KT&ĐBCL; qua đó, sau mỗi đợt thi kết thúc học phần, Phòng KT&ĐBCL sẽ xử lý dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng và trích xuất kết quả, dữ liệu để cung cấp, thông báo kết quả cho GV ra đề thi những câu hỏi thi có vấn đề cần được chỉnh sửa, điều chỉnh. Điều này sẽ giúp cho Nhà trường tránh lãng phí nhân sự, thời gian, công sức phải tính toán, phân tích dữ liệu thi thủ công như hiện nay; - Thứ năm, Nhà trường cần có chủ trương, quan điểm rõ ràng ở cấp Trường/ cấp Khoa về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi/ câu hỏi thi trắc nghiệm; chính thức tuyên truyền cho GV và các đối tượng liên quan về tầm quan trọng và lợi ích của việc xây dựng ngân hàng đề thi chung cho toàn Trường; và xây dựng cơ chế quản lý việc sử dụng ngân hàng đề thi/ câu hỏi thi trắc nghiệm.
<p>8. Khả năng ứng dụng thực tiễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm cơ sở cho việc xây dựng, triển khai kế hoạch và đánh giá chất lượng ngân hàng đề thi các môn đại cương theo kế hoạch chiến lược chung về đảm bảo chất lượng tại Phòng KT&ĐBCL nói riêng, tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM nói chung; - Giúp lãnh đạo trường và các đơn vị có đào tạo hiểu được tầm quan trọng của công tác đo lường và đánh giá trong giáo dục, qua đó hiểu rõ thực trạng của việc xây dựng câu hỏi thi/ngân hàng đề thi tại Trường và các đơn vị để từ đó đưa ra các chính sách hỗ trợ, biện pháp thúc đẩy, động viên và/hoặc áp dụng cơ chế quản lý phù hợp hơn nhằm tăng hiệu quả của việc kiểm tra, đánh giá chất lượng câu hỏi thi/đề thi, góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá, cũng như nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường; - Làm tài liệu tham khảo cho GV và SV nâng cao kiến thức hiểu biết chuyên sâu về đo lường, kiểm tra, đánh giá chất lượng câu hỏi thi/đề thi trắc nghiệm khách quan; - Làm tài liệu tham khảo cho học viên và SV chuyên ngành Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục và định hướng cho việc tìm đề tài nghiên cứu khoa học hoặc xác định đề tài cho khoá luận, luận văn và luận án về các vấn đề có liên quan

		đến đề tài.
	9. Công bố khoa học	<p>Sản phẩm là 03 bài viết:</p> <p>1. Võ Công Danh, Bùi Ngọc Quang (2016), “Xây dựng và đánh giá câu hỏi trắc nghiệm khách quan”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp</i>, số 23, tháng 12/2016, trang 16-21, ISSN 0866-7675.</p> <p>2. Bùi Ngọc Quang (2016), “Đánh giá chất lượng ngân hàng đề thi trắc nghiệm khách quan môn Nhân học đại cương bằng mô hình RASCH và phần mềm QUEST”, <i>Kỷ yếu Hội thảo Đảm bảo chất lượng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>, trang 107-121, tháng 6/2016.</p> <p>3. Võ Công Danh, Bùi Ngọc Quang (2014), “Xây dựng và đánh giá ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan”, <i>Kỷ yếu Hội thảo Đảm bảo chất lượng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>, trang 132-140, tháng 6/2014.</p>
	10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Bùi Ngọc Quang • Học hàm/ học vị: Thạc sĩ • Nơi công tác: Phòng KT&ĐBCL, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0985966956 • Email: ngocquang.info@gmail.com
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	<p>Tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá chất lượng trong công tác quản lý chất lượng giáo dục tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM trong xu thế hội nhập</p> <p>Mã số nhiệm vụ: T2012</p>
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	văn hóa chất lượng giáo dục đại học
	3. Từ khóa tìm kiếm	văn hóa chất lượng, giáo dục đại học, quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng, toàn cầu hóa
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<p>- Tìm hiểu thực trạng của quá trình xây dựng văn hóa chất lượng trong công tác quản lý chất lượng giáo dục tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM;</p> <p>- Tìm hiểu một số yếu tố cơ bản, điển hình có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến việc xây dựng văn hóa chất lượng tại Trường</p>

	<p>ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM;</p> <p>- Đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm xây dựng và nâng cao văn hóa chất lượng</p>
5. Phương pháp nghiên cứu	<p>- Định lượng (phiếu khảo sát)</p> <p>- Định tính (phỏng vấn sâu)</p> <p>- Toạ đàm (với các Tổ ĐBCL)</p>
6. Những phát hiện chính	<p>- Nhận thức khá cao về tầm quan trọng của văn hóa chất lượng, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhưng chưa có hiểu biết đủ sâu rộng về các yêu cầu chất lượng đối với các công việc liên quan đến dạy - học, NCKH đáp ứng yêu cầu xã hội, phục vụ người học - đồng nghiệp và phối hợp trong các công tác này;</p> <p>- Chưa chủ động thường xuyên tham gia vào các hoạt động đánh giá, cải tiến và nâng cao chất lượng</p> <p>- Bên cạnh các yếu tố tích cực là các tác động tiêu cực đến việc xây dựng văn hóa chất lượng gồm các yếu tố chủ quan và khách quan (hiểu biết, thói quen, nguồn lực, cơ chế, hướng dẫn...)</p>
7. Các khuyến nghị	<p>- Việc xây dựng văn hóa chất lượng chỉ có thể hiệu quả khi (1) mọi người có ý thức cao về tầm quan trọng của văn hóa chất lượng với quan điểm liên tục cải tiến (2) mọi người có hiểu biết về các yêu cầu chất lượng và (3) các đơn vị và nhà trường tích cực hỗ trợ tạo môi trường và điều kiện để phát triển văn hóa chất lượng qua các cơ chế chính sách phù hợp với sự đồng lòng của mọi người hướng về mục tiêu chung và quyết tâm, cam kết của lãnh đạo.</p> <p>- Do đó, cần đầu tư nguồn lực và cam kết mạnh hơn nữa, học hỏi nhiều hơn về ĐBCL, xây dựng thói quen làm việc theo PDCA.... đồng bộ hơn</p>
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<p>Áp dụng trong quản lý chất lượng ở mọi cấp trong ĐHQG-HCM và các trường thành viên ở mọi cấp</p>
9. Công bố khoa học	<p>Sản phẩm là 14 bài viết:</p> <p>1. Nguyen Duy Mong Ha (2017), “Developing quality culture at Vietnam National University of Ho Chi Minh City through the IQA system”, <i>International Journal of Education and Research</i>, Volume 5, Number 5, 2014, p.p. 243-260, ISSN 2411-5681.</p> <p>2. Nguyễn Duy Mộng Hà, Bùi Ngọc Quang, Trần Thị Nga (2016), “Phát triển năng lực cán bộ chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng trong nhà trường đại học Việt Nam thời đại toàn cầu hóa”,</p>

	<p><i>Tạp chí Quản lý giáo dục</i>, số 11/2016, trang 220-226, ISSN 1859-2910.</p> <p>3. Nguyen Duy Mong Ha, Bui Ngoc Quang, Tran Thi Nga (2016), “Developing competencies for quality assurance staff in the Vietnamese higher education in globalization era”. <i>International Conference Proceedings on Developing Professional Competency for Teachers and Educational Managers: Vietnam and Global Trends</i>, September 2016, Hanoi, Vietnam, p.p. 610-621.</p> <p>4. Nguyen Duy Mong Ha (2015), “Multicultural education in the Vietnamese higher education in globalization era”, <i>International Journal of Education and Research</i>, Volume 3, Number 4, p.p. 75-80, ISSN 2411-5681.</p> <p>5. Nguyễn Duy Mộng Hà, Bùi Ngọc Quang (2015), “Thực trạng xây dựng văn hóa chất lượng tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM”, <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>, số X5/2015, trang 132-139, ISSN 1859 – 0128.</p> <p>6. Nguyen Duy Mong Ha (2015), “Improving multicultural competence through programs for international students and exchanges at USSH, VNU-HCM”, <i>International Conference Proceedings on Quality in Higher Education: Global Perspectives and Best Practices</i>, July 30-31, SEAMEO RETRAC, p.p. 181-</p> <p>7. Nguyễn Duy Mộng Hà, Trần Thị Nga, Bùi Ngọc Quang (2015). “Xây dựng, phát triển các hoạt động đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM”. <i>Kỷ yếu Hội nghị Chất lượng giáo dục ĐHQG-HCM lần thứ IV</i>, tháng 12 năm 2015, trang 55-62.</p> <p>8. Nguyễn Duy Mộng Hà, Trần Thị Nga, Bùi Ngọc Quang (2015). “Nhìn lại gần 10 năm phát triển hoạt động đảm bảo chất lượng tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM”, <i>Kỷ yếu Hội nghị chất lượng lần III</i>, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, tháng 10 năm 2015, trang 125-136.</p> <p>9. Nguyễn Duy Mộng Hà (2015), “Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường đại học, một yếu tố quan trọng góp phần xây dựng văn hóa chất lượng”, <i>Bản tin Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM</i>, số 22, trang 8-14.</p> <p>10. Nguyễn Duy Mộng Hà (2014), “Bổ sung năng lực đa văn hóa và học tập suốt đời cho các chương trình đào tạo giáo viên thời đại hội nhập”, <i>Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Việt Nam</i>, tháng 12 năm 2014, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM, trang 55-62.</p>
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>11. Nguyễn Duy Mộng Hà (2014), “Một số gợi mở cho hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình và hoạt động giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức đại cương”, <i>Kỷ yếu Hội thảo Đảm bảo chất lượng Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>, tháng 6/2016, trang 20-28.</p> <p>12. Nguyen Duy Mong Ha, Bui Ngoc Quang (2014). “Factors Influencing the Process of Developing Quality Culture at the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University - Ho Chi Minh City”. <i>Asian Journal of Humanities and Social Sciences</i>, Volume 2, Issue-4, November, 2014, p.p. 1-8, ISSN 2320 – 9720.</p> <p>13. Nguyễn Duy Mộng Hà, Bùi Ngọc Quang (2014), “Văn hóa chất lượng trong nhà trường đại học”, được xuất bản trong sách chuyên khảo <i>Giáo dục và phát triển</i>, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, trang 29-41, ISBN 978-604-73-2946-5.</p> <p>14. Nguyễn Duy Mộng Hà, Bùi Ngọc Quang (2013). “Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng văn hóa chất lượng tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG - HCM”, <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế và Hội nghị bàn tròn của mạng lưới đảm bảo chất lượng các nước Đông Nam Á (AQAN) về Xây dựng văn hóa chất lượng và Khung trình độ quốc gia</i>, do AQAN và Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT phối hợp tổ chức tại TP.HCM, trang 128-135.</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Nguyễn Duy Mộng Hà • Học hàm/ học vị: Tiến sĩ • Nơi công tác: Phòng KT&ĐBCL, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, Tp.HCM • Số điện thoại: 0919694811 • Email: ndmongha@hcmussh.edu.vn

PHÒNG CHỨC NĂNG		
Phòng Hợp tác Quốc tế và Phát triển Dự án Quốc tế		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Hợp tác Nghiên cứu Nhật Bản giữa Việt Nam – Hoa Kỳ – Nhật Bản
	2. Đơn vị hợp tác	Đơn vị tài trợ: Japan Foundation Đơn vị phối hợp: Đại học Findlay, Hoa Kỳ
	3. Thời gian thực hiện	2016-2019
	4. Lĩnh vực nghiên cứu/hợp tác	Tất cả các nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến Nhật Bản. Chủ đề chính: Hội nhập, cùng phát triển, co-existence,
	5. Xếp loại (nếu có)	
	6. Nội dung nghiên cứu/hợp tác	Dự án nhằm phát triển ngành Nhật Bản học ở USSH và ĐH Findlay qua việc (1) thúc đẩy NCKH và xuất bản ấn phẩm NCKH bằng tiếng Anh, (2) tạo điều kiện cho các giảng viên, nghiên cứu viên của 2 bên trao đổi nghiên cứu và tổ chức hoạt động học thuật tại USSH và ĐH Findlay, (3) tổ chức nghiên cứu với các đối tác Nhật Bản tại Nhật.
	7. Đánh giá chung tính hiệu quả	
	8. Sản phẩm của nhiệm vụ KHCN	
	9. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: PHÒNG HTQT-PTDAQT • Trưởng đơn vị: ThS. Bàn Anh Tuấn • Email: tuanbang@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Xây dựng khả năng áp dụng học tập phục vụ vào giảng dạy và học tập cho giảng viên và sinh viên ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
	2. Đơn vị hợp tác	Rosa Luxemburg Stiftung, Đức
	3. Thời gian thực hiện	01/02/2014 – 30/10/2014
	4. Lĩnh vực nghiên cứu/hợp tác	Công tác xã hội
	5. Xếp loại (nếu có)	
	6. Nội dung nghiên cứu	Dự án nhằm huấn luyện và hỗ trợ các khoa và sinh viên thực hiện

<p>cứu/hợp tác</p>	<p>kinh nghiệm học tập phục vụ cộng đồng như là một phần của việc dạy và học, phát triển và mở rộng kết nối cộng đồng và hoạt động phục vụ dựa vào cộng đồng. Các hoạt động chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức chương trình tập huấn – hội thảo nhằm giới thiệu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về phương pháp học tập phục vụ cộng đồng và đưa phương pháp này vào nội dung chương trình đào tạo, bước đầu cải tiến chương trình giảng dạy có tích hợp phương pháp 2. Hỗ trợ hai khoa Xã hội học và Công tác xã hội hoàn thiện các môn học đã tích hợp phương pháp học tập phục vụ cộng đồng trong thực tế 3. Xây dựng trang web học tập phục vụ cộng đồng của trường để giảng viên tham gia thu thập thêm kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong việc ứng dụng phương pháp này vào giảng dạy
<p>7. Đánh giá chung tính hiệu quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoa và sinh viên của khoa Xã hội học và Công tác Xã hội sử dụng đề cương tích hợp cải tiến phát triển cho đào tạo học tập phục vụ. • Thông tin chia sẻ giữa giảng viên và sinh viên từ trang web trong nỗ lực giúp đỡ giảng viên và sinh viên hiểu được tầm quan trọng của học tập phục vụ. • Tăng cường nhận thức của chính quyền địa phương và cộng đồng về tầm quan trọng của việc phối hợp các cơ quan học thuật.
<p>8. Sản phẩm của nhiệm vụ KHCN</p>	<p>- Hội thảo Định hướng về phương pháp học tập phục vụ cộng đồng tổ chức trong hai ngày 14 và 15-5-2014</p> <p>- Khóa huấn luyện về học tập phục vụ cho giảng viên / sinh viên</p> <p>- Xây dựng 01 trang web để chia sẻ thông tin hoạt động học tập phục vụ cộng đồng</p> <p>- Chương trình đào tạo của hai khoa Xã hội học và Công tác xã hội được cải thiện, có tích hợp phương pháp học tập phục vụ cộng đồng</p>
<p>9. Liên lạc</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: PHÒNG HTQT-PTDAQT • Trưởng đơn vị: ThS. Bàn Anh Tuấn • Email: tuanbang@hcmussh.edu.vn

PHÒNG CHỨC NĂNG		
Phòng Quản lý Khoa học - Dự án		
Stt	Các đề mục	Nội dung
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Làng nghề truyền thống Quảng Trị: Thực trạng và phát triển (Đề tài cấp Trường 2015)
	2. Lĩnh vực nghiên cứu	Xã hội học, Nhân học
	3. Từ khóa tìm kiếm	Làng nghề, truyền thống, phát triển, thủ công, dòng họ
	4. Câu hỏi nghiên cứu hoặc Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Sự ra đời của các làng nghề thủ công truyền thống do bối cảnh văn hóa xã hội của nông dân trong bối từng giai đoạn cụ thể; quá trình phát triển đó có sự tác động của văn hóa, kinh tế, lịch sử xã hội đến đời sống của người nông dân tại các làng nghề. - Sự phân chia các làng nghề và nghề truyền thống Quảng Trị do các yếu tố tự nhiên, trong đó tác động của môi trường ở tiểu vùng văn hóa Trung bộ; điều kiện chọn lọc tự nhiên đã làm cho các làng nghề tồn tại và phát triển. - Sự hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống tác động đến đời sống kinh tế - văn hóa tinh thần người dân tại các làng nghề truyền thống là kết quả tất yếu quá trình phát triển. - Sự lựa chọn nghề và chuyển đổi nghề thủ công truyền thống tạo nên sự ổn định sản xuất, phát triển ra thị trường là yếu tố quyết định sự tồn tại của các làng nghề thủ công truyền thống hiện nay. - Sự hình thành và phát triển của các làng nghề thủ công truyền thống phát triển nhờ các vào vốn xã hội, mạng lưới xã hội hỗ trợ, tạo nên cuộc sống ổn định của người dân tại các làng nghề thủ công truyền thống Quảng Trị.
	5. Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận bối cảnh văn hóa và sinh kế - Phương pháp nghiên cứu định lượng
	6. Những phát hiện chính	<ul style="list-style-type: none"> - Làng nghề truyền thống phát triển theo điều kiện tự nhiên vốn có của làng - Nghề và làng nghề truyền thống có thu nhập và tác động đến đời sống của người dân tại các làng nghề. - Các dòng họ tại các làng nghề có tác động tích cực đến sự phát

	<p>triển của làng nghề, thúc đẩy, duy trì các nghề truyền thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duy trì sản xuất và bán hàng trên mối quan hệ chữ tín. - Lấy công làm lời và duy trì chất lượng - Muốn thúc đẩy nghề phát triển hơn và duy trì nghề truyền thống
7. Các khuyến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Cần mở rộng thị trường tiêu thụ: - Xúc tiến thương mại - Xây dựng thương hiệu làng nghề - Xây dựng thị trường - Đa dạng hóa sản phẩm - Đào tạo nguồn nhân lực - Tiếp cận vốn - Ứng dụng công nghệ vào sản xuất - Bảo vệ môi trường - Qui hoạch và hỗ trợ làng nghề - Phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch - Phát huy vai trò của hiệp hội nghề và làng nghề
8. Khả năng ứng dụng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai nâng cao chất lượng, xác định vai trò, vị trí và qui mô của nghề và làng nghề nhằm có các chính sách hỗ trợ thích hợp nhằm phát triển làng nghề truyền thống trong thời gian đến - Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề, phát triển thị trường là yếu tố cần thiết cho làng nghề phát triển - Đánh giá cao vai trò của dòng họ trong phát triển làng nghề truyền thống
9. Công bố khoa học	<p>1. Bùi Việt Thành, Phạm Bích Ngọc (2014), <i>Làng nghề truyền thống Quảng Trị: Khởi nguồn và phát triển, Làng nghề & Phát triển du lịch</i>, Nxb. ĐHQG-HCM, tr.530.</p> <p>2. Bùi Việt Thành (2017), Vai trò dòng họ trong việc phát triển làng nghề thủ công truyền thống tại Quảng Trị, <i>Tạp chí PTKH&CN - Khoa học xã hội và Nhân văn</i>, 3/2017</p>
10. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Họ tên: Bùi Việt Thành • Học hàm/ học vị: Thạc sỹ • Nơi công tác: P. QLKH-DA

		<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.HCM • Số điện thoại: 0918389781 • Email: buivietthanh@hcmussh.edu.vn
1	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội trong nhà trường phổ thông tỉnh Đồng Tháp
	2. Đơn vị hợp tác	Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Tháp
	3. Thời gian thực hiện	2014-2016
	4. Lĩnh vực nghiên cứu/hợp tác	Phương pháp giáo dục
	5. Nội dung nghiên cứu/hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn KHXH: Văn – tiếng Việt, GDCD, Lịch sử, Địa lý. - Hỗ trợ bổ sung nội dung giảng dạy các môn KHXH: thao giảng, tham quan tìm hiểu thực tế.
	6. Đánh giá chung tính hiệu quả	<p>Các giáo viên THCS và THPT thông qua các nội dung chương trình của kế hoạch đã được:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Cung cấp phương pháp luận giảng dạy các môn KHXH trong thời đại mới; (2) Cung cấp các phương pháp cụ thể dùng trong giảng dạy các môn KHXH hiện nay; (3) Xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với các phương pháp giảng dạy mới.
	7. Sản phẩm của nhiệm vụ KHCN	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ học liệu và bộ giáo án tham khảo - Phương pháp luận và bộ phương pháp cụ thể - Bộ tiêu chí đánh giá học tập
	8. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn vị: Phòng Quản lý Khoa học – Dự án • Trưởng đơn vị: TS. Trần Anh Tiến • Email: trantien@hcmussh.edu.vn
2	1. Tên nhiệm vụ KHCN	Vệ sinh, đo vẽ kiến trúc gốc và chụp không ảnh (Thuộc hạng mục: Bảo tồn một số hạng mục trong thương xá Tax – Giai đoạn 1)
	2. Đơn vị hợp tác	Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên (SATRA – Tax plaza)
	3. Thời gian thực hiện	2015
	4. Lĩnh vực nghiên cứu/hợp tác	Bảo tồn di sản văn hóa – lịch sử
	5. Nội dung nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Đo vẽ kiến trúc gốc của cầu thang tòa nhà Thương xá TAX; - Làm sạch bề mặt gạch mosaic toàn bộ khu vực hiện trạng và khu

cứu/hợp tác	vực mới phát hiện trong tòa nhà Thương xá TAX; - Vẽ nguyên bản chi tiết toàn bộ gạch mosaic cần bảo tồn theo tỷ lệ 1:1; ghi chú, đánh dấu ký hiệu để lưu trữ, thi công bóc tách và gắn lại ở vị trí thiết kế mới; - Chụp không ảnh chi tiết gạch mosaic, cầu thang cần bảo tồn.
6. Đánh giá chung tính hiệu quả	Phối hợp cùng đơn vị chủ quản công trình góp phần bảo tồn di tích lịch sử thành phố đang trong tình trạng xuống cấp.
7. Sản phẩm của nhiệm vụ KHCN	Bộ hồ sơ đo vẽ, ảnh chụp; phương pháp lưu trữ, đo vẽ, bóc tách và lắp đặt lại vị trí mới.
8. Liên lạc	<ul style="list-style-type: none">• Đơn vị: Phòng Quản lý Khoa học – Dự án• Trưởng đơn vị: TS. Trần Anh Tiến• Email: trantien@hcmussh.edu.vn

PHỤ LỤC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN BIÊN SOẠN
MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐHQG-HCM GIAI ĐOẠN 2011-2016**

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Vai trò
Ban chỉ đạo			
1.	Võ Văn Sen	GS.TS., Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu	Trưởng ban
Ban Biên soạn và Biên tập			
2.	Ngô Thị Phương Lan	PGS.TS., Phó Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu	Trưởng ban
3.	Nguyễn Ngọc Thơ	PGS.TS., Trưởng phòng QLKH-DA	Phó Trưởng ban
4.	Trần Anh Tiến	TS., Phó Trưởng phòng QLKH-DA	Ủy viên
5.	Nguyễn Hoàng Yến	TS., Phó Trưởng phòng QLKH-DA	Ủy viên
6.	Huỳnh Văn Thông	TS., Trưởng khoa Báo chí và Truyền thông	Ủy viên
7.	Phạm Gia Trân	TS., Trưởng khoa Địa lý	Ủy viên
8.	Hồ Minh Quang	TS., Trưởng khoa Đông phương học	Ủy viên
9.	Hoàng Mai Khanh	TS., Trưởng khoa Giáo dục	Ủy viên
10.	Nguyễn Ngọc Dung	PGS.TS., Trưởng khoa Lịch sử	Ủy viên
11.	Huỳnh Ngọc Thu	PGS.TS., Trưởng khoa Nhân học	Ủy viên
12.	Nguyễn Thành Trung	TS., Q. Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Ủy viên
13.	Lê Hoàng Dũng	TS., Trưởng khoa Ngữ văn Anh	Ủy viên
14.	Lê Xuân Giao	TS., Trưởng khoa Ngữ văn Đức	Ủy viên
15.	Bùi Mỹ Hạnh	TS., Trưởng khoa Ngữ văn Nga	Ủy viên
16.	Nguyễn Bạch Quỳnh Chi	TS., Trưởng khoa Ngữ văn Pháp	Ủy viên
17.	Nguyễn Đình Phúc	PGS.TS., Trưởng khoa Ngữ văn Trung Quốc	Ủy viên
18.	Nguyễn Hồng Sinh	PGS.TS., Trưởng khoa Thư viện- Thông tin học	Ủy viên
19.	Nguyễn Anh Quốc	TS., Trưởng khoa Triết học	Ủy viên
20.	Nguyễn Văn Hiệu	TS., Trưởng khoa Văn hóa học	Ủy viên
21.	Lê Giang	PGS.TS., Trưởng khoa Văn học và Ngôn ngữ	Ủy viên
22.	Lê Khắc Cường	PGS.TS., Trưởng khoa Việt Nam học	Ủy viên
23.	Nguyễn Thị Hồng Xoan	PGS.TS., Trưởng khoa Xã hội học	Ủy viên
24.	Đỗ Hạnh Nga	PGS.TS., Trưởng khoa Công tác xã hội	Ủy viên
25.	Trương Hoàng Trương	TS., Trưởng khoa Đô thị học	Ủy viên

26.	Ngô Xuân Điệp	TS., Trưởng khoa Tâm lý học	Ủy viên
27.	Nguyễn Tiến Lực	PGS.TS., Trưởng khoa Nhật bản học	Ủy viên
28.	Phan Thị Thu Hiền	GS.TS., Trưởng khoa Hàn Quốc học	Ủy viên
29.	Dương Văn Hiền	ThS., Trưởng Bộ môn Giáo dục thể chất	Ủy viên
30.	Ngô Thanh Loan	TS., Trưởng Bộ môn Du lịch	Ủy viên
31.	Đỗ Văn Học	TS., Q. Trưởng Bộ môn Lưu trữ và QTVP	Ủy viên
32.	Trần Cao Bội Ngọc	TS., Trưởng Bộ môn Ngữ văn Tây Ban Nha	Ủy viên
33.	Trương Văn Vỹ	PGS.TS., Trưởng Bộ môn Ngữ văn Ý	Ủy viên
Bộ phận hỗ trợ			
34.	Nguyễn Thị Lệ Hằng	ThS., Chuyên viên phòng QLKH-DA	Ủy viên
35.	Bùi Việt Thành	ThS., Chuyên viên phòng QLKH-DA	Ủy viên
36.	Phạm Bích Ngọc	CN., Chuyên viên phòng QLKH-DA	Ủy viên
37.	Cao Thanh Tâm	ThS., Chuyên viên phòng QLKH-DA	Ủy viên
38.	Vũ Anh Thu	CN., Chuyên viên phòng QLKH-DA	Ủy viên

(Danh sách gồm có 38 người)